

HOÀI ANH

ĐƯỢC LÀ DỪA

TUYÊN TRUYỀN
ĐOẠT GIẢI
VĂN HỌC THIẾU NHI CỦA
HỘI NHÀ VĂN
VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

ĐUỐC LÁ DỪA

Tác giả: **Hoài Anh**

Thể loại: **Tiểu thuyết**

Nhà xuất bản: **Trẻ**

T
rời tờ mờ sáng. Trong màn sương trắng đục hiện rõ dần một đoàn tàu chiến Lang-Sa^{ti} tiến dần vào sông Bến Nghé. Những thiết giáp hạm lớn với nhiều lớp buồm chằng chịt dây neo, cột buồm đầu tàu treo cờ ba sắc, thân tàu sơn nhiều màu để những chữ Phê-giê-tông, A-lác-mơ, Pri- mô-ghê và A-va-lăng-xơ, tiếp đến những tàu hơi chân vịt La Đa-ron-nơ, En Ca-nô, Prê-giăng... Hơi sương lơ mờ quyện với làn khói đen đặc nhả từ đầu ống khói thấp lè tè làm nhòa một góc trời.

Tới trước bến Thành, cả đoàn tàu dừng lại. Bỗng trên chiến hạm Phê-giê-tông nhốn nháo, một đám đông sĩ quan mũ lưỡi trai thêu kim tuyến, áo trắng khuy vàng đứng xúm xít quanh tên chỉ huy đội mũ ba sừng, nhưng phục xanh lá mạ, đeo ngù vai, đi ghệt, bên sườn đeo một thanh kiếm ngắn. Đó là tên đô đốc Ri-gô đờ Giơ-nui-i. Ri-gô đưa ống nhòm lên. Qua lớp kính, thành Gia Định hiện ra, chỉ cách bờ sông khoảng tám trăm thước, bốn mặt đều đặt trọng pháo. Thành xây đá ong, vuông vức, nhưng khuất sau một dốc đất lớn nên từ ngoài sông nhìn vào chỉ thấy cửa thành và cột cờ nhô ra cao vượt rặng cây và những dãy nhà cửa, vườn tược chạy dọc bờ sông. Ri-gô hạ ống nhòm quay lại thì thầm với một người đội mũ ba cạnh, áo dài đen, đó là viên thừa sai Lơ-phép-vơ thông thạo địa dư, chữ Nho và tiếng Việt làm hướng đạo cho hắn.

Bỗng hiệu cờ Đô đốc được kéo lên đỉnh cột buồm tàu Phê-giê-tông. Một hồi kèn vang lên the thé. Chiếc A-lác-mơ dẫn đầu hai chiến hạm Pri-mô-ghê và A-va-lăng-xơ, vượt qua chiếc Phê-giê-tông. Những lính thủy đội mũ vải có dải, áo cổ bẻ trắng sọc xanh biển lúi cả xuống, rồi những pháo thủ áo dạ lính dài chấm gối, vai đeo cuộn chăn, quần nẹp đỏ, giày xăng đá hùng hổ chạy lên. Tàu chiến dàn hai hàng, hàng trăm khẩu đại bác đều chĩa nòng vào thành.

Nghe tin cấp báo, quan hộ đốc Gia Định Võ Duy Ninh lật đặt trèo lên vọng lầu nhìn xuống đã thấy từ các tàu giặc, đại bác tập trung bắn vào thành, mỗi lúc một dữ dội. Võ Duy Ninh vội truyền lệnh cho quân sĩ bắn trả.

Được tin mấy bữa trước Lang-Sa đem một số quân hùng hậu đánh phá Vũng Tàu và cửa Cần Giờ, Võ Duy Ninh một mặt báo về Huế việc đó, một mặt thông tư đi các tỉnh lấy thêm quân tăng cường cho Gia Định. Nhưng quân các tỉnh chưa về kịp thì giặc đã nổ súng. Vì thiếu chuẩn bị, nên quân ta đối phó rất lúng túng. Đại bác ta bắn phần nhiều rớt ra ngoài đích, chỉ trúng cột buồm, không bắn chìm được tàu địch. Trái lại địch đóng vai chủ động, tha hồ ngắm kỹ các mục tiêu, đạn của chúng phá hủy được rất nhiều cơ sở quan trọng của ta trong thành.

Hỏa lực của giặc mỗi lúc mạnh thêm thì bên ta mỗi lúc yếu dần. Chẳng bao lâu, súng trong thành im bật, riêng pháo đài phía Nam còn tiếp tục. Tuy vậy trọn một ngày đầu giao chiến, giặc vẫn chưa hiểu lực lượng ta ra sao nên chưa dám hãm thành. Nhưng hôm sau, nhờ sự do thám của tên Giô-rê-ghi-be-ry và sự chỉ dẫn của tên Lơ-phép-vơ, Ri-gô nắm vững được tình thế Gia Định.

Rạng ngày hôm sau, Ri-gô để một số quân giữ tàu còn bao nhiêu cho đổ bộ hết. Cánh bên trái gồm hai đạo thủy quân lục chiến và những đại đội của tàu Phê-giê-tông, Pri-mô-ghê và En-ca- nô đánh vào mặt Nam là nơi bên ta bố trí nhiều đại bác vì gần bến tàu nhất. Tên đại úy Ga-li-ma và toán công binh đi theo cánh quân này để nổ mìn các cửa thành, mở lối tiến quân. Một đội lính Y Pha Nho do tên trung tá Pa-lăng-ca chỉ huy cũng được cử làm lực lượng dự bị cho cánh quân này.

Cánh bên phải do tên đại tá Lăng-da-rốt-tơ chỉ huy gồm đơn vị còn lại lính Y Pha Nho và nửa tiểu đoàn lính thủy phải xuống bộ tiến vào chân thành cửa Bắc, phía rạch Thị Nghè.

Một tiểu đoàn còn lại để dự bị ở bờ sông do tên trung tá Rây-bô chỉ huy.

Cùng một lúc, súng đồng từ trên tàu và ô-buy của các toán đổ bộ bắn rất rát. Thành Gia Định mù mịt dưới làn mưa đạn, nhiều chỗ bị sụp đổ.

Một tiểu đội cảm tử do tên thiếu tá Đờ Pa-li-rơ chỉ huy liền kéo đến pháo đài và bắn vào đó dữ dội. Giặc nhân những chỗ thành bị phá, cố đặt thang leo lên. Chúng vượt được mặt thành, hò reo ầm ĩ: Hoàng đế vạn tuế^{2*}.

Võ Duy Ninh đứng trên mặt thành đích thân chỉ huy cuộc kháng cự, hò hét ba quân một cách tuyệt vọng.

Quân ta phản công mạnh vào cánh phải của địch tiến dọc theo rạch Thị Nghè. Nhờ có lực lượng tiếp viện đông, giặc đã đẩy quân ta về phía bên kia rạch.

Thủy quân lục chiến Lang-Sa mở được cửa thành, theo lệnh của tên thiếu tá BỜ-rét-xanh, đoàn này liên lạc với đội quân tiên phong tiến vào hồi mười giờ sáng. Thấy tình hình nguy ngập, Võ Duy Ninh ra lệnh rút quân, bỏ lại trong thành hai trăm súng đại bác bằng đồng, bằng gang, hai mươi ngàn súng tay, giáo, gươm, tám mươi lăm tấn thuốc súng và một số lúa gạo đủ nuôi hàng vạn quân trong cả năm, chín chiến thuyền đã và đang đóng ở ụ đóng tàu trên rạch Thị Nghè. Tính tất cả theo thời giá là hai mươi triệu quan.

Bước vào xưởng thủy quân trong thành là nơi đặt tổng hành dinh, Ri-gô thầm nghĩ: chủ trương đem quân đánh úp Gia Định trong lúc người Việt không phòng bị là rất đúng. Lần trước Ri-gô đem tàu chiến đánh cửa Đà Nẵng đã từng bị Nguyễn Tri Phương đem quân bao vây đánh tã, tiêu diệt được khá nhiều lính Lang-Sa, đến nỗi suốt năm tháng giao tranh, Ri-gô không dám kéo quân lên đánh kinh đô Huế và đành lủi thủi rút tàn quân về. Trong bản tường trình gửi về chính quốc, Ri-gô đã bắt buộc phải nói lên một phần sự thật: “Chính phủ bị lừa về bản chất của cuộc đi lấy nước Nam Kỳ, người ta trình bày rằng cuộc viễn chinh này chỉ là một việc dễ dàng thôi, nhỏ bé thôi! Thật ra nó không dễ, cũng không nhỏ... Người ta mật báo rằng quân đội Việt Nam không có gì, sự thật thì quân chính quy rất đông, còn dân quân thì gồm tất cả những người dân nào không đau ốm và không tàn tật”.

Nhìn lá cờ ba sắc bay phấp phới trên nóc cột cờ, Ri-gô xoa tay đắc ý. Phải chăng ngôi sao chiếu mệnh của y đã bắt đầu sáng tỏ từ trên bầu trời thành Gia Định này?

Nghe tiếng súng Tây nổ dữ dội phía thành, bà Tú Chiếu hốt hải từ chợ Cầu Kho chạy về, nói với ông Tú:

- Ông ơi, chợ đang đông thì có tin Tây nó đánh thành, thế là ở chợ, người ta dẫm lên nhau mà chạy, quang gánh thúng mủng đổ tung toé cả. Bây giờ già trẻ lớn bé đang bồng bế, dắt dìu nhau chạy loạn, còn nhà ta thì ông tính thế nào?

Ông Tú Chiếu ngẫm nghĩ một hồi:

- Nhà hãy cho sắp nhỏ chạy về quê ngoại bên Cần Giuộc để tạm tránh tên bay đạn lạc đi đã...

- Thế còn ông?

Đôi mắt đục lờ của ông Tú như nhìn về xa xăm:

- Còn tôi thì phải ở lại cùng trai tráng chặn giặc. Lúc đất nước nguy vong mà trốn tránh nghĩa vụ, bỏ đi nơi khác yên thân, sao cho phải!

Bà Tú nằn nì:

- Giá như người ta mắt sáng thì không nói làm gì, đằng này ông...

Lời ông Tú vang lên rần rỏi như át cả tiếng súng vẫn nổ rền từng chập:

- Tôi mắt kém thật nhưng sức vẫn còn mạnh, có ở lại cũng không sao. Hồng mắt nhưng còn miêng, vẫn có thể đóng dả bà con đứng lên chống giặc. Nhà cứ yên tâm mà đi không phải lo chi hết. Đã có bọn học trò lớn tuổi chăm nom săn sóc tôi là đủ rồi. Nhà và sắp nhỏ mới cần tạm lánh chớ!

Bà Tú kiên quyết:

- Nếu ông không đi thì tôi cũng nhất quyết ở lại đây, có chết thì cũng chết chớ không đi đâu hết!

Ông Tú ôn tồn:

- Nhà nên nhớ là nhà đang mang bầu, ở lại rủi tiếng súng đạn làm kinh động đến thai nhi! Ý tôi đã quyết rồi! Nhà phải nghe tôi một chút chớ!

Bà Tú ngồi xếp xuống ván, không chịu đi. Ông Tú khuyên.

- Nhà còn có trách nhiệm lớn trong việc nuôi dạy các con nên người, không phải vì một lúc vụng suy mà tính chuyện liều lĩnh được. Cứ thu xếp cho các con đi trước, tôi ở lại ít bữa coi tình thế ra sao rồi sẽ sang bên ấy với nhà và các con.

Bà Tú gạt nước mắt:

- Nếu vậy tôi đi trước, sang tới bến tôi sẽ cậy anh Hai tới rước ông cùng sang luôn.

Bà Tú đưa các con đi rồi, ông Tú sai học trò dẫn đi thăm những người tai mắt trong vùng hỏi thăm tin tức. Ông được biết khi chiến thuyền nhỏ của giặc vào con rạch từ Xóm Chiếu đi Xóm Củi, chúng nhổ cọc, phá cản rồi đem quân vào chiếm đóng chùa Cây Mai, tại Gia Định, chúng lập

đồn ở gần sông. Chiếm xong Trường Thi,, chúng lập một phòng tuyến ngoại vi từ chùa Khải Tường gần Trường Thi vào tới chùa Cây Mai, đền Hiến Trung ở Chợ Đũi và chùa Chợ Rẫy. Giặc vừa chiếm chùa Chợ Rẫy thì một ngàn quân ta do Đinh Bình Tâm cầm đầu xung phong đánh địch suốt đêm mông ba rặng mùng bốn tháng bảy. Những người chí sĩ như Trần Thiện Chính trước là tri huyện bị triều đình cách chức và Lê Huy trước là quan võ bị thải hồi, tụ họp dân cũng được ngót sáu ngàn người, vận động bà con góp tiền, góp gạo cương quyết đánh giặc. Nhờ đạo nghĩa quân này yểm hộ mà Đề đốc Trần Trí đã an toàn rút quân về ụ Tây Thái. Dân chúng đã tự động đứng lên chống giặc, trong khi đó thì các quan lớn như Bố chánh Vũ Thục, Lãnh binh Tôn Thất Năng bỏ thành chạy dài. Hộ đốc Võ Duy Ninh chạy vào huyện Phước Lộc thất cổ ở thôn Phước Lý, An sát Lê Từ cũng tự vẫn ở đó...

Chúng kiến một chuỗi tự sát của những bầy tôi bất lực của triều đình bất lực, Tú Chiếu ngậm ngùi:

- Thiệt là mĩa mai! Bầy tôi chỉ biết lấy cái chết để chuộc tội với vua, mà không thấy trách nhiệm với dân với nước. Trong khi đó những người dân thường không được hưởng lộc vua, thì lại biết đem thân ra giữ nước! Nghe nói trong triều lúc này chỉ có quan kinh lược Nguyễn Tri Phương là người khá, không hiểu ngài có phương cách gì cứu nguy cho đất nước không?

*

Tiếng pháo giao thừa nổ lẹt đẹt như chiếu lệ rồi dứt quãng, thỉnh thoảng lại dội lên vài tiếng lạch tạch lạch lỗng. Năm nay vì quân Lang-Sa đang đóng trong thành Gia Định, nên mùa xuân chừng như cũng ngại ngần không muốn bước sang.

Ánh bạch lạp lấp lánh trên những đồ lộ bộ^{3*} rọi leo lét trên mặt án, trải rộng tờ sắc chỉ màu vàng lợt nổi hàng chữ son phê của vua Tự Đức: “Khanh cứ cố thủ, chờ giặc mệt mỏi tất phải giảng hòa. Đừng nên khinh động e sinh nhiều chuyện”.

Những dòng chữ bỗng như nhạt nhòa rồi chập chờn nhẩy múa trước đôi mắt già của quan Tổng thống quân vụ Nguyễn Tri Phương. Cố thủ! Thì lúc nào ông chẳng lo thủ, nhưng thủ là để chờ cơ hội chiến, chứ không phải là hòa.

Được cử vào Gia Định, việc đầu tiên của ông là củng cố lại đồn lũy cũ của Tham tán quân vụ Tôn Thất Hiệp dựng lên sau khi thành mất. Ngoài đồn Tiền, đồn Tả, đồn Hữu do Tôn Thất Hiệp lập ở phần đất làng Phú Thọ, ông Nguyễn còn xây dựng cả một hệ thống Đại đồn, đắp lũy đất dày cỡ bảy thước rưỡi ta, cao cỡ bảy thước ta, ngang hơn hai trăm trượng, dài bảy trăm năm mươi trượng từ Chí Hòa xuống Bình Thới, từ Chí Hòa xuống khỏi Phú Nhuận, án ngữ phía tây thành Gia Định. Đồn tiền duyên cách các đồn mới Lang-Sa từ hai trăm năm mươi đến bốn trăm năm mươi trượng, để tránh nỗi nguy hiểm của đại bác từ tàu giặc bắn vào. Doanh trại lớn, nơi ông Nguyễn trú đóng, gọi là đồn Trung, lại có xây thêm đồn Tả Hậu, Hữu Hậu. Trong đồn chia làm năm khu, khu này ngăn cách với khu kia bằng đường đất, vách đá có cửa, phòng địch vào tới nơi này thì nơi kia vẫn giao chiến được. Mặt Đông Bắc tức mặt tiền cách đồn giặc tám dặm, thì chắc hơn là mặt hậu, phía Tây Nam.

Từ Đại đồn xuống, hướng về vị trí đồn Cây Mai của địch, ông cho đào đắp một dải chiến hào, chiến lũy và xây đồn trại làm chỗ dựa. Lại một dải chiến hào, chiến lũy khác đi từ Đại đồn hướng về phía sông Thị Nghè, nơi tàu chiến giặc đậu.

Cách Đại đồn gần tám trăm trượng về phía đằng sau thì có đồn Thuận Kiều là nơi chứa quân lương, quân dụng trên con đường đi Hốc Môn, Tây Ninh.

Bên cạnh những pháo đài kiên cố ấy còn có những đường hầm dài hơn hai mươi dặm, pháo đài nào, hầm lũy ấy, đủ binh lính canh phòng, đủ chỗ ẩn nấp cho họ. Thành lũy của Nguyễn Tri Phương dựng mau như nắm mọc, hễ chỗ nào có một lối đi là có ngay một chiến lũy ngăn cản. Chỗ nào quân ông đến thì thành lũy liền sẵn sàng để quân ông núp bắn. Muốn cắt đứt đường giao thông của Lang-Sa, ông không quên những điểm then chốt trên các đường đi Cao Miên, về Huế, sang Định Tường và dọc theo sông Đồng Nai,

Mới chiều nay, Nguyễn Tri Phương cùng viên tùy tướng Trần Nhượng cưỡi ngựa đi thị sát chung quanh khu vực trung tâm của Đại đồn trên phần đất làng Chí Hòa. Dọc theo lũy, rải rác nhiều chòi trông xa cất cheo leo trên ngọn cây cổ thụ giống như những tổ chim đại bàng. Vách thành làm bằng đất sét và đá ong, cao chín thước ta, dày năm thước ta, có lỗ châu mai nằm khít nhau để nã súng đại bác, ném đá hoặc phóng các chất

dẫn hỏa. Đại bác nhiều cỡ lớn nhỏ, súng bắn đá, súng trường lớn được đặt ở đây. Ngoài vách thành có rào tre nhọn, chướng ngại vật treo ngang dọc, từng bụi gai bao trùm tất cả bề dài các bức tường, những cây tre được gài khéo léo để khi cần có thể bật thẳng vào quân địch. Nào hố chữ phẩm cắm chông tre, nào ụ đất, nào hào đầy nước, những cạm bẫy đó rải hàng mấy trăm thước từ chân thành trở ra. Nhìn cảnh tượng hùng vĩ trước mắt, Nguyễn Tri Phương hứng khởi nói với Trần Nhưộng:

- Người nhìn coi, hình thế Đại đồn có phải giống như cái thân của một lực sĩ mà hai dải chiến hào như hai cánh tay dang ra ôm lấy Sài Gòn hay không? Với cái thế này, thừa sức hất giặc đổ xuống sông Bến Nghé.

Lúc này, ông đang tính toán một nước cờ quyết định. Vì biết quân Lang-Sa phải chia một số binh lực sang hợp sức với quân Hồng Mao^{4*} đánh nhau với nhà Thanh, ông Nguyễn đã dâng sớ xin vua cho đánh dốc một trận, quét sạch quân Lang-Sa trong các đồn Cây Mai, chùa Kiến Khương, đền Hiển Trung. Nhưng Tự Đức chần chừ không chịu quyết, cuối cùng ban lệnh cho ông không được đánh, phải cố thủ để chờ dịp điều đình.

Nguyễn Tri Phương thở dài. Lang-Sa đang phân tán quân sang Tàu, cơ hội nghìn năm có một, không thừa dịp nắm lấy, thật uổng. Ông buồn rầu, khi thấy trong số những kẻ chủ hòa lại có cả người bạn thân nhất của ông: Phan Thanh Giản. Không ai chối cãi được rằng Phan là một người ngay thẳng và trong sạch. Ông Nguyễn còn mến Phan ở chỗ trung hậu, chí tình với bạn, nhất là thơ rất hay. Nhiều bài thơ của Phan, ông Nguyễn thuộc lòng, thỉnh thoảng lại ngâm nga và nhiều lúc phải buột miệng khen vì lời thơ tự nhiên thanh thoát mà đầy tình cảm chân thành. Người làm sao thì thơ làm vậy. Phan lên bảy tuổi thì mất mẹ. Cha Phan – Phan Văn Ngạn, tức ông thầy ở Gành Mù U – cưới vợ khác. Phan đối xử với bà mẹ ghẻ rất hiếu thuận, khiến mẹ ghẻ cũng phải động lòng thương. Khi Phan tới học với ông thầy chùa ở làng Phú Ngãi, một tháng bà mẹ ghẻ phát cho Phan ba chục tô gạo và ba chục con mắm, thì Phan cũng giữ để ăn cho đủ mà học.

Vì có tính cương cường, ngay thẳng, không tham lam của dân, lại chẳng hay sợ đả quan trên nên cha Phan khi làm thủ hạ tại nhà tư tỉnh Vĩnh Long, bị quan trên kiểm chuyện nói là để dân thiếu thuế mà không thu, bị bắt giam tới ba năm, rồi bị cách chức và bị phạt tù một năm. Khi

cha Phan bị tù ở Vĩnh Long, thì Phan được hai mươi tuổi, nhà nghèo lắm, song một mình Phan ngoài lo nuôi cha- mỗi ngày vào nhà giam làm thế công việc cho cha – xong lại coi sóc việc gia đình. Lúc cha Phan đau yếu thì ngày đêm Phan lại ở trong khám hầu hạ cơm thuốc, quên sự đói lạnh. Lòng hiếu của Phan đã khiến quan Hiệp trấn Lương phải cảm thương, can thiệp cho cha Phan được sớm mãn hạn tù, lại cho Phan vào trường tỉnh học và cho sách vở, dạy Phan học thêm. Khoa Ất Dậu, Minh Mạng thứ sáu, Phan đậu cử nhân ở trường thi Gia Định, rồi cưới vợ họ Lê ở làng Long Hồ, Vĩnh Long để ở nhà hầu hạ cha, cho mình yên lòng ra Huế thi Hội. Không phải chỉ khi chưa đậu nhà mới nghèo khó, mà sau khi đậu tiến sĩ, làm quan đến tột phẩm, nhà Phan vẫn thanh bạch như lúc hàn vi. Một người tài năng, đạo đức như vậy, kể trên đời cũng hiếm. Vậy mà đứng trước những giờ khắc gay go nhất của lịch sử, Phan lại có những nhận định mơ hồ, lầm lẫn. Trong bản điều trần dâng vua, Phan viết:

“Súng đạn và chiến hạm của Tây rất tinh xảo. Họ lại thạo về môn thủy chiến. Vì vậy, ta không mong thắng được họ lúc này. Ta phải dốc toàn lực vào công cuộc phòng thủ bờ cõi. Bao giờ ta đầy đủ về mọi mặt, chừng ấy ta hãy bàn nên chiến hay nên hòa. Nếu ta không đủ lực lượng phòng bị thì đừng mong khai chiến hay nghị hòa với họ”.

Ngay buổi chiều hôm đó, ông Nguyễn đã công kích kịch liệt chủ trương của bạn nói là phải chờ đợi chuẩn bị lực lượng, nhưng kỳ thực là để che giấu ý định cầu hòa, lùi bước trước lũ giặc. Bị mất mặt trước vua và các đình thần, Phan sinh ra bất hòa với Nguyễn Tri Phương, dù sao trong thâm tâm ông Nguyễn vẫn lấy làm tiếc về chuyện đó.

Tiếng trống cầm canh ở vọng lâu khiến Nguyễn Tri Phương giật mình ngược nhìn lên. Chiếc độc bình lớn giữa nhà vẫn trống trơn. Mọi năm trước, mỗi lần đón xuân, ông lại sai chặt một cành bạch mai ở trong chùa Cây Mai đem về cắm bình. Ông không thích hoàng mai vì hoàng mai sắc đẹp nhưng không có hương thơm như bạch mai.

Ở Gia Định, bạch mai chỉ chùa Cây Mai và chùa Gò mới có, mà hai nơi ấy đều nằm trong vùng giặc đóng, thì lấy đâu ra bạch mai thưởng xuân này. Thật đau lòng khi thấy không những dân lành bị hãm trong lưới giặc mà cả bạch mai cũng bị giam cầm, xuân này lại phải nở hoa trong tầm súng giặc.

Nhớ lại lần cùng Phan Thanh Giản tới thăm chùa Cây Mai, thấy bảy cây bạch mai đẹp quá, ông Nguyễn đã truyền dựng một tòa lương đình có gác cao, để ngồi trên đó thưởng mai. Tòa lương đình, mái ngói ống xanh, hai đầu cong như đuôi én, dưới có lan can chạm vẽ, cửa sổ chấn song con tiện, có thể nhìn ra ngoài. Trên bức hoành trước mặt, có đề hai chữ Mai đình, nét chữ xương kính, do chính tay Phan Thanh Giản đề.

Khi khánh thành lương đài, cũng vào dịp đầu xuân Đinh Ty^{5*} Nguyễn Tri Phương mời Phan Thanh Giản tới thưởng mai. Chưa vội bước lên đài, ông Nguyễn tới bên gò đất cao ngắm kỹ từng gốc mai. Mấy cội bạch mai cành lá sum suê, đậm những bông trắng muốt, cạnh đó là những nụ hoa vừa hé, đầy vẻ e ấp. Ông cười, nói với bạn:

- Tôi suốt một đời long đong lận đật, không có lúc nào thanh nhàn mà thưởng hoa, nên sáu chục tuổi đầu mới có thì giờ ngắm kỹ một gốc mai. Cứ nhìn qua, ngoài màu sắc ra, khó mà phân biệt được bạch mai khác hoàng mai chỗ nào.

Phan Thanh Giản lắc đầu:

- Khác nhau nhiều chỗ. Hoàng mai có từ mười cánh hoa, bạch mai chỉ có bốn cánh và hai tai hoa. Bạch mai hoa không lớn bằng hoàng mai, chỉ nhỏ bằng hột nút áo, nụ hoa tròn như hạt tiêu. Hoàng mai đậm bông phần nhiều ở ngọn và cuối cành, còn bạch mai thì đậm bông ngay thân cây, ở nách cây hoặc ở những u. Lá hoàng mai mỏng, lá bạch mai dày, trơn láng và xanh hơn...

Nguyễn Tri Phương gật gù:

- Bác hiểu về mai, hẳn là yêu mai lắm, hèn chi bác lấy hiệu là Mai Khê cũng phải.

Phan Thanh Giản cười:

- Ấy nhiều người cứ quen với chữ: cúc, trúc, lan, mai nên nghĩ Mai Khê của tôi lấy chữ mai trong mai hoa. Nhưng Mai Khê đây lại có nghĩa là Gành Mù U. cây mù u vì thân sần sùi giống cây mai nên người ta kêu là nam mai. Quê tôi ở Gành Mù U nên mới lấy hiệu Mai Khê, có vậy thôi.

Nguyễn Tri Phương chột nhốt:

- Hèn nào hồi tôi ở Kinh tới thăm Tùng Thiện Vương, Vương có đọc cho tôi nghe câu thơ của viên hành tẩu Cao Bá Quát: “Ngoảnh lại Hải Vân không với tới, rờn rờn nhỏ lệ nhớ nam mai” và khen người làm thơ

là từng trải, biết cả tên cây mù u trong Nam. Còn tôi thú thực không phân biệt được các giống mai khác nhau thế nào...

Phan Thanh Giản khẽ vuốt chòm râu bạc, từ tốn:

- Bác nửa đời ở Kinh lại ra Bắc, mà ngoài Bắc chỉ có giống Bắc mai, hoa cũng trắng nhưng nhỏ lại nở thành trái mơ, không giống bạch mai ở trong này, nên ít khi được ngắm bạch mai cũng phải. Ngay ở trong Nam cũng chỉ mấy nơi có bạch mai, như Bình San Hà Tiên, núi Điện Bà Tây Ninh, đình Phú Tự Bến Tre, còn ở Gia Định thì chỉ riêng chùa Gò và chùa Cây Mai. Cũng may quê tôi ở Bến Tre, nên từ nhỏ đã được ngắm bạch mai ở đình Phú Tự. Còn mai ở chùa Cây Mai tôi đã nhiều dịp thưởng thức cùng các danh sĩ trong Bạch mai thi xã...

- Bạch mai thi xã... Họa mặt các thi nhân uống rượu thưởng mai rồi vịnh thơ cũng là cái thú tao nhã. Chỉ tiếc tôi không lúc nào nhàn rỗi để tiêu khiển, di dưỡng tính tình... Trong Thi xã có những ai vậy bác?

- Trong số quan thì có ông Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, ông Án sát Huỳnh Mẫn Đạt, ông Hàn lâm Nguyễn Thông... còn những người trẻ tuổi thì có cử nhân Phan Văn Trị, Ấm sinh Tôn Thọ Tường...

Nguyễn Tri Phương hơi cau mày:

- Tôn Thọ Tường nào? Có phải con trai ông Tuần phủ Thuận Khánh Tôn Thọ Đức không?

- Chính đó. Hồi nhỏ Tường mới xuất thân, đã bị triều đình bắt tội vì làm bài mướn cho học trò đi thi. Tường bị giải vô kinh, khi đó tôi đang ngồi Bộ Lại, Tường cậy người chuyển tới dinh một bài thơ trăn tình, trong có câu: "Vì nhà túng rỗi nên quyền biến. Phép nước răn he há dám khinh. Gió bụi đất từng quen với mặt, Nắng mưa trời có thấu cho mình". Thấy Tường thơ hay, tôi thương tình xin Ngài Ngự tha cho y.

- Quyền biến... Làm chuyện phi pháp mà cũng là quyền biến à? Thơ hay nhưng khí cục tầm thường... Trong Thi xã còn có ai nữa?

- Có lần tôi thấy một ông thầy ở Bình Dương, tên Nguyễn Đình Chiểu thì phải, sở dĩ tôi chú ý bởi ông đui mà làm thơ rất hay, tuy so với người khác thì ở bậc thấp bởi đậu có tú tài. Có điều ông chỉ chuyên làm thơ nôm mà tôi thì ưa nôm nên có cảm tình ngay khi mới gặp. Mấy câu lục bát vịnh mai của Tú Chiểu có cái khí rất mạnh, tôi còn nhớ tới bây giờ:

*Hữu tình thay ngọn gió đông.
Cành mai nở nhụy, lá tòng reo vang.*

Nguyễn Tri Phương gật gù:

- Nghe được cả tiếng lá tòng reo vang, đúng là người sức nhìn kém thì sức nghe càng mạnh. Đành rằng nếu thầy Chiếu không bị đui thì không phải chỉ đậu có tú tài mà bằng nhỡn thám hoa cũng nên. Nhưng khoa bằng mà làm gì nếu con người không có kiến thức sâu rộng cũng như từng trải sự đời. Gia thế thầy Tú Chiếu thế nào, bác?

- Thân sinh thầy Chiếu là ông Nguyễn Đình Huy, gốc ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên...

- Ủa, vậy ra cũng đồng hương với tôi...

- Vâng, ông Huy được bổ làm thơ lại ở văn hàn ty, theo Lê Tả quân^{6*} vô Sài Gòn, lấy bà thứ ở làng Tân Thới sinh thầy Chiếu. Tới khi Ngụy Khôi nổi lên đánh chiếm Gia Định, thầy Chiếu theo cha về Thừa Thiên và được gửi trọ học với người bạn của cha làm chức Thái phó suốt tám năm. Năm hăm hai tuổi, thầy Chiếu trở về quê mẹ và thi đậu tú tài tại trường Gia Định. Năm sau, thầy lên Kinh chờ khoa thi hội, gần tới kỳ thi thì được tin mẹ chết từ tháng chạp năm trước. Thầy vội rời kinh trở về Gia Định. Lúc ấy mới cuối tháng giêng mà tới tháng tư mới có chuyến ghe bầu về Nam nên thầy đành phải đi bộ. Đường trường vất vả lại nhân nổi đau thương, thầy tự nhiên nhuốm bệnh. Bệnh mỗi ngày một trầm trọng nên thầy phải ở đậu tại Quảng Nam để kiếm thầy chạy thuốc. Bị buộc chân ở đó, không trở về thủ hiếu được mà tiền lương cạn dần, thầy đâm ra buồn bực, càng động đến nỗi thương tâm, nên đêm ngày than khóc vì cố đó sinh ra đau mắt nặng rồi đui. May sao khi đó gặp được ông thầy Trung vốn dòng ngự y, thương tình nuôi nấng và dạy cho nghề thuốc. Học xong, thầy Chiếu được người nhà đưa về Gia Định cư tang rồi sống trong cảnh trơ vợ thiếu thốn. Mãn tang, thầy mở trường dạy học để khuây khỏa tháng ngày, cũng để kiếm kế nuôi thân...

- Cảnh ngộ thầy Chiếu éo le thiệt! Mà sao bác biết rành về thầy Chiếu như vậy?

- Tôi bình sinh trót mắc cái tật mê thơ, nên bất kỳ ai dầu quan hay dân mà thơ hay là tôi đều làm quen hết! Thơ thầy Chiếu có cái lạ là đã khi phách mà viết cái chi cũng ngự ý đui mù ở trong. Ngoài những câu đôn

hậu như: “Sự đời thà khuất đôi trông thịt. Lòng đạo xin tròn một tấm gương” có cả những câu ngược ngạo: “Xe ngựa lao xao giữa cõi trần. Biết ai thiên tử biết ai thần”.

Nguyễn Tri Phương hơi nhăn mặt vì lời lẽ phạm thượng của Tú Chiếu nhưng rồi lại cúi đầu ngẫm nghĩ. Ông nhớ lại bữa ông duyệt binh qua Đồng Tập Trận, còn nhìn thấy đất chỗ Mả ngựa sau mấy chục năm vẫn còn sinh lên súp xuống. Đó là nơi vua Minh Mạng sai chặt đầu ném thây chôn chung một huyệt cả thấy một ngàn một trăm ba mươi bảy người già trẻ lớn bé, đàn ông, đàn bà lộn lạo, khếp vào tội theo giặc Khôi làm phản chống lại triều đình. Một người như thầy Chiếu đã từng chứng kiến việc Lê Văn Khôi nổi dậy giết Tổng đốc Nguyễn Văn Quế, bắt Bồ chánh Bạch Xuân Nguyên đốt làm đuốc sống tế tả quân Duyệt, chiếm giữ thành Phiên An trong ba năm...hắn có ý nghĩ khác ông về vua quan nhà Nguyễn, điều đó không lấy gì làm lạ. Nhưng dầu sao đi nữa những lời lẽ xằng bậy ấy vẫn khó thể lọt tai một vị đại thần vốn rất mực trung quân.

Bỗng một luồng gió ấm phảng phất. Một làn hương nhẹ thoảng qua, mơ hồ như có như không. Phan Thanh Giản hít một hơi dài như muốn thu lấy hương mai vào trong lòng, rồi đưa mắt nhìn xa như theo dõi áng hương tan loãng vào trong không gian:

- Bác có cảm thấy hết mùi hương của bạch mai không? Mùi hương mai mơ hồ phảng phất nên người ta gọi là ám hương. Cũng vì trời càng lạnh thì càng thơm, nên còn gọi là lãnh hương. Tôi rất thích hai câu thơ của Lâm Bô đời Tống vịnh mai:

*Sơ ảnh hoành tà thủy thanh thiển,
Ám hương phù động nguyệt hoàng hôn*²

Thật không ai sướng hơn Lâm Bô, ông ấy về ẩn dật ở núi Cô Sơn tại Tây Hồ, thường tự cười mình cười mai làm vợ, nuôi hạc làm con. Tôi chỉ ước sao sớm được hữu quan, lui về ẩn dật “Nghêu ngao vui thú yên hà, Mai là bạn cũ, hạc là người quen” như câu thơ của quan Cần chánh Nguyễn Du, để vào cái đĩa sứ “mai hạc” cho lò gốm Hàng Châu, năm ngài đi sứ...

Nguyễn Tri Phương cười:

- Cái ông Lâm Bô nhà bác yêu mai để đã bằng cụ Lục Du chưa. Cụ ấy còn muốn hóa thân ra làm ngàn vạn để mỗi cây mai có một Phóng Ông kia mà...

Hai người cùng cười. Phan Thanh Giản cất tiếng ngâm nga hai câu thơ Lục Du: “Hà phương khả hóa thân thiên vạn. Nhất thụ mai hoa nhất Phóng Ông”. Giữa lúc đó nhà chùa cũng dâng lên hai ly trà nấu bằng gỗ mai. Nguyễn Tri Phương nhấp một ngụm. Hương sắc của hoa, vị thanh đậm của trà, quyện với tiếng ngâm thơ trong trẻo của người bạn, khiến ông thấy tâm trí lâng lâng.

Ông tưởng như sống ngược lại với thời xưa, khi ấy trời đất mênh mông hơn bây giờ, những kẻ sĩ đi ngàn dặm chỉ cốt ghé thăm bạn trong một túp lều tranh, uống với nhau một tuần trà, hưởng cái thú “đối diện đàm tâm”^{8*} để rồi sớm mai lại phất áo ra đi không hẹn ngày trở lại.

Ly trà hồng mai đã thấm đượm một mùi vị triết lý, lại thêm tiếng kinh mõ đều đều từ Phật điện vẳng lên, càng gợi một không khí thoát tục. Tất cả như nhắc nhở người ta không gì quý bằng chữ nhàn, tội gì lặn lội trong đám hồng trần cho mệt. Ở đời đã mấy khi có dịp hợp bạn thưởng hoa, không biết tận hưởng cái thú thanh cao này thật uống. Dường như không chịu nổi cái không khí thanh tĩnh vô vi ấy, Nguyễn Tri Phương vụt cất tiếng nói to lên như là nói với chính mình:

- Nhưng cụ Lục Du yêu mai đâu phải chỉ vì mùi hương mơ hồ phảng phất, mà yêu mai chính là khí tiết cương cường của nó. Tôi rất thích bài thơ mai của Lục Du:

Tuyết ngược phong hào dũ lâm nhiên,
Hoa trung khí tiết tối cao kiên.
Quá thì tự hợp phiêu linh khứ,
Sỉ hướng Đông quân cánh khát liên.
Túy chiết tàn mai nhất lưỡng chi,
Bất phương đào lý tự phùng thì.
Hương lai băng tuyết ngưng nghiêm địa,
Liệu cán xuân hồi cánh thị thùy,^{9*}

Giữa mùa đông khi trăm hoa đều tàn lụi thì chỉ có mai dám ngạo cùng gió tuyết, ra sức kéo mùa xuân sang, đến khi xuân sang, mặc cho đào lý gặp thời, mai thà rơi rụng chứ không chịu đến van nài chúa Xuân rủ lòng thương. Mai tượng trưng cho khí phách của người anh hùng, đúng như

câu thơ của cụ Ưc Trai Nguyễn Trãi đã vịnh: “ Càng thuở già càng cốt cách. Một phen giá một tinh thần”. Cái chí của tôi là muốn noi gương Ưc Trai, mưu sự yên vui cho trăm họ, dân chưa yên thì không lòng nào lui về ẩn dật cho được.

Phan Thanh Giản cười:

- Hôm nay, chúng ta không uống rượu thanh mai, hà tất phải bắt chước Lưu Bị, Tào Tháo luận anh hùng. Nhưng bác nghĩ coi, nhiều khi cưỡng cường quá chỉ tổ bị người đời ghét ghen, hãm hại. Như bác có công mộ dân khai khẩn đồn điền, cho phép các phạm nhân được ra thú tội, để đưa họ về con đường làm ăn lương thiện, vậy mà viên An sát Định Tường Vương Sĩ Kiệt còn mật tấu về kinh, nói tha tù nhân, mở mang hoang địa là sanh trộm cướp, giúp chúng có cơ hội trốn lánh, chờ dịp làm loạn sau này. Bác suýt mất đầu vì vụ đó, chưa tỉnh ngộ hay sao mà còn hăm hở ganh đua trong trường vật lộn như vậy?

Nguyễn Tri Phương lắc đầu:

- Không phải tôi chỉ nghĩ vì Nam Kỳ còn nhiều đất hoang, mà dân còn nghèo nên phải tính kế khai khẩn đồn điền, còn một ý khác là muốn dùng chánh sách ngụ binh ư nông, đưa cả binh lính tại ngũ về cùng dân làm ruộng, để khi tĩnh là dân, khi động là binh. Khai khẩn đồn điền cũng nhằm có lương thực nuôi quân sau này. Bác hẳn chẳng lạ gì, mùa thu vừa rồi, chiến hạm Tây đã cập bến Đà Nẵng và cửa Thuận An, ném lên bãi cát một bó thư, đòi cho chúng được tự do thông thương và truyền đạo.

Đó chẳng qua là cái cớ để xâm chiếm nước ta mà thôi. Tôi chắc là cuộc giao tranh sắp sửa châm ngòi rồi. Sớm muộn thế nào những chiến hạm của chúng cũng còn kéo tới cửa biển nước ta lần nữa...

Nguyễn Tri Phương như nóng ruột, đứng thẳng lên. Nhìn những chiếc ghe ngo đua thoăn thoắt từ đường nước quanh chùa ra kinh Vòng Thành rồi đổ ra Chợ Lớn, Nguyễn Tri Phương cảm khái:

- Rồi đây đến cả những chiếc ghe kia cũng phải được huy động ra chặn tàu sắt vỏ đồng của giặc.

Tầm mắt chiến lược của một vị tướng đã giúp Nguyễn Tri Phương nhìn thấy trước, từ đường nước này có thể thông ra rạch Bến Nghé và sông Thị Nghè bằng kinh Ruột Ngựa và rạch Lò Gốm. Chiến hạm Tây có thể từ cửa sông vào đến sát chùa Cây Mai nơi ông đang ngồi thưởng mai

hôm nay. Từ trên đài cao, ông đưa mắt nhìn bốn chung quanh. Trên con đường rẽ vào cổng chùa, đàn ông áo the thâm, khăn nhiễu, dép da trâu, đàn bà áo tứ thân xẻ vạt, thắt lưng xanh, dép cong, tất nập đi lễ chùa. Dưới dòng kinh, trên chiếc ghe, đoàn thủy tạo mình trần, vận khố, đồng loạt bỏ dầm xuống bơi xốc lên, cho ghe lướt bay trên mặt nước, trong những tiếng hô “ Hề”, “ bon”, tiếng phèng la cầm nhịp. Các mái dầm cùng lúc bổ xuống, móc nước lên trắng xóa, chói lòa dưới ánh mặt trời. Trên bờ, dân chúng đầu bó tóc, vấn khăn mỏ rìu, mình mặc áo vải ngắn tả nhiệm^{10*}, cổ bầu cao, vận quần xô, thắt lưng xanh lớn bản, dùng để cuốn giữ trâu cau, thuốc rê, giấy bản bọc theo, chân trần, đứng chen chúc reo hò cổ vũ mỗi khi trông thấy ghe vượt mặt nhau. Nét mặt họ đầy vẻ hồn nhiên vô tư, chưa biết rằng một tai họa lớn lao sắp giáng xuống đầu họ, giặc Phú sớm muộn cũng kéo tới. Ở cương vị một đại tướng, Nguyễn Tri Phương phải nhìn thấy trước điều ấy, cũng như phải chịu trách nhiệm về sự yên nguy của trăm họ. Cũng như đứng trên đài cao có thể nhìn xa trông rộng, từ làn khói nhẹ bốc lên ở lò gốm bên rạch, lớp bụi đường cuốn theo bánh xe trâu, hình những người đánh đu ở chợ Tân Kiểng in trên nền trời xanh, ngọn cờ vàng lợt thêu rồng xanh trên nóc cột cờ thành Gia Định uốn éo trong gió xuân, cho tới đường nước trắng xóa như bạc dưới ánh mặt trời, từ đấy ăn thông ra biển, nơi chứa chất những bí mật, những tai họa khủng khiếp sắp nổ bùng ra. Nguyễn Tri Phương đã nhìn thấy trước từ phía ấy những đám mây vần vũ, những đám khói tàu chiến sắp bơi đen ngòm nền trời trắng đục.

Gió thổi qua gốc mai khiến những chấm trắng rập rờn nghiêng ngả. Quyện với ánh nắng, hương mai càng nồng nàn hơn, ngây ngất hơn, nhưng Nguyễn Tri Phương tưởng chừng như phảng phất cả mùi thuốc súng khét lẹt. Buổi thưởng mai đầu xuân trở thành nặng nề vì không khí căng thẳng của quốc sự. Phan Thanh Giản cúi đầu lặng lẽ.

Nguyễn Tri Phương tế nhị, an ủi bạn:

- Bác cứ yên lòng, dù đâu chúng ta có bạc trắng như hoa mai, nhưng trong đời chắc còn nhiều lần được cùng nhau thưởng mai, bác hà tất phải quá ưu tư phiền muộn.

Thế nhưng, chỉ một năm sau buổi thưởng mai, Nguyễn Tri Phương đã được triệu ra ngăn cản chiến hạm Tây khi chúng kéo vào đánh cửa Đà Nẵng. Hết Đà Nẵng lại đến Gia Định, cứ lao đao lo việc chống giặc

mấy năm nay. Chùa Cây Mai, nơi hai người đến thưởng mai đã trở thành đất giặc từ khi giặc mới đặt chân lên đất Gia Định. Người bạn cùng thưởng mai đã trở thành kẻ đối lập về chính kiến. Phải chăng cái chí của hai người đã bộc lộ ra từ trong buổi thưởng mai năm trước.

Bảo vệ tình bạn khỏi sút mẻ sau những xung đột vì quốc sự có lẽ cũng khó khăn như bảo vệ những cây mai khỏi bị hủy hoại trong tầm súng đạn. Không biết bao giờ lại có dịp cùng bạn thưởng mai. Xuân này đã đành không có bạch mai, xuân sau biết có còn bạch mai nguyên vẹn ở chốn xưa chăng?

Bỗng bên ngoài có một người bước vào. Và một giọng trong trẻo cất lên:

- Năm mới xin kính chúc trưởng huynh xuân sắc mãn đường^{11*}

Nguyễn Tri Phương nhìn lên. Thì ra ông mãi suy nghĩ, trời đã sáng lúc nào không biết. Ông niềm nở đáp lời người em ruột:

- Cảm ơn chú Ba. Năm mới, anh cũng chúc chú giết được nhiều giặc và làm được nhiều thơ hay. Thế nào, đầu năm đã khai bút chưa?

Nguyễn Duy - vì người đó chính là Tán lý quân vụ Nguyễn Duy, em ruột ông- khoan thai đáp:

- Thưa huynh trưởng, sớm nay em định khai bút, chợt nhớ đến bài thơ của ông bạn Hy Tăng ở trong kinh gửi vào, trong có câu: “Cử mục Mai sơn thiên lý viễn, Kim triêu xuân sắc cánh hà như”^{12*} bất giác xúc động quá, không đề nổi thơ, nên đến mừng tuổi trưởng huynh trước đã...- Nhìn chiếc độc bình không, Nguyễn Duy tiếp lời, giọng cảm khái- Thì ra cũng vì Mai sơn nằm trong tay giặc mà trưởng huynh năm nay không có bạch mai thưởng xuân...

Nguyễn Tri Phương nhay cảm, muốn xua đuổi cái buồn của Nguyễn Duy trong buổi tân xuân, ông cố kiếm một chuyện vui:

- À chú Ba này, chú có biết tại sao ở Nam kỳ người ta lại ưa dùng mai để thưởng xuân không?

Nguyễn Duy ngẫm nghĩ:

- Hình như người ta theo phong tục Hàn Dũ tầm mai từ đời Đường thì phải...

Nguyễn Tri Phương cười to:

- Các ông nghệ, ông cống như chú hể nói là lại dẫn điễn tích. Anh cho là nó không phải có nguồn gốc xa xưa như thế đâu. Tại người trong này nói đót rồi lằm lộn “Mai” và “May”, “cây mai” và “cây lộc cầu may”. Anh đã từng nghe thấy một ông cử ưa nói: “May quá chừng!” “Mai phước cho tôi quá”. Kỳ thật ý ông muốn nói: “may quá chừng” và “May phước cho tôi quá”. Chính vì sự nói đót đó mà người ta tin rằng nếu cắm cành mai thì sẽ rước vận may tới nhà. Hồi anh đi kinh lý ở Bến Tre, gặp dịp đầu xuân, một hương chức đã đem dâng một bó bông mù u còn búp, lá trụi lủi, bông trắng xóa, bảo đây là bông nam mai, cũng đem tới vận may như bạch mai!

Hai người cùng cười, tiếng cười giòn tang như pháo Tết. Trong phút chốc, Nguyễn Duy như thấy mình sống lại cái thời thơ ấu, mặc áo dài hàng lam, quần đào xẻ đũng, đi hài đỏ, cổ đeo khánh bạc, làm nũng anh, bắt anh dẫn đi mừng tuổi họ hàng, để được những tấm phong bao giấy hồng điều... Chợt nhìn mái tóc bạc của người anh, Nguyễn Duy chợt nhớ đến thực tế, tuổi thơ đầy hoa bướm ấy đã một đi không trở lại. Ông hỏi anh:

- Thưa trưởng huynh, cháu nó vào Kinh, chẳng hay việc tứ hôn của Ngài Ngự ra sao, xin trưởng huynh cho em biết...

Nguyễn Tri Phương hơi nghiêm sắc mặt:

- Ngài Ngự có lòng thương gả công chúa Đồng Xuân cho thằng Lâm nhà này. Nhưng vì Thái hậu Từ Dũ quá yêu con gái chưa muốn xa rời, lại thêm tuổi già lẩm bệnh, muốn có công chúa hầu dưới gối. Vì vậy mà Tết này, cháu Lâm vẫn chưa thể vô Nam, vì ngài Ngự muốn đợi cho đến lúc yên bình mới cho công chúa làm lễ quy ninh...

- Chắc cũng là ý Thái hậu sợ trong này đang giặc giã nên không muốn cho công chúa vô, Ngài Ngự vốn chí hiếu, Thái hậu dạy sao ngài chẳng tuân lời. Ngay cả việc nước mà Ngài Ngự còn chiều theo ý Thái hậu nữa là. Em từng được nghe quan Thượng Phan kể chuyện, chính Thái hậu đã nói với những người chủ chiến trong triều rằng: “Các người muốn đánh, đánh rồi thì các người định để mẹ con ta vào đâu?”. Thái hậu sợ nhất là đánh giặc Tây nó giận nó sẽ hủy hoại lăng mộ dòng họ Phạm nhà Ngài ở Gò Công và lăng mộ dòng họ Hồ của đức Thái hoàng Thái hậu ở Thủ Đức, nên mới khuyên Ngài Ngự cầm chân trưởng huynh không cho đánh

đấy thôi. Muốn lấy lòng trưởng huynh và đánh lạc hướng chuyện chủ hòa, Thái hậu mới bày ra chuyện tứ hôn để che mắt thiên hạ...

Nguyễn Tri Phương nhìn quanh, rồi vội suy:

- Chú đừng nói như vậy, anh em ta ăn lộc triều đình đã lâu chớ nghĩ điều mạn thượng. Anh chỉ ái ngại cho chú, là quan văn trói gà không chặt, mà đến khi động dụng cũng đành phải “xếp bút nghiên theo việc đao cung”...

- Thì chẳng qua vì mọi người cứ lấy nê là thời thái bình nên mới quen thói trọng văn khinh võ. Anh có nhớ câu thơ truyền là của một ông vua đứng ra phân xử giữa hai bên văn võ tranh giành nhau không nổi. Vua nhận là: “bên văn sang, bên võ cũng sang”, nhưng lại kết luận đầy thiên lệch: “Gặp lúc thái bình văn trước võ, võ đâu được sánh khách văn chương”...

Hai anh em lại cùng cười, đầy vẻ tương đắc. Nguyễn Tri Phương chậm rãi:

- Không chỉ mình chú “thừa văn quá võ” mà chính anh xuất thân ở văn hàn ty cũng phải đi đánh giặc như thường, riết rồi thành nghề võ luôn. À, chú biết không, cụ Thượng Trứ năm tám mươi hai tuổi, về hưu đã hơn mười năm rồi, mà khi giặc Tây đánh phá Đà Nẵng, các quan trong triều vẫn dâng sớ đề cử cụ ra đánh. Cụ khẳng khái dâng sớ xin đi đánh giặc, sớ rằng: “Thân già này còn thở ngày nào thì xin hiến thân cho nước ngày đó”. Không may, sau đó cụ từ trần chứ không thì cụ cũng đã có mặt bên anh em ta ở cửa Đà Nẵng ba năm trước rồi.

Nguyễn Duy gạt nước mắt:

- Những người trai trẻ để đâu mà phải phiền đến người già như cụ Thượng Trứ đi đánh giặc? Chỉ cần đọc mấy câu cụ để lại:

*“Cũng có lúc mây tuôn sóng vỗ
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong
Chỉ những toan xẻ núi lấp sông,
Làm nên đấng anh hùng đâu đấy tỏ”.*

Cũng có bao nhiêu người sôi nổi tráng tâm hùng khí mà đi theo bước cụ rồi...

Nguyễn Tri Phương trầm ngâm hồi lâu, rồi nói:

- Anh thì anh nghĩ thế này, những người như cụ Thượng Trứ và cả anh nữa dù có chí khí, nhưng cũng là người thuộc về một thế hệ già nua rồi. Muốn chống giặc thành công, phải trông cậy vào lớp người trai trẻ. Sách có chữ “hậu sinh khả úy”. À, chú đã biết viên phó lãnh binh Trương Định chưa?

Nguyễn Duy khẽ lắc đầu:

- Em mới vô Nam, chưa biết người ấy, xin trưởng huynh vui lòng kể chuyện cho em nghe.

Nguyễn Tri Phương uống một ngụm trà nhấp giọng rồi ung dung kể chuyện. Vốn là con quan Vệ úy vệ Gia Định, nhưng Trương Định không theo nghiệp cha thi cử vô để làm quan, lại có chí khẩn đất đai, mộ dân làm đồn điền. Năm Giáp Dần^{13*}, Nguyễn Tri Phương vào nam điều chỉnh chính sách, đồn điền thì Trương Định tự xuất tiền chiêu mộ dân nghèo ở Nam, Ngãi, Bình, Phú vào khẩn hoang lập ấp. Lúc bấy giờ có 21 liên đội ở Nam Kỳ, viên chỉ huy liên đội gọi là Quản cơ, dưới quyền có viên ấp trưởng. Quản cơ kiêm luôn Cai tổng, trong tổng có đồn điền chừng bốn trăm lính. Cứ mười lính có một súng, còn toàn cầm giáo, mỗi liên đội có một đại bác nhỏ. Có võ giỏi có cơ nghiệp, được tín nhiệm vì đã giúp cho một số nông dân có cơm ăn áo mặc, nên Trương Định được bổ chức Quản cơ kiêm Cai tổng ở huyện Tân Hòa. Quản Định đã hết lòng lo cho dân có nhà cửa, ruộng cày. Con cái họ được học hành do Định có sáng kiến mời các thầy đồ ở miền Trung vào dạy.

Ngày 15 tháng giêng năm Kỷ Tị^{14*}, giặc Tây chiếm thành Gia Định. Trương Định đứng lên mộ nghĩa binh đánh giặc. So với những văn thân cầm đầu các toán nghĩa binh khác như tuần phủ Đỗ Quang, tri phủ Nguyễn Thành Ý, tri huyện Đỗ Trình Thoại, Âu Dương Lâm, Trần Thiện Chánh, Lưu Tấn Thiện, thủ khoa Nguyễn Hữu Huân... thì địa vị xã hội của Định ở vào các bậc chót. Tuy vậy, cũng có cái thuận lợi là Định đứng sẵn vào địa vị Quản cơ của một tổ chức dân quân khá lớn. Hơn nữa, giữa các quản cơ với nhau, nghĩa binh của Định đông hơn cả, đến một ngàn người, vừa có quy củ lại vừa thiện chiến. Riêng Định lại tiên phong gan dạ, lập được nhiều chiến công trong những ngày đầu đánh giặc, sau đó được các Quản cơ trong Gia Định chọn làm người đứng đầu. Dần dần số nghĩa binh thuộc quyền chỉ huy của Trương Định lên tới sáu ngàn người.

Danh vọng và uy tín của Định đưa ông lên địa vị cao vượt hơn cả những án sát, tri phủ, tri huyện và các văn thân chống giặc.

Khi Nguyễn Tri Phương vô Nam nhận chức Tổng thống quân vụ, cho mời thủ lĩnh các nghĩa binh đến hội, sau đó mới phân nơi đóng quân. Riêng Định đem cơ binh đến đóng trước ở cửa Thuận Kiều rồi mới tới ra mắt Nguyễn Tri Phương. Quan Tổng thống quân vụ nổi giận, cho là Định có ý coi thường mình. Định thản nhiên trả lời:

- Tôi xem cách bố trí binh lực của tướng công còn để hở một mắt Thuận Kiều. Đó là đường đi Hốc Môn, Tây Ninh, phía có nhiều rừng rậm, có thể làm căn cứ chống giặc lâu dài. Vạn nhất Đại đồn có vỡ thì quân ta cũng còn đường rút. Nếu ta không chiếm ngay thì giặc Tây cũng chiếm mất. Nên tôi trộm phép tướng công đóng đồn trước rồi mới tới hội. Chắc tướng công cũng không câu nệ tiểu tiết mà thứ lỗi cho.

Nguyễn Tri Phương nghe xong, lật đặt mời Định ngồi lên ghế, rồi nói:

- Trước đây, khi thấy ông vừa mở đồn điền đã nghĩ ngay đến việc đón thầy về dạy học, ta đã thầm khen nhưng chưa nói ra. Đến lần này ông đến đóng chẹn nơi hiểm yếu rồi mới tới hội, quả thật là có tầm mắt nhìn xa trông rộng. Cảm ơn ông đã sớm liệu trước dùm ta mặt sơ hở đó...

Vừa nghe kể đến đây, không kìm được, Nguyễn Duy đã vụt reo to:

- Có phải ông Phó lãnh binh này cũng cao cờ lắm phải không anh? Kiểu này là kiểu vào pháo đầu thắng luôn bình phong mã của bên địch... Hà hà...

Nguyễn Duy ngoài thơ phú, trận mạc ra chỉ có một cái thú duy nhất là chơi cờ. Nhưng chơi cờ cũng chỉ để luyện trí óc, giúp ích cho việc thơ phú, trận mạc mà thôi. Nguyễn Duy thường ví làm một câu thơ tìm được chữ hay cũng chẳng khác gì đi được một quân cờ vào đúng chỗ. Còn những chiến thuật đánh cờ đem áp dụng vào việc binh thì tuyệt diệu vô cùng. Nguyễn Duy từng đọc mười ba thiên binh pháp của Tôn Võ Tử, lọc ra được mười nguyên lý chiến thắng dùng vào việc đánh cờ. Thứ nhất là nguyên lý tiên tri, trước khi đấu cờ ta phải biết rõ nội tình thực lực của đối phương rồi mới quyết định kế sách hành động như Tôn Võ Tử đã nói: “Biết mình biết người, trăm trận không bại; chỉ biết mình mà không biết người, một thắng một bại; không biết mình cũng không biết người,

mỗi chiến mỗi bại”. Hai là nguyên lý kế hoạch, khi đánh cờ ta phải nghiên cứu và định trước xem nên công hay thủ như lời Tôn Võ Tử: “Kế hoạch càng chu đáo, mặt nhiệm bao nhiêu thì cờ thắng bấy nhiêu”. Ba là nguyên lý tự nhiên, ta phải tập trung lực lượng và nhằm vào chỗ hờ ít phòng thủ của đối phương tấn công thì phần thắng chắc về ta như lời Tôn Võ Tử: “Hình thế của nước là tránh chỗ cao mà đổ xuống thấp, cũng như hình thế của cuộc hành binh là tránh chỗ thực mà đánh chỗ hư”. Bốn là nguyên lý cầu kỷ, phải tạo cho mình một ưu thế hơn đối phương, tránh không để thất bại về mình, như lời Tôn Võ Tử: “Kẻ thiện chiến biết đứng trước trên vị trí không thể bị bại mà không mất phần thắng”. Rồi nguyên lý toàn tồn, nguyên lý chủ động, nguyên lý lợi động... cũng đều rút từ binh pháp ra cả. Trước khi xuất trận, Nguyễn Duy thường bày bàn cờ ra nghiên cứu các nước đi để lát nữa áp dụng vào trận đánh. Như theo nguyên lý cấp tốc “Việc binh cần phải nhanh như gió, động như sấm sét, xâm chiếm như lửa cháy”, hai xa phải ra thật sớm, tung hoành sát quân, lấn nước, dọn đường cho pháo mã tấn công chớp nhoáng. Như thế mỗi quân cờ hạ xuống bàn là phải có một thế hăm dọa đối phương, hoặc sát quân hoặc chiếm lợi địa và làm tê liệt sức chiến đấu của đối phương. Nghiên cứu địa hình trên bàn cờ, Nguyễn Duy phát hiện ra đường nào chướng ngại vật, đường nào tiến quân gần nhất để tiến tới mục tiêu. Nhiều trận đánh thắng giặc, Nguyễn Duy đã thắng trước từ trên bàn cờ rồi.

Biết tính em Nguyễn Tri Phương tằm tằm cười:

- Cái chú này! Ai đòi nhân danh một ông Tán Lý mà vẫn cái thói con nít, hể nghe nói đến ai cao cờ là cứ y như ếch vồ hoa ấy.

- Tán tào gì cũng không bằng cái món cờ. Để hôm nào em phải mời ông Phó lãnh binh đến giao đấu một trận mới được.

- Chú chơi cờ mới sạch nước cản thôi, đã cao gì cho lắm mà bạ ai cũng đòi đấu. Cái nước mã ngọ tào^{15*} hôm nọ của tôi chú đã phá được chưa nào!

- Còn ngón đòn song tiên^{16*} của em, anh cũng có chọi được đâu!

- Sau này tôi đi cái nước lão mã hồi hương^{17*}, chú chả chịu thua là gì!

- Em nóng tánh không thể chơi cái kiểu cù cưa đó được. Cùng lắm em dám chơi cái nước liêu “Triệu Tử Long nhứt thân đô thị đởm”^{18*} là anh

phải chịu hàng liên thôi hà.

Tiếng cười lại nổi lên giòn giã, bất chấp cái không khí đầy đe dọa của một thành trấn, giặc đã chiếm đóng quá nửa. Hình như sau câu chuyện về chiến lược, chiến thuật, hào khí đã dâng tràn ngập căn phòng tranh tối tranh sáng này.

Bỗng khuôn cửa được mở rộng để lộ một khung trời trắng ngà màu giấy bản. Viên tùy tướng Trần Nhưộng bước vào cùng với một làn gió lạnh ập vào phòng.

- Bẩm tướng công, giữa giao thừa đêm qua, tên lính Trần Bá Lộc bỏ phiên canh, trốn mất tiêu. Theo tiểu tướng biết thì tên này đã chạy vào đồn Cây Mai đầu hàng giặc.

Nguyễn Tri Phương chăm chú:

- Sao người biết?

Trần Nhưộng rụt rè:

- Không dám giấu tướng công, Trần Bá Lộc với tiểu tướng vốn có tình anh họ. Nhưng vì mới đăng lính nên chỉ là lính trơn, chưa có chức tước gì. Thấy tiểu tướng vừa là phận em vừa ít tuổi hơn mà lại đóng quân vệ binh, chỉ huy cả cơ binh của Lộc, bên Lộc tỏ ý bất phục. Nhiều khi Lộc bực bội thốt ra lời: Phải đứng trên đầu trên cổ tiểu tướng chớ không chịu kém. Ít lâu nay, thấy Lộc thường đi lại với tên Sầm Tổng Hến, chủ hiệu buôn gạo ở Chợ Lớn, tiểu tướng có khuyên can nhưng Lộc không chịu nghe. Tiểu tướng vì nể tình họ hàng nên không làm ngặt. Lộc thừa lúc sơ hở đã chạy sang trại giặc, tiểu tướng xin chịu tội thất sát.

Nguyễn Tri Phương im lặng hồi lâu. Trần Bá Lộc là vệ binh ở đại bản doanh, thế tất phải biết những đường hầm từ Đại Đồn ăn thông với phía dưới đồn trại của giặc. Nguyễn Duy bỗng lẩm bẩm:

- Nhất tốt độ hà, bán xa chỉ lực!^{19*}

Chú Thích

^{1*} Cuối thế kỷ 19, ta phiên âm chữ France (nước Pháp) là Phú Lăng-Sa tục gọi là Lang-Sa.

^{2*} Hoàng đế, tức Nã Phá Luân đệ tam (Napoléon III) nước Pháp.

^{3*} Lô bộ: dàn binh khí nghi trượng trong dinh vị vua.

^{4*} Tóc đỏ, tiếng dân ta -cuối thế kỷ 19- gọi người Anh.

^{5*} Năm 1857.

^{6*} Tức Lê Văn Duyệt, Tổng trấn Gia Định thành.

^{7*} Bóng lụa thưa xiên ngang bên dòng nước trong và nông.

Hương thơm thoang thoảng nhẹ dưới trăng lúc hoàng hôn.

Hai câu thơ trong bài Sơn viên tiểu mai thi của Lâm Bô, tự Quân Phục, một thi sĩ đời Tống.

^{8*} Nhìn mặt nhau nói chuyện bằng tiếng thầm trong lòng.

^{9*} Tuyết dữ gió gào lại càng lạnh冽. Trong các loài hoa, mai thanh cao kiên cường nhất. Hết mùa kệ cho rơi rụng. Thẹn đến với chúa Xuân xin rủ lòng thương. Say bẻ mai tàn một vài cành. Mặc cho đào mận cứ gặp thì. Trước đây trong lúc băng tuyết đóng cứng mặt đất. Cây hoa nào cố sức kéo Xuân sang. Hai bài thơ Lạc mai (mai rụng) của Lục Du tự Phóng Ông, nhà thơ yêu nước đời Nam Tống từng phản đối triều đình đầu hàng trước quân Kim xâm lược.

^{10*} Áo gài nút phía bên trái.

^{11*} Sắc xuân đầy nhà.

^{12*} Non Mai nghìn dặm xa vời, Sớm nay biết có xuân tươi thế nào. Thơ Trần Bích San, tự Hy Tăng.

^{13*} Năm 1854.

^{14*} Năm 1859.

^{15*} Mã ngọạ tào: mã nằm tàu.

^{16*} Ngón đòn song tiên: hai bên đánh xe lật như hai ngọn roi cùng quạt.

^{17*} Lão mã hồi hương: con mã từ bên này sang đất địch sau mười nước chiếu mới về nhà thành quân giũ nhà, nếu về được thì bên kia thua.

^{18*} Một bên 16 quân đỏ, một bên còn 4,5 quân có một con mã ngòi, nhẩy đi nhẩy lại, bên kia cứ phải đấm quân, cho nó ăn đến hết quân.

^{19*} Một tốt qua sông, bằng sức nửa xe.

II

Tên con đường rộng phẳng, ba viên võ quan Việt đang thong thả bước. Họ đi tuần tra việc canh phòng bảo vệ cho dân ăn tết yên ổn, e Tây có thể từ đồn Cây Mai bất thần thọc ra. Dẫu đi bình thường chân họ theo nếp quen vẫn bước thẳng, dầy vẻ hùng dũng. Đi đầu là một con người vóc cao mà mảnh mai, gương mặt đầy, nước da trắng có vẻ một phong lưu công tử, nhưng lại lộ ra khí phách ngang tàng. Riêng vầng trán rộng và đôi mắt sáng nói lên tánh quyết đoán và đa mưu. Đó là viên Phó lãnh binh Trương Định, chỉ huy binh lính giữ đồn Trung.

Người thứ hai, cao lớn, khỏe mạnh, nước da bánh ít, gương mặt vuông, đôi mắt nhìn thẳng thắn, chân tay to bè bè và sần sùi. Đó là viên Quản cơ Nguyễn Văn Lịch^u, xuất thân dân chài, sau nhập ngũ, làm tùy tướng của Trương Định. Quản Lịch rất giỏi võ, lúc Lang-Sa mới sang, tại làng Bình Trinh huyện Thủ Thừa tỉnh Tân An có nhiều kẻ bất lương nổi lên làm trộm cướp. Nhưng khi ông tới, bọn chúng đều tan hết, dân làng liền cử ông làm chức Hương quản. Khi Trương Định lập đồn điền, ông cũng mộ dân phu tới góp sức khai khẩn và khi Định dấy nghĩa quân, ông cũng theo luôn. Ông có oai nên quân sĩ đều mến phục.

Người thứ ba thấp nhỏ, mắt lé, cầm nhọn nhưng trán dô chứng tỏ là một tay gan góc, táo tợn. Đó là viên Đội Huynh Tấn, người làng Phước Hậu, Chợ Lớn, cũng theo Trương Định làm lính đồn điền từ ban đầu nên được Định tin cậy.

Ba người cứ lầm lũi đi, không ai nói với ai một lời. Con đường vắng ngắt, đầu năm mới mà không người qua lại. Hai bên những căn nhà bằng gỗ, lợp ngói bị giặc đốt nham nhở. Trước đây, những nhà này vào bậc phong lưu với bộ cột gỗ danh mộc: gỗ, cẩm lai, cây núi, nóc lợp ngói, vách có phong tô hắc hoi, khiến người ta qua lại cũng phải dừng chân hít hà: “Hứ! Nhà gì cột bóng ngó thấy mặt, vách rờ mát tay!”. Vậy mà giờ đây chỉ thấy cột kèo đồ lủng chổng trên một đống tro than bừa bãi.

Khỏi cầu Ông Lãnh bắc bằng cây danh mộc, ba người qua Cầu Muối. Chỗ này trước đây tấp nập những “ghe cửa” chở muối cập bến, kê sát những kho hàng lá dùm chứa muối. Bây giờ chỉ còn trơ trọi mấy dãy nhà

xơ xác, mặc cho mưa sa nắng táp. Chỗ rạp hát bội xưa kia trống phách om xòm, giờ cũng im lìm nép bên ngôi đình rêu mốc.

Khỏi Cầu Muối đến Cầu Kho, mấy dãy nhà kho Cẩm thảo của nhà vua xây để tích trữ lúa gạo của vùng lục tỉnh tải lên nộp cống, giờ đây cũng vách lỗ tường long. Trên một cổng gạch, có đắp ba chữ Hán “Tân Triêm Phường”. Đây là chỗ ở của ông Tú tài Nguyễn Đình Chiểu. Mấy tháng trước, Trương Định đã nhận lời ủy thác của ông Đỗ Trình Thoại, Tri phủ Tân Hòa, bạn đồng khoa của ông Tú, tới đưa ông Tú tạm lánh về Cần Giuộc vì ông nhất định không chịu rời khỏi vùng khói lửa. Bữa đó, Trương Định phải khẩn khoản nói, nếu ông Tú không chịu đi thì mình có lỗi với ông Huyện Thoại. Cuối cùng vì quá nể lời nên ông mới chịu để cho binh lính của Trương Định hộ tống ông về Cần Giuộc.

Đi qua chỗ ở của ông Tú, Trương Định nhớ lại bài thơ “Chạy giặc” ông đọc cho nghe hôm mới gặp:

*Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây
Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng
Nỡ để dân đen mắc nạn này?*

Hai câu cuối như mũi dùi nhọn nung đỏ xoáy sâu vào lòng Trương Định.

Quản Lịch bỗng đi gấp mấy bước cho kịp Trương Định, níu cánh tay Định:

- Bác Lãnh nè, tôi nghe nói chợ Tân Kiểng trước đây có nhà sư đánh cọp, có đúng vậy không?

Trương Định gật đầu:

- Phải. Nghe các cụ kể lại đầu năm Canh Dần^{2*} đời chúa Định Vương, khi mọi người đang ngủ yên, có con cọp dữ vào nhà dân ở phía Nam chợ quấy phá. Dân chúng sợ hãi báo với Đồn dinh cho lính vây bắt. Phải dỡ nhà cửa làm nhiều lớp rào bao vây, nhưng con cọp rất hung tợn không ai dám động tới. Sang ngày thứ ba, có một vị thầy chùa tên là Hồng Ân cùng đồ đệ là Trí Năng đi quyên giáo qua, xin vào bắt giùm. Hồng Ân giao đấu với cọp một chặp lâu, cọp bị đánh đau, chạy núp trong lùm tre. Hồng Ân rượt theo, cọp bị khốn quay lại đấu với Ân. Ân bước lúi té xuống mương bị cọp vồ xé, nhờ có Trí Năng tiếp tay đánh trúng đầu cọp chết liền,

nhưng Hồng Ân cũng từ trần vì vết thương quá nặng. Người quanh chợ cho là Ân có nghĩa khí đem chôn cất ngay tại đó. Chỗ có cái tháp kia kia là mộ Hồng Ân đấy.

Quản Lịch nhìn theo tay Định chỉ, thấy một ngôi tháp vôi trắng mốc rêu vươn lên trời. Ông nói với Định:

- Cọp dữ không bằng giặc Lang-Sa bây giờ. Bác Lãnh giết được thằng tướng giặc Bác – bê cũng coi là trừ được một con cọp cứu nguy cho dân lành đó.

Đội Tấn muốn lấy lòng người trên, cũng vồn vã:

- Câu chuyện giết thằng Bác-bê ra sao, quan Phó lãnh binh kể cho bọn tôi nghe nhờ chút.

Trương Định khiêm tốn gạt đi nhưng Tấn cứ nài mãi nên ông đành kể lại đầu đuôi. Số là ở Gia Định có một phụ nữ thuộc dòng quyền quý tên là Thị Ba, bị cha mẹ ép duyên với viên lãnh binh Nguyễn Văn Sắt. Khi giặc chiếm đóng Gia Định, Thị Ba phải lánh vòng khói lửa về ở làng Bình Lý. Ở đó, giữa cảnh đồng ruộng bao la, Thị Ba gặp một người bạn quen từ nhỏ hiện là Quản cơ, tên là Nguyễn Văn Tri. Giữa Tri và Ba nổi lại mối tình đậm đà. Trong khi đó viên phụ tá của Quản Tri là Đội Dinh cũng rung động trước sắc đẹp của Thị Ba, nhưng bị Thị Ba khinh rẻ. Đội Dinh lấy làm hổ thẹn và tức tối, hăn bèn lập mưu gài bẫy Quản Tri và Thị Ba, khiến cả hai đều bị Lãnh binh Sắt bắt trói và thả trôi sông.

Lúc này, tên quan ba Lang-Sa Bác-bê đang đóng tại chùa Khải Tường. Một bữa đang đi săn. Bác-bê thấy ở giữa sông Sài Gòn có chiếc thuyền trôi bênh bồng, trên thuyền có hình người. Vì tò mò, Bác-bê kéo chiếc thuyền vô bờ thấy một người đàn ông và một người đàn bà bị cột lại với nhau. người đàn ông đã chết, còn người đàn bà thì hấp hối. Bác-bê bèn lấy dao cắt dây trói rồi cho khiêng người đàn bà về đồn. Người đàn bà khá xinh khiến Bác-bê ưa thích ngay từ lúc đầu, nhưng về đồn bị đau luôn trong hai tháng, may nhờ có thầy thuốc và Bác-bê chăm sóc, nên lần lần phục sức. Sau ba tháng tĩnh dưỡng tại đồn, người đàn bà xin phép viên quan đi thăm bà con, còn thể thốt sẽ trở lại.

Một đêm kia, có một người Việt tới kiếm Bác-bê và cho hay người bạn lòng của y là Thị Ba đau nặng sắp chết tại một ngôi chùa cách đồn của y hai tầm súng. Lập tức y lên ngựa ra đi. Khi đến một khúc quẹo

cách chùa Khải Tường ba mươi thước thì quân mai phục của ta xông ra dùng giáo đâm y lộn nhào từ trên mình ngựa xuống chết.

Nghe xong, Quản Lịch hỏi gặng thêm:

- Sau bác Lãnh lại rõ chuyện Thị Ba mà dùng kế mai phục giết Bác-bê hay quá vậy?

- Có gì đâu. Ta bắt gặp Lãnh binh Sắt đón đường trước chùa Khải Tường bắt Thị Ba, ta liền trói cả hai giam vào một nơi chờ nộp lên quan Tổng trị tội vì chuyện ghen tuông mà để hại việc nước. Rồi tương kế tựu kế, cho người tới báo với Bác-bê là Thị Ba đau nặng...

Đội Tấn reo lên;

- Quả là mưu Gia Cát! Một Bác-bê chớ mười Bác-bê cũng phải nộp mạng trước quan Phó Lãnh binh.

Miệng nói vậy nhưng bụng Tấn lại nghĩ khác. Từ lâu Tấn đã ngấm ngấm bất mãn vì Định đặt Lịch ở trên mình. Lại thêm từ ngày Lang-Sa chiếm thành tới nay quân triều thiếu lương thực tiếp tế, ăn uống kham khổ, lúc nào cũng gần kề nguy hiểm trước một bọn giặc súng ống tinh xảo hơn, Tấn đã ngã lòng cho rằng bên quân triều khó mà chống cự nổi. Mới đây tên cai mã tà Trần Bá Lộc ở bên đồn Lang-Sa đã cho người bí mật liên lạc với Tấn, rủ Tấn sang đầu Lang-Sa sẽ được trọng dụng. Nhưng Tấn thầm nghĩ bỏ chạy theo Lang-Sa lúc này chưa phải lúc. Ở đời nên giữ cái mẹo khôn: “Ăn cơm đi trước, lội nước đi sau” chờ tới lúc tình thế ngã ngũ hẳn sẽ hay. Vả lại muốn theo Lang-Sa thì thiếu chi cơ hội, mình cứ nằm trong hàng ngũ quân triều, kiếm cách leo cao bám sâu, có khi lại giúp được người Lang-Sa đắc lực hơn cũng chưa biết chừng.

Bỗng Tấn giật thót người vì một tiếng thét của Quản Lịch:

- Phải chém! Chém!

Tướng Lịch đọc được những ý nghĩ thâm kín của mình, Tấn đã toát mồ hôi, nhưng định thần lại thì nghe thấy Lịch nói:

- Những tên Lãnh Sắt, Quản Tri, Đội Dinh mang danh là quân nghĩa mà vì chuyện riêng tư tàn hại lẫn nhau thiệt là đáng giận! Đúng là con sâu bỏ rầu nổi canh!

Trương Địnhthông thả:

- Chú Quản nên nhớ rằng những người đó đâu sao cũng là quan quân trong cơ ngũ của triều đình, khi bình thời cái thói gian dân bức hiếp dân

lành đã quen mất nết đi rồi. Bây giờ bất đắc dĩ phải dùng họ đánh giặc ngoại xâm, những thói hư tật xấu của quan quyền trước đây đâu dễ gì đã gột bỏ được một lúc. Chỉ trừ phi bọn ta mộ một đội quân riêng gồm toàn những người ứng nghĩa, lúc đó mới nói chuyện được, còn cứ để lẫn lộn như hiện nay, có khi bọn gian tế của giặc trà trộn trong hàng ngũ ta cũng nên...

Tấn lại giật thót mình một lần nữa. May cho y lúc này Định mãi nhìn về phía khác nên không thấy mặt y đang tái dần.

Từ đằng xa thấy Trần Nhưộng hộc tốc chạy lại thở hổn hển:

- Trời ơi! ông Phó lãnh binh, ông để tôi đi kiếm ông thiếu điều hụt hơi. Quan tổng có lệnh vờ ông tới bản doanh có việc gấp.

Trương Định gạt đầu với Nhưộng rồi quay lại Lịch và Tấn:

- Các người hãy về canh phòng đồn trại, ta phải vào hầu quan Tổng, coi người truyền dạy ra sao.

*

- Năm mới tiểu tướng xin kính chúc tướng công trường thọ, phước lộc song toàn, mã đáo thành công, kỳ khai đắc thắng^{3*}

Nhìn viên tướng uy nghi trong chiếc áo dài màu lam, thắt lưng điều bỏ giọt, quần khăn nhiễu tam giang, quần trắng nhét trong đôi ủng đen mũi cong, Nguyễn Tri Phương niềm nở tiếp lời:

- Không dám. Năm mới ta cũng chúc ông Phó lãnh binh giết được nhiều giặc, lập được nhiều công. Có tin gì mới không?

Lần nào gặp Trương Định, Nguyễn Tri Phương cũng bắt đầu bằng câu hỏi này. Đó là vì ông tin tưởng Định là người có trí, sáng suốt và rất thiết thực. Không những thế, Định còn rất dũng cảm, lần nào cũng đi tiên phong đánh giặc. Trong trận đánh đồn Kiểng Phước, nghĩa binh của Định đã giết được hàng trăm tên giặc, đồng thời ngăn chặn chúng phải ở nguyên trong phòng tuyến của chúng không ra đóng được ở mé Chí Hòa. Chiến công ấy cùng với việc giết chết tên Bác-bê vừa rồi, được Nguyễn Tri Phương hết sức khen ngợi, ông đã nhìn thấy trước ở Định tầm cỡ của một vị tướng thao lược, trí dũng kiêm toàn.

Sau khi nghe câu hỏi của quan Thống đốc quân vụ, Trương Định nhỏ giọng nói:

- Tôi mới được tin mật báo, cuộc giao tranh ở bên Tàu sắp chấm dứt nên quân Lang –Sa có thể về tiếp viện cho bọn quân ở Gia Định. Tình hình này ta phải xuất quân đánh đồn Cây Mai trước, cố tiêu hao bằng được một số lớn binh lực, cho chúng núng thối. Nếu để chậm, viện binh của giặc tới kịp, e rằng càng khó xoay sở. Chẳng hay ý tướng công ra sao?

Nguyễn Tri Phương trầm ngâm một hồi:

- Ta đã xin chúa thượng cho đánh từ khi giặc Phú mới rút bớt quân sang đánh nhau với Thanh triều, nhưng Ngải Ngự không quyết. Lần nữa đến nay, viện binh của chúng lại sắp kéo tới, chúng được tin tất cố sống cố chết chống giữ, việc quét sạch đồn giặc không phải dễ dàng. Không những thế, nếu đánh dốc toàn lực, e rằng Thánh thượng lại trách là cứng quá, làm lỡ mất cơ hội giảng hòa. Biết tính làm sao bây giờ?

Trương Định khoản thai nói:

- Tôi thường nghe nói: “Tướng ở ngoài có khi không phải tuân theo mệnh vua”. Hiện nay lòng dân đều hăm hở quyết đánh, cứ trừ trừ chùng nào, chỉ càng thêm nhụt nhuệ khí chùng ấy...

Lòng dân... Thì mấy năm nay, Nguyễn Tri Phương đã được hiểu thêm nhiều. Mới ngày nào, khi nhìn những người dân thường hồn nhiên, vô tư, khi đứng coi đua ghe ngo, trên đường nước chùa Cây Mai, ông đã lo lắng: nếu giặc đến thì quân lính của ông làm thế nào mà bảo vệ được họ. Nhưng vượt trên cả sự lo lắng của ông, khi chiến thuyền nhỏ của giặc vào con rạch từ xóm Chiếu đi xóm Củi, nhổ cọc phá cảng, đem quân vào chiếm đóng chùa Cây Mai, chùa Khải Tường, đền Hiển Trung và chùa Chợ Rẫy thì chính những người dân thường kia đã xông ra chặn giặc từ bước đầu. Thành Gia Định thất thủ, quân triều đình bỏ chạy thì những đội hương dũng đã tự động đứng lên đánh giặc. Ngay từ khi thành chưa thất thủ, thì Trần Thiện Chánh, một cựu tri huyện đã bị triều đình cách chức, và Lê Huy, một quân nhân đã bị thải hồi, cấp tốc chiêu mộ được năm nghìn dân dũng, vận động dân chúng góp tiền góp lương, nổi lên ngăn địch, giúp cho Hộ đốc Trần Trí yên toan chạy về ụ Tây Thái, sau khi giặc bắn phá đồn lũy ở Gành Rái mà viện binh của Nguyễn Tri Phương chưa vào kịp. Giữa lúc ở Huế, quan Khâm thiên giám còn xem lịch chọn ngày làm lễ “Khởi mã” để vua Tự Đức đẩy xe tượng trưng cho đại

tướng xuất quân, thì những đội nghĩa binh với dao phay, gậy tầm vông đã giết được bao nhiêu tên giặc cướp nước.

Không nói đâu xa, mới cách đây sáu tháng, hai ngàn dân dũng do Đinh Bình Tâm chỉ huy, đêm mồng ba rằm mồng bốn tháng bảy, đánh vào Chợ Rẫy, chùa này là yếu điểm trên phòng tuyến của địch từ chùa Cây Mai về Trường Thi, cũng là nơi mà, nếu bị vỡ, địch phải rút hết các căn cứ của nó ở Chợ Lớn. Thắng giặc rồi Đinh Bình Tâm đem một bộ phận lớn nghĩa dũng đến xin sáp nhập vào quân đội của ông. Chính những người này đã đánh tàu Primôghê của địch đậu trên sông Đồng Nai tháng trước.

Biết như vậy nhưng ông cứ hỏi lại cho thêm chắc chắn:

- Tình hình sĩ phu và bách tính hiện nay thế nào?

- Ngoài các thủ lĩnh nghĩa binh như Hồ Huân Nghiệp, Phan Văn Đạt, Lê Cao Dong, những văn thân như Huỳnh Mẫn Đạt, Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu đều đứng về phía kháng chiến. Còn Tôn Thọ Tường thì nghe đâu thường thậm thụt đi lại trong đồn Phú.

Chuyện Tôn Thọ Tường thì Nguyễn Tri Phương cũng đã biết. Vì Tường thường đi lại với giặc, bị mọi người khinh bỉ, nên y phải tìm cách che đậy, bào chữa cho hành động của mình. Nhân ra vào đồn Cây Mai, y nảy ra ý làm thơ vịnh cây mai ở đó, để biện bạch cho tấm lòng “trong sạch” của mình, không ngờ gặp cảnh ngộ “cheo leo”:

*Đau đớn cho mai cách dưới đèo,
Mười phần trong sạch phần cheo leo.
Sương in tuyết đóng nhành thưa thớt
Xuân đến thu về sãi quạnh hiu.
Lặng lẽ chuông quen con bóng xế,
Tò le kèn lạ mặt trời chiều,
Những tay rượu thánh thi thần cũ,
Trông cảnh bao nhiêu tiếu bấy nhiêu.*

Nguyễn Tri Phương trầm nghĩ, nếu mai biết nói hẳn phải nguyên rửa cái tên trơ trẽn, mượn mai để che đậy cái tâm địa phản phúc của y. Lời lẽ mới thơn thớt giả dối làm sao! Những kẻ tự nhận là yêu hoa ấy thực ra là những kẻ phản bội lại sự trong trắng của hoa, đâu bằng những người dân thường kia yêu hoa một cách chất phác, bằng việc đem máu giữ từng

tắc đất, dành chỗ cho hoa đua nở dưới không khí trong lành của một đất nước tự chủ, thanh bình.

Câu đồng dao mà ông thường được nghe: “Trời xanh bông cứng lá dai. Gió day mặt gió, chiều ai không chiều” phải chăng vừa nói được cây mai, vừa nói được tấm lòng của những người dân Nam kỳ quyết tâm chống giặc.

Nhìn về phía xa, cửa thành Sài Gòn với tòa Vọng lâu đồ sộ bị giặc bắn sập nằm trước, không còn kiêu hãnh nổi bật lên nền trời nữa. Phía trước mặt là Đồng Tập Trận và Mô súng, nằm im lìm như bãi tha ma. Những năm trước, cũng vào ngày này, Nguyễn Tri Phương đã cho phát ba tiếng súng, tiền hô hậu ủng, quân gia rầm rộ kéo ra ngả Phan Yên môn, từ đó xuống ngả Chợ Vải để trở lại đường Cửa Hữu và trực chỉ lên Đồng Tập Trận, ở đó, ông duyệt hết các cơ binh đóng trong lục tỉnh. Năm nay, vì giặc đóng ngay cạnh vách nên lễ “xuất binh” đành bãi bỏ. Lòng Nguyễn Tri Phương bỗng sôi lên một niềm phẫn nộ. Ông hỏi giật giọng:

- Ông phó lãnh binh có kế sách nào không, nói ngay cho ta rõ.

Trương Định ngẫm nghĩ, rồi nói:

- Hôm nay đang là mồng một Tết, giặc Lang-Sa tất cho là quân ta mãi ăn Tết, chắc không có lòng nào đến đánh đồn trại của chúng. Chi bằng ta làm kế nghi binh, cứ cho quân sĩ vui chơi ăn uống, ngày bày trò đánh vật, tối bày cuộc hát bội, trống phách tưng bừng. Thừa lúc ấy, ta cho một toán quân cầm tử tiến sát đồn Cây Mai, ủng hộ cho các toán quân khác đào hầm và dựng đồn lũy sát gần phòng tuyến của chúng. Vòng vây đồn Cây Mai được khép chặt, vừa bóp nghẹt quân giặc, vừa cắt liên lạc với bên ngoài, không những tiêu hao được sức giặc mà còn tránh được phần nào đại bác của chúng bắn ra. Từ đấy, ta tăng cường thêm các đội du kích và thám sát ở các đồn lũy gần sát trại giặc, cứ đêm đến thì tiến đánh các điểm yếu của địch, đánh phá tàu thuyền, đốt các nhà ở gần đồn. Làm như vậy có thể làm cho sức giặc hao mòn, lương thực thiếu hụt, tinh thần rúng động, bức chúng phải đầu hàng trước khi viện binh kéo tới.

Nguyễn Tri Phương ngạc nhiên trước chiến thuật cơ động của Trương Định. Phải chăng cách bài binh bố trận của ông đã lỗi thời rồi.

Bỗng nhiên, ông thấy mình già đi một cách ghê gớm. Lưng còng xuống hình như không mang nổi gánh nặng.

Nhưng nhìn viên tướng trẻ, có nét mặt khôi ngô, cương nghị, có đôi mắt đầy tự tin, ông phần nào yên tâm. Như vậy, dầu ông có chết, cũng đã có người nối tiếp sứ mạng của mình. Lúc lật đật nắm lấy cánh tay người trẻ tuổi, ông thấy tay mình run run vì xúc động. Hai dòng máu trẻ già như hòa chung, chảy rần rật trong cơ thể. Ông có niềm vui của gốc mai già vừa nảy được một cành non.

Chỉ hai Thưởng đang khoanh tay nướng bánh phồng trên chiếc hỏa lò than đượm lửa. Tay chỉ thoăn thoắt như múa trên hỏa lò. Cái nghề nướng bánh mà không lật qua lật lại thì cái bánh bị lửa tấp cháy đi mất. Chẳng thế mà có câu “tráo trở như nướng bánh phồng”

Thằng Huệ đang đốt pháo ở trước cửa, chạy vào bấp núp áo mẹ:

- Bánh phồng chín chưa má?

- Sắp chín rồi, con cứ ra ngoài chơi đi, lát nữa tía về cả nhà cùng ăn một bữa mới vui chứ!

Thằng Huệ mới bảy tuổi mà rất ngoan ngoãn, dầu nó thèm ăn bánh phồng đến chết được, vậy mà nhắc đến chuyện đợi tía nó về cùng ăn, là nó thôi liền, không đòi nữa. Cái tên Huệ của nó cũng là do kỷ niệm mối tình của tía má nó mà có. Số là Trương Định có lần về Tân Hòa, Tân An chơi. Cậu ấm con quan Vệ úy Gia Định không những đã phải ngạc nhiên về cảnh đất đai ở vùng này rộng mênh mông mà còn bỏ hoang, còn ngạc nhiên hơn khi gặp một cô gái quê mùa rất xinh đẹp, nét na, ở tỉnh thành cũng không dễ mấy ai bì kịp. Sau khi trò chuyện một hồi, cảm vì sắc đẹp, vì sự thùy mị của cô, Trương Định về nói với cha xin cha cho mối lái đến hỏi cô về làm vợ. Cụ Vệ úy gạt đi, cho là không được môn đăng hộ đối. Thế là Trương Định bỏ dinh, về Tân Hòa cùng cô gái dựng một ngôi nhà gỗ, vợ chồng chung sống với nhau. Từ đấy, Trương Định bắt đầu cùng vợ khai khẩn đất hoang ở vùng này. Bàn tay búp măng xinh xắn của cô Hai Thưởng- tên cô gái- đã in những vết chai sạn khi cầm xuồng, cầm leng. Nhưng cô không bao giờ kêu ca nửa lời. Chỉ nửa năm sau, vợ chồng đã vỡ hoang được năm công đất, cứ kể ra hai vợ chồng trẻ từng ấy ruộng đất là đủ làm ăn sinh sống rồi. nhưng Trương Định chưa vừa lòng, ông muốn dân khắp vùng đều được no đủ như gia đình ông. Ông liền đi vận động dân chúng chung quanh đến cùng ông mở rộng đồn điền. Khi đồn điền đã mở rộng thênh thang, thẳng cánh cò bay thì lại gặp một khó khăn là thiếu giống. Ông liền về quê ở Quảng Ngãi lấy giống

lúa mang vào. Ở Quảng Ngãi có bốn vụ cấy và gieo, tháng ba với ba loại giống: ba trắng, lúa trắng, lúa chiêm ngự, tháng tám, lúa tàu núc, tháng mười giống bông rinh và tháng chạp giống trì trì, trong đó bông rinh và trì trì là lúa gieo.

Lúc Trương Định mang giống lúa vào, một số bà con cho là trong này vốn có tập quán trồng lúa nước, e rằng giống lúa mang từ miền Trung vào không phù hợp với thổ ngơi ở đây, nên không ai chịu. Trương Định liền tự gieo ở ruộng riêng của mình. Chị Hai Thưởng lúc đó đang có bầu cũng vẫn ráng giúp chồng chăm bón cho lúa. Quả nhiên, giống lúa Quảng Ngãi bén duyên đất Tân An, mùa sau cho một vụ thu hoạch tăng gấp bội. Vừa lúc đó, chị Hai Thưởng cũng mãn nguyệt khai hoa, sinh một trai, Trương Định vui mừng vì mùa màng bội thu, liền đặt tên cho con trai là Huệ, nghĩa là bông lúa để kỷ niệm.

Bổng thằng Huệ reo to từ ngoài ngõ:

- A! tía đã về! Tía về rồi đây nè, má ơi!

Thiệt là cực cho thằng nhỏ, đã hơn một năm nay, Trương Định mắc việc chống giặc ở Gia Định không có thì giờ về Tân An thăm vợ con. Tết này, Trương Định cũng báo tin cho vợ biết là không về được. Thế là chị Hai Thưởng dẫn thằng Huệ lên tận trại quân để ăn Tết với chồng. Bắt đầu đặt chân tới Gia Định từ chiều ba mươi Tết, vậy mà hai mẹ con cũng chỉ được hàn huyên với Định từ chập tối đến giao thừa, còn từ giao thừa đến tận chiều mồng một, Trương Định cứ đi miết, tới giờ mới thấy ló mặt trở về. Thằng Huệ đã sắp sẵn bao nhiêu chuyện để nói với tía nó, nào chuyện con vịt béo mà má nó mang lên ăn Tết là do chính nó cho ăn nên mới béo được như vậy, nào chuyện con dế lửa của nó đã đá thắng con dế mọi của thằng Biên; nào chuyện con mèo hư quá đã ăn thịt mấy con chim gáy mà tía nó gởi chú Quản Lịch cũng quê ở Tân An, về thăm nhà ghé đưa cho nó. Nào chuyện ngoại nó rầy tía nó cứ đi hoài không săn sóc gì tới má con nó, và nói rằng ông sẽ lên kiện tận ông quan to nhất về tội tía nó không léo hánh về nhà, nó thấy cần phải báo trước cho tía nó biết mà trốn kỹ đi kẻo ngoại nó bắt về mất. Nó cũng biết là có chuyện lớn bằng trời tía nó mới phải bỏ má nó mà đi, nên nó không giận tía mà lại trách ngoại nó sao lại rầy tía nó như vậy. Nó tự cho nó và tía nó về cùng một phe, chống lại ngoại nó. Chỉ còn má nó không biết thế nào, liệu có đứng về phe nó với tía nó không?

Bao nhiêu chuyện quan trọng cần nói mà chưa nói được, tức ghê đi. Bây giờ tía nó về, hỏi nó không mừng sao đặng. Nó kéo tay tía nó vào tận trong bếp để trao trả vào tận tay má nó, đó cũng là một chiến công của nó trong ngày hôm nay.

Nhưng nó bỗng xịu mặt khi thấy tía nó nói:

- Tôi chỉ quẹo qua nhà chút xíu báo cho má con hay cứ ăn cơm trước đi, khỏi chờ tôi.

Chị hai Thương ngẩn người, chiếc đĩa lật bánh rớt xuống mặt than, chị cũng không biết. Mỗi khi thấy mùi khét, chị giật mình nhìn lại thì lửa đã bén vào chiếc đĩa cháy thành ngọn lửa khiến lửa tấp vào mặt bánh cháy đen một góc. Chị đâm ra cáu gắt với con:

- Chỉ tại cái thằng nhỏ kia ham ăn quá, bắt phải nướng bánh phồng trước cho nó, nếu không, em nấu xong món vịt tần cho anh ăn trước khi đi rồi.

Thằng nhỏ bị rầy, mặt càng chảy dài ra, nước mắt vòng quanh, Định vội bồng con nựng nó:

- Đừng rầy con nữa, cứ cho nó ăn bánh đi. Tía đi tới khuya tía về, con ở nhà ráng ngoan ngoãn đừng làm phiền má ghen.

Chị Hai Thương vào tận trong nhà ôm một cái thúng ra. Chị lật ví đầy thúng, lộ ra một con vịt béo núc ních. Chị đã chuẩn bị con vịt từ mấy tháng ròng, hằng ngày cho nó ăn lúa bắp đầy đủ cho nó béo căng, để chờ đến Tết sẽ luộc cho chồng con ăn. Con vịt xừ ruộng ăn ròng bông lúa, ăn lúa mới chín đòng đòng, ăn tôm tép và ăn cá ròng ròng nên béo mập, khi luộc lên cứ là mỡ tươm ra cả ngoài da, cắn một miếng thịt vịt luộc Tân An thì lên Sài Gòn vẫn thèm và nhớ đến suốt đời. Ngoài con vịt, chị hai còn chuẩn bị mấy nồi thịt kho và các món dưa góp, nào dưa giá, dưa cải, dưa bông điên điển, dưa cọng môn. Lên tới Sài Gòn chị hai đi lòng mua khô nai Bình Dương cho chồng nhậu. Bên cạnh mấy chồng bánh tét nhưn dừa, giũ ruột chém một cục mỡ béo lền, chị còn trổ tài nữ công nướng thêm mớ bánh phồng, thứ bánh này ăn dính dóc giòn, khô họng và lúu lười. Vậy mà bao nhiêu công phu soạn của chị, từ mấy tháng nay đến giờ bỗng hóa thành công dã tràng. Vừa về tới nhà ngời chưa nóng chỗ, anh lại đòi đi rồi. nhìn nét mặt anh đầy vẻ nghiêm trọng, chị đã hiểu

chuyến đi này vô cùng nguy hiểm. Nhưng sống với chồng bấy, tám năm nay, chị đã hiểu tính nết chồng. Chị chỉ còn biết nói một câu:

- Vâng, anh đi nhưng anh nhớ về sớm sớm chút kéo món vịt luộc nguội hết, ăn mất ngon anh à...

Chân chị bước đi loạng choạng vấp vào cái thúng, con vịt bị động bỗng kêu mấy tiếng cạc cạc rồi im bật.

Từ ngoài cửa đưa vào mùi khói pháo thơm thơm.

Nhận lệnh xong, Trương Định về đồn Trung chọn một số người cảm tử theo mình mở đường trước tới đồn Cây Mai của giặc.

Gần tới đồn địch, Trương Định ngạc nhiên trước cảnh biến đổi của khu này. Khúc sông bị lấp, nay giặc đã cho đào lại, từ cầu Nhiêu Lộc tới đồn Cây Mai, nối liền hai thôn Bình Tiên và Bình Tây, thông thẳng với sông Ruột Ngựa. Mặt lộ thì chỗ đường sá khuất khúc, chúng bắt dân phu nắn lại cho thẳng và rộng để cho xe ngựa dễ đi. Về việc sửa đường khơi sông, đoạn nào gặp phải dân cư, mồ mả, chùa chiền, chúng đều phá sạch. Một pho tượng Phật với nụ cười vô tư bị chặt cụt tay vứt bên đường.

Dưới kinh Tàu Hủ, chiếc khinh pháo hạm Giắc-ca-rô án ngữ, bên cạnh xúm xít mấy chiếc tàu nhiều dây neo và tàu máy bọc sắt nhỏ. Về phía ngã tư sông Rạch Cát cũng có một chiếc tàu máy lớn đậu để bảo vệ đồn Cây Mai.

Dọc hai bờ kinh Tàu Hủ là các cửa tiệm Hoa kiều buôn bán lúa gạo, với dãy chành dựng san sát. Từ điểm xóm Lá đến cầu Kinh có những ngôi nhà lụp xụp trong có gái điếm và giáo dân ở lẫn lộn.

Bỗng Trương Định nhìn lạ thấy từ xa có hai bóng người, ông vội truyền cho mấy dũng sĩ nấp vào vệ đường theo dõi. Bóng người tới gần, té ra là một tên lính Ma-ní^{4*} và một tên Mã- tà^{5*}. Tên mã- tà cầm trong tay một cành mai lớn, trĩu hoa. Định bấm mấy người nhất tề xông ra ôm hai tên lính vật chúng té nhào. Định quát hỏi:

- Tụi bây đi đâu?

Tên mã- tà run sợ lắp bắp:

- Dạ...Dạ...tụi tôi...

Trương Định thét:

- Nói đi!

Tên mã-tà ấp úng:

- Dạ, tụi tôi được lệnh quan Tây mang cành mai vô Chợ Lớn chúc Tết ông chủ Sầm Tổng Hếnh...

- Chúc tết để làm gì?

- Dạ ...dạ...để cậy ông đứng ra mua giùm lúa gạo của “các chú” cho quan Tây ạ.

- Bay biết điều phải khai cho rõ địa thế đồn Cây Mai, nếu không thì mất đầu nghen!

Tên mã-tà sợ hãi vội khai hết đường lối vô đồn, chỗ nào đặt vọng gác, chỗ nào có súng ống gì, Định nhất nhất ghi nhớ.

Nhìn cành mai rớt xuống đất, cánh hoa trắng muốt bị lấm bụi, Định thấy xót xa. Hoa trên đất mình mà mình không được thưởng thức, lại bị giặc biến thành một món hàng đổi chác lấy lương thực cho chúng ăn để đánh lại dân mình...

*

Đêm ấy, Nguyễn Tri Phương dẫn ba ngàn dũng sĩ tới đánh đồn Cây Mai. Trước đó, bọn giặc trong đồn vẫn nghe tiếng trống hát bội từ phía đồn quân Việt vẳng lại cho là quân Việt đang mãi ăn Tết nên chúng không phòng bị gì, lao vào cuộc rượu chè, đồ đen sát phạt nhau. Quân ta tới đồn mà bọn chúng vẫn không hay. Tới nơi, Nguyễn Tri Phương hạ lệnh nổ súng. Những khẩu thần công, khóa sơn, đoản mã, khai pháo tới tấp bắn vào đồn giặc. Giặc luống cuống trở tay không kịp, nhiều tên gục ngã trước từng loạt súng của ta. Lợi dụng lúc đó, toán quân đào hầm đã tranh thủ thời gian đào gấp, ép sát phòng tuyến của giặc. Đào hầm tới đâu dựng tạm đồn tới đó. Lúc này hào lũy của ta đã nhích gần tiền đồn của giặc khoảng trăm trượng.

Quân ta sắp phá được cửa đồn, thì trái phá của tàu giặc trên kinh Tàu Hủ và sông Rạch Cát bắn ra như mưa. Một số người bị thương té nhào nhưng Nguyễn Tri Phương vẫn cứ tiến quân. Tiếng súng từ trên tàu liên tiếp nổ vang, miêng các khẩu đại bác phụ thêm, tiếp tục khạc lửa làm sáng cả một góc trời đêm. Nguyễn Tri Phương vẫn bình tĩnh xông xáo giữa trận địa. Cái chết của ông trong lúc này chỉ còn đếm từng ly, từng

phút. Nhưng nếu ông lùi một bước ắt quân sĩ nao núng liền. Dầu nguy hiểm, ông cũng phải giữ vững khí thế ba quân.

Bỗng một trái pháo nổ tung làm mấy chiến sĩ đang hăm hở xông tới gục xuống chết liền. Lại một trái nữa rơi trước mặt ông Nguyễn. Trần Nhượng vội nhoài người ra che đỡ cho chủ tướng nên trúng đạn vào lưng và bắp chân, máu chảy lênh láng không đứng lên được. Quân sĩ vội xô lại, vực Nhượng dậy, lấy thuốc dầu buộc vết thương. Trước tình thế ấy, Nguyễn Tri Phương đành hạ lệnh án binh để kiếm cách đối phó với hỏa lực của giặc.

Nhưng sau đó đạn không bắn về phía quân sĩ của Nguyễn Tri Phương mà sau đồn Cây Mai lại thấy nhiều tiếng nổ dữ dội, ánh lửa đạn chói lòa giữa đêm tầm tối. Thừa lúc ấy, Nguyễn Tri Phương vội thúc quân ào ào xông vào cửa đồn, các dũng sĩ vùng gươm chém lũ giặc canh gác như chém chuối.

Từ phía sau đồn bỗng Trương Định xuất hiện, lưng buộc chặt một cành bạch mai. Thì ra, sau khi bắt được hai tên lính địch, tra hỏi biết ở phía sau đồn chỉ để một vọng gác nhỏ với mười tay súng vì ở đó có một mô đất xây đá bao quanh, đủ che cho vọng gác, Định liền cử hai dũng sĩ canh giữ hai tên giặc, còn mình cùng sáu dũng sĩ khác kiếm đường lọt vào phía sau đồn. Chờ lúc đêm tối, quân Định đi sát tới sau đồn, nhìn vào phía trong thấy trên mô đất có đá bao quanh, một gốc mai cằn cỗi, lá xanh già nhưng nở hoa lấm tấm. Xót thương cây mai ủ rũ như một tù nhân bị giam trong ngục, Định đập cửa hậu xông vào, cùng anh em nhất tề ôm chặt lấy mấy tên lính vật xuống bóp cổ chết không kịp ngáp. Rồi mỗi người chặt một cành bạch mai cột vào lưng.

Thấy tiếng trái phá nổ dữ dội ở mặt tiền, Định biết là quân của chủ tướng đang lâm nguy. Để chia lửa, Định giương súng hỏa mai bắn lên trời một phát. Thấy tiếng súng phía sau đồn, quân giặc hốt hoảng đổ cả về phía ấy, cùng lúc súng giặc trên tàu cũng nhằm phía ấy mà trút đạn. Kế nghi binh đã thành, Định cùng sáu anh em rút về phía trước đồn, mặc cho lũ giặc cứ nhằm bắn vu vơ phí đạn. Tới trước chủ tướng, Trương Định nghiêm trang:

- Bẩm tướng công, chúng tôi xin dâng tướng công bảy cành bạch mai để làm phần thưởng cho những người lập công lớn nhất.

Nguyễn Tri Phương sững sờ nhìn mấy người. Bầy dũng sĩ với bầy càn mai trên lưng trông như bầy cây mai của “Thất mai khu” chụm lại... Một hòn núi cao của phong trào chống giặc đã mọc lên.

Chú Thích

^{1*} Sau đổi tên là Nguyễn Trung Trực.

^{2*} Năm 1770.

^{3*} Ngựa đến công thành, cờ mở thắng lợi.

^{4*} Ma ní bởi chữ Ma-ni, thủ đô Phi Luật Tân. Đây chỉ bọn lính người Phi Luật Tân (khi đó là thuộc địa của Y Pha Nho tức Tây Ban Nha). Lúc đầu Pháp liên minh với Tây Ban Nha sang đánh ta, nên Tây Ban Nha đưa lính Phi Luật Tân sang đánh thuê.

^{5*} Mã-tà bởi chữ Matamata tiếng Mã Lai có nghĩa là cảnh sát. Cuối thế kỷ 19 dân ta dùng chữ mã-tà để gọi bọn lính ngụy.

III

Vừa nhìn Sầm Tổng Hếnh bỗng con gà nhận ra trường, viên cai mã-tà Trần Bá Lộc đã giật mình. Con gà sắc trắng phau, cẳng vẩy trắng xen kẽ đỏ, mỏ trắng, con mắt bạc, nom thiệt quý tướng. Chùng liếc thấy cặp cựa lại càng hết hồn vì rõ là cặp siêu đao nhà nghề của tay thiện chiến. Nhưng vốn tánh thâm trầm, Lộc cứ thả con Ô của mình ra. Con gà này lông tuyến đen nên còn có tên là Ô truy. Con gà nhận thấy gà địch, ngóc đầu lên cao, mắt liếc kêu: “Cà tốt! Cà tốt!” Quả là “ kỳ phùng địch thủ, tướng ngộ lương tài”¹không bên nào phải chạy mặt bên nào.

Tên gia nhân đo lại chiều dài đoạn lấy giấy dán bịt lên cây nhang chân đỏ để làm cữ rồi đốt lên. Một tên khác dò lại chậu nước để “làm nước” một lần chót. Sầm Tổng Hếnh đằng hắng lấy giọng rồi hô to:

- Thả gà!

Hai gà so vẩy, đứng thủ thế, hai chân chùn xuống lấy bộ, hai đầu sát mặt đất, hai cặp mắt thôi miên nhau, như hai tướng dữ ngoài mặt trận. Suốt hiệp nhứt, hai con giữ thế lẫn nhau, thỉnh thoảng xáp lại đá một cái không trúng vào đâu. Qua hiệp nhì, gà nhận vừa rút vào đĩa, chưa kịp phóng chân đã bị gà Ô đá té lăn ra ngoài, chót cựa gà Ô móc rách một đường trầy bên bắp vế gà nhận, không sâu lắm. Con gà bị thương hơi nhót một chân, nhưng nó nổi xung lên xáp lá cà dữ dội.

Sầm khoái trá cứ chạy đi chạy lại theo sát con gà vừa nói những câu gọn lỏn:

- Vai nó đi con, ừ vai nó nữa đi con!

Gà nhận nằm cấn vai gà địch mà đá. Gà Ô bị trúng cựa ở cổ, máu chảy một vệt, Ô vừa soi vẩy địch, vừa bị máu trào lên họng nghệt thở nên “khẹt khẹt” hai tiếng nhỏ, mỗi lần rẩy một chút máu tươi điểm sân đất lốm đốm. Sầm lại reo lên:

- Thầy cai thấy chưa! Gà tôi xạ²cái nào toàn là “cựa tử” không à!

Cai Lộc vừa thương con gà nòi vừa giận Sầm tím mặt nhưng vẫn cố trấn tĩnh. Miệng y thăm vái van Bà Cậu:

- Ừng ai! Phù hộ! May rủi cho tôi xin một cựa ngay chỗ nhược không dám xin nhiều.

Gà Ô chưa xạ lại được cái nào thì cây nhang cháy đến chỗ giấy bịt báo hiệu hết hiệp nhì. Tên gia nhân vội “làm nước” cho con gà nhận. Ôm con gà bê bết máu lên, hấn kễ môi ép miệng sát vào da gà, chỗ bị cựa mà hút máu. Kế đó, hấn phùng má ngậm hết vừa đầu vừa mỏ con gà rồi thổi hơi của mình vào phổi nó. Chưa hết, hấn còn hút cả hơi gà ra nữa! Trông thật ghê tởm. Nhưng hấn muốn có tiền thì có nề hà gì dơ bẩn.

“Làm nước” xong, gà nhận lại sung sức, tấn công ngay bằng những đòn sỏ, đòn mé^{3*} thật mạnh. Sầm nhìn con gà có “vẩy yểm lông” một cách khoái trá. Lão nghiêng đầu nói nhỏ với tên gia nhân rằng gà nhà sẽ thắng.

Bên kia, Cai Lộc cũng nhìn gà nhận không chớp mắt và ngạc nhiên trước vẻ nhút nhát của con Ô truy cứ né tránh đòn không chịu phản công. Gà nhận đá liên sáu lần thì gà Ô quay lưng hình như muốn chạy khiến Lộc hốt hoảng gần nhảy vào đấu trường! Sầm đặc ý nói to:

- Thôi chịu độ phứt đi cho rồi. chín hấu mại hơi^{4*} làm chi thầy!

Gà Ô vừa xoay mình thì gà nhận chồm theo cấn trên lưng đá với một cái nhưng không trúng vì gà Ô bước thêm bước nữa, đồng thời nó xoay trở lại đá vụt lên. Gà nhận vừa mới đặt hai chân trên đất chưa kịp lấy thăng bằng nên không né tránh nổi. Cả hai đầu cựa nhọn của gà Ô đâm lút vào cổ. Gà nhận ngã xuống giãy đành đạch.

Chợt Tôn Thọ Tường bước vào, trông thấy reo to:

- Trời ơi! Ngón Hồi mã thương^{5*} của La Thành!

Nói xong, Tường nhếch mép cười nham hiểm:

- Nè, “khôn ngoan đá đáp người ngoài, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau” phải vậy không thầy Cai!

Lộc dư hiểu “mẹ” ở đây là Tường ám chỉ “nước mẹ” Phú Lang-Sa của hấn, nên cũng trả miếng lại:

- Cậu Ba Tường! Miệng cậu còn sắc hơn cả cựa con Ô truy của tui nữa đó.

Sầm đang ôm xác gà nhận chảy nước mắt, không hiểu hết thâm ý câu ngạn ngữ Việt Nam, chỉ ghéch lên nhìn Tường ngơ ngác. Cai Lộc vội giới thiệu:

- Thừa cậu Ba, ông này là chủ hiệu lúa gạo lớn nhất Chợ Lớn đó. Ông tính mở hẳn một cái chợ cho người Lang-Sa có chỗ mua bán lúa gạo thực phẩm, khỏi đi mua bòn vét khắp nơi. Tui rước cậu tới nhậu là để cậu hiến kế giúp ông chợ có phải để cậu đá móc hậu ông đâu, cậu Ba...

Tường thấy mối lợi, vội đổi giọng:

- Nói giỡn chơi chút xíu vậy thôi chứ đá gà là một cái thú tao nhã lắm chứ bộ. Rất đổi như đức Tả quân Thượng công mà còn ham cái món này huống chi tui mình. Có bữa ngài mắc coi đá gà, vô triều trễ, đức vua liền rầy: “Đá gà mà cần thiết hơn việc quân quốc hử”. Tả quân vẫn thần nhiên tâu: “Muôn tâu, nếu hạ thần đã giúp được bề hạ việc quân quốc là bởi học con gà. Cứ theo sách thì gà đầu có mào như đội mào là Văn, chân có cựa nhọn là Võ, thấy kẻ địch trước mắt dám nhào vô là Dũng, thấy cái ăn thì kêu đồng loại tới cùng ăn gọi là Nhơn, ban đêm cứ tới giờ tới canh thì gáy là Tín. Đức vua mỉm cười ủy lạo mấy câu và hẹn Tả quân bữa sau đem hết gà vô cung đá dâng ngự lãm...

Cả bọn cùng cười ran, ngay cả Sầm không hiểu câu chuyện cũng nhe hàm răng vẩu cười hê hê... Cai Lộc nói:

- Năm đức đó hổng biết có học trọn được không, bữa nay chỉ xin học cái đức Nhơn của con gà thôi à. Ông chủ đây có sẵn mấy món nhậu rước cậu Ba tới nhậu chơi, tiện dịp viết giùm ông đôi liễn...

- Tưởng cái chi chứ cái món chữ nghĩa thì khỏi lo. Tường này có dư cũng tỷ như ông chủ dư lúa dư bạc vậy. Tường chỉ cần xài mấy cộc chữ lẽ thôi còn cộc chữ chẵn Tường vẫn giắt lưng dùng trọn đời chưa hết, ông chủ à!

Sầm nắm cả hai tay Tường lắc mạnh:

- Ngộ pắt tay theo nổi các quý quan như đây, dẫn mình chợ cậu Ba...

Bàn tay tháp bút của Tường bị mười ngón tay chuối mấn bóp mạnh khiến Tường nhăn nhó nhưng vẫn gượng xã giao:

- Mình cứ giữ cái món quốc hồn quốc túy mà hơn ông chủ à...

Sầm dẫn hai người vô nhà. Một thồi rượu thịnh soạn đã được bày. Thấy hai chai rượu Mai Quế Lộ, Ngũ Gia Bì, Lộc reo:

- Như vậy mới là mỹ tửu chứ. Hạp khẩu vị tui lắm mà!

Sầm cười;

- Cái nị mà hồng thích rượu Tàu thì đã có ắp-xanh, cổ nhác^{6*} hồng thiếu thứ gì hết trơn à.

Tường hỏi:

- Có rượu nếp Hốc Môn hay Gò Đen không ông chủ?

Lộc quay lại Sầm:

- Cậu Ba đây chỉ ham cái món quốc hồn quốc túy!

Tường cười:

- Thì phải xài cái món đó mới ra cái giống chữ nho chớ uống cô- nhắc nó lại lòi ra cái giống chữ Tây thì hư bột hư đường hết, phải vậy không ông chủ?

Sầm cũng cười:

- Hầy dà, thì cái món mở chợ, ngộ cũng phải lói với tổng chủ tổng pang là để tranh quyền nội cho Huê kiều thì họ mới chịu, chớ biểu dâng chợ cho Tây thì chỉ có Tây ló mới nghe, hà hà... Nào ta cụng ly, rượu cậu Ba, thầy Cai...

Nhấp một ngụm Mai Quế Lộc, Sầm chợt thấm thía nỗi đau mất con gà nhận vừa rồi. lão quay hỏi Cai Lộc:

- Ngộ lói thiệt dới thầy Cai, gà của ngộ mua tận pên Tàu, đá thắng cả gà của vua Cao Miên, ló có cái dầy yểm lông ở kẹt móng chơn, lồi tiếng “nhứt kê địch vạn”^{7*}. Dậy sao lại chịu thua gà thầy Cai, thầy mách dùm ngộ dài pí quyết đi, thầy!

- Có gì mà lạ, gà tui là gà nòi Cao Lãnh, chánh hiệu con nai à. Trước hết nó có cái bốt đen ở lưỡi lại có lông voi mọc ở cánh, sau cùng là vẩy yểm lông mang tên “Nhơn đầu hổ” mọc ở chân, hội đủ ba điểm đặc sắc đó mới xứng danh thần kê, đủ gây sóng gió khắp các kê trường. Khi mua về, tui làm một cái chuồng riêng, cho ăn uống bằng lúa, bắp và nước lóng phèn cẩn thận. Lại phải cắt lông, hớt mồng và tích^{8*}, xỏ đúng cỡ mười ngày một lần mà ít nhất phải bốn quăng mới cho ra trường. Nào vô nghệ, cho ăn lúa gút, đổ nước đêm, sáng quần sương ăn cỏ^{9*}... Mới nói sơ sơ như vậy thôi, đến chuốt cựa, cho nước lại càng phải đầy thủ đoạn, tùy trường hợp gà đi trên, đi dưới, đá vĩa^{10*}, đá vai hay xỏ mé... để áp dụng cho đúng chiến thuật, cho tới mảnh lông bắt hay thả gà khi đến nước nhang. Tại trường, việc cấp độ hay cầm chận^{11*} lại còn phải so đo cẩn thận tỉ mỉ về cao thấp, lông cựa, nặng nhẹ... Tuy vậy gà cũng bán độ,

phản độ như ngựa về ngược vậy, cho nên đầu Xích Mi Lão tổ cũng ra mồ hôi ướt áo, trút túi. Được cái con Ô truy này mỗi lần xỏ, tui bịt cựa gà bằng miếng vỏ của trái dừa khô lại đem gà ra đồng vắng chỉ có tui và người nuôi xem thôi, để luyện cho nó những nước hay mà những chú gà khác không biết. Quả nhiên con Ô truy đá mỗi lần có một đòn khác nhau, mà đòn nào cũng ác liệt ra trò. Không có con nào chịu nổi nó ba hiệp. Nó tuy cụt đuôi, nét mặt lăm lì nhưng dáng đi chắc nịch, cựa dài và nhọn, nên nhiều con vừa gặp nó đã chạy mất, nhưt là khi nó đập cánh vươn lên gáy...

Tường tấm tắc:

- Con gà này có thể sánh với con gà gổ trông lù đù mà lợi hại nói trong sách của thầy Trang. Nghe câu chuyện về thuật nuôi gà đá, Tường này đã được một bài học về cách xử thế, xin đa tạ, đa tạ...

Lộc xoa tay:

- Không sao không sao, giấu ai chứ tội mình sắp cùng khuông phò một chúa, giấu làm chi! Để bữa nào tui sẽ thân đi lựa gà và luyện giùm ông chủ một con thiệt là vô địch!

- Lếu có gà như của thầy Cai thì ngộ dám cầm thế nhà đất để theo năm à...

Tường cười:

- Tiền bạc để dùng vô đại sự chớ theo cái trò gà đá uống lăm ông chủ à.- Vừa tợp một ngụm rượu nếp Gò Đen, Tường bèn nổi “hào khí” theo cái lối riêng của y.- Nè, lúc này đang có hứng bất tử đây muốn xin chữ xin nghĩa gì thì lệ lệ lên, kéo “tửu nhập ngôn sơn sơn”^{12*} chữ ra không kịp đó!

Sầm hối gia nhân mang tới hai tấm lụa trắng và nghiên bút. Tường nghĩ một hồi rồi dầm ngọn bút đại tự xuống nghiên đá viết hai hàng chữ nho... Lộc lăm nhăm đọc...

- Anh hùng hà xứ bất... Quân tử kiến cơ nhi... Câu này dường như còn thiếu chữ gì nữa phải không cậu Ba?

- Đủ rồi mà... - Tường xoa tay tùm tùm.

- Anh hùng hà xứ bất gì thì tôi chưa rõ nhưng Quân tử kiến cơ nhi tác^{13*} thì mới trọn về chớ.

Tường phá lên cười:

- Thầy Cai thiệt thà quá, cái ngón xảo lộng thì chỉ vậy là dư hiểu rồi. Anh hùng hà xứ bất gọi lên câu Giang sơn hà xứ bất anh hùng, còn Quân tử kiến cơ nhi là đủ cho người ta đoán được chữ tác. Vậy mới thiệt là tài tình chớ viết đủ chữ thì còn ra cái mệ gì!

Chừng ngà ngà say, Tường lộ hẳn chân tướng:

- Tôi viết hai câu đó là có ý muốn nói giang sơn nào chẳng có anh hùng. Chỉ cần có thời cơ là a-lê, hấp! Cống-hỉ, mét xì thằng Tường này đều thuộc nằm lòng, ha ha...

Lộc biểu đồng tình:

- Phải đó, ta bàn vô công việc cho lẹ lẹ chút, kéo Nguyễn Tri Phương thì lỡ mất cơ hội ngàn vàng. Bữa nay sẽ có một quý quan tới bàn với ông chủ việc mua trữ lúa gạo cho Lang-Sa... À ông chủ đã sửa soạn các món ăn Tây chưa?

- Hầy, món Tây, món Tàu, món A-lam, ngộ có hết à...

Tường vờ giựt mình đứng phắt dậy:

- Có người Lang-Sa à? Sao thầy Cai không cho tôi hay trước?

- Người Lang-Sa thì cũng là người, cần chi cậu Ba hoảng hốt như gặp ma vậy?

- Mình người Nam vô cớ gặp người Tây, thầy Tú Chiêu, thầy Cử Trị hay được chuyện này họ chửi cho mất mặt! – Nói rồi, Tường nhấp nhồm tính đường chuồn...

Biết Tường chỉ vờ chứ thiệt tình đã muốn ngã sang bên Lang-Sa từ lâu rồi, Lộc nắm lấy cánh tay Tường giữ lại:

- Tiệc rượu đang vui bỏ đi sao tiện cậu Ba. Sách có chữ “Tứ hải giai huynh đệ”^{14*} có người Tây vô luân càng vui chứ sao? Nếu tôi nói trước với cậu thì làm sao có chuyện Đông Tây hạp nhạp như vậy...

- Thì ra cuộc gặp gỡ này có xếp đặt trước, tôi thiệt thấp cơ thua trí thầy Cai. Thôi đã ngồi lỡ phải ngồi luôn, vậy là tôi lại mang tiếng là “tư thông địch quốc” đó...

Có tiếng gõ cửa. Một sĩ quan Lang-Sa bước vô, chân cứng đờ khiến người tướng y không có đầu gối. Khuôn mặt dài nhỏ với đôi mắt màu vàng đầy vẻ tinh quái. Y đội mũ sĩ quan thủy quân cầu vai đeo lon một sao một vạch. Đó là thiếu úy Phơ-răng-xi Gạc-nhe, sĩ quan tùy tùng của

đô đốc Sác-ne. Y nói tiếng Việt khá sôi vì đã từng theo đoàn thám hiểm sông Cửu Long từ lâu.

Vừa thấy Gạc-nhe, Sầm Tổng Hếnh buột miệng chào:

- Cống hỉ quý quan! Bông dua me-sừ!

Gác-nhe hơi cau mặt trước cái cổ đầy mỡ và cái ghét của Sầm, nhưng vẫn ráng giữ phép lịch sự;

- Chào ông chủ, chúc ông chủ mạnh giỏi...Y quay sang Tường. – Còn ông, tôi chưa được hân hạnh...

Lộc vội giới thiệu:

- Bẩm quý quan, đây là ông Tôn Thọ Tường, một học giả bốn xứ mà tôi từng được vinh dự giới thiệu với ông!

Gạc-nhe giơ tay bắt tay Tường:

- A! ông Tôn Thọ Tường! Thiệt là hân hạnh được làm quen với một học giả nổi tiếng xứ này... Ông thứ lỗi cho nha, lẽ ra con nhà văn chúng ta phải gặp nhau ở một nơi khác, với bộ y phục khác để đàm đạo với nhau về văn chương triết lý Á Đông mới phải. Nhưng tôi thì mắc thi hành công vụ, xin ông cảm phiền sẽ có dịp khác tới thăm ông riêng tại tư thất. Xin tự giới thiệu, tôi Phơ-răng-xi Gạc-nhe, sĩ quan và là nhà văn Lang-Sa.

Tôn Thọ Tường rút tay ra khỏi tay Gác-nhe chấp lại xá:

- Kính chào quý quan, được nghênh tiếp ngài tại đây quả là duyên trời run rúi.

Gạc-nhe cười:

- Người nhà cả, ta khỏi cần khách sáo với nhau. Theo sự giới thiệu của ông Trần Bá Lộc, nếu được ông Sầm nhận lời giúp người Lang-Sa về mặt kinh tế, ông Tường nhận lời giúp về mặt chính trị, thì việc bình định xứ này sẽ dễ như trở bàn tay. Trước mắt là nhờ ông Sầm đây mua giùm cho một số lúa gạo...

Sầm Tổng Hếnh híp mắt, vẻ xảo quyệt:

- Bẩm quý quan, ngộ xin hết lòng giúp dùm quý quan nhưng cái lầy ngộ còn phải pàn với tổng chũng tổng pang, nên xin quý quan cho giá trước à...

Gạc-nhe dư hiểu tâm lý dân “các chú” nên nói liền:

- Thôi, mười quan tiền Tây một tạ, chúng tôi không để các ông thiệt...
- Xin quý quan cho mười lăm, hè hè ...
- Ừ thì mười lăm! Tôi chịu thua các ông rồi đó!
- Dạ để ngỏ pàn với pà con rồi sẽ trả lời quý quan sau à!

Sầm nhẩm tính, sáng mai mình sẽ ra giá với các chủ hiệu khác. Có mỗi rồi mình cứ ra giá mười hai nếu ai ra giá mười bảy thì mình sẽ bán hết số lúa gạo của mình cho người đó, không cần bán cho Lang-Sa nữa. Còn nếu mọi người chịu giá mười hai thì mình sẽ mua vét tất cả để bán cho Lang-Sa, như vậy có lời mỗi tạ ba quan. Đằng nào mình cũng nắm đằng chuôi!

Gạc-nhe gật đầu:

- Được ngày một tôi sẽ trở lại gặp ông chủ. À, ông Lý Hồng Chương vừa ký với chúng tôi một điều ước ở Thiên Tân, từ nay người Tàu và người Lang-Sa là anh em với nhau, ở đây các ông cũng phải coi chúng tôi như là anh em mới phải chứ!

Trần Bá Lộc reo lên:

- Hay! Hay! Hồi này tôi đã nói vậy mà giờ trúng phóc! Tứ hải giai huynh đệ mà!

Một tràng cười vang đánh dấu phút khai trương ngôi hàng chung lưng buôn bán của một bọn mặt cửa mướp đẳng.

Từ nhỏ Gạc-nhe đã nuôi mộng trở thành một nhà văn. Sau khi cuốn Salamambo với phong vị exotic^{15*} được xuất bản, cả Pa-ri ngưỡng mộ danh tiếng nhà văn Guýt-xta-vơ Flô-be vì đã viết về Phương Đông huyền bí đầy quyến rũ.

Thấy Phương Đông là một đề tài ăn khách với nhà văn, nên Gác-nhe xin sang Nam kỳ, làm nhân viên trong đoàn thám hiểm của Đu-đa đơ La-grê đi khảo sát sự lưu thông hai sông Cửu Long, Nhĩ Hà. Sau khi Đu-đa chết, lại tìm đến đầu quân dưới trướng tên cáo già Duy-pơ-rê. Duy-pơ-rê sai y mở con đường thông Bắc kỳ với Vân Nam.

Một hôm bài đăng trên báo “Monde Illustré” đã làm cho Gác-nhe phải chú ý. Tác giả bài báo, một danh tướng trong cơ binh Lang –Sa viết: Thấy phương pháp dụng binh của Nguyễn Tri Phương, người ta phải tin rằng vị nguyên soái anh hùng của nước Nam đã biết phương lược xây dựng lối pháo đài tạm thời như Tô-lê-ben ở Xê-bát-xtô-pôn, Đàng-phe

Rô-sơ-rô ở Ben-pho, quân Phổ đánh Pa-ri, Ôt -măng Pa-sa trong trận Plơ-na^{16*}

Vừa đọc bài đó, Gạc-nhe nhún vai tỏ vẻ không tin. Chính lòng tò mò muốn biết những pháo đài đó ra sao đã thúc đẩy Gạc-nhe xin chuyển sang nhà binh. Sau chiến dịch bột hải ở Trung Quốc, bị quáng lòa trước vinh quang của tên phó đô đốc năm sao Sác-ne xuất thân trường thủy quân Tu-lông hiện đang thống quản tất cả lực lượng binh bị của Lang-Sa ở Viễn Đông, y liền xin chuyển qua thủy quân, vì cho là ngành này có tương lai hơn cả. Thấy Gạc-nhe là người có học, Sác-ne dùng y làm sĩ quan tùy tùng, và cho y đóng lon thiếu úy.

Khi được chứng kiến cảnh Đại đồn, chính Gạc-nhe cũng phải khâm phục. Y đã viết ngay trên chiếc kỳ hạm Anh-pê-ra-tri-xơ một bài báo, sau được đăng ở Pa-ri. Trong bài báo, y viết:

“Những chiến lũy mà người Việt Nam dựng lên rất kiên cố, đều bằng đất sét, cốt tre; họ làm một đêm gần được 400 mét bề dài và ban đêm, một khi quân Lang-Sa triệt hạ chiến lũy đó thì tảng sáng, ta lại ngạc nhiên thấy nhiều chiến lũy mọc lên, cách tiền quân của ta chỉ 500 mét. Quân Việt Nam rất can đảm, và về dũng cảm, cũng như lòng khinh thường trước cái chết, chỉ xem một việc dùng chiến khí sau này của họ thì sẽ rõ lời nói của tôi không phải là không xác đáng. Trong khi giáp chiến, họ dùng giáo; thứ khí giới này chỉ đâm được quân địch cách bốn mét, đó là một lối tự vệ rất can đảm, đến quân Tàu cũng chưa bao giờ nghĩ đến”.

Gạc-nhe tin rằng bài báo sẽ mở ra con đường văn chương cho y sau này. Nhưng đồng thời y cũng cảm thấy Phương Đông ở đây không huyền bí đầy quyến rũ như Flô-be tưởng tượng mà là một thực tế tàn khốc đầy đe dọa.

Sau khi được phổ biến lệnh đánh Đại đồn, y rất hồi hộp. Phen này y quyết lập được chiến công, chí ít cũng viết được một bài báo tả cảnh tấn công Đại đồn, một bài báo mà y tin rằng sẽ mang lại vinh quang cho y. Tay gươm tay bút, y quyết giành lấy vòng nguyệt quế đội lên đầu để cho càng thêm xứng hợp với cái dáng điệu cổ làm ra bờ phờ của một nhà văn và khuôn mặt lạnh lùng bắt chước pho tượng cẩm thạch của một danh tướng La Mã thời xưa.

Ít lâu sau, ở trang nhất của các báo xuất hiện ở Pa-ri đều in bằng tít lớn dòng chữ: K'I HOA^{17*}, MỘT PÔN-TA-VA MỚI. Nguyên văn như sau:

“4 giờ sáng ngày 24-2, liên quân Phú-Y khởi hành tại đồn Cây Mai, đạo bên hữu (bộ thuộc thủy binh) do thiếu tá An-li-dês- đơ Ma-ti-nhi-cua chỉ huy, đạo bên tả do trung tá Đê-vô và đại úy Ga-li-na đốc sức hiệp với đạo binh của Sác-ne và Vác-xoa-nhơ tiến về phía Đồng Tập Trận. Quân Phú Lang-Sa đưa vào trận đánh có trên 3000 người”.

Trời mờ sáng, pháo binh bắn đại bác 12 mi-li-mét dọn đường, quân lính tiến rất chậm.

Ban đầu, quân Phú Lang-Sa chạm trán một đoàn quân Việt ẩn trong đám rừng chồi ở Hòa Hưng. Hai bên xả súng bắn nhau. Sau quân Phú Lang-Sa dùng đại bác mới đánh lui được toán người kia. Qua khỏi đám rừng này quân Phú Lang-Sa gặp đám rừng khác. Quân Việt đã núp sẵn trong đó, xả súng công kích đoàn lính đi đầu, đồng thời súng đồng trong đồn Kỳ Hòa bắn ra ầm ầm. Quân Phú Lang-Sa phải dùng toàn lực mới giải tán được toán quân này và tiến dần đến gần đồn Trung.

Khi đến sát đồn, mặc dầu đạn bắn ra rào rào, một tốp quân Phú Lang-Sa cầm đầu là thiếu úy Giô-re hùng hổ tiến tới hãm đồn. Quân Phú Lang-Sa bắc thang leo lên mặt thành, quân Việt nấp sau các ụ đất và các mố mả bắn ra và ở trên thành ném đá xuống. trong trận này 300 người Phú Lang-Sa tử trận mất hai viên sĩ quan là Te-xta và Giô-ha-nô, bị thương 30 trong số đó có thiếu úy Lơ-xe-blơ và viên quản Tê-ly, tổn phí hết 204 trái phá và 36 thùng đạn.

Qua ngày sau 25-2, quân Phú-Y hạ được đồn Trung và công hãm đồn hậu rồi tiến tới đồn chính Kỳ Hòa do Nguyễn Tri Phương án ngữ. Bấy giờ là lúc phó đô đốc Sác-ne tự chỉ huy liên quân hãm thành. Pháo binh của trung tá Cru-da đóng ở giữa cánh hữu do đại tá thủy quân La-pơ-lanh chỉ huy. Cánh tả là do đội bộ binh và công binh. Đội kỵ mã chuyên giữ việc do thám và thông tin. Ở cánh hữu, một chi đội pháo thủ nã đại bác vào đồn quân Việt. Pháo binh của quân Việt bắn trả lại và dần dần núng thế, người Phú Lang-Sa tiến đến cách quân Việt 250 thước mà bắn lên mặt hào, yểm hộ cho tiền quân hãm thành. Ba người đi đầu trúng đạn, một người tử trận, hai người bị thương. Ở cánh trung ương, quân của Ma-ti-nhi-cua đông nhất và súng ống nhiều nhất, tấn công rất dữ dội, trong khi cánh tả liên đội thứ ba lữ đoàn thứ tư và quân tình nguyện bắn

xứ liễu chết xông vào. Quân Việt chạy lui về cố thủ trong đồn. Quân Phú Lang-Sa đuổi theo và đặt thang trèo lên cửa thành. Quân Việt lấy gươm giáo phá hủy thang, quăng đồ dẫn hỏa xuống và nã súng hỏa mai giết hại quân Phú Lang-Sa. Tình thế lúc này trở nên nghiêm trọng. Đô đốc Sác-ne đem thêm quân cứu viện cho hai cánh quân tả hữu. Đội quân phía hữu được nhiều liên đội thủy binh và quân Y-Pha-Nho giúp, đội phía tả làm theo hai liên đội bộ binh. Đến quá trưa, cửa đồn bị phá thủng, quân Phú Lang-Sa lên được mặt đồn. Quân Việt vừa bắn vừa lui ra cổng hậu. Trận ấy Phú Lang-Sa chết 100 người, bị thương 125 trong đó có các sĩ quan tử trận là trung tá Tet-xta, hai đại úy Đờ Phô-côn và Rô-đen-léc Duy-pu-dích, trung úy Bec-giê, hai thiếu úy Nô-en và Phrốt-xtanh, hai sĩ quan bị thương nặng là lục quân thiếu tướng Vát-xoa-nhơ và đại tá Pa-lăng-ca. Thắng lợi của chúng ta hoàn toàn nhưng chúng ta đã trả giá thắng lợi ấy rất đắt.

Đây là một trận Pôn-ta-va mới của phương Đông. Phương Đông quyến rũ chúng ta bằng vẻ đẹp huyền bí man rợ của đêm trung cổ, phương Đông càng quyến rũ chúng ta hơn bằng những kho vàng chôn giấu trong lòng đất đầy bí ẩn.

Hãy tiến lên, những người con của đất nước Phú Lang-Sa, xứ sở đầu tiên của tự do, bình đẳng, bác ái!

Vinh quang đang chờ đợi những con người phiêu lưu và mạo hiểm, những Cơ-rít-xtốp Cô-lông phát hiện lại cựu Thế Giới”.

Cuối cùng là cái tên ký sau này sẽ đi vào lịch sử - nhưng không vinh quang - Phrăng-xi Gạc-nhe.

Ghi chú

^{1*} *Cờ gặp đối thủ, tướng gặp đối phương tài giỏi.*

^{2*} *Đá hai bên phóng tới, mỏ không cắn gà kia.*

^{3*} *Đá sỏi, đá mé là nắm cắn mé (mép môi) hay sỏi(mổng)mà đá.*

^{4*} *Danh từ dùng trong trò chơi bài cảo hâu(cửu chảo)của người Triều Châu. Các tay con khi chia bài rồi thấy bài không liền thì hô lên*

“Mại”(không), nếu có hai người nữa cũng hô như vậy thì xóa bài chia lớp khác. Trong khi ấy người cầm bài tốt không chịu sẽ xin đánh và nếu thua sẽ chung tiền gấp hai. Có người tuy bài tốt mà vẫn vờ “mại hơi” để dụ đối phương.

^{5*} La Thành là một tướng giỏi đời Đường có mẹo vờ quay ngựa chạy rồi lừa dịp phóng lại mũi thương vào người mãi rượt theo.

^{6*} Tiếng bồi chỉ rượu áp-xanh (Absinthe), cô nhắc (Cognac).

^{7*} Một con gà địch nổi vạ con gà khác.

^{8*} Hốt tích là cắt hai miếng da lòng thòng hai bên tai cũng như hai tai gà để tránh gà địch khỏi nắm, cắn nơi đó. Hốt móng là xén bớt cái móng lớn bản xòe ra cho gọn.

^{9*} Vô nghệ là om bóp gà bằng nghệ mài sẵn cho da gà đỡ đau trông sẵn cúng. Quần sương là thả cho gà hứng sương sớm mát mẻ.

^{10*} Đi trên là chỉ nhắm vào bộ trên con gà địch mà đá. Đi dưới là chỉ chui luôn phía dưới gà địch, đội ngược cho té rồi xạ mạnh hoặc nhắm bộ dưới mà đâm đá. Đá vĩa là chui luôn vào nách gà địch, luôn đầu lên nắm cổ nắm vai, nắm lông trên lưng đá thốc lên.

^{11*} Cáp gà là xem xét cân nhắc từ lông, thịt, cựa, xương, lựa cho hai gà vừa chận mới cho đá với nhau.

^{12*} Hai chũ sơn là chũ xuất. Tữu nhập ngôn xuất là rượu vào lời ra.

^{13*} Quân tử nhân thời cơ mà hành động.

^{14*} Bốn bề đều là anh em.

^{15*} Hương xa.

^{16*} *Những chiến lũy nổi tiếng trên thế giới.*

^{17*} *Pháp phiên âm chữ Chí Hòa là K'i HOA, do đó các nhà viết sử trước đây lầm là Kỳ Hòa*

IV

Khởi cầu đá xanh ngang qua dãy hào hình cánh cung, chiếc võng trần màu hồng điều đi lọt vào cửa tiền ngôi thành đá ong đỏ tỉnh Biên Hòa, giữa hai khẩu đại bác giàn hai bên. Viên chánh quân cơ đi đầu nạt đường rồi đến hai quân sĩ nón chóp, áo dậu cầm hai tấm biển gỗ sơn khắc chữ “Tĩnh túc” và “Hồi ty”¹. Dẫn kế là lá cờ đuôi nheo, tiếp đến đoàn quân và các đồ nghi trượng.

Qua khỏi khuôn cửa, hai lính vệ khiêng đòn võng vội trở vai cho đỡ mỏi. Chiếc màn màn cánh sáo được vén lên, người ta thấy quan Tổng thống quân vụ ngồi xếp bằng tròn trên võng, nét mặt đầy ưu tư. Trên con đường thênh thang, đoàn nghi vệ đi qua vọng cung, hai bên có lầu chuông trống rồi đến tòa công dinh rộng lớn.

Một hồi trống báo, quan Tuần phủ Nguyễn Đức Hoan lật đặt ra đón quan Tổng vào dinh giữa. Sau một tuần trà nước, quan Tuần phủ hỏi:

- Kính bẩm tướng công, tình thế nguy cấp lắm có phải không ạ?

Nguyễn Tri Phương chậm rãi:

- Giặc Phú Lang-Sa hạ được Đại đồn, ta cùng quan Tham tán Tôn Thất Cáp và Phạm Thế Hiển phải rút về thôn Tân Lạc phủ Tân Bình. Chúng lại rượt theo, quân ta đành rút về đây. – Ông lau nước mắt. – Chỉ thương cho Phạm tham tri, bị thương nặng không biết mệnh hệ ra sao...

- Dạ... còn quan Tán lý... - Nguyễn Đức Hoan ngập ngừng.

- Em ta bị trúng một trái đại bác giặc, thi thể không còn mảnh nào nguyên vẹn...

Ông nghẹn ngào nhớ lại cảnh tượng trong lúc giao chiến... đại bác ầm ầm thụi vào tường thành chỉ trong nháy mắt có thể san phẳng tất cả hào lũy... Quân ta từ trên quãng đá xuống nhưng vì hoảng hốt nên không trúng một tên Lang-Sa nào. Quân giặc vẫn lừng lững tiến lên, và khẩu đại bác như con quái vật há cái miệng đen sì của nó ngoạm từng mảng thành.

Giữa lúc đó, Tán lý Nguyễn Duy xông ra. Vừa ra tới nơi thì bị ngay một trái đạn bắn sạt đầu. Nhưng Nguyễn Duy vẫn dứng cầm xông tới.

Một tên Lang-Sa vác một chiếc thang chạy tới định đặt để trèo lên cửa thành thì bị Nguyễn Duy chém một nhát. Tên giặc ngã lăn trên mặt đất. Lại một tên, rồi tên nữa. Nguyễn Duy đang đà hăng cú vung gươm chém lia lịa hết tên này đến tên khác. Máu giặc bắn vào nhuộm đỏ chiếc áo ông đang mặc. Thấy nhiều đồng bọn gục ngã, đoàn quân Lang-Sa hốt hoảng lùi lại... Đạn đại bác lại nổ ầm ầm yểm hộ cho đoàn tiền quân giặc. Nguyễn Duy đang xông xáo như giữa chốn không người thì một trái đạn đại bác nổ trúng người ông. Thân thể ông tan ra như xác pháo không còn mảnh nào nguyên vẹn. Quân sĩ xông ra cứu ông chỉ còn lượm được một mảnh áo là dấu hiệu duy nhất để nhận ra ông.

Quan Tổng thống quân vụ đang đứng đốc chiến ở cửa Tả hậu, thì nhận được tin dữ. Vừa cầm lấy mảnh áo đầm máu... nóng hổi trên tay ông như một quả tim thì người võ tướng thân cận quan Tham tán quân vụ Phạm Thế Hiển đã ngã gục dưới chân ông...

Hiếu nổi đau đớn của quan Tổng, Nguyễn Đức Hoan an ủi:

- Ty chức xin có lời phân ưu cùng tướng công. Xin tướng công chớ quá lo buồn mà tổn hao ngọc thể. Hiện giờ người là trụ cột của xã tắc, tính mạng của ba quân, nếu có bề nào thì tai hại cho đất nước không nhỏ...

- Em ta có chết nhưng là cái chết vì nước như vậy ta cũng vui lòng rồi...

Ngừng một lát, ông Nguyễn tiếp:

- Vả chẳng, quân ta cũng còn nhiều thương binh, tử sĩ lẽ nào ta lại chỉ riêng nghĩ đến người em ruột. Quan lớn cho binh lính đi chôn cất tử sĩ và săn sóc thương binh...

Bỗng thấy quan Tổng hơi nhăn mặt, viên tuần phủ giật mình:

- Hình như cụ lớn cũng bị thương, xin rước người vào hậu đường tĩnh dưỡng đã...

Nguyễn Tri Phương lắc đầu:

- Giặc đã lấy được toàn thành Gia Định, chắc sẽ kéo tới Biên Hòa, ta phải lo đi sửa sang hào lũy, doanh trại, để sẵn sàng đối phó. Lúc này không phải là lúc nghỉ ngơi...

Rồi ngay hôm đó, Nguyễn Tri Phương thân hành đi đôn đốc việc bảo vệ tỉnh thành. Ông còn cho đắp- lại các hào lũy Tân Hoa, Trúc Giang, Trảo Trảo, Sông Ký, rào thêm tre gai ở lũy Đông Giang, Phước Tứ và

năm đồn Đồng Môn. Ở bảo Phước Thắng tức Vũng Tàu và cửa Cần Giờ, ông cũng cho đóng hèm đồn quân canh giữ mặt biển.

Đang say sưa trong công việc thì triều đình Huế sai Khâm sai Nguyễn Bá Nghi điều bốn ngàn binh sĩ vào Biên Hòa. Tới nơi việc đầu tiên của Nghi làm là lập hội đồng nghị tội những người thua trận. Hội đồng tâu xin giải chức Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp và xử trăm giam hậu^{2*} các thuộc quan khác.

Mấy hôm sau có sắc chỉ của nhà vua tới nơi, nói vì xét công, cho hưởng trường hợp giảm khinh giáng Phương xuống chức Tham tri, Cáp Viên ngoại, còn Hiến đã qua đời, được miễn tội. Các thuộc quan cũng được ân giảm theo.

Nguyễn Tri Phương đang sửa soạn về Phan Rí chạy chữa vết thương thì được tin Nguyễn Bá Nghi đã gửi thư nghị hòa với đô đốc Lang-Sa Sác-ne. Cuộc hội đàm được mở trên tàu Pri-mô-ghê.

Nắm được thóp của Nghi, Tôn Thọ Tường khuyên Sác-ne nên làm căng. Phái viên của Sác - ne dự hội nghị hòa liền đòi mười hai khoản trong đó có hai việc chuyển nhượng thành Gia Định, hai tỉnh Định Tường, Thủ Dầu Một và bồi thường bốn triệu nguyên bạc là nặng nhứt.

Không thể chịu được cảnh ấy, ông Nguyễn mặc dầu đang bệnh nặng vẫn nhờ người dìu tới chỗ Nghi khuyên Nghi đừng làm chuyện bán nước. Nghi không nghe, lấy lý nếu không nghị hòa mà Tây đánh, đòi thêm đất, bấy giờ công chẳng được, thủ không xong mà hòa cũng không được vẹn.

Giữa lúc ấy, Trương Định, Nguyễn Văn Lịch vừa hộ tống các quan tỉnh Gia Định rút về Biên Hòa. Tới nơi, hai người vội đến tận giường bệnh thăm hỏi vị chủ tướng và một hai xin ông đứng ra cầm đầu các sĩ phu nghĩa dũng đứng lên chống giặc.

Nghe xong, ông Nguyễn cảm khái:

- Lòng dân như vậy, ta dầu có chết cũng nhắm được mắt.

Trương Định vội thưa:

- Sao tướng công lại nói gở như vậy? Hiện nay tướng công là sinh mệnh của cả trăm họ, tiêu biểu cho công cuộc chống giặc. Tiểu tướng biết có một nơi hiểm yếu là Đám Lá- Tối Trời ở Gò Công, xin rước tướng công về đó tĩnh dưỡng để rồi tính kế lâu dài. Người chớ về Phan Rí để rồi chui vào bẫy của bọn Nguyễn Bá Nghi...

Ông Nguyễn chưa kịp trả lời thì Trần Nhượng vào báo:

- Kính bẩm tướng công, có hai cậu Phan Liêm, Phan Tôn, xin vào vấn an...

Quản Lịch cau mày:

- Phan Liêm, Phan Tôn con ông Phan Thanh Giản. Ông này cũng một duộc chủ hòa như Nguyễn Bá Nghi. Hay là vô đây để dò xét tướng công chăng?

Trương Định lắc đầu:

- Không, tôi nghe nói hai cậu Phan Liêm, Phan Tôn tính tình trung hậu, lại rất ghét giặc Tây, chưa chắc đã có chuyện đó đâu. Xin tướng công cứ cho hai cậu vô để hỏi coi ra sao đã...

Nghe lời Trương Định, ông Nguyễn cho mời hai anh em họ Phan vào. Đó là hai chàng trẻ tuổi mặt mũi khôi ngô, nước da trắng trẻo, mình mặc áo gấm lam nổi hoa chữ thọ, đầu chít khăn nhiễu tím, chân dận hài đỏ, tỏ ra người sinh trưởng trong chốn cao sang. Tuy vậy nét mặt đầy vẻ hòa nhã của kẻ có học thức.

Tới nơi, Phan Tôn vái chào rồi nói:

- Bẩm, bá phụ thọ thương, chúng cháu tới thăm trĩ, thiệt là đặc tội.

Phan Liêm cũng nói:

- Chắc bá phụ không được hài lòng về việc làm của phụ thân cháu... Xin bá phụ hiểu cho, chúng cháu cũng rất khổ tâm về chuyện đó, nay tới đây để giải tỏ lòng thành...

Ông Nguyễn ôn tồn:

- Từ lâu ta đã hay hai cháu không phải người cặn nghĩ. Cách biệt mấy năm, hai cháu đã trưởng thành cả rồi, bác rất vui mừng...

Trương Định cũng vốn vã hỏi han hai anh em họ Phan, riêng Lịch vẫn đứng yên một góc, nét mặt đầy vẻ ngờ vực. Bỗng Phan Tôn sực nhớ thưa với ông Nguyễn:

- Bẩm bá phụ, có gia sư là Nguyễn Đình Chiểu muốn vô vấn an, nhưng vì chưa được diện kiến bá phụ lần nào nên e rằng đường đột...

- Nguyễn Đình Chiểu nào? Có phải thầy tú tài Chiểu nổi tiếng thơ hay đó không?

- Bẩm, chính phải. Khi ông mở trường ở Tân Thuận, chúng cháu có tới tập văn một độ. Nay ông về Bình Vị Biên Hòa thăm nơi dạy học cũ, gặp chúng cháu nên chúng cháu dẫn ông tới đây...

- Ta nghe danh thầy Tú Chiếu từ lâu, vẫn có lòng khao khát. Cháu ra mời thầy vô và xin lỗi giùm ta vì thọ thương nên không ra đón được, nghe!

Anh em họ Phan ra mời Tú Chiếu vào. Trương Định nghe nói mừng ra mặt vì Định cũng mong gặp lại người bạn mới quen.

Lát sau, ông Nguyễn nhìn thấy một người cao lớn, nước da trắng trẻo, tuy mù nhưng dáng điệu hết sức trang nhã, với chiếc áo trắng dài vải thô sạch sẽ không một nếp nhăn. Chiếc búi tóc giắt lược sừng nhô cao lên vành khăn nhiễu tím. Thoạt trông, ông Nguyễn đã sinh lòng kính nể, gượng đau đứng dậy đón. Tú Chiếu biết ý vội thưa:

- Xin tướng công chớ bận lòng vì kẻ hàn sĩ này. Người cứ an tọa để tiểu sinh đứng hầu là đủ rồi...

Nguyễn Tri Phương không nghe, một hai ép ông Tú phải ngồi lên giường cạnh ông. Tú Chiếu khoan thai vén áo ngồi ghé một bên, rồi kính cẩn:

- Bẩm, tiểu sinh có biết chút ít về y lý, nghe nói tướng công thọ thương nên mạn phép đến vấn an, coi có thể góp phần điều trị được chút nào chăng?

Ông Nguyễn cảm kích:

- Thầy có lòng, ta rất cảm ơn. Từ lâu ta đã nghe danh thầy, thuốc đã giỏi mà thơ cũng hay, nên thường ao ước có phen gặp gỡ, ai ngờ không hẹn mà nên. Nhưng vết thương của ta có đáng kể gì so với vết thương của đất nước. Trước khi điều trị cho ta, thầy hãy cho ta biết ý thầy về thời cuộc đã...

Tú Chiếu điềm tĩnh:

- Bẩm, tiểu sinh trộm nghĩ đất nước như con bệnh trầm kha^{3*} muốn chữa lành chốc lát không phải là chuyện dễ. Trước hết phải dùng thang công phạt để khu trừ cho hết âm độc, sau mới dùng sâm nhung để bồi bổ nguyên khí. Như người các mạch bị uất kết, phải khai thông các mạch bằng phép châm cứu, thì ở đây phải cổ vũ lòng dân cầm hờn lũ giặc, vì nước hiến thân. Sau tới việc khu tà giải độc từng ăn sâu vào tạng phủ,

phải dùng vị thuốc có tính nhiệt tính cấp, thì ở đây phải nhóm hợp nghĩa sĩ, chọn nơi đóng quân, sắp sẵn khí giới đánh giặc. Nếu cây cỏ cũng đều trở thành vị thuốc được, thì một ngọn tầm vông cũng có thể làm binh khí giết giặc, một bó rơm con cúi cũng có thể làm hỏa mai đốt tàu, một lưỡi dao phay, một thanh kiếm sắt đều là quân nhu, một chiếc chiêng đồng, một thớt gỗ đều là hiệu lệnh. Sách có chữ “gươm gỗ giáo sào” cũng là lẽ ấy. Nếu như trăm họ đều là quân binh, khắp đất đều là chiến lũy thì giặc không thể thoát khỏi lớp thiên la địa võng^{4*} như loài trùng bệnh khi có các loại thuốc khắc chế đưa vào, sẽ hết cách hoành hành.

Ông Nguyễn vui mừng:

- Lời thầy nói về căn bệnh đất nước mà lại làm thuyên giảm tâm bệnh của ta. Xin thầy nhận xét giùm về sở trường sở đoản của ta trong việc cầm quân vừa qua, để còn bồi bổ cho lần sau...

Tú Chiếu nghiêm trang:

- Bẩm, sở trường của tướng công là dựa vào thành lũy...
- Còn sở đoản?
- Sở đoản của tướng công cũng là dựa vào thành lũy...
- Sao? Sở trường sở đoản cũng là thành lũy, vậy là nghĩa thế nào?

Tú Chiếu bình tĩnh:

- Bẩm, thành lũy có cái hay là cố thủ được ít lâu để có thời giờ tập trung binh lực khởi thế công, nhưng cũng có cái dở là chỉ chống cự được với những đoàn quân dùng gươm giáo hay súng thần công kiểu xưa, chớ khi đem chọi với một đội quân có súng ống tối tân đủ sức san phẳng hào lũy thì lại phơi ra nhiều chỗ yếu, chẳng khác nào giơ lưng ra cho người ta thui.

Ông Nguyễn nhúu đôi lông mày bạc như cước, nét mặt căng thẳng tỏ vẻ hết sức quan tâm:

- Theo ý thầy thì nên làm thế nào?

Nghe giọng nói ông Nguyễn, Tú Chiếu biết ông hiện đang hết sức đau khổ vì Tú Chiếu đã chọc đúng vào vết thương trong lòng ông. Muốn ông Nguyễn tâm thần đỡ bị chấn động, Tú Chiếu không vội nói ngay cốt cho cơn nóng nảy của ông qua đi đã. Giây lát đợi ông bình tĩnh trở lại, Tú Chiếu mới nói, giọng điềm đạm như một thầy thuốc chẩn bệnh:

- Muốn đưa được thuốc vào phải biết cách dẫn kinh, chớ nếu uống đủ các vị hàn nhiệt vào một lúc sẽ công phạt lẫn nhau rồi mắc chứng trệ, hay ứ huyết, rối loạn kinh mạch. Cũng như ở đây phải biết chia quân đi đóng các nơi hiểm yếu, nằm trên các đường trục giao thông để có thể cứu ứng lẫn nhau. Cú ý ngu của tiểu sinh thì Trương Lãnh binh nên lui về giữ đất Gò Công, Nguyễn Quân cơ nên về giữ đất Rạch Giá, còn Cần Giuộc thì tôi sẽ nói với Đốc binh Là mang quân về đóng chốt. Ngoài ra như các nơi Đồng Tháp, Mỹ Tho cũng nên chia người đóng giữ. Còn tướng công là linh hồn của cuộc chiến đấu, nên tĩnh trấn một nơi để đóng dả mọi người, cũng như là vị thuốc chủ để bổ hư ích khí⁵ vậy.

Nghe xong lời Tú Chiếu, Định và Lịch đều gật gù khen phải. Phan Tôn gặng hỏi:

- Sao từ nãy tới giờ tôn sư không nhắc tới bọn tiểu đồ, hay tôn sư cho rằng...

Tú Chiếu vội gạt đi:

- Đâu phải vậy, chỉ hiềm vì quan Phan đứng đầu phe chủ hòa, nếu hai cậu đứng ra xướng nghĩa, e có người nghi ngờ cho là giống như vị thuốc “dẫn khấu nhập đình”^{6*} thì nguy! Như vậy, hai cậu hãy tạm lui về Bến Tre, chính bị lực lượng, khi nào thời cơ thuận lợi hãy nổi dậy cũng chưa muộn. Đó cũng là vị thuốc bổ âm phối hiệp với vị thuốc tráng dương của các vị này. Nếu như thang thuốc phải có “quân thần tá xứ”^{7*}, thì mọi người trên dưới phải một lòng mới có công hiệu.

Nguyễn Tri Phương ngẫm nghĩ rồi nói:

- Thầy nói vậy quả là đạt lý, nhưng chết nỗi triều đình lại truyền cho ta phải về Phan Rí dưỡng bệnh. Vậy ta nên ở lại hay về Phan Rí theo lệnh triều đình?

Tú Chiếu dẫn đo. Lúc này khuyên ông Nguyễn bất tuân lệnh triều đình là chưa phải lúc. Dầu sao hai chữ trung quân đã ăn sâu vào trong tâm óc ông Nguyễn rồi. Minh đòi hỏi ở ông điều vượt quá sức ông là không thể được. Nghĩ vậy, ông thận trọng;

- Tướng công là mệnh quan của triều đình, nếu không về, bọn quan lại chủ hòa sẽ vin vào đó buộc tội tướng công chống lại nhà vua rồi kiếm cách giết hại, khi đó trăm họ mất kẻ cầm đầu, ắt ngơ ngác như gà con

lạc mẹ. Tướng công hẳn không lạ gì cái tội “mặc tu hữu”^{8*} mà Tần Cối khếp cho Nhạc Phi thời xưa.

Nguyễn Tri Phương lắc đầu:

- Mình ta đầu chết cũng có nghĩa lý gì. Trong thiên hạ, thiếu chi người đứơc hơn ta. – Ông chỉ mấy người trẻ tuổi. – Như các tướng quân đây chẳng hạn.

Tú Chiếu giọng từng trải:

- Nếp quen chuộng người có danh vọng cầm đầu của dân ta có từ ngàn năm nay, đâu phải một sớm một chiều mà thay đổi được. Nói gì thì nói chứ các tướng quân đây tuy thừa nghĩa khí nhưng danh vọng còn thấp, chưa thể đứng làm tiêu biểu cho công cuộc chống giặc. Chi bằng tướng công cứ về Phan Rí, mượn danh nghĩa triều đình mà cổ vũ trăm họ một lòng chống giặc, để mọi người cùng hướng về ngọn cờ đại nghĩa. Nhiệm vụ của tướng công lúc này là phải sống, để đứng làm cột đá ngăn chặn dòng nước xoáy, cứu vớt muôn dân.

- Lời ông nói thấm vào ruột gan ta chẳng khác nào thang thuốc bổ, về lý thì như vậy nhưng trước mắt ông có phương thuốc nào hay giúp ta không?

Tú Chiếu mở khăn gói lấy ra một cuốn sách giấy bản bìa phất cật dăng lên:

- Kính bẩm tướng công, tiểu sinh cảm thương thời thế, thao thức suy nghĩ gần một năm ròng mới soạn thảo nên một bản Lục Vân Tiên để góp phần làm chiếc thuyền chở đạo, và dùng ngọn bút đâm mấy thằng gian. Xin dâng tướng công đọc và chỉ dạy cho.

Ông lật qua mấy trang:

- “*Trước đèn xem chuyện Tây Minh*”... Chẳng hay ông diễn ca truyện Tây Minh hay viết theo ý bài Tây Minh của Trương Tải?

Tú Chiếu mỉm cười, nụ cười hóm hỉnh mà đôn hậu:

- Bẩm, đây là bốn thơ do tiểu sinh nghĩ soạn ra, không dựa vào cuốn truyện xưa nào, cũng không mượn ý của bài Tây Minh của Trương Tải. Sở dĩ kêu là Tây Minh là ngụ ý chuyện có liên quan đến giặc Tây bắt đầu thời vua Minh Mạng. Bởi ám chỉ giặc Tây nên mới gán cho nó cái tên rợ Ô Qua ở ngoài cửa biển...

Nguyễn Tri Phương đọc thử mấy dòng rồi gật gù:

- Cứ đọc câu “*Nhớ câu kiển ngã bất vi. Làm người thế ấy cũng phi anh hùng*” cũng đủ làm cho người ta sôi bầu nghĩa khí rồi. Ý đã cao mà thơ lại hay... - Ông lại đọc tiếp:

*Đời chân ra chốn hoa đình,
Xem trăng rồi lại chạnh tình cố nhơn.
Than rằng: Lưu thủy cao sơn,
Ngày nào nghe đặng tiếng đàn tri âm...*

Ông xúc động đặt sách xuống:

- Đọc câu này ta lại nhớ đời ta chỉ có một người bạn tri âm là ông Phan Thanh Giản, đời ta cũng chỉ có một lần làm thơ bài thơ tiễn ông Phan về Nam: “*Cá lại Long Giang hai ngã nước. Nhận về Du Hợp một phương trời*”. Bây giờ ta với ông Phan không chỉ là hai cá rẽ dòng nước mà vĩnh viễn thành đôi nhận lạc bấy...

Mọi người chung quanh đều bùi ngùi. Anh em họ Phan đưa vạt áo lên chấm nước mắt. Nhưng Tú Chiếu cương nghị:

- Bẩm tướng công. Cá lại Long Giang nếu vượt qua ba lớp sóng sẽ hóa rồng, nếu không thì chỉ là loại cá thường mà thôi. Làm thân cá sao chẳng mong có lần vượt được Vũ môn.^{9*}

Như một phần phát, ông Nguyễn lại say sưa đọc. Ông cảm thấy không phải là thơ trong truyện nữa mà là những lời tâm sự của chính ông...

*Quan sơn ngàn dặm đặng trình,
Lãnh cờ bình tặc phá thành Ô Qua.*

Ông càng đọc càng hào hùng. Giọng vị tướng già sang sảng như đọc một bài hịch cứu nước.

Ghi chú

^{1*} “Giữ yên lặng” và “tránh ra”

^{2*} Xử chém nhưng còn tạm giam lại

^{3*} Bệnh đau lâu khó chữa.

^{4*} *Lưới trời, lưới đất.*

^{5*} *Bồi bổ chỗ yếu, có lợi cho khí huyết.*

^{6*} *Dẫn giặc vô nhà*

^{7*} *Thuốc có các vị chính phụ như vua tôi hợp nhau.*

[8] Nhạc Phi đang chống giặc Kim thì bị tên gian thần Tần Cối giả chiếu vua đòi về triều rồi giết hại. Có người hỏi: “Nhạc Phi có tội gì mà bị giết?” – Cối trả lời: “Cần gì phải có tội” (Mạc tu hữu) ý nói không có tội cũng buộc thành tội.

[9] Theo truyền thuyết, cứ đến tháng tám có cuộc thi giữa các loài sống dưới nước, con nào nhảy vượt được qua cửa Vũ (Vũ môn) thì sẽ hóa rồng.

Con sông Cần Giuộc chảy ngang qua chợ Trường Bình, từ làng Phong Đức cho tới bãi sông Xoài Rạp. Dọc sông có nhiều lò ấp trứng vịt của bà con, trong đó có lò của Huân là phát đạt nhất.

Huân là em trai út của Tú Chiếu, cha mẹ mất sớm, Huân được ông Tú nuôi cho ăn học. Con người hiếu thảo đã khóc mẹ đến nổi đui mắt ấy cũng là một người anh ăn ở chí tình với các em. Lương dạy học của ông Tú ít ỏi, Huân phải kiếm cách làm thêm để đỡ dần cho anh. Sống ở vùng Cầu Kho, vùng đất sinh lầy lau sậy, sau lưng là dòng sông Bến Nghé hai hướng đông tây chắn ngang bởi hai con rạch từ sông mở vào là rạch Cầu Kho và rạch Bần, bên cạnh những con người quen sinh hoạt trên sông rạch: lười cá, làm than, chở củi, chở hàng hóa đi trao đổi, đóng ghe, làm mộc... nên Huân đã học được nhiều nghề chân tay. Huân thường đi làm mướn cho những người chở than quen cái thói dọc ngang sông nước của dân hạ bạc. Có khi theo ghe đến mấy tháng ròng khi về không quên lượm củi trôi giữa dòng mang về bán giúp đỡ gia đình. Cũng vì vậy Huân không theo đuổi việc học được đều đặn. Cuối cùng, Huân xin phép nghỉ học để theo hẳn nghề thương hồ, đỡ cho anh một gánh nặng. Tú Chiếu lúc đầu không ưng, nhưng thấy em nói tha thiết quá đành phải chấp thuận. Và chẳng, ông Tú cũng biết em mình sống gần người nghèo nên học được nhiều nét tốt. Hầu hết, họ đều là những người thật thà, thẳng thắn, chuộng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài. Họ lại can đảm, hào hiệp, sẵn sàng phò nguy cứu khổn theo đúng câu phương ngôn: Lộ kiến bất bằng, bạt đao tương trợ¹. Nhưng không phải cá hung hăng của kẻ vũ phu mà do rất mực thương người cô thế. Tuy có nóng nảy nhưng lại biết phục thiện. Nếu như gia đình họ Võ trong thơ Lục Vân Tiên, ông lấy mẫu từ một gia đình có thiết ở kế bên rạch Bần, đã từng hứa hôn với ông khi ông bị đui mù, thì những nhân vật như ông Ngự, ông Tiểu, Hớn Minh, Tiểu đồng..., ông lấy mẫu từ chính những con người nghèo nàn lam lũ ở đây mà ông đã nhiều năm tiếp xúc, tìm hiểu. Nhiều câu thơ Lục Vân Tiên được viết ra trong tiếng quăng chài, kéo lưới trên sông rạch, tiếng nước rổ róc rách, tiếng gió thổi hây hây và mùi tôm cá tanh nồng... Những lúc đứng hóng mát trên cầu Rạch Bần, ông lại mừng tượng hình ảnh người con gái họ

Võ đã phụ bạc ông vì tham chốn giàu sang, và không thể không so sánh hai cảnh đời khác nhau chỉ cách nhau bằng một nhịp cầu mong manh bắc qua con rạch.

Vì biết chăn vịt từ nhỏ nên khi theo anh dời về Cần Giuộc, Huân cũng gây một bầy vịt. Chỉ cần mua vịt con và tốn thức ăn cho nó một tháng đầu. Khi vịt con đã cứng cáp, biết chạy nhảy bơi lội tự nó mò cua bắt ốc tìm lấy mà ăn thì chỉ còn tốn công chăn. Đầu tháng mười Huân mua vịt con, bước qua tháng mười một nó đã lớn bằng bắp chân, bắt đầu mọc lông cánh cũng là lúc bắt đầu gặt. Anh cho nó chu du một chuyến dọc sông ăn cua, ốc, cá, tép, rồi lên các cánh đồng gặt xong nhặt thóc rơi thóc rớt. Đến tối con nào cũng no đầy đi lặc lè, anh lấy mấy tấm phen quây theo quây nó ngủ tại bờ ruộng. Đàn vịt đi ăn như thế hai tháng là vừa đúng lúa, kịp lúc các chủ vừa tới đón mua, ngã giá xong anh trở về là áp Tết.

Chán nuôi vịt đẻ, Huân lại xoay qua nuôi vịt thịt. Nuôi vịt đẻ tốn vốn nhiều vì cần cho nó ăn thêm thóc mới sai trứng. Cũng vất vả hơn, người nuôi cũng phải thắp đèn canh chừng suốt đêm, nếu để chuột chồn đến khuấy làm vịt giựt mình nhảy rộ lên kêu oang oác là nín đẻ luôn. Đêm nào bầy vịt ăn no ngủ say nó sẽ đẻ trứng nằm sắp lớp trắng đất. Trứng vịt của Huân lòng đỏ đỏ rực như mặt trời mới mọc, béo ngậy vì được tắm bổ nhiều cua, ốc, tép. Huân mở ngay một lò ấp trứng vịt để lấy vịt con bán cho người chăn.

Một đêm thanh vắng, Huân đang ngồi canh lò thì bỗng nghe từ dưới sông có tiếng hò cất lên trong trẻo:

- Hò ơ... Đêm canh lặn thì nào nề ai oán. Còn cảnh u sầu thì mây áng trắng lu, Ai người quân tử đó ru, Để em khép cửa phòng thu em đợi chờ...

Nghe tiếng hò chứa chan tình cảm, Huân thấy lòng rạo rực liền ra bờ sông lấy nón ngoắc cô gái rồi cất giọng hò theo:

- Hò ơ... Nước chảy liu riu, lục bình trôi lú rú, anh thấy nàng nhỏ xíu anh thương, này nàng ơi hỏi thăm thực nữ gia đường ở đâu...

Thấy có người cất tiếng hỏi, cô gái bèn đồng đáp:

- Hò ơ...Chiếc thuyền tôi thả luôn theo dòng nước, anh hỏi chuyện gia đường cách bước mà làm chi...

Tuy nói vậy nhưng cô gái cũng ghé thuyền vô bờ. Thấy Huân đứng trước cửa lò ấp, cô liền đánh tiếng hỏi mua trứng vịt lộn. Huân sốt sắng mang ra chục trứng khoe với cô:

- Chẳng dám nói ngoa, hột vịt lộn của tôi ngon nhất miệt này. Cô nếm qua chút đỉnh rồi sẽ thấy...

Cô gái trả tiền nhưng anh nhất định không lấy. Thấy anh cứ nhìn mình chăm chú, cô gái nguẩy đi:

- Làm chi mà cứ ngó lom lom người ta mắc cỡ muốn chết...

Tiếng “muốn chết” cô uốn cong lưỡi nghe như “muốn chót”, mới dễ thương làm sao, Huân thăm dò:

- Tôi dám hỏi chẳng hay cô Hai đã có gia đình chưa?

- Anh hỏi làm chi mới được chớ?

- Nếu cô chưa có nơi chốn nào thì hay là...cô về đây làm lò chung với tôi...

Cô gái cười rũ rượi:

- Nói chi mà kỳ hôn, hổng thấy người ta đang mắc công việc đây à...

- Công việc của cô Hai là việc gì mới được chứ...

- Giỡn hoài...

_ Tôi đâu có giỡn. Cô Hai không nghe người ta nói: Phải duyên gặp vịt cũng lùa, gặp sông cũng lội gặp chùa cũng tu à.

Đôi má bầu bầu của cô gái bỗng đỏ rần:

- Anh khéo nói lắm!...Thôi bây giờ xin phép anh tôi phải đi kéo có người trông.

- Ai trông cô Hai vậy cô Hai?

- Ai trông thì mắc mớ chi tới anh mà hỏi...

Nói rồi cô gái nguây nguẩy bỏ đi. Nhưng rồi lần khác ghé qua cô lại vô lò của anh mua ít trứng vịt lộn. Cô khen:

- Hột vịt lộn của anh đập ra, húp nước ngọt không kém gì mì hoành thánh của “các chú” ở Chợ Lớn. Ăn một lần là nhớ hoài...

- Cô chỉ nhớ hột vịt thôi chớ hổng nhớ ai à?

Cặp môi cô gái uốn cong lên đầy tình tứ:

- Nhớ ai? Có ai mà nhớ?

- Nhớ...nhớ...chớ còn nhớ ai....

Vừa nói Huân vừa chỉ tay vào ngực mình. Cô gái đỏ bừng mặt:

- Anh đừng nói bá láp bá xàm, người ta cười cho mắc cỡ chết.

- Ai cười mặc ai, miễn cô Hai không cười tôi là được rồi.

Đôi mắt to đen của cô gái ngược nhìn Huân, cảm động.

- Em đâu dám cười anh... A mà anh ở đây một mình thui thui, chắc buồn lắm phải không?

- Tôi đâu có phải một mình, tôi có gia đình hẳn hoi. Anh tôi là ông Tú Chiếu dạy học ở trường.

Huân chỉ về phía trong làng. Cô gái sửng sốt:

- Ủa, anh là em ông Tú Chiếu à? Ông Tú Chiếu đặt thơ Lục Vân Tiên phải hôn?

- Cô cũng nghe tên anh tôi kia à?

- Danh tiếng ông Tú Chiếu khắp miền này ai còn lạ. Nhưng em hỏi thiệt anh câu này, anh đã đọc kỹ thơ Lục Vân Tiên chưa?

- Tôi nằm lòng từ hồi nào rồi chớ.

- Vậy anh thích nhất câu nào trong đó?

Huân nhìn cô gái tủm tỉm cười:

- Tôi thích nhất câu:

Tới đây duyên đã bén duyên,

Trăng thanh gió mát cắm thuyền chờ ai?

Cô gái bỗng nghiêm trang:

- Em thì em thích câu:

Trọn đời một tấm lòng son,

Chí lắm trả nợ nước non cho rồi.

Rồi giọng cô chuyển sang tha thiết:

- Anh đã hỏi thì em xin tỏ thiệt, ở đời em chỉ ao ước gặp được một người có chí khí như trong thơ Lục Vân Tiên mà thôi.

Huân chợt tỉnh, rõ là cô gái có ý nhắc nhở mình về bốn phận làm trai. Như vậy là mình đã trót “thấp cơ thua trí đàn bà”. Để chuộc lại, anh cũng đáp bằng một giọng thành khẩn:

- Tôi chắc rằng, người mà cô ước nguyện cũng không còn ở xa cô lắm đâu...

Sau ngày đó, hai người thường xuyên chuyện trò thân mật với nhau, lâu dần tình cảm càng thêm gắn bó. Cô gái cho Huân hay tên cô là Xuyến, con một gia đình làm nghề dệt chiếu ở Long An. Cha mẹ cô bị giặc giết trong một trận chúng hành binh qua làng. Từ đó, cô xin gia nhập nghĩa binh của Thống quân Bùi Quang Diệu để kiếm phương trả thù nhà nợ nước. Cô chở thuyền trên sông nước thế này là bởi có nhiệm vụ đưa tin tức cho nghĩa quân.

Được lời Xuyến khích lệ, Huân cũng hăng hái xin sung vào đội nghĩa quân của Đốc binh Là. Lúc hay được ý định của em, ông Tú rất tán thành và vô cùng khen ngợi cô gái chở thuyền “thục nữ chí cao” đó. Huân thưa với anh:

- Em gặp cô này thật là kỳ ngộ chẳng khác gặp tiên. Hay là nhân vật trong sách của anh đã hóa thành cô kỳ nữ đó!

Tú Chiếu chỉ mỉm cười không đáp. Nhưng từ khóe mắt ông, Huân thấy lấp lóăm đôi hạt nước mắt...

Ghi chú

^{1*} Giữa đường gặp nổi bất bằng, rút dao giúp đỡ.

Tên bãi đất rộng cạnh chợ Trường Bình, bà con quây vòng trong vòng ngoài quanh một ông già mù hát dạo và đưa cháu gái nhỏ. Ông già mù vừa đàn độc huyền vừa nói thơ Vân Tiên. Tiếng thơ khi trầm bổng, khi ngân nga, hòa với tiếng đàn réo rắt. Trong tiếng đàn một dây chứa đựng muôn ngàn thứ tiếng: tiếng sóng reo trên sông Cần Giuộc, tiếng lá dừa nước xào xạc, tiếng hò man mác trên con thuyền nước chảy ngược dòng, tiếng giọt mưa đêm rơi tí tách trên chiếc thau đồng, tiếng chim chuyền riu rít hót mừng mặt trời buổi sớm...

*Hữu tình chi bấy Ngưu Lang,
Tấm lòng Chước Nữ vì chàng mà nghiêng.
Thôi thôi em hỡi Kim Liên,
Đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê...*

Tiếng xuýt xoa của các bà già. Tiếng cười rúc rích của các cô gái. Tiếng tấm tắc của các chàng trai. Tiếng những đồng kềm Thiệu Trị, Tự Đức liệng rào rào vô lòng chậu thau cô gái nhỏ ôm trong tay. Trong khi đó, cô gái vẫn đưa mắt liếc nhìn về dãy đồn Lang-Sa bên kia chợ, ở tả ngạn rạch Cầu Tràm, nép cạnh một nhà dạy đạo. Về phía đó, vẳng lại tiếng tàu sắt nổ máy dưới sông, tiếng Tây la hét và tiếng lính mã-tà hô ắc ê bước chân đều nhịp.

Ông già mù lại chuyển sang đoạn ông quán. Giọng ông cất cao hẳn lên, chiếc cần cũng lướt nhanh trên dây đàn gợi hình ảnh đàn chim nhảy lách tách trên cành trúc la đà:

*Quán rằng: Ghét việc tầm phào,
Ghét cay ghét đắng, ghét vào tới tâm.
Ghét đời Kiệt Trụ mê dân,
Để dân đến nỗi sa hãm sẩy hang.
Ghét đời U Lệ đa đoan,
Để dân luống chịu lầm than muôn phần...*

Có tiếng xôn xao trong đám người nghe. Tiếng tiền kềm lại reo loảng xoảng trong chậu. Bỗng từ phía đồn, có một toán lính mã tà đi tới chợ. Một tên reo:

- A, có người “nói thơ Vân Tiên”, tội bây ời!

Cả bọn xúm lại gần ông già hát dạo. Một tên lính nói:

- Ông già mần cái đoạn Bùi Kiệm máu dê cho tội này nó nghe, nó khoái cái đoạn đó bất tử.

Một tên khác nói:

- Thôi khỏi, ông có rành mần tuồng thì mần lớp Nguyệt Nga cống Hồ cho tội tôi nghe mới đã.

Muốn chiều lòng tội lính, ông già chuyển sang mần tuồng, lần này ông sắm vai Nguyệt Nga còn cô gái nhỏ vai Kim Liên.

Nguyệt Nga cất tiếng than: “Kim Liên em nầy, cô nghĩ lại cô tội cho phần cô lắm em. Đã vô duyên không trọn nghĩa với người thương, còn bạc phận phải lìa xa cha mẹ, nữa kìa. Dòng nước chảy đưa thuyền phôi nhẹ, giọt sầu tuôn tấp dạt băng khuâng, bóng trăng rằm vắng vặc một vừng, hồn cố quốc triều triều nửa tối”.

Kim Liên tiếp: “Thưa cô, người có cơn thành bại, nước có lúc lớn ròng. Xin tiểu thư nén dạ an lòng, phú tạo hóa định phần may rủi”.

Nguyệt Nga nói: “Em ôi, mù mịt tương lai đầy cát bụi, phất phơ quá vắng luống bồi hồi. Cô cũng muốn làm lơ, nhắm mắt đưa chân lắm chớ. Ngặt vì: mầm ước mong một phút bỗng dứt chồi, gái trinh bạch hai lòng đâu đành chịu, cho được em. Kim Liên em ôi, nước bạc thà trao thân liễu yếu, đèn vàng quyết chẳng để danh nhơ. Chử ân tình cô khó nổi làm ngơ, về Phiên quốc cô cậy em thay thế”.

Kim Liên nói: “Tiểu thư đừng có nghĩ như vậy, không nên đâu”

Nguyệt Nga làm điệu bộ mở bức tượng Vân Tiên ra nhìn:

“Ai ôi, nếu đó tướng tình xin chứng chiếu, cho đây hiệp mặt với nhau cùng. Liễu mất ngay cho vẹn vẻ thủy chung, để xú tiết thêm thẹn thua cây cỏ...”

Bọn mã tà khoái quá, cầm những râu tiền điếu liệng rào rào vô chậu. Ông già hát dạo cất tiếng:

- Cảm ơn mấy chú thương kẻ đui mù, ơn này nguyện ghi tạc.

- Ơn huệ gì? Tội tôi muốn nghe ca cho đã, rủi có chết cũng hồng còn tiếc đời. Vì ba cái đồng xèng mang về nuôi vợ nuôi con, mà phải dấn thân vô vòng tên đạn, còn không biết, mất không hay đó ông già!

- Cũ này cứ đưa quân hoài hoài về miệt Biên Hòa, cái đồn bỏ trống lổng, nghĩ mà thấy ớn xương sống.

- Nghe nói ở Biên Hòa sắp đánh nhau lớn lắm, nên các ông đi điều quân gấp. Hồng biết bao giờ tới phiên tội mình đi làm bia đỡ đạn cho mấy ông.

Cả bọn nhao nhao nói, rồi một tên bàn:

- Thôi đi kiếm vài be rượu nhậu lai rai chút cho nó quên cái sầu đời đi mày!

Bọn lính rủ nhau vô quán nhậu. Bà con từ khi thấy lính tới e xảy chuyện phiền phức cũng tản đi dần. Lúc này chỉ còn hai ông cháu người hát dạo. Ông hỏi nhỏ:

- Cháu nhìn rõ như vậy chớ?

- Cháu nhìn rõ ràng ràng mà. Tội nó đưa quân đi tới bến ở mé tay trái, xuống tàu có bông bong che trắng lố, ông cũng nghe thấy đó thôi!

- Thôi ta về, cháu à.

Hai ông cháu cuộn chiếu rồi người mang đòn, kẻ ôm chậu quẹo sang phía con đường làng hướng đi Bình Chánh. Khởi ao sen lớn đào cặp cổ một con đường nhỏ tới một cảnh chùa nằm lọt giữa mảnh vườn xanh um. Ngoài cổng có biển đề ba chữ: “Tôn Thạnh Tự”. Ông già gõ cửa, một chú tiểu chạy ra trông thấy, vội vào báo cho hòa thượng hay.

Hòa thượng cao lớn khỏe mạnh, tướng con nhà võ, tay lần tràng hạt ra đón. Vừa “Mô Phật” thiết lớn, hòa thượng lại đổi sang nhỏ giọng:

- Thế nào có tin gì mới không. Ông đốc binh đang chờ.

- Bạch thầy có chớ.

- Nếu vậy ông theo tôi.

Vị hòa thượng dẫn hai ông cháu vô tận gian Đại Hùng bửu điện, vừa đẩy một pho tượng Phật lớn thì sau tượng có một cái cửa thông vào hậu liêu. Bên trong tranh tối tranh sáng, Đốc binh Là đang nóng ruột đi đi lại lại. Đôi lông mày mũi mác nhăn tít, những nếp nhăn trên trán nổi hằn. Đang bước những bước nặng chịch, đôi hài mũi cong ấn mạnh xuống mặt sàn, bỗng thấy ông già, nét mặt ông chợt tươi lên:

- Có tin mới phải không?

Ông già thưa:

- Dạ, có. Ông cháu tôi thấy bọn Lang-Sa chở đầy nhóc quân về miệt Biên Hoà, nghe bọn mã-tà kháo nhau thì ở đó sắp có đánh lớn, hiện giờ trong đồn chỉ còn bảy chục tên...

Đốc binh Là tay bưng trán suy nghĩ. Rồi ông bảo cô gái nhỏ:

- Cháu đi rước thầy Tú Chiếu tới đây cho ta. Lẹ chút, nghe!

Cô gái nhỏ vâng lời. Đốc binh Là lại hỏi ông già:

- Ông có chắc chắn là trong đồn còn ít quân không?

- Bẩm ông lớn, tôi xin cam đoan với ông lớn là quân trong đồn hiện còn rất ít. Bọn còn lại cũng đang hoang mang lo sợ phải đi tiếp ứng cho miệt Biên Hoà.

Đốc binh Là gật gù. Từ ngày theo Thống quân Bùi Quang Diệu dấy binh, nghĩa quân do Đốc binh Là cầm đầu đã hùng cứ một vùng Cần Giuộc, chặn đánh quân Lang-Sa nhiều trận khiến chúng không ra khỏi được Chợ Lớn, từ Chợ Lớn xuống Gò Công chúng chỉ có thể đi bằng đường thủy.

Mãi suy nghĩ, Đốc binh Là không biết ông Tú Chiếu đã tới từ hồi nào. Mãi khi nghe tiếng chào ông mới giật mình quay lại, thấy Tú Chiếu, ông niềm nở:

- Ủa! Thầy Tú! Tôi trông thầy thiếu điều cháy gan cháy ruột.

Ông Tú điềm tĩnh:

- Có chuyện chi vậy, bác Đốc?

Đốc binh Là đem tin tức vừa nhận được, thuật lại. Tú Chiếu gật đầu:

- Bữa tôi về thăm chỗ dạy học cũ ở Bình Vị Biên Hoà cũng nghe thấy nói bọn Lang-Sa đang tính dốc toàn lực để đánh chiếm Biên Hoà, chặn đường giao thông của ta ra miền Trung. Đội quân thám thính của chúng ở Suối sâu bị đánh lui, lại một đội khác tới hai thôn Bình Thạnh, Bình Chuẩn bị phó để đốc Lê Quang Tiến nhân đêm đánh úp, chúng phải thua chạy. Chắc vì ít quân nên bọn chúng phải dốc quân từ các đồn ở Gò Công, Cần Giuộc, Tân An để kéo về đánh Biên Hoà...

- Tôi cũng nghĩ vậy. Hiện nay trong đồn Cần Giuộc chúng chỉ để lại có ngót trăm quân, hay là nhân đêm nay ta đánh úp đồn...

Tú Chiếu ngẫm nghĩ một lúc, rồi thông thả:

- Việc dùng binh cũng như dùng thuốc, phải biết sắp đặt phương lược. Nếu không nhất tề nội ứng ngoại hợp, chỉ cốt nhổ lấy một đồn, nhổ xong nó lại dồn quân từ các nơi khác tới đàn áp thì mình khó lòng chống lại được. Nghĩa quân bị tổn thất đã đành mà giặc còn triệt hạ xóm làng, giết hại bà con là đằng khác nữa.

Giữa ngôi chùa tĩnh mịch, từng câu nói của Tú Chiếu vang lên như từng tiếng chuông ngân:

- Tôi thấy bác Đốc binh nên trình với ông Thống quân để ông sai người báo tin cho ông phó lãnh binh Trương Định ở Gò Công, và ông Quản cơ Nguyễn Văn Lịch ở Tân An cùng phối hợp với ta đánh úp bọn Lang-Sa ở tất cả các đồn trại, như vậy mới tăng thêm thanh thế cho quân ta và buộc giặc phải rút lui khỏi các đồn chúng chiếm đóng trong vùng này. Thế là vừa đánh được giặc lại vừa bảo vệ được dân, bà con sẽ càng nức lòng ủng hộ nghĩa quân. Cũng như dùng thuốc không chỉ ham dùng các vị công phạt để chữa khỏi bệnh liền tức khắc, mà phải tìm cách bồi bổ nguyên khí, cái gốc có mạnh mẽ thì mới mong dứt tuyệt được mầm bệnh...

Đốc binh Là nghe xong, vụt reo lên:

- Hay! Hay! Thầy Tú không chỉ là y tướng mà còn là chiến tướng nữa đó!

Xuyến mãi miết chèo thuyền trên dòng sông. Nước sông trong xanh, hai bên bờ những rặng lá dừa nước cao đến một trượng tua tủa chen nhau như một bức tường thành che khuất cả tầm con mắt. Dài theo rặng lá nào là dây cốt kèn, bụi ô rô gai gốc um tùm, quán quýt chằng chịt dưới chân những gốc dừa xum xuê tàu cao bóng cả. Bóng lá dừa gió đưa phe phẩy in xuống mặt nước quyện bóng từng mảng mây trời. Có tiếng kéo kệt rít lên từng hồi dài, đó là tiếng che ép mía. Thấp thoáng sau rặng lá dừa làn khói lò bay tỏa quyện với hơi đường ngào ngọt bốc lên. Trong không khí như có vị ngọt khiến bất giác người ta phải chảy nước miếng.

Nhưng bữa nay, Xuyến không còn lòng dạ nào ngắm cảnh sông nước, thở hít làn hơi ngọt đầy hai buồng phổi. Tiếng chèo khua nước rào rạt hòa với tiếng sóng bì bõm vỗ mạnh vào trong lòng cô.

Gần tới chỗ lò ấp vịt của Huân, đầu đang vội cô vẫn thấy có cái gì xốn xang trong lòng. Từ ngày gặp Huân tới nay, dòng sông không còn menh mang như trước, những đêm trăng bóng thuyền cũng không thấy lẻ

loi dưới ánh trăng dải lạnh lùng và câu hò càng nồng nàn thiết tha hơn. Dòng sông như bỗng có hồn và cảnh làng mạc hai bên bờ cũng thấy ấm áp sinh khí...

Phải chăng mối tình trong lòng cô cũng là một hột vịt còn lẫn lộn lòng trắng, đỏ nhưng đang được ủ trong lò nồng hơi ấm để hiện hình dần thành chú vịt nhỏ có đủ đầu, đuôi, lông, cánh, đợi một ngày sẽ phá vỡ vỏ chui ra...

Bữa nay Huân vừa cho ấp xong lứa vịt mới, ra rửa tay ngoài bờ sông thì thấy thuyền của Xuyến đi qua. Nhưng lần này cô có dáng vội vã chỉ ghé sát thuyền vô bờ nói với anh một câu:

- Em phải đi có công chuyện gấp, bữa nào rảnh việc em sẽ ghé anh...

Rồi cô lại quày quả trở thuyền đi miết. Từng nhát mái chèo để lại từng vòng sóng loang rộng dần trên mặt nước. Những đám rong rêu bị mái chèo hất lên lại từ từ rớt xuống trôi lập lờ. Trên nền sông nước sáng trong có những hàng dừa soi bóng, nổi bật lên hình dáng mềm mại của Xuyến với chiếc áo bà ba trắng, chiếc quần đen nhánh dài chấm gót và vuông khăn xanh buộc trên mái tóc bỏ đuôi gà. Hai tay cô nắm lấy hai tay chèo, mình hơi nghiêng nghiêng duyên dáng nhún lên đưa tới cho mái chèo quạt nước. Con thuyền cất mũi rẽ nước lao đi thì một chân cô đóng đưa theo đà lướt tới con thuyền, chân kia nhún lên một tí, toàn thân và cả tay chân cử động nhịp nhàng uyển chuyển đẹp như một điệu múa... Huân nhìn theo mãi đến khi bóng Xuyến khuất sau lùm dừa nước ở tít đằng xa mới buồn bã quay trở về nhà. Chưa lần nào bước chân anh thấy nặng nề bằng lần này.

Vừa tới nhà, Huân thấy bà Tú đang nắm một nắm cơm trong mo cau. Thấy Huân về, bà mừng rỡ:

- Chú về vừa may. Ông đốc binh cho người tới báo, tối nay mời chú tới hội với nghĩa binh ở chùa Tôn Thạnh. Tôi đoán là có công việc nên đã nắm sẵn cơm cho chú mang theo nè...

Huân xúc động trước cử chỉ chăm sóc của người chị dâu. Từ khi cả nhà dời về quê ở làng Thanh Ba, Cần Giuộc tới nay, bà càng thêm cực vì phải gánh đỡ công việc gia đình người anh là Hai Quýnh. Vợ Hai Quýnh chết sớm, nên sắp nhỏ lâm vào cảnh “sẩy mẹ bú dì”. Bà trông coi công việc cả nhà mình lẫn nhà anh, từ sáng chí tối, đầu tro mặt muội mà

không hề thốt một lời than thở phàn nàn. Anh mình bị đui mà được một người vợ đảm như vậy cũng đủ đền bù cho sự bất hạnh của ông. Ngoài việc của nhà cơm nước, bà còn phải lo chép những vần thơ của ông, vì đứa con gái đầu lòng là con Hương còn nhỏ quá chưa cho phép. Hiện nay ông đang soạn cuốn Dương Từ Hà Mậu vạch tội ác của giặc lợi dụng đạo Gia Tô mê hoặc dân lành, tố cáo những kẻ đội lốt thầy tu làm tay sai cho chúng. Bọn đó ở Cần Giuộc này cũng có, chúng ở trong ngôi nhà dạy đạo ở kế bên đồn giặc. Chúng đem chuyện hỏa ngục thiên đường ra hù dọa, dụ dỗ người ta theo đạo, khi đã theo đạo rồi thì mượn kiêu xưng tội để ép người ta khai báo về tung tích, hoạt động của nghĩa quân. Cần phải tách bọn chúng ra khỏi những giáo dân lương thiện, đó là việc cần kíp trước mắt. Huân đã thấy nhiều đêm ông Tú ngồi suy nghĩ, nhắm từng câu thơ vừa làm xong cho thuộc để sáng hôm sau đọc lại cho bà chép, vì thương bà, không muốn đánh thức bà dậy ban đêm. Huân càng thấy kính yêu đức độ của anh. Nhìn quanh không thấy ông, Huân hỏi:

- Thưa chị, anh đâu rồi ạ?

- À Ông đi hội với ông Đốc binh. Chưa chừng đêm nay sẽ có chuyện lớn. Thôi chú vô trông nghỉ chút, để đêm nay có sức mà theo đòi với anh em...

Đêm đó, nghĩa quân từ ba ngả lặng lẽ kéo tới vây đồn Cần Giuộc. Nửa đêm giữa lúc bọn lính trong đồn ngủ say mê mệt, Đốc binh Là rút gươm, chạy tới thét khẩu lệnh. Nghĩa quân dùng toàn gậy tầm vông vạt nhọn và giáo mác xông vào đập hàng rào đồn giặc, vượt qua tường đất vào tận chỗ lính gác. Tên lính gác đang chống súng ngủ gật, giật mình tỉnh dậy, còn mắt nhắm mắt mở, thì một ngọn giáo đâm ngược lên, lủng ngực hần, hần té nhào. Nghe tiếng hần rú lên kinh khủng, bọn lính Lang-Sa, Ma-ní trong ngôi nhà ngói vách ván choàng tỉnh, dùng súng bắn ra, một vài nghĩa quân trúng đạn gục xuống, nhưng những người sau vẫn hò nhau phá cửa xông vào tận trại giặc, gặp tên nào chém chết tên đó.

- Sát! Sát!

Trăm người như một đồng thét lên tiếng căm hờn sôi máu ấy. Một tên lính Lang-Sa đang loay hoay điều khiển khẩu súng thì một nghĩa quân lao tới dùng mũi chĩa ba kết liễu đời hắn. Bọn lính Mã-tà đang hoang mang, hoảng hốt, thì nghĩa quân cho gọi loa khuyên chúng không nên chống cự, nếu đầu hàng thì khỏi chết, chúng đều vớt cả khí giới xin hàng. Khi

nghĩa quân đã áp sát trại giặc, súng đạn của giặc mất tác dụng, nghĩa quân dùng dao phay mã tấu xông vào đánh xáp lá cà. Tên quan hai đồn trưởng Duy-mông bị chém rớt đầu. Hơn hai chục tên Lang-Sa, Ma-ní khác bị chết và bị thương, nằm la liệt.

Thừa lúc ấy, một cánh nghĩa quân khác dùng hỏa mai bằng rơm con cúi phóng hỏa đốt nhà dạy đạo, để trừng trị bọn tay sai giặc đội lốt nhà tu.

Chiến thuyền giặc đậu dưới sông Cần Giuộc thấy động liền một mặt cho quân tiếp viện, một mặt dùng đại bác bắn lên. Nghĩa quân vẫn hăng hái tiến lên dưới làn mưa đạn, tiếng hét: Sát! Sát! vang dậy, át cả tiếng súng giặc nổ ran.

Huân đang hăm hở xông lên đâm chém quân giặc, vì đà chém mạnh quá mà lưỡi gươm vừa rên xong, cán tra chưa được chắc nên bị long khiến lưỡi gươm văng đi. Huân chỉ còn tay không, mà phía trước là một tên giặc ngực lông lá xồm xoàm, người mập lù đang lừ lừ tiến lại. Huân nhanh trí túm ngay lấy xác một tên giặc dưới đất đập vào tên giặc kia. Bị đòn bất ngờ, nó tối mắt mũi té nhào. Huân lại nắm lấy cẳng nó dùng làm vũ khí đập vào tên giặc khác. Bọn giặc dưới tàu vẫn tiếp tục kéo lên cứu viện, Huân liền nhặt lấy lưỡi gươm cụt cán cầm vững trước ngực rồi lao thẳng vào bọn giặc. Giặc kinh hoàng tránh rạt cả sang bên không dám liều lĩnh chọi nhau tay đôi với Huân. Một tên lớn ngớ bị cả đà người của Huân lao tới, mũi gươm đâm lút ngực hằn xuyên thẳng qua bên kia... Giữa lúc đó, một viên đạn từ dưới tàu bắn lên thành linh trúng Huân. Huân té nhào xuống trận địa, bàn tay vẫn nắm chặt lưỡi gươm còn hoen đầy máu giặc.

Khi Xuyến trở về thì Huân không còn nữa mà chỉ còn tro lại một nắm mồi chưa phủ cỏ xanh. Có thắp mấy nén nhang trước mộ rồi nức nở, kể chuyện cho Huân nghe... Một cơn gió lạnh thổi qua. Cô cởi chiếc áo dài đắp trên nắm mồi, rồi gục đầu xuống như muốn áp miệng mình vào nền đất để nói cho người dưới mộ nghe rõ:

- Anh có nghe chăng lời văn của thầy Tú thay mặt bà con soạn trong buổi diếu tế vừa rồi. lời than khóc của em không sao bì được lời văn rút ra từ tâm huyết thầy Tú, nên em chỉ xin mượn lời văn của thầy mà khóc anh, mong anh hiểu cho lòng em... Anh ơi! Khi dự lễ, được nghe câu: “Đau đớn thay mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều, nảo nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ” em

đã khóc òa nức nở vì đó chính là tâm sự của em. Anh và em đều chưa cưới xin nhưng một lời hẹn ước cũng đã là nghĩa vợ chồng, em nguyện để tang anh đến trọn đời và xin phép anh được coi mình như dâu con trong gia đình anh. Chắc thầy Tú cũng thể tình mà vui lòng nhận đưa em dâu bạc phước...

Giữa lúc đó, Tú Chiêu cũng ra viếng mộ em, nghe lời nói thủy chung của cô gái, ông xúc động, lấy tay áo gạt nước mắt. Nghe động quay lại thấy ông Tú, cô thốt kêu:

- Trời! Thầy Tú... - Rồi cô tiếp lời. - Xin phép thầy cho em được kêu bằng trưởng huynh...

Ông Tú giọng chân thành:

- Thím... Tôi rất hân hạnh có được một người em dâu như thím... Nhờ thím mà chú ấy đã làm tròn bổn phận người trai lúc nước nhà hữu sự. Nhưng còn bổn phận của thím, không biết thím nghĩ sao?

Xuyến như bừng tỉnh, kêu lên:

- Thưa trưởng huynh, em đã hiểu... Em xin hứa với trưởng huynh, với vong hồn anh Huân sẽ ráng mà sống. Sống để trả thù cho chồng, trả thù cho nước...

Hàng cây bên mộ như bỗng rạt rào vì xúc động trước những lời nghĩa khí của cô gái. Những ngọn cỏ khẽ lay động, khói nhang cũng chấp chờn tỏa rộng rồi lan dần trong khoảng trời xanh cao bát ngát. Con chim đậu trên cây từ nãy vẫn im lặng, giờ bỗng giật mình vỗ cánh bay vụt lên.

*

Về Phan Rí, nằm trên giường bệnh, thỉnh thoảng Nguyễn Tri Phương lại giở bốn Lục Vân Tiên ra ngâm nga. Cứ mỗi lần đọc đoạn:

*Vân Tiên tả đột hữu xung,
Khác nào Triệu Triệu Tử vượt vòng Dương giang.
Lâu la bốn phía tan hoang,
Đều quảng gươm giáo kiếm đang chạy ngay.*

Ông lại thấy bừng bừng như sống lại những giờ khắc xông xáo ngoài chiến địa trước đây. Chiếc giường bệnh chẳng khác gì chiếc cùm đè nặng lên thân thể, ông chỉ muốn dứt phăng để xông ra trận tiền chém giặc. Ông nhớ lại vua Tự Đức trước đây chỉ biết than thở: “Tướng võ tiêu sâu duy có rượu, Quan văn đuổi giặc lại không thơ”. Thơ Lục Vân

Tiên không gọi là thơ đuổi giặc thì còn gọi là thơ gì? Ông chỉ mong sớm khỏi bệnh để mang sách về Huế sai thợ khắc in thành ngàn vạn bản cho cả nước đều đọc, để càng tăng thêm chí khí chống giặc. Mỗi câu thơ quả có sức mạnh tựa muôn quân, nó thôi thúc người ta không chịu ngồi yên ở xó nhà, nó hun đốt bầu máu nóng người dân, nó cũng nuôi cháy hồn nước trong đêm tối.

Nhiều đoạn ông Nguyễn đọc lên cũng phải phì cười. Cái lão Thái sư muốn cống Nguyệt Nga cho Ô Qua chẳng giống hệt Phan Thanh Giản, Nguyễn Bá Nghi muốn dâng ba tỉnh Đông Nam Kỳ cho Lang-Sa hay sao? Còn Trịnh Hâm, Bùi Kiệm không phải Tôn Thợ Tường, Trần Bá Lộc thì còn ai vào đó nữa. Thằng Cốt Đột mắt hùm, râu đỏ, đúng là tướng giặc Lang-Sa rồi... Nhưng còn Vân Tiên, Tử Trục, Hớn Minh. Vân Tiên văn võ kiêm toàn lại bị mù mắt phải chăng là ký thác của Tú Chiếu? Hai người bạn kia cũng y như Trương Định và Nguyễn văn Lịch... Giờ đây, ông mới hiểu hết ý nghĩa câu nói của người xưa: “Văn chương là việc ngàn thuở, Được mất trong một tắc lòng”.

Nếu mỗi dòng thơ kia là một dòng nước mát tưới cho ông trong cơn hỏa kiếp, thì mỗi chiến công từ miền Nam đưa về lại như một thang thuốc hồi sức cho ông.

Gần đây, ông liên tiếp nhận được những tin vui:

Ngày 26 tháng 6 năm Tân Dậu⁴, giặc Lang-Sa đánh thành Định Tường. Đội quân của Trương Định hợp với đội quân của Cử nhân Đỗ Trình Thoại, Tri huyện Tân Hòa, sẵn sàng nghênh chiến. Trúng kế nghi binh của ta, giặc bỏ tàu lên bộ sa vào ổ phục kích, quân ta thành lĩnh đổ ra vây đánh, dùng toàn mã tấu. Tướng Ri-van bị đâm hai mũi giáo và bị hỏa hổ đánh lòi một con mắt. Thủy quân Lang-Sa ở dưới tàu phải dùng đại bác mới phá được vòng vây.

Sáng hôm sau, thừa lúc quân chúng ngủ say và mệt mỏi, cánh quân của ông Đỗ Trình Thoại trên sáu trăm người, phần lớn là dân chúng võ trang bằng giáo mác lại đổ ra đánh úp gây cho chúng nhiều thiệt hại. Hai ngày sau, viện binh Lang-Sa đổ bộ lên Rạch Lá. Ngay đêm ấy, Trương Định huy động toàn lực đến đánh úp. Quân Lang-Sa chết và bị trọng thương một số đông. Được tin thua trận, tướng giặc Bô-na phải đích thân từ Sài Gòn xuống, nhưng lại gặp nhiều trận phục kích và phải giao phong hai

trận ác liệt ở Cửa Khâu và Trại Cá với đội quân của Trương Định, nên bị thiệt hại nặng.

Cũng vào dịp đó, tên trung tướng Pác-phe đem tàu Et-xpê-răng- xơ chở lính xuống đậu tại Vàm sông Nhật Tảo để chặn các đường giao thông đi lại Đồng Tháp Mười, Gò Công và Sài Gòn - Chợ Lớn. Được tin này, nghĩa quân của Nguyễn Văn Lịch bèn cho năm chiếc ghe giã làm dân thường, từ sông lớn đổ ra, tiến lại gần phía tàu. Khi lên đội Lang-Sa chồm ra boong tàu để xét giấy liền bị một người trong bọn họ lẹ làng rút đoản kiếm nhảy lên đâm chết tươi. Tức thì một đoàn dũng sĩ có đến một trăm năm chục người ở dưới ghe, đều một lượt nhảy tràn lên tàu ra sức chém giết bằng gươm giáo. Giặc không kịp chống đỡ, bị giết mất quá nửa, còn lại một số phải trốn xuống khoang tàu và hầm tàu. Nguyễn Văn Lịch hạ lệnh phóng hỏa. Chiếc tàu giặc nổ lên một tiếng rất lớn rồi bùng lên khói lửa ngất trời. Lửa cháy rất mau, chỉ trong chớp mắt đã tràn vào các khoang tàu và buồng tàu...

Nghe người đưa tin kể chuyện tới đó, Nguyễn Tri Phương nghĩ thầm: Lửa đã lan tràn khắp cả Nam kỳ, bọn giặc đừng mong gì dập tắt ngọn lửa căm thù hùng hực của người dân mang hào khí Đồng Nai. Chiếc tàu mang tên “Hy vọng” của chúng cháy rụi và chìm xuống đáy sông, vô hình trung đã trở thành một biểu tượng đậm nét.

Hôm sau, tin thắng trận ở Cần Giuộc lại đồn dập đưa tới. Lần này khiến ông Nguyễn sửng sốt. Trương Định, Nguyễn Văn Lịch thắng giặc điều đó không đáng lạ vì hai người này đều mưu trí, dũng cảm. Nhưng Đốc binh Là, người chỉ huy trận đánh Cần Giuộc, trước đây không lấy gì làm tài giỏi cho lắm. Nhưng mấy bữa nữa, Trần Nhượng trở về cho hay chính ông Tú Chiểu đã làm tham mưu cho Đốc binh Là, thì ông Nguyễn mới hết thắc mắc. Tú Chiểu đã hình dung ra được toàn bộ thế trận liên hoàn của ba xứ Gò Công, Tân An, Cần Giuộc nhất tề đánh địch ở khắp mọi nơi, khiến chúng lúng túng không thể cứu ứng lẫn nhau, mà lại còn bày được cả kế sách rõ rệt cho mọi trận đánh. Trần Nhượng còn dâng ông bốn chép tay bài: Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của ông Tú Chiểu đọc trong buổi tế hương hồn những người đã hy sinh. Bất giác, ông Nguyễn cất giọng sang sảng đọc:

“Chi nhọc quan quân giống trống kỳ, trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không; Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa

xông vào, liều mình như chẳng có. Kẻ đâm ngang người chém dọc, làm cho mã tà, ma ní hồn kinh; Bọn hè trước, lũ ló sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng, súng nổ”.

Đọc bài văn, ông Ngu ễn như nhìn thấy trận đánh diễn ra trước mắt, thật sống động. Khác xa với cái thứ văn bóng bẩy mà sáo rỗng hết viện dẫn đến điển tích lại tả cảnh gió, tuyết, trăng, hoa của nhiều ông nghệ, ông cống. Khi đọc Lục Vân Tiên, ông Nguyễn đã khen Tú Chiếu nhưng đến khi đọc Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc thì phải nói là ông cảm phục. Dầu sao Lục Vân Tiên cũng vẫn là mượn chuyện xưa để nói nay, nhưng Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc thì tả một cảnh vừa mới xảy ra với những con người có thật, những con người “chỉ biết ruộng trâu” “việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm” mà trước đây không mấy khi được miêu tả trong văn chương, nếu có chẳng nữa thì cũng với một thái độ đứng trên cúi xuống thương hại cảnh khổ cực của họ. Ở đây những người ấy đã đóng vai trò chính và được hết lời ca ngợi.

Nhưng bên cạnh những lời ca ngợi ấy, ông Nguyễn cũng tìm thấy những lời trách móc quan lại triều đình:

“Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa”.

Phải chăng lời trách móc này cũng nhằm cả vào mình. Ông Nguyễn nhớ lại khi giặc chiếm thành Gia Định, triều đình còn bàn lui bàn tới mãi xem nên đánh hay nên hòa. Cuối cùng mới chịu cử ông Nguyễn vào Gia Định. Giữa lúc ở Huế, quan Khâm thiên giám còn dềnh dàng xem lịch chọn ngày tốt làm lễ “khởi mã”, thì những đội nghĩa binh Nam Kỳ “trong tay cầm một ngọn tầm vông”, “hỏa mai đánh bằng rơm con cúi” đã tự động đứng lên chặn đánh giặc, giết được bao nhiêu tên cướp nước. Lần này, ông Nguyễn không thấy bức bối như lần trước đọc câu thơ “Biết ai thiên tử, biết ai thần” của Tú Chiếu. ông đã linh cảm thấy trước tình thế mới, địa vị chí tôn của nhà vua đã bắt đầu lung lay, và những người dân đứng lên đánh giặc không phải chỉ là để đền ơn vua mà để giữ nước, giữ lấy mồ mả ông cha:

Binh tướng nó đã đóng sông Bến Nghé, làm cho bốn phía mây đen; Ông cha ta còn ở đất Đồng Nai, ai cứu một phương con đỏ...

Từng câu từng mũi kim đâm nhói vào tim ông.

Và ông cảm thấy hết được sự trái ngược mỉa mai, ông một vị đại tướng cầm chục vạn quân nắm quyền bính trong tay lại đành nằm đây bất lực, trong khi một kẻ thư sinh áo vải, chân trắng, lại hiên ngang đứng ra hàng đầu trận tuyến chống giặc lúc này. Phải chăng vì trong con người Tú Chiếu đã kết tinh được sức mạnh của hàng triệu người “côi cút làm ăn lo toan nghèo khó” nhưng với bản chất trong sáng “ghét thói mọi như nha nông ghét cỏ” và lòng căm thù giặc “bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan. Ngày xem ống khói chạy đen sì muốn ra cắn cổ” nên dầu chưa phải là quân cơ quân vệ cũng chưa quen võ nghệ, binh thư đã hăng hái đứng lên đánh giặc. Chính vì nói lên tiếng nói của những người mến nghĩa xuất thân từ “dân ấp, dân lân” kia, nên Tú Chiếu mới có một uy lực tinh thần không những làm cho giặc khiếp sợ, mà còn khiến ông, một mệnh quan của triều đình phải kính nể.

Ông vụt cảm thấy ân hận đã không sớm biết tài Tú Chiếu để cất nhắc lên một chức quan trong thời kỳ ông đang giữ trọng trách ở Nam Kỳ. Nhưng sau một hồi suy tính, ông lại gạt ý nghĩ đó đi. Dầu Tú Chiếu có được làm quan chẳng nữa, cũng chưa chắc vừa qua đã đắc dụng. Vì so với cái lối bố trí binh lực của ông, thu mình trong cái rọ vuông mỗi chiều mấy nghìn thước, nấp sau hào lũy phòng ngự căn giặc; thì lối đánh luân chuyển, dương Đông kích Tây tủa dần từng toán quân nhỏ của giặc do Tú Chiếu bày ra, quả là mới mẻ.

Ông đọc lại bài văn một lần nữa, những câu văn vừa sảng khoái vừa trầm hùng, khiến tâm hồn ông phấn phát trở lại:

“Sống làm chi theo quân tà đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn; Sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ”.

Từng lời văn hào hùng của nhà thơ kiêm thầy lang Tú Chiếu như từng giọt thuốc cực bổ thấm vào gan ruột vị tướng già yêu nước đang lâm bệnh.

Ghi chú

^{1*} Năm 1861.

VII

Ngôi nhà lá ba căn hai chái, nằm phía sau làng An Bình Đông, tổng Bảo An, phủ Hoàng Trị, tỉnh Bến Tre. Mặt tiền là con lộ dẫn thẳng tới chợ Ba Tri. Tú Chiểu dựng nha ở đây để tiện việc hốt thuốc cho những người dân đi chợ ghé qua.

Từ khi dời Cần Giuộc về Bến Tre, Tú Chiểu nhận thấy dân quê ở đây còn mê tín dị đoan. Mỗi khi bị nóng lạnh, nhức đầu, ói mửa, họ cho là bị thánh thần quở phạt, nếu ngày đó đi ngang qua miếu hoặc cây cổ thụ nào mà họ tỏ ra vô lễ. Nếu họ ngang qua bãi tha ma hay những nơi nổi tiếng nhiều cô hồn quỷ dữ thì họ bảo là ma quỷ bắt nạt. Họ rất tin nơi thầy bùa, thầy pháp, thầy bói. Nếu các thầy này nói họ bị thánh thần quở phạt, họ sẽ đến am miếu cầu xin thần thánh tha lỗi cho hết bệnh. Nếu ma quỷ giở trò bắt nạt, họ sẽ nhờ đến các thầy pháp, thầy bùa. Lợi dụng sự mê tín này, thầy pháp lập đàn trấn ếm ma quỷ và cho bệnh nhân uống tàn hương nước lã, thầy bùa thì cho họ uống bùa hoặc ngải. Vì quá mê tín dị đoan và tin nơi lời của người chữa bệnh, bệnh nhân cũng có khi khỏi. Rủi có chết họ lại cho là số trời bắt vậy nên đành cam chịu.

Ba Tri là đất giồng nên oi bức, mưa thì trể, mùa nắng kéo dài nên thường hay phát sinh bệnh dịch tả. Trước ngày Tú Chiểu về Ba Tri mười ba năm, ở đây đã xảy ra một trận dịch tả lớn, vì thiếu thuốc thang lại ăn ở thiếu sạch sẽ nên đã có đến bốn phần mười dân số thiệt mạng. Ký ức của người dân ở đây vẫn chưa quên những cảnh tượng rùng rợn: suốt đêm những bó đuốc leo lắt đưa những xác người bó chiếu hở đầu, hở chân đi chôn kìn kìn, những ngôi nhà hoang vắng vô chủ, cỏ mọc lan tới giữa nhà. Ruồi nhặng bu đen đặc khắp nơi, mùi hôi bột nồng hắc vẫn không xua bớt được được mùi tanh thối của xác chết. Đâu đâu cũng vang lên những tiếng la hét của những thầy pháp trở tài trị ma tróc quỷ, những đạo bùa ngải ngào ngào dầu son đỏ ối dán la liệt khắp nơi...

Trước cảnh dân nghèo chết oan, Tú Chiểu rất đau lòng, nên khi về tới đây, việc đầu tiên của ông là chữa bệnh cho dân nghèo không lấy tiền. Nghe có người bệnh là ông lần mò tới tận nhà thăm và tình nguyện chữa dùm. Vậy mà cũng có người không tin thuốc của ông, họ miễn cưỡng

nhận thang thuốc ông hốt cho, sắc xong rồi lén đổ đi, họ quen uống tàn hương nước lã rồi. Nhưng cũng có người cứ liều uống xem sao, cuối cùng khỏi bệnh, từ đó một đồn mười, mười đồn trăm ông thầy Ba Tri mát tay có tài chữa mọi bệnh. Vì vậy, bọn thầy pháp thầy bùa hết sức tức tối gièm pha ông, cho là ông cướp mất mối làm ăn của chúng. Chúng phao tin là sẽ bỏ bùa, bỏ ngải cho ông bị ma quỷ vật chết. Nghe thấy chuyện đó, ông chỉ cười. Những anh chàng kiêu đạo sĩ Trà Hương thôn trong Lục Vân Tiên này, ở đâu mà chẳng có. Ông vẫn tiếp tục chữa bệnh cho dân làng như cũ. Người nghèo, ông cho thuốc không lấy tiền. Người khá giả, ông chỉ lấy đủ tiền thuốc và tiền công cho toa. Vì bệnh nhân được chữa lành nên tiếng tăm ông vang dội khắp vùng. Người ta kháo nhau ông học thuốc từ chính truyền dòng ngự y, hèn nào chẳng giỏi. Đúng là ông thầy Trung ở Quảng Nam dạy ông học nghề thuốc thuộc dòng ngự y thiệt. Nhiều người tới xin ông cho theo học nghề thuốc. Ông nhận lời và từ đó bắt đầu mở lớp dạy nghề thuốc bên cạnh lớp dạy chữ nho chữ nôm. Thấy dạy theo các sách thuốc bằng chữ nho, học trò khó thuộc khó nhớ, ông nghĩ cách soạn một cuốn sách tên là Ngự tiểu Y thuật vấn đáp, mượn hình thức một câu chuyện có liên quan đến thời thế để gắn vào đó những phần y lý cội gốc, nêu một cách tóm tắt, cô đọng từ trên tám ngàn loại sách thuốc của Đông y cơ bản vạn môn, nhiều ít đều có vết tích trong đó. Có những cuốn sách quý hiếm như Linh Khu, Nạn Kinh, Tố Vấn mà nhiều thầy còn không biết tên, lựa chi là nói đến gnhĩa trong đó. Ngoài những quy tắc về vệ sinh ăn uống, những cách bài trừ bệnh hoa liễu, những cách phòng ngừa bệnh lao cho tới cách đỡ đẻ thực hành đều được đề cập tới, không những thế, còn nói tới cả khoa phòng bệnh Đau hay cầu thuốc, chi bằng ngừa đau, và nhắc nhở lương tâm nhà nghề của người thầy thuốc.

Bên cạnh đó còn có một cốt truyện với những câu thơ nói lên tấm lòng yêu nước, yêu dân, ý chí kiên cường chống giặc cướp nước. Vì có cốt truyện hấp dẫn lại thêm lời thơ lưu, loát, nên những điều thuần chuyên môn trong sách được học trò thấm hiểu mau lẹ. Tú Chiếu lại bảo học trò đi kiếm cây thuốc Nam ở quanh vùng về gây một vườn thuốc trước nhà. Trong vườn có đủ loại: cây thuốc dẫu để cầm máu, ngải bông đỏ trị nóng lạnh, đinh lăng vàng bạc trong bài thuốc thông thường, trái tắc, cúc

rau dứa trị ho... rồi bồ đề, dền kiểng, mỳ kiểng lá ăn được. Ông hương giáo Phan Ngọc Tòng tới chơi nhà ra thăm vườn, đã phải khen:

- Thầy Tú quả là thiết thực, trồng những cây vừa là cây kiểng vừa để dành năm đói có cái ăn... Cũng tựa như thầy học nho nhưng không ham từ chương mà đi sâu vào nghề thuốc để cứu nhân độ thế...

Tú Chiếu cười:

- Đâu phải tôi chỉ vụ thực đến khô khan, bác coi nè, kể bên mấy cây đó tôi cũng cho trồng cả hoa kiểng, có cả cây mai chiếu thủy ở góc vườn kia. Cũng như ngoài làm thuốc tôi vẫn làm thơ đó chứ.

- Thơ của thầy thì còn phải nói, đúng là xuất khẩu thành chương, hay mà cứ tự nhiên như không chẳng hề gò bó chút chi hết. Bữa nào tôi phải bày một tiệc rượu mời thầy, để thầy làm giùm cho một bài thơ...

- Tôi cũng còn nợ bác một bài thơ cảm tạ bác đã giúp đỡ cho việc mở trường mà nghĩ hoài chưa ra đó chứ...

Khi Tú Chiếu mới về Ba Tri, tính mở trường dạy học thì bị viên Hương cả làm khó dễ. Tên này đã mời ông Lê Đình Lượng ngụ sử về hưu tới mở trường ở kế bên chợ Ba Tri, để mong dựa vào thần thế con ông ngụ sử đang làm tri phủ sở tại. Viên Hương cả sợ rằng nếu Tú Chiếu mở thêm trường thì sẽ thu hút hết một số học trò của ông ngụ sử, nên không cho phép Tú Chiếu mở.

Thấy sự bất bình, viên Hương giáo Phan Ngọc Tòng bèn can thiệp. Ông tới nói với tên hương cả:

- Có câu: Đất lành chim đậu, nay thầy Tú Chiếu đã mến cảnh làng mình mà tới xin mở trường dạy học, sao ông không cho phép. Làng ta là đất ít học, nay có người thông chữ tới dạy là phước lớn cho con cháu mình chứ sao!

Viên Hương cả lắc đầu:

- Đã có trường của quan Ngự sử rồi cần gì phải thêm trường nữa. Và lại thầy Chiếu chỉ đậu tú tài sao sánh được với quan ngụ sử là hàng tiến sĩ xuất thân...

- Dầu thầy Chiếu mới có tú tài chẳng nữa thì sắp nhỏ nhà mình đâu dễ gì đã học hết được chữ của thầy. Dạy học cốt yếu là phải xem dạy có giỏi hay không chứ khoa bảng cao thì có ăn nhằm gì tới chuyện này. Thầy Tú Chiếu mở trường ở Bến Nghé còn có bao nhiêu học trò tới học

huống hồ về đất Ba Tri mình. Có thầy về dạy là vinh hạnh cho cả làng sao ông lại ngăn cản bắt tử vậy cả?

Viên Hương cả vẫn một mực không chịu. Phan Ngọc Tòng lại tới gặp viên Cai tổng Bảo An nhờ nói giùm với tên Hương cả. Nhưng viên Cai tổng cũng sợ thế quan phủ không dám nói. Thế là Tòng lên thẳng phủ xin vào hầu quan phủ và thưa:

- Bẩm quan lớn, dân cử tui làm Hương giáo cốt để có người dạy dân theo đúng luật lệ của triều đình. Nay triều đình có chiếu chỉ “đại chấn tư văn”¹ không bắt mỗi lúc mở trường phải xin phép, vậy mà thầy Hương cả lại ngăn cản không cho. Tui nghe người ta nói sợ dĩ thầy Hương cả không cho mở vì sợ có hại cho trường của cụ cố nhà. Lời đồn đại hổng biết có đúng không, nhưng như vậy e tổn thương đến thanh danh của quan lớn trước hết, vì như vậy là ngài cầm cân nảy mực chưa thiết công bằng. Thấy sự như vậy, muốn tránh điều không hay cho quan lớn, nên tui buộc lòng phải lên thưa trước với ngài, nếu là chuyện loan truyền tầm bậy thì xin quan lớn tìm ra kẻ phao ngôn để trị tội.

Thấy Phan Ngọc Tòng ăn nói thẳng thắn không hề kiêng sợ oai mình, viên Tri phủ chợt dạ phải bảo viên Hương cả đừng ngăn cản việc mở trường của Tú Chiếu. Lại một lần nữa, Tú Chiếu tin vào lòng tốt và tính cương trực của những người bình thường sống bên cạnh mình, chứng tỏ câu thơ trong Lục Vân Tiên: “Mấy ai ở dạng hảo tâm, nắng đùn: nón chóp, mưa dầm: áo tơi” chỉ là sự nghi ngờ và lo xa mà thôi.

Tú Chiếu còn đang mãi ôn lại chuyện cũ thì đã nghe thấy cái giọng ồm ồm của Hương giáo Tòng cất lên:

- Bữa nào mời thầy sang tôi, ta làm một bữa nhậu rượu đế Phú Lễ với gỏi da cá đuối thì ngon tuyệt trần đời!

Gỏi da cá đuối là món đặc sản của Ba Tri. Da cá đuối phơi khô, đem đốt cho xém da rồi cạo rửa. Xong nấu nước phèn chua ngâm một đêm cho mềm. Sau đó rửa lại bằng nước nguội cho sạch rồi dùng dao thái mỏng. Nếu ăn liền thì trộn với đu đủ xắt nhỏ hoặc cải nời thêm vỏ tôm khô, đậu phộng rang và rau thơm, vậy là có một món nhậu tuyệt diệu...

Tú Chiếu vui vẻ:

- Vậy thì còn gì bằng. Để bữa nào ông Cử Trị tới tôi sẽ rủ ông sang thăm bác luôn thế, ta cùng vui...

- Ông Cử Trị hả! Tôi được nghe thơ của Ông đã lâu, vẫn khao khát được diện kiến mà chưa có dịp. Khi nào Ông tới, thầy cho tôi được gặp Ông để bày tỏ lòng ngưỡng mộ a thầy.

*

Đang tưới nước cho mấy cây thuốc, Tú Chiếu bỗng dừng tay lại. Có tiếng chim trau trầu kêu riu rít trên cây khiến ông lắng tai nghe chăm chú. Xen vào tiếng chim lại có tiếng con sóc vừa kêu tục tục vừa chuyền sột soạt trên ngọn dừa. Đã bao nhiêu ngày nay, chỉ lắng nghe âm thanh là Tú Chiếu đoán được thời khắc trong ngày. Bây giờ chắc mới cuối giờ Thìn, hãy còn sớm lắm. Bữa nay ông cho học trò tạm nghỉ học vì ông mắc lo thuốc thang cho bà mẹ ông Hương giáo Tòng, gọi là cũng để đền ơn ông đã giúp đỡ cho mình trong việc mở trường. Hốt xong thang thuốc cho bà cụ, ông ra tưới vườn để chờ tới trưa lại sang thăm bệnh coi thuốc thang công phạt thế nào.

Tưới xong, Tú Chiếu ra chỗ hồ bán nguyệt thành xây bằng gạch, để thăm lại mấy bông sen. Khi thả sen vào hồ thì đã hết mùa hạ, sang mùa thu. Ông cúi xuống mặt hồ, lấy tay nâng niu từng bông sen và cảm thấy hết cả cái mềm mại láng mượt của từng cánh. Một mùi hương thoang thoảng mơ hồ lan tỏa trong không gian.

Ông nảy hứng muốn làm một bài thơ vịnh hoa sen mùa thu nhưng lại cảm thấy khó khăn. Từ khi bị mù, mỗi khi tả một cảnh gì ông không thể nhìn thấy cảnh ấy trước mắt mà chỉ có thể tưởng tượng ra qua những cảnh tương tự mà ông từng nhìn thấy. Mà khi mắt sáng thì người ta lại hay khinh thường, không mấy khi ngắm cảnh vật thật tỉ mỉ kỹ càng. Khi đặt thơ Vân Tiên ông đã phải chập vạt với những đoạn tả cảnh, nhiều khi chỉ tả được những màu sắc lạt lạt như trong một bức tranh thủy mặc:

*Hai bên bờ bụi rậm rì,
Đêm khuya vắng vẻ gặp khi trăng lờ.
Trông chừng đường sá bơ vơ,
Có đàn đom đóm mờ mờ đi theo...*

Bù vào chỗ nghèo nàn về màu sắc, ông phải tăng cường thêm về mặt cảm thụ âm thanh:

*Buồn trông dăm liểu đường hòe
Tiếng chim gọi thắm, tiếng ve kêu sầu
... Thác ghềnh lên xuống trải bao
Trên ghềnh chim hót, dưới ao cá cười...*

Lúc này Tú Chiếu chỉ hận không được nhìn thấy một bông sen cụ thể trước mắt để miêu tả thành thơ, ông đành phải làm một bài thơ nói lên ý niệm về hoa sen. Thiệt là đáng tiếc. Ông bùi ngùi tức cảnh ngâm:

*Sen hỡi là sen tiếng chẳng hèn
Thấy sen lỡ vận, tiếc cho sen
Ngậm cười trước hạ, hèn cùng thưởng.
Đưa nở mùa thu, tốt mấy khen.
Gương mặt bất phàm đâu biết đặng.
Bèo tai vô dụng gọi rằng quen...*

Tú Chiếu đang ngâm nga, thì bên ngoài có tiếng cười nói:

- Hay lắm! Thầy Tú ví mình với hoa sen, còn tôi thì liệu thầy có cho vào hạng bèo vô dụng gọi rằng quen không đấy?

Tú Chiếu lắng nghe, rồi hỏi:

- Tiếng ai như tiếng anh Nhiêu Thang Trông thì phải.

Người đó cười:

- Giỏi! Giỏi! Đã lâu không gặp mà thầy vẫn nhận ra giọng tôi thì tài thiệt đó!

Thì ra người đó là Lê Bốn, người miền Trung vào ngồi dạy học ở Thang Trông thuộc tỉnh Mỹ Tho. Lần trước, Cử Trị cử ông cùng đi thăm ông Tri huyện Âu Dương Lâm đã có gặp thủ khoa Huân và Nhiêu Bốn trong một cuộc họp bạn bình thơ. Bữa đó, Nhiêu Bốn đã đọc cho mọi người nghe mười bài Tự Thuật của Tôn Thọ Tường và thách các bạn họa lại. Rượu ngà ngà say, Cử Trị đã nhận lời thách của Bốn và chỉ vài ngày sau mười bài họa đã xong. Nhiêu Bốn và Huyện Lâm lại sai học trò chép lại nhiều bốn truyền đi khắp nơi.

Tú Chiếu vui mừng:

- Huynh mới ở Mỹ Tho lên phải không? Thủ khoa Tịnh Hà và Tri huyện Thang Trông cũ này có được mạnh không?

- Các ổng vẫn mạnh và có lời kính thăm thầy.

Tú Chiếu vốn vã:

- Huynh vô trong nhà, ta nói chuyện.

Hai người vô nhà ngồi xuống bộ ván giữa nhà. Tú Chiếu kêu học trò châm trà nhưng Bồn gạt đi rồi khẽ giọng:

- Thầy có biết ở đâu bán con HỒ da tử không?

Tú Chiếu giựt mình. Đúng là câu ám hiệu ông đã từng dặn phó Lãnh binh Trương Định khi cử người đến kiểm ông thì nói như vậy. HỒ da tử là con đôn sống trong củ hủ chà là, một món ăn quý ở Bến Tre. Hay Bồn là người của Trương Định. Đoán được ý Tú Chiếu, Bồn nói thêm:

- Tôi vừa ở chỗ ông Trương tới đây.

Tú Chiếu mừng rỡ:

- Thiệt à? Tình hình nghĩa quân của ông Trương hồi này ra sao, huynh?

Nhiều Bồn chậm rãi:

- Triều đình vừa ký hòa ước Nhâm Tuất, sau đó hạ lệnh bãi binh giao cho Lang-Sa ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, triệu khâm phái quân vụ Nguyễn Túc Trưng về kinh. Túc Trưng vốn sợ giặc bấy lâu nay không dám tiến quân chỉ ngồi yên cố giữ đất Gò Công. Giờ được lệnh triệu hồi khác nào được chiếu đại xá, vội vàng lĩnh chỉ. Triều đình lại có chỉ thăng chức lãnh binh cho ông Trương, bắt phải giải tán nghĩa quân, rồi đi nhậm chức ở An Giang. Ông Trương nhớ lời hẹn trước, nên cử tôi đến hỏi ý thầy có nên về An Giang hay không?

Thiệt là một câu hỏi hóc búa đối với Tú Chiếu. Có nên đường đột khuyên Trương Định đừng về An Giang hay không. Dầu sao Trương Định cũng là một vị quan khá lớn, liệu đã tới mức công nhiên chống lại triều đình hay chưa. Nếu mình nói không khéo khiến Định khó chấp nhận thì có hại cho việc lớn. Không chừng lại làm phật ý ông ta thì càng thêm rắc rối về sau. Bởi vậy ông phải lựa dần:

- Nhưng ý ông Trương ra sao đã chớ?

- Ông đã cho gia quyến về An Giang trước, còn ổng ở lại kiểm điểm quân lính lương thảo rồi sẽ đi sau. Nhưng nghĩa quân không muốn giải tán, ráng giữ ổng lại nên ổng còn phân vân...

Tú Chiếu thử đưa đà:

- Theo ý tôi, tình thế này, ông Trương đi cũng hay mà ở lại càng hay...

- Thầy nói như thế nghĩa là thế nào?

- Tôi nói ông Trương đi cũng hay vì nếu đi thì vừa không mang tiếng trái lệnh triều đình, vừa được thăng chức lương cao bổng hậu, công danh ai dứt lối nào cho qua, như vậy chẳng phải là điều hay cho ông Trương sao. Ngặt vì, bọn Tây bị dân ta nhiều lần đánh lui, nay chúng được triều đình giảng hòa, tất chúng sẽ trả thù giết hại dân ta. Vả lại, bọn Tây lấy binh lực ăn hiếp triều đình bắt hòa, nhưng chúng không thành thực, nay triều đình giảng hòa với chúng, nghĩa quân tất không nỡ nương tựa, ông Trương nỡ bỏ mặc họ như con mất mẹ mà đành lòng ư? Chi bằng ở lại hợp sức với nghĩa quân và dân chúng chống giặc, giữ đất, như vậy chẳng phải là vừa tròn trung với đất nước vừa tròn nghĩa với mọi người ư? Cho nên tôi nói ở lại càng hay là như vậy...

Ngừng một lát, Tú Chiếu lại tiếp:

- Sở dĩ, ngày nay nghĩa quân khắp nơi đều quy phục ông Trương, thế lực chẳng những ở Gò Công, Tân An, Mỹ Tho mà cả Chợ Lớn, Gia Định, lan rộng ra hai con sông Vàm Cỏ, từ biển Đông chí địa giới Cao Miên, gồm cả Thập Mười. Nay ông Trương bỏ đi An Giang thì các đầu mục nghĩa binh ở khắp nơi như rắn mất đầu, đất cũ còn mong gì có cơ khôi phục. Bởi đó, ở lại không chỉ là cái nghĩa nhỏ với thuộc hạ mình mà còn vì nghĩa lớn với nghĩa binh và dân chúng khắp lục tỉnh nữa.

Nghe xong, Nhiêu Bồn vỗ tay cười:

- Đúng là “anh hùng thiên hạ, sở kiến lược đồng”^{2*}. Tôi vừa qua Tân Long gặp anh Phạm Tuấn Phát, anh cũng nói tương tự như thầy. Anh còn tính kéo nghĩa binh và dân chúng khắp nơi đến tận Tân Hòa giữ đầu ngựa Trương tướng quân lại.

Tú Chiếu ngậm ngùi:

- Tôi vì mắt kém nên không thể tới tận nơi hội bàn với ông Trương và toàn thể nghĩa binh, mong ông Trương và anh em thể tất cho. Vậy nhờ huynh thưa giùm với ông Trương mấy lời tâm huyết của Chiếu này. Có việc gì cần, ông Trương cứ cho người đến liên lạc, nêu giúp được gì cho nghĩa quân, Chiếu này không dám tiếc thân hèn.

Nhiêu Bồn cười:

- Có lẽ bữa nào phải đến nhờ thầy thảo giùm một bài hịch.

Tú Chiếu khiêm tốn:

- Bên cạnh ông Trương đã có ông Huyện Thoại là bậc văn chương hơn đời, tôi đâu dám múa rìu qua mắt thợ.

Nhiều Bốn sững sốt:

- Ủa, vậy ra thầy chưa hay tin gì à?

- Tin gì vậy huynh?

- Ông huyện Thoại đã tử tiết trong trận đánh đồn Sơn Qui rồi còn đâu nữa.

Tú Chiêu kinh ngạc:

- Sao? Huynh nói sao ông Huyện Thoại tử tiết?...Trời hỡi trời!

Nhiều Bốn trầm giọng:

- Ông Huyện Thoại là quan văn mà luôn đi đầu trong các trận đánh. Bữa đó giặc Lang-Sa mang tàu chiến đánh lên Gò Công. Nghĩa quân đợi giặc ở dưới tàu đổ bộ lên là xông vào đánh ráo riết. Mọi người chỉ dùng mũi độc lao tới. Bọn giặc nổ súng. Tên tham biện Lang-Sa cùng một toán lính thủy chạy tới, bên ta tạm dừng lại. Tên tham biện vội thối lui về bãi chợ vì thấy lối tiến đã bị chặn. Vừa lúc ấy ông Huyện Thoại dẫn quân xuất hiện ở đầu đường. Giặc nhả đạn trúng những người đi đầu, nhưng những người khác được ông huyện don đốc vẫn tiếp tục nhào vô đánh xáp lá cà với giặc. Nếu không có một tên lính thủy Lang-Sa kịp điều súng dưới tàu bắn lên thì cả bọn chúng đã bị diệt hết. Tên tham biện trúng hai mũi độc bị thương nặng, nhiều tên khác nằm la liệt. Nhưng rủi ông Huyện trúng một phát đạn nên đã...

Tú Chiêu ghen ngào:

- Ông Huyện chết như vậy cũng là cái chết xứng đáng...Chỉ tiếc tôi còn mấy người bạn đồng khoa thì lần lửa cứ mòn mỏi hết. Thiệt đáng buồn!

Tú Chiêu nước mắt giàn giụa cứ để nguyên thế không lau. Biết ông muốn ngồi một mình để tưởng niệm người bạn thân thiết, Nhiều Bốn xin cáo từ. Tú Chiêu tiến ra cửa nắm lấy tay Bốn:

- Xin tạm biệt huynh, mong có phen hậu hội...

Tiến khách ra về, Tú Chiêu lại ngồi lặng lẽ. Mới năm trước em ruột ông hy sinh thì tới năm nay người bạn đồng khoa thân thiết nhất lại qua

đời. Phải chi còn mắt sáng ông đã xông ra chiến trường trả thù cho bạn, cho em, cho bao nhiêu bà con bị giặc giết hại...

Vừa lúc ấy, bà Tú cắp thúng từ chợ về. Bà lại gần đứng nhìn ông vừa kính yêu vừa thương cảm. Quanh năm ông chỉ vận quần áo vải bố trắng giặt bằng nước tro. Bà lục thúng, lấy một cây lụa đen đặt lên ván rồi nói với ông:

- Bữa nay tôi đi chợ mua được cây lụa đen, tính may cho ông bộ đồ, quần áo ông cũ hết rồi. ông thử sờ coi hàng có mịn mặt không?

Bà trù mển cầm bàn tay trắng xanh với những ngón thon ngòai viết của ông đặt vào cây lụa. Nhưng ông buồn rầu:

- Tôi cảm ơn nhà đã nghĩ đến tôi. Nhưng nhà không biết tính tôi chỉ ưng vận vải bố màu trắng hay sao? Tôi đâu có ham lụa là gấm vóc. Thôi đã lỡ mua rồi thì để may hai bộ đồ cho hai con chừng diện Tết. Còn tôi thì ăn vận như thế này, hạp với ý tôi hơn...

- Tôi nghĩ rằng trước thì không nói làm chi còn giờ nhà mình làm thuốc cũng được dư dả nên mới tính may bộ đồ mới cho ông. Vậy mà không ngờ lại trái ý ông, biết vậy thì tôi đã không dám...

- Tôi vận đồ trắng để nhắc nhở mình luôn giữ lòng trắng trong tình khiết, và cũng để tang cho dân nước bị giặc Tây giết hại. Nhà có hay tin ông Huyện Thoại vừa tử tiết hay không?

- Vậy hả ông? Trời! Thiệt là...

Càng chứng kiến tấm lòng trung hậu của ông, bà lại càng cảm phục ông hơn và càng sung sướng có một người chồng xứng đáng. Bà nhớ lại hồi mình còn là cô Năm Điện, một cô gái trẻ mới mười tám tuổi đã đem lòng thầm yêu trộm nhớ thầy đồ dạy anh mình, nhân một lần anh Hai Quýnh rước thầy về Thanh Ba Cần Giuộc chơi. Bà đã van vỉ cha mẹ xin được kết duyên với ông cũng như đã gác ngoài tai mọi lời dèm pha của chúng bạn mặc dầu ông đui mù lại hơn bà cả chục tuổi. Bà trông tướng ông bây giờ vẫn như hồi trẻ, chòm tóc đen mượt chưa điểm qua sợi bạc. Nếu thêm đôi mắt sáng thì trông ông đẹp để biết bao! Bà xúc động:

- Ông huyện qua đời cũng là vì nước, ông chớ nên vì quá thương cảm mà để hại cho sức khỏe...

- Thì tôi vẫn ráng chịu đựng đó chớ, nhưng nhiều lúc cũng thấy ruột dường như muốn đứt...

- Ông cũng phải ráng ăn uống tẩm bổ mới được. Hồi này ông ăn uống đậm bạc quá, rủi bệnh thì...

Thấy bà quá lo lắng về mình, ông nói vui cho bà yên lòng:

- Tôi chỉ ưa mỗi cái món mắm cá lóc thôi. Nhà đi chợ không mua mắm về, là tôi giận bỏ ăn thiệt đó!

- Tánh ông in hệt ông Cử Trị, bữa nào tới Ông cũng hỏi:

“Chị có mắm đồng cho tôi ăn không? Ăn ba cái mắm Ba Tri ngon thiệt là ngon, về Gò Vấp nhớ hoài, chịu hết nổi!”...

Bà vừa cười vừa quay đi làm công việc.

Tú Chiếu nhớ lần trước Cử Trị từ Gò Vấp xuống thăm ông, ông biểu bà kiểm mắm ngon đãi bạn. Nhân nhắc đến Tôn Thọ Tường, ông Trị bĩu môi mà biểu:

- Đúng, thằng Tường theo Tây nên không dám ăn cái món này, rủi Tây ngửi thấy khác mùi, nó đá dít cho thì chết! Không biết nó khôn tới chừng nào chớ không được ăn mắm ngon là đại trước đã. Bởi vậy thơ nó có câu biếm nhẽ những người yêu nước: “Khoe khoang sức giỏi lại tài khôn. Bán dạng mua môi cũng một phần” tôi họa lại rằng: “Khoe khoang việc phải mới rằng khôn. Kể vạ người ngay há một phần”. Bác không biết chớ, vừa rồi nó còn cả gan tới thăm chùa Cây Mai làm thơ vịnh mai ngụ ý mình trong trắng như hoa mai, mà bị người đời hiểu lầm. Tôi nghĩ nếu bạch mai mà biết nói thì phải nguyên rửa cái thằng mặt dày trơ trên nắp bóng mai mà lừa bịp người đời!...

Nghĩ đến chuyện phải vạch rõ bộ mặt bán nước của bọn Tường, Tú Chiếu lại nhớ tới việc soạn bốn Ngự tiếu y thuật vấn đáp còn đang dang dở. Ông quay lại nói với bà:

- Con Hương “thơ ký” của tôi chưa về, bà hãy tạm thế chân nó chép giùm tôi đoạn này chút. Tôi đang có hứng.

Bà Tú đang nhanh tay rắc dâu cho tằm ăn vội dừng tay lại. Từ khi về Ba Tri, bà cũng học theo bà con ở đây trồng mấy luống dâu và gây mấy nong tằm, kéo tơ đem bán đi lấy tiền đỡ dần sinh kế trong gia đình. Bà chọn nuôi loại tằm sể, cho loại kén vàng, nhỏ mà dễ gỡ, cho một loại tơ sống và rất chắc. Tằm được nuôi trên những liếp tre chồng lên nhau, đặt trên một cái kệ dài. Nuôi tằm rất bận rộn, khi tằm mới nở phải đặt trên nong có giăng mùng, để bảo vệ tằm không bị côn trùng khác phá hoại.

Khi tầm ăn rồi phải rắc dậu đúng bữa không được để tầm đói... Cũng vì vậy nên vừa đi chợ bán tơ về, bà lại sắp ngửa thái dậu và cho tầm ăn.

Bà rắc tiếp cho đủ một lượt rồi vội vã rửa tay, ngồi ngay ngắn trước ván viết, cầm tập bản thảo lật trang chép dở rồi vờ vờ ngọn bút lông trên nghiên mực, chờ đợi. Ông hỏi:

- Nhà đọc tôi nghe coi hôm qua chép tới đâu rồi.

- Dạ thưa ông, mới chép tới câu:

*Hai chữ cang thường dẫn các nước,
Một câu trung hiếu dựng muôn nhà.*

Ông gật đầu rồi ngẫm nghĩ hồi lâu. Khi đặt thơ Vân Tiên ông thấy xuôi chảy hơn không khúc mắc bằng bốn Ngự Tiều lần này. Đó là vì câu chuyện trong thơ Vân Tiên hầu hết là chuyện chính ông đã trải qua, chuyện theo thầy đèn sách, chuyện đi thi, chuyện nghe tin mẹ chết khóc mẹ đến nổi mù, chuyện bị hối hôn, chuyện gặp mỗi lương duyên, chuyện căm ghét bọn gian thần bán nước, chuyện muốn xông ra trận dẹp giặc... đều là cảnh thực của ông. Nhưng soạn bốn Ngự tiều ngoài chuyện dẫn giải y thuật ra, về cốt truyện cũng giản đơn hơn không có nhiều thứ lớp éo le như Vân Tiên, lại cần có nhiều đoạn thơ hay nói về thời thế lúc này nhằm khích động người dân chống giặc. Lời thơ phải vừa lâm ly vừa hùng hồn như là lời hịch mới là đặc thế.

Tú Chiếu xúc động nhớ lại niềm mến mộ của bà con đối với bốn thơ Vân Tiên của ông. Lúc đặt thơ ông chỉ mượn có trút bầu tâm sự không ngờ sau khi ra đời nó lại được bà con yêu chuộng đến thế. Bữa ông chạy về Cần Giuộc, bạn ông là Lê Quang Thịnh đi mượn thuyền giùm, nhưng thuyền nào cũng không chịu chở, lấy cớ đang lúc loạn lạc có mượn tới mấy nén vàng một chuyến cũng không muốn chở, rủi tên bay đạn lạc thì sao. Lúc giặc giã mạng người là quý nhất, tiền bạc mà làm gì. Nhưng tới khi ông Thịnh kêu tên ông lên là thầy Tú Chiếu, mọi người tíu tít hỏi: “Có phải thầy Tú Chiếu đặt thơ Vân Tiên không?”. Khi biết con người đặt thơ Vân Tiên bằng xương bằng thịt ở trước mặt họ, họ tranh nhau tình nguyện chở gia quyến ông đi. Người lái thuyền bữa đó vừa đưa chèo vừa chuyện vãn với ông suốt chặng đường. Anh ta phải chịu rằng: Những người trong thơ Vân Tiên chép để, đúng là dân Nam kỳ thứ thiệt! Khoái nhất đoạn Hớn Minh trị tội con quan Phủ bể luôn một giò và đoạn Tiểu đồng treo Trịnh Hâm lên cây mà đánh. Anh còn nói rất thâm thúy: Tôi

thấy ở đời, già thì phải như ông Tiều ông Ngư, ông Quán, trẻ thì phải như Vân Tiên, Hồn Minh, Tử Trực, gái thì phải như Nguyệt Nga, tở thì phải như Tiểu đồng...còn bọn gian thì đích là cái giống Thái sư, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, Bùi ông rồi...

Nhớ chuyện cũ, ông bỗng liên tưởng tới bọn gian trước mắt. Thành Ba Tường theo giặc không biết nhục còn mượn thơ văn để bào chữa cho cái tội bán nước, chẳng những thế còn hù dọa những ai dám chống giặc. Thành Trần Bá Lộc, thành Đỗ Hữu Phương, đưa xuất thân mã tà, đưa xuất thân họ trưởng mà sau khi theo Tây một bước leo lên tới Tri huyện Tri phủ...Những quân cầu trệ ấy đáng bằm vằm nguyên rủa. Mình không thể đích thân cầm khí giới diệt chúng thì phải dùng ngọn bút vạch mặt chúng trước mọi người. Chợt nghĩ ra một ý, ông cất giọng đọc:

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian...*

Ông ngừng lại nghĩ. Bà Tú ngược lên chờ đợi. Mực thấm đầm đầu bút rõ một giọt xuống ván viết.

Trong im lặng nghe cả tiếng ong bay...Có tiếng con nhồng con sáo hót líu lo, ngoài xa tiếng cúc cù cu của mấy con cu cườm cu đất và tiếng gió rì rào trong những rừng dừa lão cao lênh khênh, thú” dừa hột sào”.

Gần trưa rồi, ánh nắng lọc qua nền lá cây xanh từ bên ngoài ánh vào bộ đồ trắng của ông một màu xanh như ngọc thạch. Một màu xanh của áo quan Tư mã đất Giang Châu^{3*} nhưng không chỉ bận lòng vì một cuộc đời ca kỹ bên khoang thuyền ven sông mà cho cả trăm họ trong vòng nước lửa. Phải chi ông dùng một mũi gươm của Trương Định vừa đâm suốt ngực tên bá hộ Huy phản bội bán đứng chủ soái cho Tây. Hào khí bốc lên, ông vụt cất tiếng đọc to:

...bút chẳng tà!

Câu thơ nhậm lệ như một đường gươm vừa đâm trúng đích. Rồi ông đọc liền hai câu kết:

*Cắm bẫy lòng nhơ mang thói bạc
Trời gần chẳng gánh gánh trời xa*

Ngọn bút lông lại bay trên nền giấy bản. Chép xong bà Tú ngược lên chờ ông đọc tiếp. Nhưng lần này bà thấy đôi mắt đục lờ của ông như nhìn đi đâu xa lắm...

Ghi chú

^{1*} *Mở mang sự học.*

^{2*} *Anh hùng thiên hạ ý kiến đại lược giống nhau.*

^{3*} *Chỉ Bạch Cư Dị, nhà thơ đời Đường, tác giả bài Tỳ bà hành.*

VIII

Tới trước cửa dinh đô đốc Bô-na tục gọi “Lầu ông Thượng”, viên đội Huỳnh Tấn cẩn thận coi lại đồng hồ trên đỉnh tháp. Người Lang-Sa rất đúng giờ, mình tới trước giờ thì họ la mà trễ thì họ đá dít không thêm tiếp.

Lầu ông Thượng là một tòa lầu làm bằng cây phía trước có cái tháp trên đỉnh gắn một mặt đồng hồ rất lớn để báo giờ.

Mỗi buổi trưa, tàu Duy-pe-rê bắn một phát súng báo hiệu 12 giờ. Chánh sở Bưu Điện - Sở này nằm trước tháp đồng hồ, lo điều chỉnh giờ mỗi ngày. Đội Tấn nhớ ngay mấy câu về làm để ca ngợi sự tinh xảo của người Lang-Sa:

*Có chỗ ghi giờ nhứt trung,
Trên lầu ông Thượng đặt vòng địa la.
Còn năm ba phút vậy mà,
Dem đồ hiệu lệnh kéo qua cột cờ.
Đợi đến đúng mười hai giờ
Đồ kia rớt xuống, súng hờ giật dây,
Nổ lên một tiếng vang đầy,
Châu thành bốn phía sum vầy giắc trư.*

Có lần theo hầu quan Tổng thống quân vụ Nguyễn Tri Phương tới viếng thăm Kinh lược Phan Thanh Giản, Tấn đã phải trầm trồ trước chiếc đồng hồ “tự minh chung” mà người Lang-Sa tặng quan Kinh lược khi ngài sang sứ Tây kinh. Đồng hồ cao một thước, trên có nắp đậy hình lá sen. Khi chiếc kim trên mặt đồng lá chỉ chữ Gián chẳng hạn thì chuông gõ năm tiếng. Nhưng so với cái đồng hồ trên này thì chiếc “tự minh chung” ấy không thấm tháp gì. Hèn chi quan Kinh lược cũng phải khen người Lang-Sa. Nay mình bỏ ông Trương Định qua đầu Lang-Sa thật là thức thời. Ở đời trâu chậm uống nước đục. Cái anh Trần Bá Lộc lẹ chân, giờ đã leo lên đến chức Tri phủ “tân trào” rồi. Vậy mà mấy năm trước Lộc hãy còn là một tên lính mã-tà. Sự may rủi ở đời không biết thế nào mà nói.

Trong khi chờ lính vào thông báo, Tấn đưa mắt nhìn lên. Sườn tòa lầu làm toàn bằng cây nghe nói khi Bô-na mới từ Tây sang, tàu ghé Tân Gia Ba, Bô-na đặt thợ làm và chở qua Sài Gòn dựng ở gần xóm Hàng Dinh⁴.

Bô-na ngồi sau bàn giấy thấy Tấn vô liềm đứng dậy bắt tay chỉ ghế mời ngồi. Tấn khép nép không dám ngồi nhưng Bô-na cứ ấn y xuống ghế. Tấn lại khúm núm kéo ghế dịch ra bên.

Bô-na có mái tóc vàng hung xõa trước trán và hai nạm râu hung hung hai bên má, mặt hơi dài, cặp mắt sâu xanh lè tinh quái, mũi lõ, cặp môi mỏng mím chặt và chiếc cằm nhọn ở giữa có hõm sâu. Y mặc y phục nỉ xanh đậm, trước ngực choàng dải băng tam tài, vai đeo lon vàng và ngù thêu kim tuyến, lưng thắt dây vải vàng đeo bao kiếm ngắn. Ưỡn bộ ngực đầy mỡ đầy, bội tinh, y ngồi phịch xuống ghế bành với vẻ thỏa mãn về cái mà y cho là một chiến thắng lớn của Lang-Sa: chiêu dụ được một thủ hạ thân tín của Quân Định.

Mấy năm nay Bô-na đã phải vất vả đối phó với Trương Định. từ cuối năm 1862, quân Định luôn luôn nhằm vào các đồn tiền tiêu Lang-Sa ở Phú Lâm, Bà Hom, Gò Công, Bến Lức, Cây Mai. Tại đồn Rạch Tra, quan ba Ta-bun-lơ cũng bị vây đánh khốn đốn. Bô-na phải xin viện binh của quan sáu Giô-rét đang đóng tận bên Tàu. Sau đó một tiểu đoàn bộ binh An-giê-ri đánh chiếm chiến lũy Đồng Sơn cách Gò Công 11 cây số về phí tây bắc. Đại tá hải quân A-ri-e mang quân từ Mỹ Tho sang Chợ Gạo án ngữ quân Định về phía tây và nam. Lại cho thông báo hạm Phoóc-banh án ngữ sông Vàm Cỏ ở chỗ vào Rạch lá. Pháo hạm A-va-lăng-xơ, Đra-gon-nơ và một pháo hạm nữa án ngữ ở sông cửa Tiểu, nhiều pháo hạm khác và xuống làm nút chặn ở phía Tây, tổng hạm hạng nhẹ Y Pha Nho La-Xia-rơ án ngữ từ Xoài Rạp đến Cửa Tiểu ở phía đông. Đóng 30 thuyền bọc sắt, mỗi cái chở 6 người để cùng với các cánh quân vượt qua sinh lầy và ruộng ngập nước. Chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ để vượt sông, phá cảng. Pháo hạm A-lac-mơ sẽ ngược kinh Gò Công để yểm trợ cho các nỗ lực chính. Cánh quân trên bộ cũng tiến dọc theo con kinh này, do thiếu tướng Sô-mông và Đại tá Tây Ban Nha Đa-lăng-ca chỉ huy, ngày 22-1-1863 từ Sài Gòn kéo xuống. Ngày 26-2, đại binh Lang-Sa theo hai đường thủy bộ tiến về trại cá (Bến Chùa).

Vậy mà cũng chắt vạt mới chiếm được đất Gò Công. Phải dùng mười lăm chiếc xuống đôi mới đổ bộ lên được. Lính Lang-Sa phải vịn theo be

xuồng để đẩy xuồng đi. Lại phải dùng tấm thớt bằng gỗ nối liền hai chiếc xuồng để chống xuồng đi khi gặp nước sâu. Giá gỗ có súng đại bác đặt ở giữa, hai bên là hai cái móc sắt để bảo vệ cho lính ngồi trên xuồng. Bốn chiếc xuồng đôi hoặc nhiều hơn để khít nhau sẽ kết thành một cầu phao chắc chắn, khi qua bưng biển hay ruộng rẫy thì cứ sáu người khiêng một chiếc xuồng đi theo bộ binh.

Dầu Lang-Sa đã tấn công bằng xuồng và nhiều pháo hạm, nhưng Định lọt lưới rất dễ dàng, sau đó vẫn tiếp tục cho quân đánh úp và rao hể ai giết được một người Lang-Sa đem đầu đến dâng sẽ được trọng thưởng. Thấy vậy, Bô-na quay sang trách Phan Thanh Giản cho là triều đình Huế đã bí mật giúp Trương Định chống Lang-Sa, không thành thực tôn trọng hoà ước Nhâm Tuất.

Phan Thanh Giản trả lời:

- Trương Định mạo nhận chức tước của triều đình, xin nguyên soái cứ bắt y mà giết.

Bô-na không tin, Phan Thanh Giản liền đưa ra một bức thư của Trương Định trả lời bức thư Phan khuyên giải giáp. Thư Định có mấy dòng như sau:

“Dân chúng ba tỉnh không muốn nước nhà bị nạn qua phân, nên họ suy tôn chúng tôi cầm đầu. Chúng tôi không biết làm cách nào hơn là đảm đương lấy trách nhiệm. Cho nên chúng tôi sẵn sàng tử chiến, lôi địch đằng đông kéo địch đằng tây, chống trả tới cùng và quyết giành phần thắng. Nếu ngài còn nói đến hòa nghị cắt đất cho giặc thì chúng tôi quyết không tuân theo mệnh triều đình, và không đời nào có chuyện ngài với chúng tôi hòa thuận, ngài cũng chớ lấy làm lạ”.

Cánh chủ chiến triều đình ở Bình Thuận và ba tỉnh miền Tây không ngớt ủng hộ Trương Định. Khi Bô-na đi sứ ra Huế về, Định gửi thư cho Bô-na ký tên Bình Tây đại nguyên soái, thóa mạ Tây giết nhiều người lầm đường ra đầu thú và đòi Tây nhất thiết phải trả ba tỉnh miền đông cho nước Nam.

Đúng là ngày nào Trương Định còn thì người Tây chưa yên được. Định vẫn hoạt động mạnh và chấp nối với các nhà buôn để mua súng đạn đổi bằng lúa gạo. Chiến thuyền Lang-Sa khó bề phong tỏa được suốt dải bờ biển Nam Kỳ.

Bô-na đã nhiều lần treo giải lấy đầu Trương Định nhưng chưa có kết quả. Vì vậy nên khi nghe tin tên quan ba Gu-giơ- a ở Gò Công báo tin mới thu phục được đội Tấn, một thủ hạ của Trương Định là Bô-na mừng rỡ lệnh cho Gu-giơ-a mời Tấn lên đích thân gặp mình để bàn sách lược bắt Trương Định.

Bô-na nói với Tấn, giọng mơn trớn:

- Ta thay mặt nước Lang-Sa rất vui mừng khi thấy chú đã sớm biết đường ra thú. Ta nói thiệt cho chú hay, binh lực Lang-Sa rất lớn, bọn làm nghịch sớm chày sẽ bị quét sạch. Ra đầu với người Tây sớm ngày nào có lợi ngày ấy. Nói ta nghe, chú có kế sách gì trong việc bắt Quản Định trừ mối họa cho dân chúng?

Viên thông ngôn dịch lại, Tấn thưa:

- Bẩm quan Nguyên soái, vừa có tin đồn Định đã ra Huế lĩnh mệnh của Nam triều sau lại có tin Định ở Bình Thuận rồi tin Định ở gần Sài Gòn. Nhưng tôi cho đó là mưu mô của Định thường khéo léo tạo nên để người Tây không nghỉ ngơi yên ổn được mà thôi. Bởi chắc chắn Định vẫn lẫn lẩn ở vùng Gò Công nên tôi đã để tâm theo dõi...

Bô-na nóng ruột:

- Kế của chú thế nào, nói ngay đi.

Tấn làm vẻ quan trọng để Bô-na phải chú ý:

- Bẩm, tôi đã xin với quan ba cho các làng quanh vùng Gò Công mượn tiền không ăn lời nhưng buộc phải mách chỗ Định trú nếu Định có về. Tôi lại hứa với vợ con những tên làm nghịch đang bị giam, sẽ bảo lãnh cho chồng con họ được tha nếu họ chịu mách chỗ Định. Kế đó coi mò có công hiệu. Được mật báo Định về cù lao Lý Nhơn ở rừng Sác, tôi bèn dẫn quân Lang-Sa về lùng bắt. Vùng này ở gần sông Xoài rập và Đồng Tranh, tục kêu là Đám Lá Tối Trời, gồm bảy cụm cù lao nhỏ ở trên những cánh bùn lầy có dừa nước mọc lên như rừng rủ lá quanh năm che kín mặt trời. Địa thế hiểm yếu lại có nhiều đường thông ra biển và một con đường thông ra Bình Thuận. Định lấy đó làm căn cứ, một mặt điều quân đánh xuống các đồn Lang-Sa, một mặt cho binh lính cải trang làm thương thuyền đi theo đường biển ra miền Trung mua sắm súng đạn, lương thảo...

Bô-na ngắt lời:

- Hèn chi ta bắt được giấy tờ về việc một nhà buôn ngoài Phan Rí nhận mua khí giới từ Hồng Kông, An Độ đem về cho Định.

- Bẩm đúng vậy. Chúng tôi đã mở cuộc bao vây khu vực Lý Nhơn. Quân lính phải lội sình tới đầu gối và dùng đạn lửa mở đường mới qua được những chằng rào canh phòng của quân Định. Tuy họ chống trả kịch liệt, rốt cuộc ta cũng vào lọt căn cứ nhưng không bắt được Quản Định. Bù vào đó, chúng tôi đã bắt được một con nhỏ tên Xuyên là người chuyên đi đưa tin cho quân Định. Quan ba Gu-giơ-a đã xuống lệnh tra khảo buộc con nhỏ khai chỗ Định trốn tránh, nhưng dùng đủ mọi cực hình mà nó vẫn không chịu hé nửa lời...

- Các chú đã dùng đủ mọi kiểu tra tấn rồi chứ?

- Vâng, chúng tôi đã dùng hết cách, nào dùng kim đâm vô đầu ngón tay, nào treo ngược chân lên xà nhà mà đổ nước mắt vô hai lỗ mũi lộn chiều, nào mền xếp lót lên ngực trên lót ván dùng chày mỗ giã xuống, nào trói chân rút ngược giữa treo hai bao cát kéo dăng ra rồi buông cho nhập lại lấy người làm trái độ... Vậy mà vẫn đành thua gan con nữ tặc.

Bô-na cười:

- Những hình phạt kiểu Trung cổ đó lỗi thời rồi. Ở nhà hành hình Gò Vấp người ta mới phát minh ra nhiều kiểu tra tấn mới theo khoa học tinh vi mà giản tiện lắm. Để ta giới thiệu chú tới đó học kinh nghiệm, chắc chắn sẽ được việc cho các chú.

- Xin đội ơn quan nguyên soái. Dạ, ông Gu-giơ-a còn muốn xin ngài cho thêm viện binh...

- Được ta sẽ gởi thêm sau. Ta cho quyền các chú đi tới đâu cứ việc bắt bố, chém giết, đốt phá nếu dân chúng ở đấy không chịu chỉ chỗ ở của Trương Định. - Đôi mắt Bô-na ánh lên những tia xanh lè ma quái. - Giết sạch, đốt sạch, phá sạch, các chú nghe rõ chưa. Nếu kẻ nào chỉ chỗ Trương Định sẽ được thưởng hai mươi lạng vàng và phong chức Cai tổng.

- Dạ, nhờ chánh sách cho vay tiền không lấy lời mà nhiều điền chủ làm được mùa màng, trong năm hạn hán lúa lại bán được cao giá nên họ thành giàu lớn, chắc hẳn họ sẽ trả ơn bằng cách chỉ chỗ Trương Định cho ta... Dạ, tôi còn một chuyện nữa muốn lập báo với ngài...

Bô-na sốt sắng:

- Chuyện chi, chú cứ nói.

Tấn khôn khéo:

- Bẩm, sở dĩ dân chúng tin ở Trương Định nay ở Bình Thuận, mai ở sát bên Sài Gòn vì bất cứ ở đâu cũng thấy nhan nhản những tờ hịch mang ấn Bình Tây đại nguyên soái. Như vậy không phải chỉ riêng Trương Định phát ra những tờ hịch ấy mà có nhiều kẻ bí mật sao chép truyền đi khắp nơi. Tôi đã dò ra người soạn hịch là Nguyễn Đình Chiểu, hiện ở Ba Tri...

Bô-na chăm chú:

- Nguyễn Đình Chiểu nào? Có phải Tú Chiểu người soạn bốn Lục Vân Tiên không?

- Chính ổng, thưa ngài.

Bô-na đứng lên đi đi lại lại suy nghĩ hồi lâu. Lòng mảy mảy lại khiến mu mắt che bớt đôi mắt sâu, ánh lên những tia nham hiểm. Đôi môi mím chặt hằn đường rãnh hai bên mép. Lỗ mũi phập phồng như một con thú đánh hơi thấy mồi. Bỗng y quay phắt lại:

- Về Tú Chiểu thì ông Đồng lý Nội vụ đã nhận được một xấp cáo mật dày về những hành động chống đối người Lang-Sa, còn xếp đầy hồ sơ kia. Ông Đồng lý cũng đã yêu cầu cho lệnh bắt Tú Chiểu. Ta có đem bàn với ngài Ô-ba-rê, đại sứ mới từ bên Tây sang, ngài khuyên nên chưa bắt vội. Hiện nay tầng lớp sĩ phu vẫn còn những người lãnh đạo tinh thần ở xứ này có uy tín lớn trong dân chúng, ta không nên bắt ổng mà kiếm cách thu phục có lợi hơn. Để tạo điều kiện dễ dàng thuyết phục, ngài Ô-ba-rê đang khởi công dịch bản Lục Vân Tiên của ổng in ở bên Tây. Vả lại, theo lời ngài Ô-ba-rê, việc dịch đó còn có lợi là cung cấp một tài liệu quý báu về tâm lý phong tục dân bốn xứ, giúp người Tây tìm chánh sách cai trị cho thích hợp. Vậy trong khi chưa có lệnh của ta, các chú không được đụng tới Tú Chiểu.

- Nhưng thưa ngài, chúng tôi ước lắm hết chịu nổi, trong hịch, Tú Chiểu chửi chúng tôi như vậy nè:

Bớ những người tai mắt

Thử xem loài thú cầm

Trâu ngựa còn điếc câm

Mà biết đến ơn cho nhà chủ

Muông gà loài gáy sủa

*Còn bi ết đ áp ng ăi cho ch ủ nu ôi
Hu ố ng h ồ ng ườ i ch ă n đ ă p đ ấ t, đ ầ u đ ội tr ờ i
Ở chi th ố i s ă u d ă n m ộ t n ướ c...*

V ậ y là Ổ ng so s ă n h ữ ng ng ườ i theo Lang-Sa h ố ng b ằ ng gi ố ng chó ng ặ a r ồ i còn g ỉ !

Bô-na g ă i đ ầ u, v ẻ kh ố ch ịu. R ồ i y ă n Ủ i:

- Theo l ờ i Tr ườ ng V ĩ nh K ỷ n ớ i ta, thì bài h ị ch này ch ư a ch ắ c đ ă do Tú Chi ể u so ă n ra. Đ ầ u sao tr ờ ng khi ch ờ đ ợi k ế t qu ả vi ệ c thu ph ư c Tú Chi ể u, t ă m th ờ i ch ư a n ề n đ ư ng t ố i Ổ ng. Ta h ă y đ ố c to ă n l ự c v ă o vi ệ c tr ừ di ệ t Qu ă n Đ ị nh đ ă . M ấ t Đ ị nh thì Tú Chi ể u đ ầ u mu ố n ch ố ng ta c ũ ng kh ồ ng l ă m g ỉ đ ặ ng. – Y c ườ i.- N ế u tr ừ x ồ ng Qu ă n Đ ị nh thì cái ch ứ c L ă n h b ị nh s ẻ n ằ m g ồ n tr ờ ng tay chú. N ướ c Lang-Sa r ấ t bi ế t ớ n h ữ ng ng ườ i ph ư c v ụ tr ư ng th ă ng c ủ a m ị nh. Chú r ă ng s ứ c đ ư ng đ ể ph ụ l ồ ng tr ờ ng c ậ y c ủ a So ă i ph ủ Nam kỳ.

Đ ội T ă n l ă p b ắ p:

- Dạ... Dạ...

Bô-na qu ă y s ă ng vi ề n th ồ ng ng ồ n:

- Th ă y Th ồ ng Hi ề n! H ă y đ ị ki ể m cho chú T ă n m ộ t n ớ i c ư ng ụ th ị ệ t s ă ng tr ồ ng tr ờ ng khi chú là kh ă ch c ủ a t ờ i ở S ă i G ồ n. Th ă y còn có n ị ệ m v ụ đ ă n chú đ ị th ă m vi ế ng kh ă p n ớ i, sao cho chú th ă y h ế t đ ư c s ự gi ă u m ă nh và v ă n m ị nh c ủ a ng ườ i Lang-Sa.

Đ ội T ă n và Th ồ ng ng ồ n Lê Qu ă ng Hi ề n đ ư ng ch ă n tr ườ c x ồ m H ă ng Đ ị nh. N ớ i này khi T ă n còn ở S ă i G ồ n, có đ ư ng tr ă i đ ă ong v ớ i h ữ ng d ă y nh ă l ộ p ng ố i ph ía s ă u cau đ ừ a um t ồ m. N ư ng đ ế n nay nh ă c ủ a c ủ a d ă n đ ề u bị gi ă c ph ă h ế t chỉ còn s ố t l ă i m ộ t ng ồ i nh ă ng ồ i ba c ă n hai ch ă i và ng ồ i mi ể u là ch ư a bị ph ă .

D ướ i m ề s ồ ng, m ộ t chi ế c t ầ u ch ă y h ớ i n ướ c v ớ i b ă nh xe qu ă t n ướ c b ề n h ồ ng đ ă ng đ ậ u, th ă n t ầ u đ ề ch ữ Catinat. Tr ề n đ ư ng t ă p n ậ p h ữ ng to ă n d ă n ph ụ g ă nh g ă ch đ ă đ ể x ă y c ă t t ồ a d ị nh th ự cho t ề n Đ ồ ng lý n ộ i v ụ , t ục g ọ i là Đ ị nh Th ườ ng th ơ . B ộ n l ị nh m ă t ầ đ ứ ng coi ph ụ , n ế u ch ậ m tr ể hay l ă m kh ồ ng h ộ p ý ch ứ ng, ch ứ ng l ă i c ă m r ồ i qu ă t l ị a l ị a. M ă y ch ồ m c ậ y cau r ử b ồ ng x ồ ng m ộ t ng ồ i ch ầ u c ổ m ă i c ồ ng v ă t n ư c ặ p s ồ ng, c ă nh b ề n có m ộ t qu ă n r ườ u T ă y, che m ă n tr ă ng ph ế u. Th ồ ng Hi ề n r ử :

- Ta v ồ qu ă n nh ậ u ch ứ t, th ă y đ ội.

Đội Tấn theo Thông Hiền vô quán. Trong quán, một bọn lính Tây vừa nhậu vừa chửi thể inh ỏi. Đội Tấn kêu rượu nếp nhưng quán chỉ độc có rượu Tây, Thông Hiền an ủi:

- Thấy đội cứ dùng ly rượu chát cho nó biết mùi đời.

Tên dọn bàn mặc quần lục soạn trắng, lưng quần xổ ra kéo phủ lên dây nịt, tay bưng một khay trên có hai ly rượu vang và hai đĩa bít tết. Đội Tấn tợp một ngụm vang thấy cũng không đến nỗi khó uống lắm. Thông Hiền lại nháy mắt:

- Thấy đội cần món chi cứ biểu. Tầu rồi còn cái món sắc thì để tôi dẫn thầy tới xóm Cầu Muối.

Ở quán ra, hai người đi tới Bồn Kèn. Rạch Cầu Sấu và kinh Chợ Vải đang bị lấp từng chặng để cho một con đường mới mọc lên. Ở ngã tư xây một cái bệ hình tam giác, trên đó mấy tên lính sơn đá đang nổi nhạc Tây cho dân chúng nghe. Thông Hiền tấm tắc:

- Thấy đội nghe tiếng kèn “mu đích” này thiệt đã con ráy. Cái điệu của người Tây phổ vào bài nào bản nấy, hể nghe đến thì nó bắt nhảy trời, nhảy phách, chí khí hung hăng, dầu cảnh nào buồn cho mấy đi nữa mà nghe đến tiếng nhạc nó cũng khuây liền. Nhứt là quân lính đội ngũ, khi nghe tiếng nhạc nó xung xăng nhảy nhót, cầm cái nặng cũng quên, đường bao dài không mỏi, vậy mới đúng là tiếng nhạc của người văn minh chớ!

Văn minh đâu không biết chứ đội Tấn nghe thứ nhạc này cảm thấy lỗ lãng thế nào. Tuy vậy, y cũng ráng đứng nghe trọn bài kèn kéo tên thông ngôn khinh mình là quê mùa. Thông Hiền nói:

- Thế này vẫn chưa khoái bằng đi coi gánh hát mới ở Tây sang. Tối nay tôi sẽ dẫn thầy tới nhà cây ở kế bên Lầu Ông Thượng coi. Họ hát nhiều tuồng Tây hay hơn hát bội ở rạp Cầu Quan nhiều lắm đa!

Mấy tên du côn từ xa tiến lại, dáng điệu tên nào tên ấy đều có vẻ bặm trợn, dữ dằn. Trông thấy hai người đi tới, chúng tính xông lại ăn hiếp. Nhưng khi nhìn thấy người mặc áo “u-hoe”², thắt nơ đen, chúng biết đây là loại có thần thế, nên bấm nhau lảng đi không dám léo lánh tới chỗ đó nữa. Thông Hiền nhìn theo, vênh vang nói với Đội Tấn:

- Toàn là tay tổ đó. Họ nói chuyện với nhau chỉ bằng củ chì, roi gân bò với dao tu không à, ai vô phước gặp họ sơ sơ cũng phải ăn thọc trên mặt.

Hù chơi cũng mất mấy ngày mới tỉnh. Nhưng với ai chứ với Thông Hiền này thì mấy chả im re, đâu có dám múa gậy vườn hoang...

Đội Tấn thăm nghĩ: Thời loạn mới là lúc đám giang hồ trở sanh nghề lạ. Hồi trước mà dám đi nghinh ngang giữa lộ như vậy thì chẳng đóng trắng, đưa ra pháp trường gần chợ Vải cho tả đao dùng mã tấu chặt đầu à. Ngay cả mình cũng vậy thôi, gặp thời buổi Tây Tàu mới hòng leo lên Lãnh binh Đề đốc chứ bình thời thì có khi đóng đội mần đời! Đời cũng tỷ như canh bạc đen đỏ, tội chi không thử thời vận!

Hai người đi ra phía bờ sông. Qua xóm thủy trại, nơi có Xưởng Thủy của “đàng cừu”, Đội Tấn thấy một xưởng mới mà Thông Hiền giới thiệu là xưởng Ba Son chuyên sửa chữa tàu cho thủy quân Lang-Sa. Từng đám thợ mặt mũi nhem nhuốc, hốc hác đang ăn cơm trong những quán lụp xụp ven đường. Gần đó một con kinh nhỏ, mấy người Tây đang thả thanh thời câu cá.

Chỗ sông Bến Nghé giáp với rạch Vàm Bến Nghé, nơi có Sở Thủ Ngự để thu thuế thời đàng cừu, mới bắc một chiếc cầu bằng cây loại cầu quay để cho ghe buồm có thể ra vào, nối liền hai bờ rạch. Đó là Cầu Quay dẫn vào bến cảng Sài Gòn. Đội Tấn nhìn thấy một ngôi nhà nguy nga hai tầng kiểu Tây, nhưng trên nóc lại là một mái ngói cong theo kiểu đình của Việt Nam. bốn cạnh mái là bốn con rồng nghếch đầu ra tứ phía. Trên đỉnh là hai con rồng uốn khúc, châu đầu vào hình mặt trăng, theo cung cách “lưỡng long châu nguyệt”. Tất cả đều bằng gỗ men xanh, tạo thành một bờ viền mềm mại và đậm đà quanh mái ngói đỏ au, nổi bật lên nền trời vẩn vù. Thông Hiền cho biết đó là Nhà Rồng, hãng chuyên chở tàu biển của Tây. Đội Tấn nhận ra mái Nhà Rồng đúng là mái Văn Thánh miếu ở chỗ rạch Văn Thánh, chắc Tây đã phá miếu và lấy mái lắp cho Nhà Rồng.

Ngày hôm sau, Thông Hiền dẫn Đội Tấn tới nhà hành hình ở Gò Vấp. Giữa phòng, có đặt một cái nồi hơi bằng thiếc, miệng túm lại, đốt lên như quần bút thau. Nồi đựng đầy dầu lửa, bắc trên lò than được đỏ hừng. Sau khi bị bắt uống một bụng đầy dầu lửa, một tù nhân phải ngồi lên trên nồi cho miệng nồi chui vào hậu môn. Một lính Tây quạt chường cho lửa đỏ, cho dầu sôi.

Hơi dầu sôi, nhẹ, bốc lên chun vô ruột người tù. Dầu nguội nặng trong ruột lọt xuống lò, cháy thành ngọn, đun dầu trong lò thêm sôi. Dầu sôi

nhẹ, bốc lên choán chỗ; dầu nguội nặng lợt xuống cháy phừng; hai luồng xuống lên xuôi ngược mãi khiến người chịu hình, nghe hơi dầu nóng trong lòng, có cái ảo giác rằng dầu cháy gan cháy ruột...

Người Tây coi nhà hành hình cười:

- Còn hơn thế nữa kia. Mà biết không, tao mới phát minh ra một cái hình giản tiện hơn nhiều. Chỉ cần một khúc roi mây, một sợi dây gai, muốn nói cho đúng sức kỹ nữa, thời thêm vào hai bàn tay cầm roi. Để tù nhân nằm sấp, tay treo trên lưng, hai ngón tay cái cột dính lại, hai ngón chân cái cũng cột dính lại. Hai tay chân lại cột dùm lại, rồi a-lê cho lính cầm roi đánh vào hai bàn tay trần. Muốn đánh vào trong sọ không lẽ bữa óc ra mà đánh cho nên phải đánh vào bàn chân để truyền đau nhức vào óc non. Đánh vào bàn chân chỉ là đánh vào ngoài da mà kích thích đầu thần kinh. Dây thần kinh bị kích thích, là tủy, là óc bị kích thích. Óc mà bị kích thích thời các dây thần kinh đều bị kích thích, sự đau nhức mới lên tới độ tột cùng. Tao phải nghiên cứu cả khoa sanh lý học và giải phẫu học mới phát minh ra cái hình này chớ bộ.

Đội Tấn hết lời cảm ơn người Tây vì nhà hành hình đã cung cấp cho y một kinh nghiệm vô giá. Thế là chỉ trong hai ngày ở Sài Gòn đã hiểu rõ thế nào là sự giàu mạnh và văn minh của người Lang-Sa.

*

Về tới Gò Công, việc đầu tiên của Tấn là mang Xuyến ra tra khảo để ôn lại bài học vỡ lòng mà y mới được quan thầy truyền thụ. Sau khi cho trói chân tay Xuyến lại như trói heo, y cho lính cầm roi đánh lia lịa vào hai bàn chân trần không giầy giũa nhúc nhích được. Đánh ...đánh riết một hồi lâu, y hô cho lính nghỉ một lát. Nghỉ rồi đánh. Đánh rồi nghỉ. Nghỉ cho khỏe tay cầm roi, cho ê chân chịu đòn. Chân ê mà bị đánh nữa mới thấm đầu, mới thốn nhức...

Những lần roi quất vào làn da non ở bàn chân Xuyến làm cô đau nhức không bút nào tả xiết. Tưởng chừng như có từng nhát búa khảo vào trong óc. Toàn thân lúc đầu còn tê tê như có kiến bò nhưng lần lần buốt nhói và giật từng cơn. Nhưng cô nghĩ rằng không kêu một tiếng. Trước mắt cô hiện lên hình ảnh cha mẹ cô ngực lủng vết lưỡi lê nằm co quắp trên vũng máu... Hình ảnh năm mồi của Huân nằm trơ trọi ở miếng đất bên cạnh ngã ba sông... những hình ảnh đau thương đó làm cô nung sôi máu căm thù, quyết không chịu khuất phục kẻ thù.

Đầu óc lần lần tê dại đi nhưng trước mắt cô vẫn chấp chờn hình ảnh chủ soái Trương Định đứng trên đài cao nhận lá cờ đề chữ “Bình Tây đại nguyên soái” của nghĩa quân và bà con trao. Những đôi mắt thiết tha trông cậy hướng về vị chủ soái đáng hiên ngang dưới lá cờ nghĩa tung bay phần phật. Không! Xuyên không thể bán rẻ vị chủ soái để làm phụ lòng bà con trăm họ. Xuyên như cảm thấy đôi mắt đục lờ của ông Tú Chiếu nhìn xoáy vào mình, đôi mắt không có ánh sáng mà vẫn có một sức gì mãnh liệt như xoáy vào tận gan ruột, đọc được hết những ý nghĩ thầm kín của người ta và ngăn cản không cho làm những điều xằng bậy.

Xuyên rú lên một tiếng rồi xỉu.

Khi tỉnh dậy trong căn phòng giam chật chội, tanh tưởi, cô thấy toàn thân râm nhức như có hàng trăm con rắn cắn truyền nọc độc vào cơ thể. Mùi nước tiểu trên nền đất nhầy nhụa khiến cô muốn ói mửa. Phòng giam là một gian buồng hẹp, chiều ngang lối bảy thước ta, chiều dài mười lăm thước ta. Ba bức tường kín và một tấm cửa sắt đóng bịt bùng. Trên một phía tường có “cửa sổ”: miếng sắt đục lỗ li ti. Phòng giam tối như bưng, suốt ngày thấp một đèn đỏ đồng đục, lại nóng vô chừng, như trong một lò lửa.

Một lát sau, có lệnh đòi Xuyên lên hỏi cung. Lần này, cô gái phải bò lết không đi đứng được. Mái tóc bù rối, đôi mắt sáng quắc, trông cô như hiện thân của vị thần Trùng phạt. Đội Tấn không dám nhìn thẳng vào cô nữa. Nhưng y vẫn thử cố gắng một lần cuối cùng. Y quát hỏi nhưng lạc cả giọng:

- Tao hỏi mày một lần cuối cùng, mày có biết Quân Định hiện ở đâu không?

Cô gái thản nhiên:

- Biết chứ!

Đội Tấn mừng rỡ lắp bắp:

- Đâu?... Ở đâu?

Xuyên cất tiếng đồng dục:

- Trương tướng quân ở trong lòng dạ tao đây nè! Muốn kiếm, cứ việc moi tìm tao ra mà kiếm!

Đôi mắt cô gái tóe lửa căm hờn, nhìn xoáy vào mắt tên phản bội. Tấn cảm thấy như đôi mắt của Trương Định đang nhìn mình nghiêm nghị...

Trời không nóng lắm... nhưng Tấn bỗng thấy trán vã mồ hôi.

Ghi chú

^{1*} *Nay là góc đường Hai Bà Trưng.*

^{2*} *Bởi chữ vétxtông u-ve áo lớn hở ngực.*

IX

Phan Thanh Giản gỡ đạo mật chỉ của Tự Đức ra đọc lại một lần nữa. Trên nền giấy màu vàng lợt, rành rành thủ bút của nhà vua truyền bắt Quản đạo Võ Duy Dương nộp cho Lang-Sa hoặc báo cho Lang-Sa tự bắt lấy.

Ông cúi đầu suy nghĩ. Dầu sao ông cũng không thể làm cái việc trái với lương tâm ấy. Trước đây ông vâng lệnh triều đình viết thư dụ Trương Định bãi binh, Định không những từ chối mà còn cho đề cờ tám chữ “Phan Lâm mãi quốc, triều đình khí dân”¹. Lúc đầu ông giận dữ cho đó là một sự xúc phạm quá đáng. Nhưng sau nghĩ lại, ông cho rằng chẳng qua người ta không hiểu tâm sự ông mới vội vàng kết tội. Ông không giận Trương Định mà chỉ buồn lòng vì những người trẻ có cái máu sôi nổi thường không thông cảm với những người già vốn chín chắn, điềm đạm. Ông đâu có bán nước mà chỉ muốn tránh cho dân lành khỏi đổ máu vô ích. Mình chống lại với khí giới tinh xảo của Tây chỉ là trứng chọi với đá. Trong tất cả các điều tai hại, chọn lấy cái hại nhỏ nhất vậy mới là sáng suốt. Đáng buồn nhất là cả hai con trai ông cũng không hiểu ông. Phan Liêm, Phan Tôn đã ra mặt chống lại cha. Đúng là chúng nghe lời xúi giục của Tú Chiếu chứ không sai. Mới đây, hai đứa lại bỏ dinh đi đâu mất tiêu. Nếu chúng lại đi liên lạc với các nhóm nghĩa binh thì ông tất mắc tội với triều đình là không biết dạy con. Thế mới biết dao sắc không gọt được chuôi. Mình đi chiêu dụ các nhóm nghĩa binh giải giáp thì chính con mình lại đi theo nghĩa binh. Nếu quả vậy thì chẳng những lời mình nói đã không đất, mà người ta còn chê cười biếm nhẽ không ít. Đó chẳng qua vì hồi đóng ở Sài Gòn, mình yêu thích thơ văn, thường hay mời Tú Chiếu tới dinh đàm đạo nên Tú Chiếu mới có dịp kết thân với hai con mình, bày vẽ cho chúng những điều kia khác.

Nhắc tới Sài Gòn ông lại nhớ chuyện Lang-Sa mời ông tới dự cuộc đấu xảo canh nông và công nghệ. Các gian hàng cất dọc theo con đường từ chỗ nền nhà hát bội của quan lớn Thượng trước tới đầu cầu Thị Nghè, trưng bày nào loại gạo Tân An, Gò Công, đậu xanh Bà Rịa, tơ Biên Hòa, đồ chạm trổ bằng ngà, sừng, cặn xà cừ của Nam kỳ, đáng kể nhất

là đồ nữ trang vàng bạc do thợ khéo Sa Đéc làm, quế, trầm, hồ tiêu, sáp, mật ong, chiếu lác cặp điếu, nón lông, quạt lông. Ngoài ra còn có một số mỹ phẩm đem từ Tây sang. Lại có trưng bày trâu, bò, heo, cừu, gà, vịt. Giữa sân máy xay lúa, máy tủa bông vải, máy lọc đường, máy ép dầu chạy ầm ầm suốt ngày cho dân chúng xem. Đúng là bọn Tây muốn khoe khoang sự giàu có tinh xảo của chúng trên mảnh đất ba tỉnh miền Đông do chúng cai quản. Nhưng cuộc hội chợ cũng lại trưng bày thêm bao cảnh lối làng: những thằng Tây bụng phệ ngồi trên cỗ xe song mã, phía trên cao có tên xà ích cầm cương đầu đội mũ cao màu nâu, hóa trang theo Chà Và, để bộ râu ngạnh tre vuốt nhọn bằng sáp dẻo. Những mụ đầm váy bùng rền quét đất, đội nón giắt lông chim. Xốn mắt nhất là mấy mụ vợ Tây, quần chuối hột vàng gần gầy cổ, đeo kiềng vàng, mặc áo mớ ba mớ bảy, tóc xức dầu thơm. Phan Thanh Giản gặp ở đây tên soái Đờ la Gờ-răng-đi-e, lại cả hoành thân nước Cao Miên. Bọn Tây muốn ve vãn anh Nặc-ông-lân² tính đưa lên làm vua Cao Miên để nước này dễ thần phục chúng đây mà. Cái anh chàng Ba Tường vô hạnh mà trước đây theo sứ bộ sang Tây, cũng nghinh ngang xe ngựa vì y mới được Tây cho làm tri phủ Tân Bình. Gặp Phan Thanh Giản, y làm ra vẻ vồn vã nhưng ông lơ đi như không quen biết. Cả viên thông ngôn Trương Vĩnh Ký trước đi theo sứ bộ, giờ cũng được Tây ban chức Đốc trường thông ngôn. Thấy bọn chỉ đáng là thuộc hạ của ông mà bây giờ dựa thế Tây nghinh ngang coi như bằng vai phải lứa với ông khiến ông không khỏi tủi. Hèn chi thầy Tú Chiếu có câu thơ: Lổm xổm giường cao thấy chó ngồi, thiệt là đúng lắm!

Nghĩ lại chuyện ấy, ông thấy bứt giận Tú Chiếu. Nếu mình không phải là mệnh quan của triều đình mà chỉ là một thầy đồ, biết đâu mình không nghĩ như Tú Chiếu. Nhiều lúc ông thầm nghĩ ước gì mình được từ quan về Gành Mù ở quê nhà, để được nghe sóng biển ầm ầm vỗ vào đụn cát bên rừng bần mọc um tùm, ngắm những con nghêu nằm sắp lớp ở ven nước cạn, vui trong cát từng lớp từng lớp. Nhớ lại hồi nhỏ cầm cây gậy nhọn xăm xuống đất là đụng nghêu lách cách. Mấy anh em bạn bắt nghêu trên bãi cát rồi ngồi chờ đến lúc nước lớn dâng lên ngập gốc những cây mù u trổ bông trắng xóa... Lúc này ông bỗng thấy sống lại cái cảm giác vị thịt nghêu đậm đà trên đầu lưỡi... Nhưng trọng trách triều đình biết phó thác cho ai? Người bạn thân thiết nhất đời ông là Nguyễn Tri Phương đã bỏ ông ở lại một mình gánh vác cái trách nhiệm nặng nề

này, vậy mà còn không hiểu ông, cho là ông hèn nhát sợ giặc. Nhưng sở dĩ ông chủ hòa chỉ vì muốn cho dân được yên. Nhớ lại câu thơ Nguyễn Tri Phương tặng ông ngày trước: Cá lại Long Giang hai ngã nước, bây giờ không phải chỉ là cái chuyện chia đôi ngã đường đời mà còn là chia đôi ngã trên con đường chính kiến, chuyện ấy phải chăng đã báo hiệu từ ngày cùng thưởng mai ở chùa Cây Mai?

Sáng tinh sương, ông chợt nghe dưới sông dường như rộn rịp, dân tình gọi nhau ới ới, tàu của Tây dường như nổ máy khi xa khi gần. Ông giựt mình.

Bỗng tên lính hầu vào dâng một bức thư gấn xi. Ông giở ra đọc thì đó là thư của tên nguyên soái Lang-Sa mời ông xuống tàu của chúng để thương thuyết. Ông cau mày, truyền:

- Bay ra mời các quan hàng tỉnh tới nghị sự, nghe!

Lát sau, Tổng đốc Trương Văn Uyển, Án sát Võ Doãn Thanh và lãnh binh Huỳnh Chiêu đã tề tựu. Đợi mọi người yên vị, Phan Thanh Giản trình trọng:

- Nay tên nguyên soái Phú Lang-Sa mời ta xuống tàu thương thuyết, vậy ý các đại nhân ra sao?

Trương Văn Uyển dè dặt:

- Bẩm quan Kinh lược, ty chức trộm nghĩ người Tây là giống khác, tâm địa của họ ắt khó lường, ta không nên khinh xuất xuống tàu của chúng, e xảy ra điều bất trắc.

Võ Doãn Thanh mềm mỏng:

- Bẩm, triều đình vẫn căn dặn chúng ta hãy ráng giữ mối giao hảo với người Tây. Nay họ mời mà không tới, ắt họ kiếm cớ trách được ta. Chi bằng cứ gặp họ nói phải trái, hỏi sao lại vô cớ đem thêm tàu chở khí giới tới trước thành ta. Nếu họ không nghe thì phần lỗi là về họ.

Huỳnh Chiêu uất ức:

- Bẩm quan Kinh lược và các quan, giặc đem tàu chở khí giới tới uy hiếp thành trì, vậy là dã tâm của chúng đã lộ ra rồi. Ta không cần thương thuyết mà nên sẵn sàng phòng bị nếu chúng giở trò gì là đối phó được liền. Thành Vĩnh Long này hào lũy vững chắc, địa thế rất dễ phòng thủ. Lần trước giặc đánh thành ta đã cầm cự rất mạnh mẽ. Lần này ta đã có kinh nghiệm, ắt chúng không dễ dàng chiếm được thành như lần trước.

Trương Văn Uyển phụ họa:

- Quan Lãnh nói rất đúng. Xin cho lũ tôi được đi xem xét việc củng cố hào lũy chính bị khí giới để phòng khi nguy cấp.

Phan Thanh Giản đang ngẩn ngừ thì Bố chánh Nguyễn Văn Nhã từ ngoài chạy vào nói lớn:

- Bẩm, ty chức đã ra quan sát thấy hạm đội Lang-Sa gồm mười sáu thuyền chiến chở ngót hai ngàn lính thủy và pháo thủ cùng mấy trăm phu phen đã mai phục trước cửa thành rồi. Họ dùng cách tiên lễ hậu binh^{3*} nếu mình không chịu thương thuyết, họ nã đại bác vào thì tan nát hết. Xin cấp báo! Cấp báo!

Phan Thanh Giản đứng dậy:

- Tình thế này ta đành phải xuống tàu tranh biện với họ mới xong. Quan Án đi với tôi, còn các quan ở lại giữ thành, chờ tôi về sẽ có cách khu sử.

Rồi Phan Thanh Giản vào phòng riêng thay phẩm phục, mũ văn công, măng bào thêu rồng ba móng, thắt đai ngọc, đi hia đỏ, cùng Võ Doãn Thanh xuống tàu thương thuyết.

Hai chiếc cồng che màn幔 cánh sáo tiến ra lối cửa hậu qua cây cầu bắc ngang hào ra ngoài thành. Tới đây có một con đường đất gọi là “đường yếm” có đào hồ phía bờ sông và dùng để vận chuyển binh lương giữa thành Vĩnh Long và đồn Vàm Tuần hoặc mau lẹ tiếp cứu nhau khi nguy cấp. Tới bờ sông Cổ Chiên, Phan Thanh Giản vén màn幔 nhìn ra thấy mười sáu tàu chiến Lang-Sa đậu giăng hàng trên sông. Phan sai một tên lính hầu tới gần chiếc tàu đậu gần nhất báo cho phía Lang-Sa biết sứ giả Nam triều đã tới.

Bỗng một hồi kèn dưới tàu lạnh lạnh cất lên. Một chiếc ca – nô từ tàu ghé vào bờ, đón hai quan Nam triều xuống rồi chở ghé sát mạn tàu lớn nhất. Cầu tàu được hạ xuống cho hai người trèo lên. Một toán lính hầu sắp hai hàng trên boong tàu, bỗng súng chào trong tiếng kèn la vầy inh ỏi.

Tới gần khoang chỉ huy trên soái hạm, tên trung úy hầu cận ra dấu cho hai quan Nam triều dừng lại. Từ trong khoang, tên Đờ la Gờ-răng-đi-e tươi cười bước tới, ngả mũ chìa ra chào, Phan Thanh Giản và Võ Doãn Thanh chấp tay vái đáp lễ.

Đờ la Gờ-răng-đi-e là tên nguyên soái Lang-Sa mới sang thay Bô-na. Quan thầy của y là Ri-gô đơ Giơ-nui-y kể đã từng chỉ huy đánh Đà Nẵng và Gia Định trước đây, mới được thăng làm thượng thư Bộ Hải quân và Thuộc địa Lang-Sa, hết sức ủng hộ y trong kế hoạch đánh chiếm toàn bộ Nam Kỳ. Được sự hậu thuẫn lớn lao ở chánh quốc, y càng vững tâm hơn trong việc bắt ép triều đình Huế giao nốt ba tỉnh.

Đờ la Gờ-răng-đi-e có hai nạm râu bạc ở hai bên má lại một chòm dưới cằm nên được kêu là đô đốc bạc má. Y mặc binh phục bằng nỉ xanh đậm, giữa có một hàng nút áo, hai bên hai ngù vai vàng, ngực đeo bội tinh, huy chương, lưng thắt dây đeo kiếm có tua kim tuyến. Nét mặt đầy vẻ ngông nghênh tự đắc, y neho cặp mắt xoi mói ranh mãnh nhìn hai vị quan Nam triều như để đo lường thái độ rồi nói:

- Bữa nay, bản chức thay mặt cho Soái phủ Nam Kỳ mời các ngài tới bàn về việc giao tỉnh Vĩnh Long cho người Lang-Sa.

Phan Thanh Giản ngạc nhiên:

- Thưa ngài, trong hòa nghị Nhâm Tuất mà hai nước Tây Nam ký kết làm gì có điều khoản ấy.

Đờ la Gờ-răng-đi-e giọng đe dọa:

- Tôi không hiểu sao đã ký hòa ước rồi mà các ông vẫn dung túng cho bọn làm nghịch chống lại người Lang-Sa.

Võ Doãn Thanh nói:

- Xin các ngài cho biết chúng có?

Đờ la Gờ-răng-đi-e cười nhạt.

- Chúng có gì? Thì mới đây Thiên Hộ Dương ở Tháp Mười vừa đánh vào Cái Bè, Mỹ Quý, Cái Thia? Nguyễn Hữu Huân sau khi đánh vào Thuộc Nhiêu lại chạy về Châu Đốc và Hà Tiên. Các ông không những không ngăn cản lại còn ngấm ngấm trợ giúp cho bọn chúng.

Vừa nói Đờ la Gờ-răng-đi-e vừa giương cặp mắt xanh lè nhìn thẳng vào hai vị quan Nam triều để uy hiếp. Y đã biết thóp các vị quan này cứ đánh đồn phủ đầu thiệt mạnh là họ phải chùn. Thấy đối phương hơi biến sắc, y lại càng làm già:

- Hiện nay, bọn làm nghịch cứ đem quân đánh thọc vào ba tỉnh miền Đông xong lại rút ba tỉnh miền Tây một cách an toàn.- Y xòe rộng hai bàn tay ra hai bên. Cứ để nguyên cho các ông cai quản ba tỉnh miền Tây có

khác nào nuôi cái nhọt bọc hay không. Nhiệm vụ của chúng tôi là phải trừ bỏ mối họa ở cạnh vách để đảm bảo sự an toàn cho những miền đất thuộc quyền người Phú Lang-Sa.

Phan Thanh Giản bức bối:

- Các ông chỉ viện cớ để vi phạm hòa ước Nhâm Tuất mà thôi. Chúng tôi đã cố gắng hết sức mình trong việc ra lệnh cho nghĩa binh không được xâm phạm đến ba tỉnh miền Đông, để giữ mối tình giao hảo với người Phú Lang-Sa. Đến các ông có binh lực hùng hậu trong tay mà không ngăn cản được họ, huống hồ là chúng tôi. Ngay cả công việc của hoàng gia nước Cao Miên mà các ông cũng trách cứ ở chúng tôi thì lạ thật!

Đờ la Gờ-răng-đi-e vừa nói vừa đưa mắt nhìn lên boong tàu:

- Người Phú Lang-Sa có toàn quyền trong việc tự bảo vệ lấy mình. Chính các ông mới là người vi phạm hòa ước Nhâm Tuất.

Phan Thanh Giản gay gắt:

- Thì chính việc các ông đem tàu chở khí giới đến trước thành Vĩnh Long này là chứng cứ sờ sờ của việc vi phạm hòa ước...

Bỗng Đờ la Gờ-răng-đi-e nhìn thấy các tàu chiến khác của Lang-Sa đã tiến nhanh về phía bờ thành và nhanh nhẹn đổ quân lên bờ. Những khẩu trọng pháo được kéo tay dàn cả trước mặt thành.

Rồi một đoàn quân Lang-Sa từ hai bên khoang tàu tiến vào bao vây lấy phía trước và phía sau Phan Thanh Giản cùng Võ Doãn Thanh, súng ống lăm lăm trong tay. Giữa lúc đó Đờ la Gờ-răng-đi-e trở mặt, giọng đe dọa:

- Cuộc thương thuyết dưới tàu không thành xin mời hai ngày vào thành ta sẽ bàn tiếp.

Đờ la Gờ-răng-đi-e vừa dứt lời, một võ quan Lang-Sa nắm lấy cánh tay Phan Thanh Giản ra vẻ như để dìu ông già hơn bảy mươi tuổi bước qua bậc cầu lên bờ. Võ Doãn Thanh cũng bị một võ quan xốc nách như thế. Tất cả bọn chúng quan và quân, võ trang đầy đủ, đi theo sau lưng Phan Thanh Giản và hai quan Nam triều, tiến vào thành như tổ ong và chia từng toán trấn giữ các nơi.

Trương Văn Uyển và Huỳnh Chiêu đang chờ phái bộ trở về xem cuộc thương thuyết dưới tàu ra sao rồi mới tìm biện pháp đối phó. Lúc này họ đang đứng trên vọng lâu quan sát thấy dường như hai quan ta đã bị bắt

làm tù binh và tên soái Lang-Sa dẫn họ vào thành cùng với quân đội chúng. Biết xử trí ra sao khi thấy phái bộ cùng đi vào với quân Lang-Sa? Nếu nổ súng ngăn chặn lại e thiệt mạng lây đến hai vị quan ta. Phan Thanh Giản là viên quan cao cấp nhất, có tất cả mọi quyền hành. Mà họ cũng chưa biết kết quả cuộc thương thuyết! Thế là Trương Văn Uyển đành thiêu hủy tất cả mọi tài liệu mật rồi ra cửa thành xem tình thế.

Vào tối trong thành, sau khi quân Lang-Sa đã canh gác bên ngoài, Đờ la Gờ-răng-đi-e hạ lệnh cho Phan Thanh Giản nộp thành. Một khi giặc đã lọt vào nhà, kháng cự làm sao được. Thế là Phan Thanh Giản đành phải nhận lời tạm giao thành trì, nhưng chỉ xin Tây đừng quấy nhiễu dân chúng, đừng vội chiếm kho tàng để ông tạm quản, đợi ông tính trả một năm bồi thường chiến phí.

Đờ la Gờ-răng-đi-e vờ nhận lời. Nhưng bắt ông phải viết thư cho các quan hai tỉnh An Giang, Hà Tiên cũng nộp thành, gọi là để tránh sự đổ máu vô ích.

Lúc này Phan Thanh Giản mới hối hận, biết mắc mưu kẻ địch thì đã muộn. Nước cờ đã lỡ, từ nay ông chỉ còn là một quân cờ trong tay kẻ địch! Thành Vĩnh Long đã mất, còn biết ăn nói làm sao với triều đình. Ông lơ mơ cảm thấy cái tội của mình quá đồi lớn lao, không phải chỉ với hôm nay mà hình như với cả hậu thế...

Viết xong bức thư cho hai tỉnh An, Hà ông quăng vội bút, không dám nhìn lại tờ giấy ác hại kia nữa. Có phải đó là bức văn tự bán đứng sự nghiệp, danh dự, tương lai mà ông đã thò bút ký tên hay không. Ông thấy chóng mặt, ù tai, hai mắt đỏ đờng quang nhìn thấy trời đất quay cuồng rồi tối sầm trước mặt.

Về phía Đờ la Gờ-răng-đi-e thì cứ đắc chí cười mãi. Thế là không tốn một viên đạn mà chúng lấy được phần lớn của cải vùng Hậu Giang tập trung tại thành Vĩnh Long.

*

Vừa nghĩ tới Huỳnh Tấn, Trần Bá Lộc vội đập tay xuống bàn:

- Đ. hỏa! Vậy mà chút nữa mình không nghĩ ra.

Từ khi mang ơn nhà nước Lang-Sa thăng chức Tri phủ, Trần Bá Lộc đã tự nhủ mình phải ráng giữ phép lịch sự, vậy mà những lúc xuất kỳ bất ý,

vẫn cứ lộ ra cái bản sắc của một chú mã-tà như thường. May phước những lúc đó không có mặt các “quý quan”.

Tự mình là một con chiên ngoan đạo với cái tên thánh Ầm-ma-nu-en, không biết Lộc xưng tội với Chúa thế nào khi phạm tội với y là chuyện thường như cơm bữa. Đối với những nghĩa binh không chịu ra đầu thú và thường ẩn mình nơi thâm sơn cùng cốc, Lộc sai bắt cha mẹ vợ con người ấy đóng gông cầm tù. Một mặt bố cáo trong ngoài kỳ hạn bao nhiêu ngày phải ra nộp mạng, bằng không thì: cha mẹ và vợ sẽ bị bêu đầu làm lịnh, trẻ con thì bỏ vào lòng cối giã gạo, sai lính dùng chày lớn quết như quết nem. Y chém người như chém chuối không chừa đứa con nít đỏ hỏn...

Được nhà nước Lang-Sa cử đi tiểu cái loạn ở Hòn Chông, Lộc cảm thấy gian nan hơn mọi lần. Chỉ biết người cầm đầu là viên thành thủ úy Hà Tiên, còn lai lịch ra sao, vẫn chưa rõ.

Khi mới tới Hà Tiên, Lộc đã cho thám thính biết Hòn Chông là một dãy núi thấp ở phía nam tỉnh lý, trông xéo ra hòn đảo Phú Quốc. Phía trước là vịnh Xiêm La, phía sau là dãy đồi thấp. Thừa lúc người Lang-Sa còn mắc thiết lập các ban hội tề ở những nơi mới chiếm được, viên thành thủ úy Hà tiên liền cướp lấy thời gian thu thập tất cả những quân sĩ triều đình ở vùng Hòn Chông để dấy lên cuộc khởi nghĩa và một mặt ông chiêu mộ các dân đinh nhập ngũ. Chỉ trong một thời gian ngắn, ông đã có một đội quân khá đông. Ông biết rằng không lâu thế nào quân Lang-Sa cũng kéo xuống miền này nên cho bố trí nghĩa quân làm ba mặt, một mặt ở vùng Cây Dương để ngăn chặn quân Lang-Sa đi theo đường thủy từ Kiên Giang kéo lên, một mặt ở phía tây Hòn Chông để ngăn giặc từ Hà Tiên đổ xuống, và một mặt ở dãy đồi để tránh bộ binh giặc.

Từ đó ông thường phóng các cuộc tập kích vào các nơi có quân Lang-Sa đóng ở chung quanh tỉnh lý Hà Tiên. Các ban hội tề Lang-Sa dựng lên ở nhiều nơi thường bị giải tán bất thành lình.

Với tài đánh hơi của giống chó săn, khi mới được Đờ la Gờ-răng-di-e cử về đây, Lộc đêm ngày sục sạo và không bao lâu y dò ra được Nguyễn Trung Trực chỉ là một cái tên giả của viên thành thủ úy Hà Tiên mà chính tên ông là Quản Chơn. Quản Chơn! Cái tên nghe cũng lạ hoắc. Lộc kiên nhẫn cho đi điều tra tiếp và cuối cùng y được biết Quản Chơn cũng là một tên giả nốt. Mà tên thật của người đó, úy châu ôi, không phải ai xa

lạ mà chính là Quản Lịch, người đã đốt cháy chiếc tàu Êt-xpê-răng-xơ trên sông Nhật Tảo ngày trước.

Thiệt đúng là oan gia gặp nhau, hẳn có ma dẫn lối quỷ đưa đường chớ chẳng không. Với Quản Lịch, nếu đường đường đem quân vây quét thì sẽ nhiều chật vật khó khăn, âu là kiếm cách dụ hàng tiện hơn. Lộc nhớ trước đây Huỳnh Tấn là bạn cùng cơ ngũ với Lịch, vai vế lại suýt soát nhau, đứng ra dụ hàng thì chắc ăn. Biết đâu họ chẳng có tình thân từ trước. Lộc cũng từng chứng kiến Định và Lịch đi đâu cũng có Tấn đi theo. Tấn từng thổ lộ dầu mình hơn tuổi Lịch mặc lòng nhưng vẫn kính trọng Lịch như bậc anh. Tấn đã từng thành công trong việc lừa mưu hạ sát Định thì sao lại không có thể thành công trong việc dụ hàng Lịch?

Nhận được thư mời của Lộc, Tấn tới ngay Hà Tiên. Vừa gặp nhau, Tấn đã hỏi ngay:

- Có chuyện chi mà huynh kêu tôi tới vậy?

Lộc cười lấy lòng:

- Thì hãy cứ ngồi chơi đã, đi đâu mà vội. Cố hơn bao lâu nay mới hội ngộ, ta hãy hàn huyên cho bỏ những ngày xa cách. Hà hà... Đại ca cũ này ngọc thể có được khang cường chăng?

Tấn sốt ruột:

- Có gì thì nói phứt cho rồi, cà kê dê ngỗng hoài, nóng ruột thấy bà!

Lộc mơn trớn:

-Thầy đội, chết xin lỗi, đệ trót quen miệng, quan Lãnh, đệ mời đại ca tới coi cuộc đá cá thia lia, đệ tính xỏ ngày mai. Đệ mới lựa được con cá Rạch ở miệt U Minh, con này hay lắm, giỏi chịu đòn, không chạy bậy, lại biết đánh đòn “hồi mã thương”, biết chơi “cú đờ tết”^{4*}, biết “câu nước hàm trên, câu nước hàm dưới”^{5*} lại vừa giỏi nín hơi...

Tấn ngắt lời:

- Tôi không ham loại cá ấỵ mà thích loại cá răng thiệt bén, cắn dữ, để nếu có bị cắn bị đòn quá thì chạy ngay, chớ những miếng “hồi mã thương”, “câu hàm”, “bỏ chạy dụ địch” đều có phần nguy hiểm vì trong khi “chạy dụ địch” nếu có một bóng lạ, một tiếng động thành linh, cá chạy luôn không chừng...

- Cũng bởi cái tánh đó mà khi làm việc quan, đại ca dùng cái chánh sách dữ dần, bắn gậy xương sống Lãnh Định chớ không dụ hàng mất công,

phải không?

- Trương Định thì đến vua, đến quan kinh lược họ Phan cũng không dụ được, huống hồ là tôi...

Viên thư ký của Lộc từ ngoài vô cúi đầu chào Tấn rồi lại gần bấm khẽ điều gì khiến nét mặt Lộc đang đăm chiêu bỗng tươi lên. Đợi viên thư ký lui ra. Tấn hỏi Lộc:

- Lại thiệt, tôi trông thấy này quen quen, in tuông đã gặp ở đâu rồi. Ai vậy huynh?

Lộc đáp:

- À đó là thầy Ký Hườn, giúp việc cho đệ, thầy ấy trước dạy học ở Thang Trông...

Tấn lắc đầu:

- Tôi nhớ đã từng gặp người này ở một nơi khác chứ không phải ở Thang Trông...

Thì ra viên thư ký của Lộc chính là Nhiêu Bồn. Tấn đã gặp Nhiêu Bồn ở đại bản doanh của Trương Định một lần nên hơi ngờ ngợ. Tuy vậy y vẫn chưa nhận ra vì Bồn vốn là người liên lạc bí mật cho Trương Định, nên các nghĩa quân khác ít khi gặp giáp mặt. Từ ngày có cô Xuyên đảm nhiệm thay việc liên lạc, Bồn lại đi lo chuyên chở khí giới từ các thuyền buôn nên Tấn càng không có dịp gặp...

Thấy Tấn mãi nhíu mày nghĩ ngợi, Lộc nóng ruột:

- Đại ca nghĩ chi hoài cho mất công. Thầy đó là viên thư ký đặc lực nhất của đệ. Đệ đã có dịp thử thách lòng trung thành của thầy rồi. thầy vừa nhận lệnh tới nhà Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn coi thủ khoa Huân có yên phận dạy học ở đó không hay lại mưu chuyện khác. Phủ Phương cho hay Huân thực tâm quy thuận tân trào. Cũng vì vậy đệ càng thêm tin vào chính sách dụ hàng bọn làm nghịch. Lúc này, mình không đánh có bài bản mà cứ làm tùm lum thì hư hết công chuyện. Đệ muốn nhờ đại ca lấy tình thân dụ dùm Quản Lịch không biết đại ca có chịu không?

Tấn kêu lên:

- Biết ngay mà! Tôi biết huynh kêu tôi tới không phải để coi đá cá đá gà gì hết trơn mà có việc cần đến tôi. Sao không nói phứt cho rồi còn vòng vo Tam quốc hoài! Một dữ ha!

- Thì muốn đá cá rồi có đá cá, khỏi lo. Đệ nhờ đại ca viết giùm một lá thư dụ Quản Lịch ra đầu hàng, công ấy thiệt không nhỏ. Người Lang-Sa đã hứa thưởng 18 vạn đồng bạc con cò^{6*} cho ai dụ hàng hay bắt sống được Quản Lịch.

- Sao huynh không làm mà lại nhờ tôi?

Lộc cười xòa:

- Thì đệ nhớ lời Phủ Ba Tường nói ngày trước, con gà có đủ năm đức trong đó có đức Nhơn, có cái ăn thì kêu đồng loại tới, nên không dám hưởng một mình mà muốn chia ngọt sẻ bùi với cố nhơn đó chứ!

Tấn dụ nét mặt, cũng cười theo:

- Không biết trời đi vắng hay sao mà Phủ Lộc lại thảo với anh em quá xá! Bộ tình thiệt không phải đòn “hồi mã thượng” chứ cha!

- Đệ mà nói dối huynh thì cứ cho là Thiên Lô đánh chết tươi không kịp ngáp...

- Nói giỡn chơi vậy thôi, chứ kẻ nào dám qua mặt Tấn này thì đời kẻ đó coi như mặt...

Lộc tăng bốc:

- Đệ vẫn biết huynh chơi ngon mà.

Tấn đắc ý:

- Thôi đi cha nội. À, lâu nay không gặp Phủ Ba Tường, không biết hồi này dả ở đâu.

- Dả đang ngồi chủ quận Vũng Liêm. Để đối phó với những thơ văn xách động chống người Lang-Sa của bọn Tú Chiếu, Cử Trị, đệ cũng mới cạy dả soạn giùm một bốn Lờ truyền thị cho rao khắp mọi nơi.

Tấn vội hỏi:

- Đâu? Đâu? Huynh đưa tôi coi. Tôi cũng muốn sao một bốn đem về rao ở Gò Công.

Lộc giở hồ sơ lấy ra một tờ giấy:

- Vậy là đại ca chưa giúp đệ, mà đệ đã giúp đại ca rồi đó nha.

Tấn cầm giấy đọc:

*Xứ Gia Định là đầu sáu tỉnh
Sau những Đại đồn Lãnh Định
Cùng là Mỹ Quý Thập Mười*

Có lương có súng sẵn đông người
Làm hết sức cũng không nên đáng.
Chẳng những là thiên mạng
Cũng hiệp với nhơn mưu
Nên triều đình trước đã hòa hữu
Sau kinh lược cũng đành giao cát
Có chẳng phùng đạo kiếp
Bày ra việc mộ quyên
Ấy là chước kiếm tiền
Ấy là mưu trốn nợ
Kiếm chỗ vắng mà bắt lính đòi lương tỏ mở
Khoe tài trong rừng bụi
Khen cho hay múa gậy vườn hoang
Lừa hở cơ mà phất cơ dống trống nhện nhàng
Muốn địch với quan binh
Ví chẳng khác bắc cầu qua biển cả.

Thấy Tấn có vẻ trầm ngâm, Lộc hỏi:

- Đại ca thấy bài văn này ra sao?

Tấn lắc đầu:

- Tôi tuy ít chữ nhưng thấy lời lẽ như vậy không tài nào địch nổi những bài văn xúi dân làm nghịch của Tú Chiếu.

- Đệ cũng thấy như vậy. Không những chưa sánh kịp Tú Chiếu mà còn thua xa Cử Trị...

Với Cử Trị, Lộc có một mối hận thấu xương tủy, Lộc mê đá gà nhưng từ ngày làm quan, đi đâu không tiện ôm gà đi theo, nên chuyển sang chơi đá cá thia thia cho “thanh nhã” hơn. Một lần y về Cần Thơ tổ chức cuộc thi đá cá thia thia với bọn quan lại tay sai của Lang-Sa. Ngay hôm sau, ở ngoài cổng dinh quan tỉnh có dán một bài thơ như sau:

Đồng loại sau người chẳng ngỗ ngược,
Hay là một lúc phải nung gan!
Trương vì so độ vài gang nước,
Đấu miệng hơn thua nửa tấc nhang
Ráng sức giây lâu đà trốc vẩy,
Nín hơi trót buối lại phùng mang.

*Ra tài cửa võ không nên mặt
Cặc cớ khen ai khéo nhộn nhàng!*

Bài thơ được người qua lại tranh nhau đọc và được truyền bá ngay tức khắc. Bị một phen ê mặt ngay chiều hôm đó Lộc phải cuốn gói khỏi Cần Thơ. Từ đó mỗi lần nhớ tới bài thơ là bất giác Lộc lại thấy mặt mình nóng ran như bị một cái tát.

Đợi Tấn viết thư dụ hàng Nguyễn Văn Lịch xong, Lộc rủ y đi coi đá cá thia thia. Không biết “tổ trác” hay sao mà cuộc đá độ bữa nay y bị thảm bại. Giữa lúc cá y đang liến thoắng đảo bên này rồi đảo bên kia lợi tung tăng theo địch thủ, hết lợi sau rồi bọc ra phía trước mặt, giương kỳ, xòe đuôi, khoe mã, giáp thì lẹ như chớp, con cá bên địch vừa lúc cá y uốn mình trước mặt khoe bộ vẩy óng ánh như sao, nó bỗng phóng hết mình tới trước, cắn một miếng thật mạnh vào bụng bở, mạnh cho đến đổi bọt nước văng tung té và nghe rõ ràng một tiếng “bóc” rung rinh mặt nước hồi lâu. Rồi một sự bất ngờ diễn ra như điện chớp, cá y bị một vố đau quá, giựt mình chạy xếp đuôi cuốn giáp không còn dám trở đầu nghinh chiến.

Hôm sau, đang ngồi coi hồ sơ tù nhân, thì lính hầu mang vào một bức thư. Y vội giở ra coi. Thì ra là phúc thư Nguyễn Văn Lịch, vốn vẹn có mấy hàng chữ ngang tàng:

“Bao giờ Thập Mười hết cỏ thì nước Nam mới hết người chống Tây. Các người đừng giở trò dụ hàng vô ích”.

Đọc xong thư, y cảm thấy trên thân thể mình bỗng đau nhói, hệt như cái đau của con cá bị cắn đến nỗi lòi thịt gần thấu xương ngó thấy bên kia, phải vội vàng hát bài “tẩu mã”.

Ghi chú

^{1*} Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp bán nước, triều đình bỏ dân.

^{2*} Túc Nô-rô-đôm.

^{3*} Trước dùng lễ, sau dùng binh.

^{4*} *Biết quay mình dùng đầu đánh trái lại đầu con cá kia khi chưa đề phòng.*

^{5*} *Cẩn ngay hàm trên hay dưới của con cá kia ngậm chắc và trì sát xuống tận đáy.*

^{6*} *Hồi đó Pháp cho tiêu tiền Mỹ Tây Cơ đúc hình con ó, ta thường gọi là đồng bạc con cò. 18 vạn đồng bạc con cò hồi đó trị giá ba ngàn lượng vàng.*

Nghê tin Phan Thanh Giản uống thuốc độc tự tử, linh cữu được đưa về chôn cất ở quê hương, Tú Chiểu bảo con dắt sang Bảo Thạnh phúng điếu. Dầu không tán đồng việc làm của Phan Thanh Giản, nhưng nghĩa tử là nghĩa tận, ông cũng muốn sang điếu cho trọn tình. Phan Liêm, Phan Tôn có học ông ít ngày dầu sao cũng là tình thầy trò, nay cha mẹ họ mất mình không tới cũng bất tiện, huống hồ hiện nay mình lại là chỗ đồng châu đồng quận. Vả lại, ông cũng muốn nhân dịp này nhắc nhở anh em họ Phan đừng vì cái chết của cha mà lãng quên việc nước.

Tú Chiểu ngửa mặt đón những cơn gió mùa từ biển thổi vào đất liền. Tiếng lá cây xào xạc, Tú Chiểu biết đó là những cây bần mọc trên bãi đất sinh lầy. Con đường này ông đã đi một lần khi tới Bảo Thạnh dự lễ an táng xử sĩ Võ Trường Toản. Xử sĩ họ Võ là một thầy nổi tiếng đã đào tạo nhiều bậc nhân tài cho đất nước trong đó có ba nhà thơ đất Gia Định: Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhân Tịnh. Khi ba tỉnh miền Đông bị giặc Lang-Sa chiếm, không muốn năm xương tàn của ông thầy đáng kính nằm trong phần đất thuộc bọn xâm lược, Phan Thanh Giản bàn với Án sát An Giang Phạm Hữu Chánh, giao cho tú tài Võ Gia Hội lo việc cải táng cụ Võ từ thôn Hòa Hưng Sài Gòn về chôn cất ở cánh đồng làng Bảo Thạnh. Ông Nguyễn Thông đứng làm chủ tang.

Từ ngày đó, Tú Chiểu vẫn thường đem giảng cho học trò bài Hoài cổ phú của cụ Võ. Trong đó cụ nêu những tấm gương khí tiết của người xưa đã đem thân ra giết giặc cứu nước, để cho người nay noi theo.

Tú Chiểu còn nhớ như in bài văn của Phan Thanh Giản đọc trong buổi lễ hôm đó. Không ngờ tới nay Phan Thanh Giản đã quên những lời nói cũ, mà nỡ dâng thành cho giặc. Lòng người quả không biết thế mà lường. Trong bài văn của Phan có câu: “Ngắm non Thái chỉ mong đi tới đỉnh. Trông Đẩu nam chân muốn nhón lên cao” nhưng sự thực Phan Thanh Giản không những đã không theo được Võ Trường Toản tới đỉnh núi còn thụt lùi xuống một hố sâu, mà chiều sâu của hố có lẽ cùng bằng chiều cao của núi.

Đã tới vùng bãi Ngao thuộc làng Bảo Thạnh rồi, Tú Chiếu biết như vậy vì nghe tiếng sóng biển ào ào, tiếng gió thổi vào rặng mù u ràn rạt, và thoảng vị muối hoà tan trong không khí. Muối Bảo Thạnh đã đi vào tục ngữ từ thuở nào. Lúc này đang nước ròng đây. Chỉ tiếc không còn đôi mắt nhìn cảnh trời nước mênh mông để tâm hồn rộng mở...

Vừa tới cổng nhà họ Phan, đã nghe thấy tiếng người đi lại tấp nập giữa những tiếng khóc than thảm thiết. Phan Liêm, Phan Tôn được gia nhân thông báo vội chạy ra đón. Tú Chiếu xin được làm lễ trước linh vị. Ông bảo con đặt hoa quả hương nến lên bàn thờ, lạy bốn lạy. Phan Hương, Phan Liêm, Phan Tôn cũng lạy bốn lạy đáp lễ.

Ba anh em họ Phan mời Tú Chiếu sang nhà ngang họp mặt với các bậc văn thân. Vừa tới nơi, Tú Chiếu đã nghe tiếng ngự sử Lê Đình Lượng, giọng sang sảng như khi giảng bài ở ngôi trường cạnh chợ Ba Tri:

- Tôi nhớ hồi Lê mạt khi ông nghè Lý Trần Quán tự chôn sống mình để chết theo chúa Trịnh Khải, đã có người làm đôi liễn điếu rằng: “Khảng khái cần vương dị, Thung dung tựu nghĩa nan” nghĩa là khảng khái đem quân đánh giặc giúp vua thì dễ, còn cứ thung dung mà chết để giữ trọn điều nghĩa mới khó. Câu ấy thiệt hợp với quan Phan nhà ta, liêu lĩnh mang quân ra cự nhau với người Phú Lang-Sa mà chết, thì đó chỉ là cái đồng của kẻ thất phu, đâu sánh kịp với cái chết của người quân tử, thung dung tựu nghĩa để đền vua nợ nước.

Án sát Phạm Hữu Chánh tiếp lời:

- Quan lớn nói chí lý. Tôi cũng nghĩ như vậy nên mới viết một bài thơ điếu xin đọc để các quan phủ chính cho.

Nhiều tiếng người khiêm tốn:

- Văn quan Ân Lương Mỹ¹ thì còn ai dám thò bút vô sửa một chữ nào nữa. Xin quan lớn cho nghe!

Phạm Hữu Chánh hăng giọng đọc:

*Phan công tiết nghĩa sánh cao dày
Thương bấy vì đâu khiến chẳng may,
Hết dạ giúp vua, trời đất biết,
Nát lòng vì nước, quý thần hay,
Tuyệt lương một tháng, rau xanh mướt,
Bị quở ba phen, lửa đỏ mày*

*Chấn sớ sử thần biên chẳng tới,
Tấm lòng ấm ức phải thày lay.*

Phạm Hữu Chánh đọc xong, có người buột miệng khen:

- Thiệt là ngòi bút Xuân Thu phán xét chí công vậy!

Ngự sử Lê Đình Lượng nói:

- Quan Phan mà sống lại đọc bài thơ này cũng phải vui mừng vì đã có người thấu hiểu tâm sự mình. Nếu biết vậy thì trước khi mất, ngài không phải ngâm hoài hai câu: Xuân phong mãn diện giai bằng hữu. Dục mịch tri âm nan thương nan^{2*} nữa!

Phạm Hữu Chánh rung đùi đắc ý:

- Có gì đâu, vì tôi cũng ở trong cái cảnh như của quan Phan nên mới hiểu tâm sự ngài. Khi quân Lang-Sa tới trước tỉnh thành Châu Đốc chúng mời quan tỉnh tới để trao thư của quan Phan. Thư quan kinh lược sứ Nam Kỳ gửi cho tỉnh thần An Giang mà không tiếp nhận, đâu có được. Quan Tuần Cư liền cử quan Bối Y và tôi sang nhận. Quan Tuần cùng tôi sang, không ngờ vừa tới nơi quân Lang-Sa bắt giữ luôn quan Tuần và tôi, các ngài biểu như vậy thì có phải giao thành hay không. Chẳng qua là thế bất dĩ chớ đâu phải dâng thành cho giặc. Những kẻ nói như vậy là những kẻ hồ đồ nông cạn, nếu chẳng phải là vu khống phỉ báng người trung nghĩa. Cũng vì e các sử thần không xét kỹ, cũng bị lầm theo, nên tôi mới phải lên tiếng nhắc nhở.

Tú Chiếu vừa toan cất lời thì đã có tiếng cười nói:

- Hay lắm. Thấy các quan nói chuyện văn thơ tôi cũng lây nguồn cảm hứng, nên mạo muội có một bài thơ điếu quan Phan, xin đọc lên, mong các quan đừng chê là thô lậu.

Mọi người nhìn xem ai thì đó là Lê Quang Quan tự Kế, một nho sĩ phá ngang chuyển sang nghề võ, quê làng Mỹ Chánh Hòa.

Một người nói:

- Thì ông cứ đọc đi. Văn hành công khí^{3*} mà. Nếu chỗ nào còn ép thì có các quan đây phủ chính cho, ngại gì.

Tư Kế khiêm tốn:

- Tôi là kẻ võ biên mới vọc vạch làm thơ, nếu có gì sai sót xin các quan châm chước và chỉ vẽ cho. Tôi được biết trước khi mất, quan Phan

có để lại mộ thiên di bút.

Có tiếng người nói:

- Di bút thế nào, tôi chưa được đọc.
- Ông hãy cho nghe di bút của quan Phan trước đã.

Tư Kế nhìn mọi người:

- Ở đây chắc nhiều vị đã được đọc rồi, nhưng có lẽ cũng còn người chưa, nên tôi xin phép đọc lại.

Ngự sử Lê Đình Lượng trình trọng:

- Cứ đọc. Văn chương của quan Phan thì nghe cả ngàn lần cũng không chán.

Tư Kế nghiêm trang:

- Tôi xin phép đọc bài Tuyệt cốc của quan Phan:

*Trời thời đất lợi lại người hòa,
Há dễ ngồi coi phải nói ra.
Lăm trảo ơn vua đến nợ nước,
Đành cam gánh nặng nối đường xa.
Vớt chìm, phũ nóng, thương dân trẻ,
Vượt biển trèo non, cảm phận già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại châu ba!*

Nhiều tiếng tấm tắc:

- Thiệt là tuyệt bút!
- Không thua gì chính khí ca của Văn Thiên Tường!

Đợi những tiếng khen ngợi đã ngớt, Tư Kế mới thông thả:

- Tôi xin phụng họa bài thơ ấy để điệu quan Phan.- Ông hãy giọng đọc:

*Người đều mong đánh, chỉ ông hòa!
Hòa chi đến đôi bề, tính chẳng ra.
Muốn được lòng vua, quên phứt nước,
Mải nhìn trước mắt, nghĩ đâu xa.
Một bề giũ phận: khuyên con trẻ,
Chín chữ mua danh: trốn tội già.*

*Chẳng chết từ khi chưa ký ước,
Hoài công sống tới bảy mươi ba!*

Ngự sử Lê Đình Lượng bỗng thét lớn như trước kia từng hạch tội các quan trước bệ rồng:

- Đồ mạn thượng! Quả là đại nghịch bất đạo!

Án sát Phạm Hữu Chánh cũng đập tay xuống mặt tráp, như tuyên án trước công đường:

- Trói cổ thẳng khùng lại!

Nhiều tiếng xôn xao. Tư Kế đứng thẳng người, đồng dặc:

- Tư Kế này từng chém giết bao nhiêu giặc Lang-Sa ở Gia Định về đây. Đến giặc Lang-Sa mà Kế còn không sợ, há lại sợ những kẻ sợ giặc Lang-Sa hay sao? Quan Kinh lược chết là để tạ tội với vua chớ đâu phải chết vì nước. Trước khi chết ngài còn dặn các con phải yên nghiệp làm ăn, như vậy có khác gì khuyên các con đừng chống giặc. Còn chuyện ngài tự tay viết chín chữ minh tinh: “Hải nhai lão thơ sinh tính Phan chi cữu”^{4*} theo ý tôi cũng chỉ là chuyện mua danh, trốn tội mà thôi. Giá ngài tự sát ngay trước khi ký hàng ước thì có phải hơn không, tội gì phải dâng thành cho giặc rồi mới chết.

Nghe Tư Kế nói, Phan Hương con lớn Phan Thanh Giản tức giận nghiến răng kèn kẹt, nhưng hiềm vì nổi mình là tang chủ nên không tiện phát tác. Phan Liêm, Phan Tôn ráng giữ anh lại không để anh làm điều thất thổ trước mặt mọi người.

Nhiều tiếng xôn xao:

- Thiệt tâm bấy hết sức!

- Dám xúc phạm vong linh người quá vãng. Quả là vô lễ!

- Đuổi cổ hẳn ra ngoài kia! Ai cho hẳn vào đây!

Giữa lúc đó, Tú Chiếu đứng dậy khoan thai:

- Tôi xin phép có lời thưa cùng các quan và chư vị ở đây. Tôi không bênh gì ông Tư Kế, nhưng chỉ xin các ngài xét kỹ lại cho. Tôi nhớ khi ông Trương Định kéo cờ đề tám chữ “Phan Lâm mãi quốc, triều đình khí dân” lời lẽ tuy có xằng bậy thiệt, nhưng lại tỏ được cái khí tiết của người dân Nam Kỳ trước giặc Lang-Sa đến nỗi hoàng thượng còn phải phán rằng: “Nhân tâm như thế cũng là thêm giúp cho sự phục hồi, há lại cứ lấy lý

mà chăm chăm đi răn dụ người ta”. Chắc các ngài ở đây không ai dám tự nhận mình sáng suốt hơn Hoàng thượng. Tôi nghĩ lời của ông Tư Kế đây về lý thì chưa biết thế nào, nhưng về tình thì đó là tình của người ôm lòng địch khái^{5*}, ta cũng nên thế cái lượng của Hoàng thượng, mà đừng chăm chăm bắt bẻ ông ta, như vậy mới là người biết tuân lời huấn dụ vậy.

Thấy Tú Chiếu nhắc đến lời vua Tự Đức, các vị quan đều im bặt không ai dám cãi lại. Thừa thế, Tú Chiếu nói tiếp:

- Tôi nhớ bữa quan Phan đứng ra lo liệu việc dời mộ Võ xử sĩ về Bảo Thạnh, có cả quan Án Phạm, quan ngự sử Lê và nhiều vị hôm nay có mặt ở đây. Có lẽ lúc này chỉ thiếu quan Đốc học Nguyễn Thông đang bận tầu vì việc chống giặc mà thôi. Bữa đó, quan Phan có nhắc nhở chúng ta phải ráng noi gương Võ phu tử theo đúng lời dạy của ngài trong bài Hoài cổ phú.

Cật Võ Mục nhuộm thanh bốn chữ, tấm trung thành đã thấu trời xanh.

Áo Thiên Tường ghi đợm hai câu, phương tộu nghĩa chi phai lòng đó.^{6*}

Võ Mục và Văn Thiên Tường đều chống giặc đến cùng, khi sa vào tay giặc hoặc bọn phản thân bán nước mới chịu chết, đó mới là tộu nghĩa theo ý Võ phu tử. Nếu các vị ở đây có ai sửa được lời văn của phu tử thì hãy nên bắt bẻ lời thơ của ông Tư Kế đây.

Mọi người lắng nghe Tú Chiếu nói đều nín lặng. Trong không khí trầm lắng tột độ, ai nấy đều cảm thấy mộ cái gì đè nặng trong lòng mình mà chưa phát tiết ra được. Lời Tú Chiếu như tiếng sấm giữa trời quang, báo trước một cơn bão táp.

Giữa cảnh nặng nề ngọt ngào ấy, Tư Kế bỗng tiến lại trước mặt Tú Chiếu lay hai lay rồi điềm nhiên bước ra.

Phan Hương muốn đuổi theo Tư Kế nhưng Phan Liêm, Phan Tôn vội giữ chặt anh lại.

*

Khi theo tên quan Đô-măng-giơ đi tảo thanh vùng Hòn Chông bắt Nguyễn Trung Trực, Trần Bá Lộc đã chắc mẩm thành công. Nhưng cuộc tảo thanh vô cùng khó nhọc vì đường đi nguy hiểm, và bị nghĩa quân chống trả kịch liệt. Đầu tiên, Đô-măng-giơ cho một đội chiến thuyền

đậu ngoài khơi, cứ nã trọng pháo vào vùng đồi núi cổ thủ của nghĩa quân. Đình ninh rằng nghĩa quân bị thiệt hại nặng nề, ắt đã tê liệt, bọn lính Lang-Sa, Ma-ní, mã-tà xuống tàu nhỏ tiến vào đổ bộ. Nhưng lần nào chúng cũng bị bắn rơi lũm chũm nên phải thối lui. Rốt cuộc, theo kế của Huỳnh Tấn, Đô-măng –giơ cho tàu dàn ngang ngoài biển và cho cả trăm lính mã-tà lên bộ, đóng một “vành đai” rộng lớn vì không dám sáp lại gần- cốt để tuyệt đường lương thực của nghĩa quân.

Hòn Chông mặt trái giáp biển, về phía đông bắc có các núi Mo So, núi Huỷnh, núi Sơn Trà án ngữ. Giữa hai khu vực này là cánh rừng sác ngập mặn, lầy lội. Trên núi Hòn Chông có nhiều suối cạn, nhiều đỉnh cao khá hiểm trở, lại có nhiều gỗ quý và cổ thụ sống hàng trăm tuổi, rất thuận lợi cho việc đồn trú quân. Triền núi có trữ lượng nước ngọt đủ dùng suốt mùa khô hàng năm. Ở chỗ doi đất cuối cùng giáp biển, Nguyễn Trung Trực cho đóng trại quân. Phía trước trại có cụm tiền đồn thiên nhiên án ngữ bao gồm dãy núi Hòn Chông và hàng chục núi non hiểm trở khác nằm chen chúc trong khu rừng sác mọc trên đầm lầy.

Khi lên tới Hòn Chông, cả bọn mã-tà đến bọn sĩ quan Lang-Sa đều không rõ nghĩa quân hiện có bao nhiêu người - chắc là đông lắm - và tại sao trọng pháo bắn ầm ầm ào ào mà nghĩa quân vẫn không tháo chạy.

Thì ra đó là mưu thần của Nguyễn Trung Trực. Ông biết tàu chiến giặc sâu lườn, không thể nào vào gần bờ được, chúng sẽ từ ngoài xa bắn đại bác vào. Ông cho đi xin của bà con những tấm bồ, những cà-tăng, lại cho đi đốn tre nửa về bện rất nhiều liếp vừa rộng vừa dài. Ông cho đóng cọc săng, dùng dây cóc ken phen, liếp, bồ, cà-tăng che khắp phía trên và phía dưới day ra biển, cho nghĩa quân đóng núp. Tàu giặc bắn vào, phen liếp thụng xuống. Nhờ sức mềm dẻo, phen liếp không bao giờ lủng. Hết sức thụng xuống, phen liếp bung lên: đạn rơi qua bên cạnh hoặc tung ra biển, như chẳng có việc gì xảy ra.

Ngặt có điều chúng vây chặt quá, trên bộ cũng như ngoài khơi. Nghĩa quân cạn lương thực. Ông Nguyễn quyết định tạm rút ra đảo Phú Quốc. Ở đó, Quân Thứ một tướng giỏi của nghĩa quân đã ra trấn thủ từ trước để xây dựng một căn cứ vững chắc lâu bền.

Được mật báo sáng sớm hôm sau giặc cho quân đánh úp căn cứ, ngay đêm ấy Nguyễn Trung Trực cho bốn mươi chiếc ghe chở đầy nghĩa quân nhằm hướng Phú Quốc mà đến.

Sớm mai, giặc cho quân đổ bộ khi vào tới căn cứ thì nghĩa quân đã đi tự khi nào.

Kế hoạch đánh úp chỉ có Đô-măng-giơ và Trần Bá Lộc biết, vậy mà cũng bị tiết lộ! Nếu không lộ, sao khi quân Lang-Sa tới nơi còn thấy những bếp lửa đang nấu dở và nồi cháo lớn bỏ lại ngổn ngang, chứng tỏ nghĩa quân mới đi khỏi không lâu. Đúng là có nội ứng không sai. Trần Bá Lộc bực tức, cho đòi viên thư ký thân tín tới bàn bạc.

Lê Bốn vào thấy đôi mắt Lộc bốc lên đầy sát khí. Đôi môi mỏng mím chặt, Lộc nói rít qua kẽ răng:

- Kế mật đánh úp Hòn Chông không hiệu sao tiết lộ. Thầy có nghi ai là nội gián không?

Bốn thưa:

- Bẩm quan lớn, tôi có trộm phép nghi một người.

Lộc hỏi dồn:

- Ai vậy? Ai vậy?

Bốn khéo léo:

- Bẩm quan lớn, tôi đã tính thưa với ngài từ trước, nhưng lại e sợ bất gián thân^{7*} nên chưa dám.

- Thầy cứ nói liền tôi nghe coi nào.

Bốn nhỏ giọng:

- Bẩm, ngài có cho phép thì tôi mới dám nói. Sau khi ông Lãnh binh Tấn hạ được Trương Định, bị tiếng đời biếm nhẽ dữ quá nên lần này ông mới sanh một kế là kiếm cách cứu Quản Lịch để chuộc bớt phần nào tai tiếng. Chính Ổng đã báo cho Quản Lịch biết đường trốn chạy chớ không sai.

Lộc nhăn trán suy nghĩ:

- Chắc chi đã phải vậy. Ông Tấn đã thẳng tay hạ sát Trương Định giúp nhà nước Lang-Sa kia mà.

- Bẩm quan lớn, ông Tấn với Trương Định là tình thầy trò thiết, nhưng sau khi ông Tấn đi lại với cai Tổng Nguôn ở Gò Công, Định đã dọa chém đầu Ổng nên với Định Ổng không còn tình mà chỉ có thù. Ngược lại, Quản Lịch với ông Tấn đã từng là bạn sanh tử chi giao, ông Tấn coi Quản Lịch như bậc đàn anh. Bởi vậy, Ông Tấn phải cứu Quản Lịch để đáp ngài cũ.

Ngài không lạ gì chuyện Quan Công đã tha Tào Tháo ở lộ Huê Dung thuở nào...

Nghe Bốn nói có lý, Lộc gật gù:

- Hèn nào khi tôi nhờ ông Tấn dụ hàng dùm, Ông không mấy sốt sắng. Đúng là hai người vẫn có tình riêng. Như vậy có khác nào nuôi ong tay áo. Tôi phải bầm với quan tư Lang-Sa điều ông Tấn đi nơi khác mới đặng, kẻo Ông có tư tình rồi xảy chuyện tùm lum thì chết chìm cả đám đó.

Từ ngày Tấn dụ hàng không thành công, Lộc đã muốn đẩy Tấn đi để khỏi dây máu ăn phần trong việc bắt Quản Lịch. Nhưng Tấn khôn ngoan lại lấy lòng tên quan tư Lang-Sa để được dự cuộc tảo thanh Hòn Chông. Thấy Đô-mãng-giơ có vẻ ưng Tấn, Lộc đã thầm ghen tức nhưng chưa tiện nói ra, nay qua lời viên thư ký, y thấy có đầy đủ chứng cứ để gièm pha Tấn với quan thầy.

Giữa lúc ấy Tấn từ ngoài vào, nói bô bô:

- Đại huynh à, tôi đã kiếm ra thủ phạm rồi. Thằng lính hầu của tôi mới cho tôi hay nó vừa thấy con Xuyên người của Trương Định trước đây, đang lảng vảng ở vùng này. Con đĩ ngựa này tôi bắt được một lần, nhưng nó vượt ngục trốn thoát mất. Phen này lại gặp tôi ở đây thì nó có chạy đường trời!

Bốn làm ra bộ lắc đầu le lưỡi:

- Ghê thiệt! Người của Trương Định mà tới giờ vẫn còn, lại lẫn quất ở vùng này. Quan Lãnh nói tôi nghe như chuyện thần thông biến hóa trong Tây Du không bằng.

Tấn trợn mắt nhìn Lê Bốn:

- Thằng lính hầu của tôi nhìn thấy con nhỏ đó rõ ràng, trệt làm sao được. Ngay cả nhà thầy nữa tôi cũng đã quen cái bản mặt nhà thầy rồi. Tôi mà đã nhìn thấy ai một lần thì cứ nhớ như in suốt đời! Coi chừng tôi nhận ra được nhà thầy thì chớ chết!

Bốn vặn lại:

- Quan Lãnh nhớ là nhìn thấy tôi ở đâu vậy cà!

Tấn nhìn thẳng vào mắt Lê Bốn như muốn thôi miên:

- Ở Gò Công. Đúng chưa?

Bổn phá lên cười:

- Quan Lãnh tài nhớ thiệt. Đúng là tôi từng gặp ngài ở Gò Công. Hồi đó mỗi lần đi ghe bầu ra Bình Thuận thăm nhà, tôi thường gặp ngài ở cửa sông Soài Rạp, lúc đó ngài cùng đi với Quản Lịch, đúng chưa nào. Tôi đã nhìn thấy ai một lần thì cứ là nhớ như in suốt đời!

Tấn bề mặt, lắng chuyện:

- Đại huynh à, nhờ huynh cấp cho một đội quân để tôi đi lòng bắt con Xuyên, mang về tra khảo coi người nào trong hàng ngũ ta đã thông tin với quân nghịch.

Lộc lạnh lùng:

- Quan tư Lang-Sa mới là người cầm đầu ở đây, muốn xin quân thì phải thưa với Ông, chớ tôi đâu có quyền...

Lộc thầm nghĩ đúng là thằng này chột dạ nên bịa chuyện con Xuyên để đánh lạc hướng, lại làm ra vẻ nghi ngờ viên thư ký để ly gián thầy trò mình. Giờ lại muốn xin quân đi lòng bắt kẻ gian, rõ ràng là muốn kiếm cách lánh mặt khỏi nơi này. Y lại càng thêm tin cần viên thư ký thân tín đã sớm vạch bộ mặt gian trá của Tấn cho mình hay. Thằng này đã muốn đi hàng hai thì được, Lộc sẽ cho y biết thế nào là thủ đoạn sâu hiểm của mình. Bất độc, bất anh hùng, nếu không lập kế trừ bớt đối thủ thì con đường công danh của mình cũng khó lòng mà thuận lợi. Vả chăng, Lộc không lạ gì tâm lý của người Lang-Sa. Chim đã hết thì ná treo đầu tường, trừ xong Quản Định thì Lang-Sa cũng ngán con người phản phúc lá mặt lá trái là Tấn không muốn dùng nữa.

Và chỉ ngày hôm sau, Tấn nhận được lệnh của Đô-măng-giơ cử về Sài Gòn xin với Đờ la Gờ-răng-đi-e cho viện binh để đánh Phú Quốc. Tấn dư hiểu là Lộc kiếm cách hất nhẹ mình, nhưng há miệng mắc quai! Y thầm nghĩ: Rồi còn đời mày đấy! Trừ xong Quản Lịch thì Lang-Sa cũng đối với mày hệ như mày đối với tao mà thôi. Biết như vậy mình phải dừ rần việc trước lành dè thân sau... Tấn chợt nhớ mình vừa nhắc tới một câu thơ Vân Tiên. Thì ra đầu ghét Tú Chiếu mặc lòng nhưng lời thơ của ông đã thấm sâu vào óc y từ hồi nào y cũng không hay nữa...

*

Trên con đường Hòn Chông đi Hà Tiên có một cái tên gọi là Hang Tiên ở trên một mũi đá nhô ra biển. Mũi đó trước là hòn đảo sau dính với đất

liền.

Hang to rộng có hai cửa: cửa đông thông ra bãi Đước, còn cửa tây ngó ra biển. Chiều hôm đó, có một chiếc ghe biển qua hòn Đá Lửa và hòn Lô Cốc ghé vào cửa tây. Trên ghe, một cô gái đang chèo chống. Gió biển thổi tung mái tóc dài che lấp khuôn mặt. Tối khi cô neo ghe vô mạn bờ, bước lên cửa hang, thì ra đó là Xuyến.

Xuyến đi sâu vào trong hang. Trong lòng hang hiện vẻ hoang dã tối tăm nhưng Xuyến đã quen lối nên không cần đèn soi vẫn đi lại được, thỉnh thoảng những luồng gió lạnh buốt rít lên và luồn vào cửa hang khiến Xuyến cảm thấy rờn rợn, trong khi ấy thở hít càng thấy nặng nề. Nhưng Xuyến vẫn ráng lấy hết bình tĩnh để ngắm những hình đá kỳ dị còn mang những tên riêng do những người xưa mường tượng. Nào đây là chiếc giường nằm của vị tướng, nào kia là dãy bàn ghế nơi hội họp của đoàn quân. Lại kia kho lương, kho quân nhu, rồi giếng tiên quanh năm nước vẫn đầy và ngọt. Lại còn có dấu tích lò đúc tiền vì vậy mới mang tên hang Tiền.

Chiều hôm trước, Xuyến được một người của nghĩa quân nằm trong hàng ngũ giặc báo cho hay tên Huỳnh Tấn trên đường về Sài Gòn xin viện binh sẽ đi qua đây, nên cô tính núp trong hang bất thần xông ra hạ sát tên phản bội, trả thù cho Bình Tây đại nguyên soái, và cũng để trả thù cho Huân, người yêu đã hy sinh.

Từ khi Huân qua đời không lúc nào Xuyến không nghĩ tới anh. Càng nghĩ bao nhiêu, Xuyến thấy mình phải kiếm cách gì trả được mối thù cho người đã khuất. Những lời khuyên nhủ của ông Tú Chiếu lúc nào cũng văng vẳng bên tai. Cô chỉ ân hận mình không thể về Ba Tri thăm ông, xem ông có được mạnh không, vì nếu về lỡ giặc hay được, sẽ liên lụy tới ông. Sau khi Trương Định mất, Xuyến lại về với nghĩa quân Nguyễn Trung Trực. Nhờ một người của ta trong hàng ngũ giặc cung cấp tin tức, Xuyến biết giặc sắp đánh úp Hòn Chông, nên kịp thời báo cho Nguyễn Trung Trực. Người đó cũng cho cô hay tin Huỳnh Tấn sắp đi qua đường này...

Trong hang, thời khắc trôi qua sao mà quá chậm. Nấp bên trong nhìn ra, Xuyến chỉ thấy biển hơi xanh xanh với những lớp sóng bạc đầu. Xa xa chỉ chút những đảo lớn nhỏ, có cả hòn Phụ Tử với hai tảng đá mọc ngầm

dưới nước nhô lên trên mặt nước đứng sừng sững như hai cột tháp khổng lồ, một cao một thấp không đều nhau.

Xuyến còn nhớ như in sự tích hòn Phụ Tử mà hồi nhỏ bà nội kể cho cô nghe. Cách đây ngàn năm trước có hai anh em ở miền sơn cước dãy Trường Sơn. Còn nhỏ, chơi nghịch, anh lỡ chém phải đầu em gái, thương tích khá nặng. Sợ quá, cậu bé bỏ nhà trốn đi. Còn cô em, may thoát chết, nhưng trên đầu một vết sẹo lớn thường vẫn giấu trong tóc.

Sau cha mẹ của hai đứa trẻ ấy đem con gái tới ở một nơi thung lũng xa nơi làng cũ, vì họ vốn là dân du mục.

Qua một thời gian khá lâu, khi cha mẹ đã chết cả, người con gái lấy chồng rồi đẻ được hai con. Một hôm, vợ xoa tóc gội đầu, chồng trông thấy cái sẹo mới hỏi duyên cớ, vợ bèn kể gốc tích mình và thuật lại câu chuyện thuở nhỏ bị anh chém lỡ. Chồng nghe biết là em gái mình, lòng hối hận vô cùng vì đã vô tình mà hóa nên người loạn luân. Chàng ta bèn nói dối vợ là đi thăm họ hàng rồi dắt đứa con lớn xuống miền đồng bằng, đáp ghe biển đi về phía nam.

Vợ ở nhà mãi mãi không thấy chồng về, nhớ thương quá, ngày ngày bồng đứa con thơ lên ngọn núi cao nhất, ngó ra biển trông chồng. Rồi hóa thành tượng đá vọng phu. Đó là ngọn núi cao nhất của dãy Trường Sơn thuộc huyện Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa.

Người chồng đi xuống miền Nam sống với một bộ lạc ở ngoài thành Óc-eo thuộc vùng núi Ba Thê tỉnh An Giang. Lâu ngày nhớ vợ chán cảnh làm ăn, chàng bèn ra một hòn đảo ngoài biển. Chiều chiều lại dắt con ra mé đảo trông vời về nước cũ làng xưa. Rồi cha con chàng cũng hóa ra hòn Phụ Tử, ở hải phận Hòn Chông trước bãi Dầu và mỏm núi chùa Sơn Hải.

Thuở nhỏ nghe chuyện, không ngờ tới nay Xuyến lại được nhìn tận mắt hòn Phụ Tử. Giữa cảnh trời nước bao la, hai tảng đá sao mà lẻ loi cô đơn đến vậy. Nếu hai tảng đá đó là hòn Phụ Tử, thì trong lúc này Xuyến có khác gì một pho tượng đá Vọng Phu...

Bất giác cô thấy mình khẽ nhắm hai câu thơ trong Lục Vân Tiên: Vọng phu xưa cũng trông chồng. Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha... Không, Xuyến không thể nào để cho lòng mình hóa đá để trở thành pho tượng Vọng Phu, in hình bóng cô độc lên nền trời xanh biêng biếc mà

mây trắng là những vật tóc bạc phơ bay tung trong gió lộng, mà dòng mưa như trút là những dòng lệ chảy không bao giờ cạn. Lòng Xuyến lúc này là cả một vạc lửa hồng. Dầu là đá cũng bị nung chảy ra thành luồng nước sục sôi. Không thể nhìn đăm đăm về phía trời xa để trông chờ một cách vô vọng thế kia, mà Xuyến phải nhìn cho rõ mặt kẻ thù, tiêu diệt chúng để rửa hờn cho cha mẹ, cho chồng, cho chủ soái và cho đất nước.

Bóng một chiếc ghe đã bắt đầu ẩn hiện trên nền trời với lá buồm trắng phấp phồng. Tim Xuyến cũng đập phập phồng trong lồng ngực cùng một lúc với cánh buồm. Rồi cánh buồm rõ dần và không bao lâu chiếc ghe biến đồ sộ hiện ra, ghé vào mũi đá nghỉ chân. Khi người trên ghe vừa bước lên bờ, Xuyến nhìn rõ đó là Huỳnh Tấn. Cô nhào vào Tấn bắn liên mấy phát, tới khi súng hết đạn mới chịu quay mình chạy vào trong hang. Trong hang sâu cô nghe rõ tiếng chân người đổ xuống, tiếng bọn lính la hét, hô hoán. Vì phải chờ đợi lâu lại hồi hộp thần kinh căng thẳng, nên khi vào sâu, khí đá nặng nề khiến cô ngạt thở choáng váng. Rồi cô té xỉu xuống nền hang lạnh như một nắm mồ.

Ghi chú

^{1*} *Phạm Hữu Chánh quê ở thôn Lương Mỹ, tổng Bảo Hựu, phủ Hoàng Trĩ nay là làng Mỹ Thạnh, Bảo Thành, Bến Tre.*

^{2*} *Gió xuân tr ước mắt đều bè bạn. Mu ốn ki ếm tri âm khó lạ l ụng.*

^{3*} *Văn chương là cửa chung mọi người.*

^{4*} *Linh c ữu của người học trò già ở góc biển họ Phan.*

^{5*} *Giết giặc.*

^{6*} *Võ Mực tức Nhạc Phi được mẹ thích vào lưng bốn chữ “tinh trung báo quốc”(hết lòng trung đến nợ nước). Văn Thiên Tường ghi vào vật áo hai câu nhắc nhở mình phải biết “xả sinh tử nghĩa”(bỏ cái sống, giữ đi ều nghĩa).*

^{7*} *Kẻ sơ không ly gián nối người thân với nhau.*

Tú Chiếu khăn đen, áo rộng ngồi chỉnh tề trên ván, chống khuỷu tay lên mặt tráp. Dưới mặt sàn trải chiếu, học trò im lặng lắng nghe từng tiếng giảnh sách rành rọt:

- Bữa nay, thầy giảng cho các con một đoạn Nam sử, đó là đoạn chép bài Bình Ngô Đại Cáo của cụ Ưc Trai làm sau khi đuổi xong giặc Minh về nước.

Tú Chiếu giảng rất kỹ từng câu từng chữ của Ưc Trai.

Học trò ngồi nghe há hốc mồm như nuốt lấy lời thầy vào bụng.

Giọng Tú Chiếu càng tha thiết:

- Các con nghe đoạn này sẽ thấy cụ Ưc Trai kể tội giặc Minh nghiêm khắc như thế nào:

*Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu,
Nào hố bẫy hươu đen, nào lưới dò chim trăn.
Tàn hại cả côn trùng, thảo mộc,
Nheo nhóc thay quan quẻ diên liên,
Kẻ há miêng, đũa nhe răng, máu mỡ bầy no nê chưa chán,
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa,
Nặng nề về những nỗi phu phen,
Bắt bớ mất cả nghề canh cửi...*

Học trò nghe bỗng lặng đi. Những lời văn viết cách đây hơn hai trăm năm sao hợp với cảnh trước mắt đến vậy, hình như cụ Ưc Trai cố ý viết riêng cho dân làng An Bình Đông và cả vùng Bai Tri này. Vừa rồi dân làng đã phải đi xâu lên chợ Bến Tre xây dinh cho tên tham biện, lại phải đắp lộ đá xanh, lộ đá đỏ từ tỉnh lỵ thẳng đến bãi biển Ba Tri. Ba Tri trước đây sống về nghề dệt vải dệt lụa. Không kể thứ lụa đen có vân nổi lên như sóng phải đem tiến vua, vải Ba Tri bán khắp nơi đến tơ sống cũng có khách mua mang về Sài Gòn, Châu Đốc, Nam Vang... Trên đất Ba Tri, đi tới đâu cũng thấy bông vải nở trắng xóa. Vào trong các xóm kín sâu dưới rừng dừa giữa buổi trưa hè, người ta có thể nghe thấy tiếng rì rào trên những bông tầm sể, tầm bầu điều, tầm bầu bí, tầm xiêm, tầm xa nghệ, tầm men so... đang ăn rồi, tiếng xè xè của những guồng xa ươm kén kéo

tơ và tiếng lách cách thoi đưa trên khung dệt lụa... Vậy mà mấy năm nay vì thuế má bọn Lang-Sa đánh quá nặng nên việc canh cửi đã bị bỏ phế...

Ngừng một lát cho học trò thấm thía những lời vừa giảng, ông Tú lại tiếp:

- Các con coi đây. Cụ Ưc Trai chỉ cần viết: “*Vì họ HỒ chính sự phiến hà để trong nước nhân dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ tứ ngược*”, đủ đập tan cái danh nghĩa trị tội HỒ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, để xâm lược nước ta của quân Minh. Câu “*Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ*”, đủ kết án giặc Minh đã bại nghĩa, thương nhân. Văn mở ra thắt lại, đủ cả sự. tình, lý, lập luận chặt chẽ, kết cấu gọn gàng, vừa mạch lạc vừa hùng hồn, chẳng tránh người ta gọi là “thiên cổ hùng văn” cũng phải.

Học trò đều tấm tắc. Nếu không được thầy giảng sâu thì hòn ngọc quý mấy trăm năm đã bị bụi phủ lấp rồi còn gì. Lời cụ Ưc Trai như thức tỉnh những con cháu hôm nay niềm đau xót tủi nhục của người dân sống dưới ách ngoại xâm đè nén.

Giữa lúc đó, một trò nhỏ hối hả ghé vào tai thầy nói:

- Thưa thầy có người lạ tới, đi xe ngựa sang thăm nhưng họ xuống xe ngay đầu chợ và đi bộ vào đây. Con về báo trước để thầy định liệu.

Tú Chiếu thận trọng, bảo học trò:

- Các con hãy tạm cất sách Nam sử đi, đem sách Luận ngữ ra mà học.

Tiếng ê a lại cất lên một nhịp. Đến câu cuối cùng bên ngoài cũng có tiếng ê a phụ họa theo:

- *Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ, hữu bằng tự vi viễn phương lai bất diệc lạc hồ...*^{1*}

Tú Chiếu lắng nghe, rồi hỏi:

- Có phải Phủ Ba Tường đấy không?

Có tiếng trả lời:

- Thưa phải đấy ạ.

- Sao lại có chuyện rỗng đến nhà tơm như thế này?

Tú Chiếu vừa nói vừa thầm nghĩ: Từ ngày gặp thằng Tường trong cuộc bình thơ Bạch mai thi xã ở chùa Cây Mai tới giờ, mình mới gặp lại hắn. Hắn đã đi theo Lang-Sa nay lại tới đây, hắn là có chuyện.

Tôn Thọ Tường, áo dài xuyên đen, bịt khăn đóng, giày hàm ếch thêu cườm chữ “ngẫu” từ ngoài vào, giọng bả lả:

- Huynh cứ nói vậy chớ! Đệ xa huynh lâu vẫn có lòng mong nhớ, nhân được dịp rảnh về viếng huynh, ta cùng hàn huyên cho thỏa lòng khao khát...

Tú Chiếu bảo học trò tạm dẹp sách ra chơi, rồi nghiêm nghị nói với Tường:

- Lúc này bác là quan lớn, vậy mà tới đây có một mình ên sao?

Tường ấp úng:

- À có, đệ biểu tụi nó đứng chờ ở ngoài không được làm kinh động chốn cửa Khổng sân Trình! Bay đâu, vô đây nghen!

Hai lính hầu khiêng một cái hũ đặt trước sân. Tường nói với Tú Chiếu:

- Có gì đâu. Nghe lời ông Cử Trị truyền đi nói huynh chớ đệ không biết ăn mằm sống, bởi vậy nhân có hũ mằm người ta mang tới biểu, đệ mang tặng lại huynh để huynh mời ông Cử Trị cùng thưởng thức coi đệ đâu có bỏ cái món quốc hồn quốc túy? Bay đâu, khiêng xuống nhà dưới nghen!

Hai tên lính khiêng xuống nhà bếp rồi lui ra, Tú Chiếu nói:

- Nếu chỉ là món mằm, bác đã cho, tôi đâu dám câu nệ chối từ. Nhưng trước khi cảm ơn bác, bác cho tôi hỏi, ngoài chuyện cho mằm, bác tới đây còn có chuyện chi khác nữa không?

Tường cười xòa:

- Huynh tinh thiệt đó, hổng ai giấu nhem huynh được chuyện gì hết trơn. Đệ tới đây cũng có công chuyện, nhân dịp ghé viếng thăm huynh cho thỏa tình tri âm. Hà hà...

Tú Chiếu hơi nhếch mép:

- Hăm hờ nhạc Tây hơi trỗi mạnh, chỉ có người Tây mới là tri âm của bác chớ tôi chỉ là đàn khảy tai trâu mà thôi.

- Huynh nói chi vậy cho nó nặng tình ra. Đệ về đây là muốn cậy huynh chút việc. Số là, đệ với quan Phan ngày trước có cái tình tri ngộ, đệ đã từng theo ngài lúc sứ bộ sang Tây kinh mà. Quan Phan biết thời thế nên đã nhường ba tỉnh phía Tây cho người Lang-Sa, vậy mà cậu Ba, cậu Năm lại trái ý ngài, mộ quân cự nhau với họ. *Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ*², đằng này quan Phan mới nhắm mắt chưa đầy ba tháng,

mồ chưa xanh cỏ mà hai cậu đã phế bỏ lời cha... Vì vậy đệ muốn cậu huynh lấy tình sư đệ khuyên hai cậu bãi binh, nếu hai cậu ưng thì đệ xin đứng ra bảo lãnh cho được vô sự, không những vậy mà còn xin cho hai cậu được tập ấm của quan Phan nữa...

- Bác muốn cho cậu Ba và cậu Năm ra làm quan với Lang-Sa, vậy mới là xúi giục cho hai cậu làm trái lời cha chớ. Tôi nhớ khi quan Phan qua đời có để di chúc dặn con cháu không được nhận chức tước của Tây kia mà...

- Không ra làm quan thì thôi nhưng cứ yên nghiệp làm ăn, đừng chống nhau với họ mới phải chớ...

- Tôi thấy chính việc hai cậu chống lại Lang-Sa để sửa lỗi cho cha như vậy mới thiệt là đại hiếu. Ngày xưa, ông Cổ Tẩu là người dở mà con là Thuấn lại hiền làm nhiều việc ích lợi cho dân. Ông Cổn trị thủy không xong mà con là Vũ làm lại thành công, như vậy là con đã chuộc lỗi cho cha, bác nghĩ sao?

Tường nhân mặt:

- Người thường như bọn mình đâu dám sánh với bậc thánh nhân. Bác nghĩ coi, nhà nước Lang-Sa binh rỗng tướng cộp, còn mình đây chẳng khác nào một bầu trẻ lằng xằng, lấy dây chuối mà cột gốc cả kéo sao cho ngã. Ngay như trước đây, mình lương tiền sẵn, quân lính đông, súng đạn nhiều, thành lũy có, quan tỉnh nhất hô dân sự ngoài vạn ứng mà không thắng nổi họ thay, huống nay hai cậu muốn cử sự chống trả người Tây mà không tìm ra nơi hiểm địa, tính chọi nhau nơi đồng bằng này, liệu có thắng được không? Bởi vậy nghe tin hai cậu dám cự nhau với họ tôi trộm lấy làm lo lắng cho hai cậu lắm.

Tú Chiếu mỉm cười:

- Còn tôi thì lại lấy làm lo lắng cho bác, bởi chưa cần bắt mạch, tôi đã biết bác bị trúng làn gió Tây nhiễm độc vào tạng phủ rồi...

- Huynh nỡ nào gieo tiếng ác cho nhau như vậy. Bởi nghĩ rằng không nói thì phụ tình tri ngộ của quan Phan nên chẳngặng đừng phải tỏ thiệt: nếu hai cậu không biết đường về thú với người Lang-Sa, họ mang đại binh tới đây thì không những mạng hai cậu khó toàn mà xóm làng cũng không yên được. Huynh điềm nhiên nhìn cái cảnh người chết, nhà tan, dân cư hóa thành bình địa mà không động lòng hay sao?

- Tôi động lòng vì cảnh đó từ lâu mới không thể làm ngơ trước tội ác của lũ giặc Tây...

Tường ngắt lời:

- Tôi biết chớ! Huynh đã từng đi lại với ông Huyện Thoại, ông Lãnh Định, ông Đốc binh Là... Tôi đâu có lạ. Nhưng các Ông là người có chức phận triều đình, đem thân ra gánh vác công việc là hợp lẽ, còn huynh là ông thầy đồ, có bị áo xiêm ràng buộc gì đâu mà lo chuyện nợ áo cơm phải trả đến hình hài. Huynh chẳng nhớ sách Mạnh tử đã dạy hay sao? Tăng Tử là khách dạy học ở đất Võ Thành, giặc nước Việt tới, Tăng Tử bỏ nhà ra đi, còn dặn kỹ đừng cho người lạ vô nhà mà phá phách cây gỗ, giặc lui rồi, Tăng Tử lại trở về nhà. Tử Tư làm quan nước Vệ, giặc nước Tề tới, Tử Tư ở lại cùng với vua Vệ chống giặc. Mạnh Tử bảo: Tăng Tử làm thầy học không có bốn phận đẹp giặc nên không cần ở lại, còn Tử Tư là bề tôi, có trách nhiệm giữ giặc thì phải ở lại. nay huynh triều không ngời, yến không dự, được nước không phải công ở huynh, mất nước không phải tội của huynh hà tất phải khu khu nhọc mình như vậy...

Tú Chiêu cười nhạt:

- Xem chừng bác thuộc nhiều sách lắm chỉ còn quên một câu võ lòng *Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách*^{2*} mà thôi.

Tường đỏ mặt ngượng nghịu:

- Huynh à tôi dư hiểu tấm lòng ưu ái của huynh, nhưng ở đời cần phải tùy thời. Mạnh Tử từng khen Đức Thánh Khổng: nên chóng thì chóng, nên chậm thì chậm, nên ở nhà thì ở nhà, nên ra làm quan thì ra làm quan, Đức Khổng là bậc thánh chi thời...

Tú Chiêu nghiêm giọng:

- Bác vừa nói người thường bọn mình đâu dám so sánh với bậc thánh nhân kia mà. Nói vậy thôi chớ Mạnh Tử còn khen Y Doãn là bậc thánh chi nhậm, vì biết gánh vác trách nhiệm giúp Thành Thang diệt chúa Kiệt vô đạo. Nay bọn Lang-Sa vô đạo còn gấp mấy Kiệt Trụ ngày xưa mà không vì dân đánh kẻ có tội, tôi e chính bác mới là người trái lời dạy của thánh hiền đó đa...

Tường bẽ mặt cười trừ:

- Huynh thiệt là lợi khẩu, dẫu Mạnh Tử sống lại còn phải thua. Hề hề...

Giữa lúc đó cậu con trai nhỏ của Tú Chiếu từ nhà bếp lên thưa khẽ với ông điều gì. Nghe xong, mặt ông đầy sắc giận, quay lại Tường, giọng nghiêm nghị:

- Bác Tường, tôi nghĩ bác thiệt tình cho lắm, nào dè khi nhà tôi quen lệ dọn cơm đãi khách, lấy mắt thấy dưới hũ có một khối vàng. Xưa Quản Au An đang bữa thấy vàng không thềm nhặt, trả lại cho chủ đất cũ, người đời còn khen là liêm. Nay tôi biết vàng này trích trong sổ vàng Tây thưởng công bác đã dụ hàng được tiến sĩ Phan Hiển Đạo. Sau ông nghe Đạo hối hận đã trót nghe theo lời bác nên tự tử chết, bác muốn tôi nhận sổ vàng này để càng thêm tủi thẹn trước vong linh Ông hay sao?

Tường lúng túng:

- Đệ biết huynh nghèo nên muốn giúp huynh ít nhiều, học gương Bảo Thúc Nha giúp Quản Trọng ngày trước. Nhưng sợ giúp đường đường bác không chịu nhận nên phải quyền biến giấu vào hũ mắm, mong huynh thể tình mà lượng xét cho.

- Tôi còn nhớ có lúc bác đi thi dùm người khác bị bắt tội bác cũng phân trần: *Vì nhà túng rổi nên quyền biến. Phép nước răn he há dám khinh.* Còn bây giờ bác quyền biến không chỉ là việc nhà mà còn phạm vào phép nước. Trừ phi nước của bác là nước mẹ Lang-Sa thì mới kể được là công mà thôi. Bác nghe tôi đem hũ mắm về thôi, kéo chuyện này không bịt kín mãi được.

Tường ngượng nghịu truyền cho lính khiêng hũ mắm ra cửa rồi bển lễn cáo từ. Y vừa ra tới cửa thì con chó trong nhà chạy theo sủa vang. Tường mượn dịp mắng xéo một câu:

- Hà, *Chích khuyến phệ Nghiêu*^{4*}.

Bổng Phan Ngọc Tòng từ ngoài vào nghe thấy, nạt lớn:

- Cái nhà anh này bảo ai là Chích ai là Nghiêu hả? Ở đâu số rở tới đây muốn ăn đòn phải không? Coi chừng!

Thấy Tòng người cao lớn lực lưỡng, tiếng oang oang như lệnh võ, Tường sợ hãi cúi đầu len lét chuồn thẳng. Tòng vô hỏi Tú Chiếu:

- Thành đó là ai vậy thầy?

Tú Chiếu điềm đạ:

- À nó thằng phũ Ba Tường theo lệnh Tây tới cậy tôi khuyên dùm cậu Ba cậu Năm bãi binh đó mà.

Phan Ngọc Tòng trợn mắt:

- Thầy không nói ngay từ đầu chớ nếu biết thì tôi đập bể sọ thằng đó rồi.

- Giết thằng đó ở đây lộ liễu, có hại cho việc lớn. Cậu Ba có nhắn tin gì cho tôi không?

Phan Ngọc Tòng nhỏ giọng:

- Cậu Ba có cho biết, bọn Lang-Sa sắp kéo quân về đánh làng Hương Diễm vì nó nghe tin nghĩa quân tập hợp ở đó. Chưa biết chừng nó sẽ tràn cả sang bên Ba Tri này, nên cậu Ba nhắn với Thầy nên tạm lánh một nơi, bao giờ bọn chúng rút đi hãy quay về.

Tú Chiếu cảm động:

- Cậu Ba thương tôi mất kém nên không muốn tôi ở nơi xảy ra trận mạc. Nhưng tôi đã lánh giặc từ Gia Định tới Cần Giuộc, rồi lại Cần Giuộc tới đây, bây giờ lại lánh giặc nữa thì cuối cùng đến bỏ nước này mà đi hay sao? Tôi thề ở lại chia sẻ gian lao nguy hiểm với bà con, không đi đâu hết.

Phan Ngọc Tòng xúc cảm nắm lấy bàn tay gầy xanh của Tú Chiếu:

- Tôi rất hiểu thầy.

- Thì cũng như bác đó thôi. Bác đang làm Hương giáo, can cơ gì lại ra nhận chức Đốc binh của nghĩa quân...

Hai người cùng cười. Phan Ngọc Tòng lại hỏi:

- Cậu Ba cậu Năm còn nhắn hỏi thêm thầy nếu giặc đánh tới Hương Diễm, liệu ta nên đối phó cách nào?

Tú Chiếu im lặng suy nghĩ. Phan Ngọc Tòng hỏi:

- Cứ ý tôi thế này có được không? Ta nên dùng lại cái mẹo của Lãnh binh Mỹ Lồng dùng để đánh giặc Lang-Sa ở đồn Cây Mai ngày trước. Đó là rải trái mù u trên mặt đường để giặc chạy qua vấp trái mù u trơn mà trượt té, giữa lúc đó quân cảm tử của ta mai phục sẵn trong bụi rậm đổ ra chém liền là chúng không kịp trở tay.

- Không được. Muốn dùng mẹo đó thì phải đợi lúc giặc đi qua con đường nhỏ hẹp hai bên cây cối um tùm mới có hiệu quả. Tôi thấy ta nên

dùng kế dĩ dật đãi lao^{5*} mà đánh địch. Lúc chúng mới đến thanh thế rất lớn ta không nên đương cự vội. Cứ để chúng đóng quân đâu vào đó, tưởng như vào chỗ không người, sẽ sanh ra kiêu ngạo, khinh địch, lúc đó ta mới nhằm lúc sơ hở mà tập kích, chắc chắn sẽ thắng.

- Tôi tưởng lúc chúng mới đến còn mệt nhọc, ta cứ đánh một đòn phủ đầu, có phải là làm cho chúng nhụt nhuệ khí hay không?

Tú Chiếu lắc đầu:

- Không được. Những trận trước bọn giặc từ xa tới thì có thể nhân lúc mệt nhọc mà đánh phủ đầu, còn đây là bọn giặc đóng ở chợ Bến Tre kéo xuống thì không thể dùng mẹo đó được. Ta phải luôn luôn dùng kế nghi binh, dương đông kích tây, quấy rối địch mọi nơi, mọi lúc mới làm chúng mỗi mệt, hoang mang, chớ cứ đường đường dàn trận thì khó lòng thắng nổi súng ống tinh xảo của chúng.

Còn nhằm lúc chúng sơ hở mà đánh, thì nên dùng bạch binh xáp lá cà mới làm cho súng ống của chúng mất công hiệu. Bác cứ về thưa với hai cậu như lời tôi nói nghe không?

Phan Ngọc Tòng vừa chấp tay cáo biệt, thì cả toán học trò của Tú Chiếu đã từ ngoài sân ủa vào, vái chào Tòng rồi chấp tay nói với thầy:

- Thưa thầy, xin thầy cho phép con được theo ông Đốc binh đi đánh giặc.

Tú Chiếu chưa biết nói sao thì Phan Ngọc Tòng đỡ lời:

- Các cháu còn ít tuổi, cứ học hành cho giỏi đi đã rồi một vài năm nữa trưởng thành hãy đi đánh giặc cũng chưa muộn.

Anh trưởng tràng vội thưa:

- Thưa thầy, thưa ông Đốc, chúng con nghĩ học cũng để biết đạo làm người. Mà đạo làm người như thầy thường dạy là phải xông ra giết giặc cứu nước. Tuổi chúng con hiện nay cũng xấp xỉ tuổi Trần Quốc Toản ngày xưa vậy mà không ra giết giặc khi chúng kéo tới quê hương thì còn đợi đến lúc nào?

Tất cả học trò đều đồng thanh:

- Xin thầy nói dùm với ông Đốc cho chúng con được theo đi đánh giặc.

Tú Chiếu cảm động:

- Thầy rất hiểu tấm lòng trung nghĩa của các con nhưng đã vào quân ngũ là phải có phép tắc, hễ tiến lên thì thà chết không lùi. Các con có giữ được điều đó thì hãy theo bác Đốc đi đánh giặc. Còn nếu sợ giặc lùi bước, để nhỡ lay đến tiếng trường ta, thì thà đừng đi còn hơn.

Tất cả học trò lại đồng thanh, chúng con xin hứa với thầy và ông Đốc: chỉ tiến không lùi.

Tú Chiếu quay sang Phan Ngọc Tông:

- Thôi nếu chúng đã quyết tâm như thế thì bác Đốc cũng nên thể tình cho chúng.

Phan Ngọc Tông nói với đám học trò:

- Bác bằng lòng nhận các cháu vào đội ngũ, nhưng trong lúc này cứ ở lại canh giữ xóm làng đã, nếu giặc kéo tới làng sẽ xông ra chặn giặc. Bây giờ bác phải đi gặp hai vị chủ tướng nghĩa quân, hôm sau ta sẽ gặp nhau bàn bạc thêm. Các cháu thấy thế nào?

Tất cả đồng thanh:

- Chúng cháu xin nghe lời bác.

Tú Chiếu cười:

- Bây giờ vào cơ ngũ rồi thì phải nói: “Chúng tiểu tốt xin vâng lệnh tướng quân” mới hợp với phép tắc chớ.

Phan Ngọc Tông cười, nói với Tú Chiếu:

- Thì đây là đội quân người nhà, phụ tử chi binh, cần gì phải lễ nghi phiền phức. Bây giờ xin phép thầy, tôi phải đến chỗ hai cậu kéo mọi người trông.

Sau khi từ biệt, Tú Chiếu búi ngủi lắng nghe tiếng bước chân Tông mỗi lúc một xa dần. Miệng ông hé một nụ cười. Có những con người như Tông và đám học trò ông thì đất nước còn có ngày mở mặt.

Rồi ông quay lại nói với học trò, giọng chắc nịch:

- Việc nào đi việc ấy. Các con quay vào, ta học tiếp.

Học trò lục tục ngồi vào chỗ. Giọng Tú Chiếu giảng tiếp bài “Bình Ngô đại cáo”, mỗi lúc càng đanh thép hơn, hùng hồn hơn:

Sĩ tốt ra oai từ hổ, Thần thú đủ mặt trảo nhạ.

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,

Voi uống nước, nước sông cũng cạn.

Đánh một trận sạch không kình ngạc,
Đánh hai trận, tan tác chim muông.
Cơn gió to trút sạch lá khô,
Tổ kiến hổng sụt toang đê cũ.
Thôi Tụ phải quỳ mà xin lỗi,
Hoàng Phúc tự trói để ra hàng,
Lạng Giang, Lạng Sơn, thây chắt đầy đường,
Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước,
Gấm ghê thay, sắc phong vân cũng đổi,
Thảm đạm thay, sáng nhật nguyệt phải mờ...

Giọng đọc của Tú Chiếu khiến người nghe đều nức lòng, như nghe lời
hịch giục giã mọi người xuất quân ra trận.

Trong giây lát, họ mừng tượng thấy dường như Nguyễn Trãi đã nhập
thân vào người thầy học vô cùng kính mến của họ.

Ghi chú

^{1*} Học mà thường ôn tập luôn, há chẳng thích sao. Có bè bạn từ
phương xa tới, há chẳng vui sao (câu trong sách Luận ngữ).

^{2*} Ba năm không đổi cái đạo của cha, như vậy mới coi là hiếu.

^{3*} Nước nhà hưng vong, kẻ thất phu cũng còn có trách nhiệm.

^{4*} Con chó nhà kẻ trộm, cắn vua Nghiêu.

^{5*} Dùng quân thanh thoi đón đánh quân nhọc mệt.

XII

Được mật báo Phan Liêm, Phan Tôn từ căn cứ Bảo An, kéo quân về Hương Điểm, tên tham biện Bến Tre Pa-lát-xmơ Đờ Săm-pô khắp khởi mừng thầm. Cọp đã rời núi về đồng bằng, muốn bắt sống chẳng khó khăn gì. Lần trước, Phan Liêm, Phan Tôn dấy lên cuộc loạn ở Cù lao Minh gồm các huyện Mỏ Cày, Thạch Phú, Đờ Săm-pô đã đem quân về dẹp nhưng không bắt được anh em họ Phan. Sau đó, y bị Soái phủ Nam kỳ khiển trách vì tội bất lực.

Mấy anh chớp bu ở Sài Gòn chỉ khéo đồ vấy vá để chạy tội. Đờ Săm-pô thầm nghĩ: Ngay sau khi Phan Thanh Giản tự tử, quan năm thủy binh An-sa đã cho một chiếc tàu binh đưa thi hài ông về an táng tại quê nhà. Soái Đờ la Gờ-răng-đi-e còn viết một bức thư phân ưu với gia quyến ông ta, sai Thông Hiền mang về Bảo Thạnh trao cho anh em họ Phan. Trong thư viết: “Bản chức thật đau đớn khi hay tin thân phụ của công tử là cụ Thượng Phan Thanh Giản từ trần. Nước An Nam mà ngài là phần tử xuất sắc nhất mất cụ già đáng kính ấy, tức mất một trong những vinh quang của nó mà mối tình kính mến sâu xa mà ngài lưu lại trong ký ức của tôi và của người Phú Lang-Sa sẽ bền bỉ hơn mối hận thù của kẻ nghịch”.

Vậy mà ảnh hưởng của kẻ nghịch lại mạnh hơn sự o bế của các quan lớn Lang-Sa. Đờ Săm-pô lấy tư cách chủ tỉnh đã thân đến viếng lại khuyên anh em họ Phan nên cộng tác với người Tây, đừng nghe theo lời xúi giục của kẻ nghịch, nhưng bao nhiêu lời lẽ khôn khéo của y đều biến thành nước đổ đầu vịt. Đờ Săm-pô bực tức. Lần này, y quyết không để huyệt con mồi như lần trước,

Đờ Săm-pô vốn là một trung úy hải quân mới được bổ nhiệm làm tham biện hạng tư. Y vẫn giữ nguyên cái thói của một thủy thủ dọc ngang sông biển, ngông nghênh hiếu hăng. Bây giờ chỉ huy một toán quân trên bộ, y tưởng vẫn có thể ngang tàng như khi vùng vẫy mặt biển khơi. Tin chắc sẽ thành công, nên y không báo cho đơn vị thủy quân lục chiến dưới tàu, mà tự mình dẫn một toán mã-tà về Hương Điểm bắt Phan Liêm, Phan Tôn nộp lên Sài Gòn lấy công đầu.

Toán mã-tà mặc áo bằng nỉ xanh đậm, quần vải trắng, thắt dây lưng đỏ, nón quai đỏ, tấm đồng ở chóp nón có năm phân mẫu tuyến. Đi đầu là viên quân có hai lon vàng với hình ba lá nơi tay áo. Đờ Săm-pô đi ngoài hàng, mặc vét tông màu trắng mở phanh ngực, trong áo lót lính thủy kẻ sọc đầu đội nón cát thuộc địa, chân đi giày săng-đá.

Cả đoàn đi trên con đường đất cát dưới ánh nắng gay gắt. Hơi nóng từ các đụn cát hầm hập bốc lên. Thỉnh thoảng gió thổi làm cát bay mù động cả vào quần áo râu tóc của đoàn quân. Đờ Săm-pô cảm thấy vô cùng khó chịu với cái nóng ở xứ nhiệt đới này. Thiệt khác xa với cảnh y từng quen thuộc trên mặt biển.

Khi tới chợ Hương Điểm là nơi theo mật báo có nghĩa quân tụ tập, thì không thấy một người nào hết. Bọn lính mã-tà đi sục sạo hồi lâu mới bắt được một người dân giải tới. Đờ Săm-pô quát hỏi:

- Mày có biết bọn làm nghịch núp ở đâu không?

Tên quân mã-tà dịch lại. Người dân thưa:

- Dạ tui là dân quê chỉ biết làm ăn không biết quân binh ở đâu ạ...

Đờ Săm-pô thét:

- Nói mau!

- Dạ... tui không biết thiệt ạ!

Đờ Săm-pô quay sang tên quân:

- Tra khảo!

Tên quân đứng lom khom từ nãy giờ như chờ đợi cái phút ấy dạ lên một tiếng rồi chụp hai cánh tay người dân vặn téo ra đằng sau. Xong một tay níu chặt, tay kia thò xuống lấy sợi dây mang theo trói gô người đó lại, lên tiếng:

- Khôn hồn thì khai đi để khỏi ăn đòn...

Người dân rên rỉ:

- Tui không biết thiệt mà... tội nghiệp tui, thầy ơi...

Người đó chưa dứt câu, tên quân đã chụp ngực anh ta xuống đồng thời kê gối thúc lên bụng anh ta một cái “ứ” và thét:

- Khai đi!

Người dân nhăn nhó chỉ kêu được ba tiếng “Trời ơi, trời” rồi xiu xủ muốn té. Tên quân thoi vô hông anh ta rồi chụp tóc kéo lên cho đứng

vững:

- Kêu trời à? Trời đất gì, muốn sống thì khai đi...
- Tui không biết thì lấy đâu mà khai. Thầy tha tui, ơn thầy...

Đờ Săm-pô lạnh lùng:

- Đánh nữa.

Lúc tên quân buông tay, người dân vừa thở hổn hển vừa té nhào xuống đất. Lần này tên quân lại níu cứng vai anh ta kéo ngồi bẹp xuống rồi thét:

- Mày làm gan hả. Không khai tao cho mày thấy ông nội.
- Dạ... tui có biết chi đâu mà khai...

Tên quân lại thoi vô mặt tới tấp khiến mặt người dân bầm tím và sưng húp lên. Chưa hả, tên quân lại nhẩy tới đá vô hông anh ta một cái thiệt mạnh. Lần này người dân uất quá thét lên:

- Tụi bây thiệt là một bầy ác nhờn thất đức! Rồi tụi bây sẽ bị trời quả báo, chết không được yên mồ!

Tên quân liền xáng một bốp tay đấm lửa lên má người dân rồi bồi thêm một đập té lăn cù. Người dân giãy giụa hồi lâu trên mặt đất, tên quân lại xông tới trước mặt bóp họng anh ta thở ề ề. Đờ Săm-pô đứng yên lặng nhìn cảnh tượng đó. Hồi lâu y mới nói, giọng rít qua kẽ răng:

- Bắn bỏ!

Mấy tên lính mã-tà được lệnh mang người dân đi. Từ đằng xa nghe vắng lại tiếng chửi, tiếng la thét và tiếng súng nổ...

Đờ Săm-pô khẽ nhún vai. Công việc hằng ngày ở cái xứ nhiệt đới này là như thế đấy! Có lẽ chỉ tại cái nóng mà ra hết! Anh nằng nhể nhại trên mặt cát khiến con người lóa mắt, dòng máu trong người chảy rạo rức hơn lên vì đó con người đâm ra hung hãn!

Trời đổ tối, Đờ Săm-pô đành phải cho lính đóng trại tại chùa sát bên chợ. Giữa lúc đó thì tên Ê-đu-a Pốt-chi-ê quan hai thủy binh cũng vừa theo kịp tới nơi. Thì ra tên quan năm thủy binh An-sa thấy Đờ Săm-pô chỉ dẫn một số lính mã-tà, e rằng ít quân quá không đủ thắng nổi nghĩa binh nên sai tên quan hai Pốt-chi-ê dẫn một toán thủy quân lục chiến tới tiếp trợ. Đờ Săm-pô nghĩ thầm thằng cha An-sa lại muốn dây máu ăn phần nên có ý không bằng lòng. Nhưng không biết từ chối cách nào đành phải ngỏ lời

cắm ơn và mời Pốt-chi-e cùng đóng trại chung. Nửa đêm, giữa lúc giông bão sấm sét và mưa như thác đổ, một khẩu đại bác nhỏ của nghĩa quân được kéo đến gần nơi bọn Lang-Sa đóng mà bọn chúng cũng vẫn không hay biết. Rồi đột ngột súng nhắm bắn vào giữa dãy lều bạt của giặc. Viên đạn đầu tiên bắn vào làm một thủy quân Lang-Sa trúng đạn nơi tay. Các đèn lồng đều lật ngửa và tắt phụt. Lợi dụng bóng tối dày đặc, hơn trăm nghĩa quân do Trương Tấn Chí dẫn đầu xông tới vây hãm trại giặc. Trương Tấn Chí phất cờ xung phong lên trước, nghĩa quân tiến theo gập tên giặc nào chém giết tên ấy. Giặc té quỵ thân chết la liệt. Giữa những tiếng la hét vang dội, một nghĩa quân cầm giáo đâm Đờ Săm-pô. Pốt-chi-e vội lăn xả vào cứu nguy cho đồng bọn nên Đờ Săm-pô chỉ bị thương nặng mà không chết.

Sau phút hoảng loạn đầu tiên, bọn Lang-Sa đã kịp điều súng bắn vào nghĩa quân. Đang xông lên, Trương Tấn Chí trúng một viên đạn té nhào. Phan Liêm, Phan Tôn đã kịp tới, hô quân tiếp tục xông vào giết giặc khiến chúng hoảng hốt bỏ chạy tán loạn. Nghĩa quân chiếm được trận địa, thu nhiều súng ống có cả đại bác.

Chiều hôm sau, Đờ Săm-pô cho đánh dây thép cáo cấp lên Sài Gòn và Vĩnh Long. Tên quan năm thủy binh An-sa, chỉ huy Lang-Sa ở Vĩnh Long liền cầm đầu một phân đội gồm 150 thủy quân lục chiến Lang-Sa và 200 lính mã-tà đi liền tới Bến Tre. Tên nguyên soái Đờ la Gờ-răng-đi-e ở Sài Gòn cũng cử tên Pôn Vi-an đồng lý nội vụ, đem quân tiếp ứng vì y muốn dập tắt cuộc khởi nghĩa trước khi nó lan rộng ra. Ngày hôm sau, Vi-an dẫn 200 mã-tà, mượn một ít ở Sài Gòn, một ít ở Gò Công, Cần Giuộc, Tân An và Mỹ Tho, theo kịp An-sa.

Ngày 12 tháng 11 năm Đinh Sửu^{1*}, vừa hừng sáng ba pháo thuyền chở quân đi lên trên ngọn cửa kinh, nơi này nhỏ dần và uốn khúc nhiều hướng đi ra Hương Điểm. Cách Hương Điểm một dặm, ở làng Tân Long, nhiều cái đập nhô lên cản đường. Thì ra nghĩa quân đã dùng bè và nọc làm chướng ngại vật để ngăn tàu giặc. Quân Lang-Sa đang loay hoay gỡ bè phá nọc thì nghĩa quân nấp sau bụi lùm hai bên bờ kinh ập tới vây đánh ác liệt. Chúng phải tập trung súng ống bắn như mưa mới mở dần được lối đi nhưng đã bị chậm trễ rất nhiều. Đi một quãng, chúng thấy xác một người Việt nằm trên mặt đường. Đờ Săm-pô nhận ra người bị

giết chính là kẻ đã mật báo cho y việc Phan Liêm, Phan Tôn về Hương Điểm.

Quân Lang-Sa tiếp tục tiến trên pháo thuyền và hai giờ trưa chúng đổ bộ lên Hương Điểm. Nửa ngày trời trên pháo thuyền dưới cái nắng hầm hập, vừa bước chân lên mặt đất, tướng sắp được nghỉ ngơi thì lại bị chừng ba trăm nghĩa quân kéo tới bất thần bắn một loạt súng khiến chúng phải vội đối phó. Lát sau, nghĩa quân lại rút hết. Đờ Săm-pô và Pốt-chi-e xin dẫn đường vào trong làng lũng bắt nghĩa quân.

Quân Lang-Sa chia làm hai đạo, một dưới quyền chỉ huy của An-sa đi ruồng mé đông nam làng, còn phần khác dưới sự điều khiển của đồng lý nội vụ Vi-an hướng về Bắc. Đi tới đâu, chúng cũng thấy từng toán nghĩa quân núp sau những bụi lùm, nhưng khi tới gần thì mất dạng. Thiệt chẳng khác nào ma quỷ cứ ẩn ẩn hiện hiện không chừng. Lùng kiếm hoài mà không bắt được một nghĩa quân nào khiến chúng vừa mệt nhọc, vừa bức bối.

Gần tối, chúng mới quay về tới chợ Hương Điểm. Không kịp đốn tre làm rào, chúng buộc lòng phải lấy rương xe của các nhà dân ra đường, rồi sắp cho các rương xe ấy khít nhau thành hình vòng tròn giữa chợ. Chúng cắt đặt hể một toán đứng trên rương canh thì toán khác ngủ ở trong vòng tròn. Như vậy là kiểu dựng dinh trăn hay lộ dinh.

Chợ Hương Điểm ngày xưa là đất hoang vu. Có người đàn bà quy dân lập ấp, khai phá rừng bụi để trồng tía. Để tỏ lòng biết ơn bà, dân trong làng biếu bà sáu phần đất tốt nhất. Chung quanh mỗi phần, dân trồng tre để làm ranh giới. Vì lẽ đó, tre mọc rất nhiều trên giồng. Bà cắt một phần đất trong sáu phần trên tặng cho ông Hương chủ Trần Văn Điểm vì ông này có công lập chợ. Chợ được mang tên là chợ Hương Điểm, sau khi ông Điểm mất, mộ cũng được chôn ở đó.

Lúc này, chung quanh chợ tre mọc um tùm. Lợi dụng địa hình, Phan Liêm, Phan Tôn cho quân núp sau các lùm tre rồi bất thần phóng hỏa đất trại giặc. Lửa bén vào rương cây, bùng lên thành từng đám cháy lớn, quân Lang-Sa hoảng hốt ráng dập tắt mà không đặng. Nhiều tên bị lửa bắt cháy râu tóc, quần áo kêu la inh ỏi. Nghĩa quân nhào vô đánh xáp lá cà. Nhưng giặc kịp điều mấy khẩu đại bác tập trung lại bắn, thấy hỏa lực của giặc khá mạnh, nên sau nửa giờ kịch chiến nghĩa quân phải rút lui.

Trong đêm tối, lửa bắt cháy một dãy liễu chợ và lan qua một đám tre làm những mắt tre nổ giòn như súng bắn.

Sáng, một quang cảnh dữ dội hiện ra, những thân gãy, những vật dụng đổ bể, những khối không thành hình nằm la liệt, lộn xộn trên bùn lầy nhớp nhúa của đường trơn trượt.

Sáng sớm ngày 13, quân Lang-Sa nhập thành một đạo ra khỏi làng đi ruồng chung quanh. Nghĩa quân lại lúc hiện lúc ẩn sau bụi lùm làm cho quân Lang-Sa rượt mệt thở hơi tai mà không bắt được ai cả. Tuy vậy chúng cũng không dám đi sâu vào thôn xóm mà chỉ đi ven lộ. Buổi chiều, chúng lếch thếch rút tàn quân về Bến Tre.

*

Sông Hàm Luông rộng mênh mông, nước chảy cuộn cuộn, đục ngầu. Ven sông, những cây dừa nước mọc um tùm với phần búp dừa ngập dưới mặt nước. Từng bụi ô rô, mái dầm, mái chèo mọc chằng chịt tạo nên một bức thành thiên nhiên. Những đụn cát nổi lên cạnh bờ sông, mỗi cơn gió thổi là cát bụi bay mù...

Những cây trâm bầu thân rắn rồi, lá thưa, vỏ không trắng nhưng dày dặn nắng mưa đứng như người chiến sĩ canh giữ ven sông. Từng đàn vịt nước vỗ cánh phía trên những rặng bần của một cái cồn nổi lên mặt nước. Thân cây bằng như lưng cô gái nhỏ thót tha yếu đuối được nhờ làn gió nâng niu. Trên cành hoa nở từng chùm đỏ ối, đầu cành trái đeo hàng chuỗi lúc lỉu. Vì trái có mùi chua nên quẹo từng đàn cá bơi đến dưới gốc...

Nhưng buổi sớm nay, không phải từng đàn cá mà một đoàn pháo thuyền Lang-Sa vì tham mùi của cái xứ này mà bơi đến cướp đoạt. Tàu nổ máy chạy dọc theo sông Hàm Luông khiến cho đàn cá đang bơi kiếm mồi khiếp sợ lặn xuống đáy nước sâu. Chiếc chân vịt tàu vướng vào những cọng phật bà nổi lập lờ mặt nước khiến cọng đứt rời như từng giọt máu hồng lấm tẩm. Khói tàu bơi bắn cảnh vật êm đềm hai bên sông, xóa nhòa những rặng dừa nước, trâm bầu. Trên tàu bọn giặc chỉ trở lên bờ xì xồ nói với nhau những gì không ai hiểu. Có lẽ chúng ước lượng xem chỗ nào có nghĩa quân mai phục bên bờ. Nhưng ngày hôm nay bọn chúng đi trượt lợt không gặp chuyện gì trắc trở.

Chiều hôm đó, bốn đại đội giặc trong đó phân nửa là Lang-Sa đổ bộ lên Ba Tri. Nhưng chỉ thấy cảnh vườn không nhà trống, dân làng đã bỏ đi hết cả. Từng lúc chúng lại bị vài quả đá của súng nghĩa quân bắn vào mà vẫn không tìm ra tung tích nghĩa quân ở đâu.

Đêm xuống, chúng đến làng An Lái. Chúng đóng binh theo một hình vuông ở giữa trời, trên một đồi cát cao hơn đồng bằng lối năm hay sáu thước ta mà bà con địa phương gọi là Giồng Gạch. Hai mặt do binh Lang-Sa canh, mặt khác do mã-tà thủ. Những lính gác nhô ra ở mỗi mặt chính giữa cỏ. Và ở đó, chúng phấp phồng chờ sáng.

Đối với bọn lính Lang-Sa, đêm ở vùng nhiệt đới thật dễ sợ. Bóng tối đen kịt và đầy bất trắc. Từng đàn đom đóm đậu vào thân cây bần khiến cây lập lòe sáng lên như một cây lửa. Tiếng ếch nhái cất lên inh ỏi thành một điệu nhạc kéo dài không dứt cầm canh.

Bỗng bọn lính đang ngủ giật mình. Có tiếng động. Không, đó chỉ là tiếng bìm bịp kêu nước lớn mà thôi. Cả bọn hoàn hồn, lại vùi đầu ngủ tiếp. Cả bọn lính gác cũng bắt buồn ngủ, chúng chống súng ngủ gà ngủ gật.

Vào nửa đêm, một đám mưa nhỏ bắt đầu rơi, hơi mát càng làm cho bọn lính ngủ say. Đến hai giờ khuya, tiếng hô “Cầm súng!” từ miệng nhiều lính gác cùng cất lên, kể đó một chập súng nổ, đồng thời bốn hướng tiếng trống đổ mau và tiếng la của nhiều người hiệp lại.

Một cổ kiệu do bốn nghĩa quân khiêng tới đặt bên giồng cát. Phan Ngọc Tông từ trên kiệu bước xuống, dẫn đầu đoàn người, hét “Hè! Hè!” ra lệnh tiến binh. Nghĩa quân chia ra làm bốn mặt bao vây giặc vào giữa rồi bắt đầu tiến đánh tất cả các mặt. Người cầm giáo, người cầm gậy xông tới, chụp lấy lưỡi lê của giặc, cướp súng.

Quân Lang-Sa nổ súng ngay vào đám đông, nghĩa quân tạm rút lui chốc lát vào bụi lùm rồi hiệp nhau trở lại vây hãm tiếp. Đợt xung phong này kế tiếp đợt xung phong khác. Giữa hai đợt, nghĩa quân bắc loa kêu gọi mã-tà trở súng bắn lại quân Lang-Sa.

Quân Lang-Sa hoảng hốt đối phó, chốc chốc hình vuông mở ra để cho sơn pháo nổ lớn, sơn pháo này pháo thủ của chúng đã kéo tay theo quân đội. Nghĩa quân can đảm bò đến sát địch, dùng tầm vông, mác thông chọi với súng trường đại bác.

Khi nghĩa quân đến sát gần, súng giặc không còn tác dụng nữa, Phan Ngọc Tòng hô lớn: “Ôm hè! Vật hè!”. Nghĩa quân xông thẳng tới, ôm từng tên giặc, rồi cúi lưng đội cả người nó nó hất chổng ngược. Người dùng chân ngáng khoeo giặc, tay nắm tay giặc, đập vào chân giặc một cái cho nó quỵ xuống. người nắm lấy tay giặc xoay mạnh cho giặc chóng mặt rồi thả tay ra cho nó té nhào, đoạn xông tới bóp cổ. Tiếng giặc kêu ằng ặc như con thú bị thọc huyết rồi lịm dần. Trong đêm tối bọn giặc lúng túng không biết đường nào mà tránh. Từng cái xác nặng nề đổ phịch xuống, nằm kền càng và giã giụa co quắp hồi lâu trên mặt đất.

Đang xông lên, Phan Ngọc Tòng bị một tên giặc từ xa chạy tới đâm một nhát lưỡi lê giữa ngực. Dầu bị thương, Tòng vẫn hét lên một tiếng khiến tên giặc khiếp đảm rồi ôm chặt lấy nó vật xuống...

Khi Tú Chiếu ra tới nơi, thi hài Phan Ngọc Tòng còn nằm trên chiến địa. Ông sờ soạng thấy bàn tay Tòng còn siết trên cổ giặc, cổ nó bạnh ra vì bị bóp quá chặt. Những ngón tay Tòng còn lằn vết trên da thịt nó. Tú Chiếu bảo học trò giúp ông gỡ thi hài Phan Ngọc Tòng ra khỏi xác giặc, rồi khiêng về nhà việc, nấu nước trầm hương tắm cho sạch vết máu. Xong, thay quần áo khác và lấy một mảnh vải dọ, ba mảnh vải ngang liệm. Lấy giấy bạch đắp lên mặt, tiếp nhập quan khiêng đặt giữa nhà. Trên nắp quan tài, thắp bảy ngọn đèn thất tinh.

Phan Liêm, Phan Tôn cùng toàn thể nghĩa quân lần lượt vào viếng trước linh cữu người nghĩa sĩ. Các con Phan Ngọc Tòng, một trai ba gái, xõa tóc, đi chân không đứng quanh linh cữu lạy đáp lại những người đến viếng. Nhìn bốn đứa trẻ thơ chiu chít, không ai là người cầm được lòng thương. Phan Ngọc Tòng, mẹ mới qua đời được ba tháng, đầu còn đội khăn tang, vậy mà hôm nay đã sớm đi theo mẹ, bỏ lại lũ cháu thơ cô cút.

Đêm hôm đó, Tú Chiếu trần trọc không ngủ. Ông muốn làm một bài thơ để khóc người nghĩa sĩ cũng như đã làm thơ khóc Trương Định năm trước. Nhưng nghĩ hoài mà chưa được ý nào. Chữ nghĩa hình như trốn đi đâu tất cả, không xuất hiện dễ dàng như khi ông làm thơ khóc Trương Định. Có lẽ vì Phan Ngọc Tòng sống gần gũi ông trong suốt mấy năm trời, nên khi nói về Tòng, ông muốn có cái gì thân mật hơn, bình dị hơn, hợp với tính tình của Tòng cũng như mối quan hệ giữa hai người.

Ông chợt nhớ có lần Tòng sang khoe mới làm xong một bài thơ, muốn đọc ông nghe. Đó là bài thơ Giã vợ:

*Từ thuở vương mang mối chỉ hồng.
Lòng này ghi tạc có non sông.
Góc trời khuấy phá ba thằng giặc,
Mối nợ đền bồi một tấc công.
Cơ tạo phỉn phờ duyên thực nữ,
Máu binh ràng buộc khách anh hùng.
Phơi gan đắp lũy ba giềng nặng,
Xin hãy an tâm vẹn chữ tông.*

Bữa đó Tú Chiếu có nhắc: hai câu đầu sao lại giống hai câu trong bài thơ Giã vợ đi làm quan của Phan Thanh Giản, thì Phan Ngọc Tòng cười bảo mình cố ý làm như vậy, để so sánh với bài thơ của Phan Thanh Giản, vì cùng là giã vợ nhưng đằng này giã vợ để đi đánh giặc. Hôm nay nhớ lại chuyện ấy, Tú Chiếu bỗng thấy con người Phan Ngọc Tòng đã khác hẳn Phan Thanh Giản, mà cái chết của hai người cũng khác nhau! Đúng là có cái chết nặng như non Thái mà có cái chết nhẹ như lông hồng! Phan Ngọc Tòng chết một cách thanh thản nhẹ nhàng, những ngón tay in vết lên cổ giặc như dấu ấn của một cuộc đời oanh liệt, hào hùng. Còn Phan Thanh Giản sau khi đã dâng thành cho giặc mượn cái chết để bào chữa phần nào tội lỗi, tuyệt thực hơn mười ngày không chết phải dùng thuốc phiện, dấm thanh mới kết liễu được cuộc đời, cái chết của ông ta quằn quại, gượng gạo biết bao nhiêu. Phan Ngọc Tòng không cần tự tay viết chín chữ minh tinh cho mình như Phan Thanh Giản, mà tấm gương sáng của ông còn khắc trong lòng dân những nét không thể phai mờ. Trăm năm bia đá thì mòn, nghìn năm bia miệng hãy còn trơ trơ. Cạnh tấm bia đá người ta khắc trên mộ Phan Thanh Giản, ông cũng muốn khắc một tấm bia miệng cho Phan Ngọc Tòng, đó là bài thơ khóc người nghĩa sĩ. Vạn nhất mà bài thơ được truyền tụng thì đó là cách thiết thực nhất để tỏ lòng nhớ tiếc và biết ơn người bạn trẻ anh hùng đã cùng ông chia sẻ bao nhiêu kỷ niệm.

Cảm hứng chợt đến. Ông nhẩm bài thơ trong óc cho thuộc trước khi gọi con dậy chép bài thơ:

*Thương thay người ngọc ở Bình Đông,
Lớn nhỏ trong làng thấy mến trông.
Biết đạo khác bày con mất tục,
Dạy dân nắm giữ tấm lòng công*

Bỗng ông đọc lên thành tiếng lúc nào không biết:
Đặng danh vừa rặng bể nhà cửa
Vì nghĩa riêng đến nợ núi sông
Một trận trãi gan trời đất thấy
So xưa nào thẹn tiếng anh hùng
Mỗi lúc ông càng cao giọng hơn:
Làm người trung nghĩa đáng bia son
Đúng giũa càn khôn tiếng chẳng mòn
Cơm áo đến bồi ơn đất nước,
Râu mày giữ vẹn phận tôi con.
Tinh thần hai chữ phao sương tuyết,
Khí phách ngàn thu ở núi non...

Bỗng nghe có tiếng động. Thì ra tiếng đọc thơ giữa đêm vắng đã đánh thức cả nhà dậy ngồi vây quanh ông. Cô bé Xuân Khuê^{2*} mới sáu tuổi mà rất thông minh, cô khoe với cha:

- Này giờ cha đọc thơ con đã thuộc hết trơn rồi cha à.

Tú Chiếu xoa đầu con khen:

- Giỏi lắm! Đọc lại cha nghe coi nào!

Xuân Khuê cất giọng lanh lảnh:

Thương thay tạo vật khuấy người ta,
Nam đổi làm Tây, chính lại tà,
Trống nghĩa Bảo An theo sấm rập,
Cờ thù công tử guồng mây qua...

Mấy câu này khó quá con không hiểu cha à...

Tú Chiếu ôn tồn giảng:

- Công tử đây là hai cậu Phan Liêm, Phan Tôn đứng lên chống giặc ở làng Bảo An, đang lúc nghĩa quân gặp khó khăn thì bác Tòng tới chung vai gánh vác việc nước, con hiểu chưa?

Xuân Khuê vui vẻ:

- Con hiểu rồi cha à. Làm thơ thích thiệt, sau này lớn lên, con cũng làm thơ như cha.

Cậu bé Chúc, anh của Xuân Khuê nói xen vào:

- Sau này lớn lên, con cũng đánh giặc như bác Tòng.

Rồi cả mấy đứa con nhỏ cùng nhao nhao:
- Con cũng thế! Con cũng thế!

Ghi chú

^{1*} Năm 1867.

^{2*} Sau này trở thành nữ sĩ *Sương Nguyệt Anh*.

XIII

Bóng tối xám nhờ như đèn lún ngôi nhà tranh xuống. Trong hơi nóng hầm hập, muối kêu vo ve không dứt. Mùi đất ẩm thấp quyện với khí trời càng thêm oi nồng. Tú Chiếu ngồi lặng lẽ, thỉnh thoảng nhấp một ngụm rượu. Rượu không làm ông quên sự đời mà lại đẩy lên bao ý nghĩ không thành lời, như cây đàn kìm lâu không khảy treo trên vách ngậm những nỗi niềm trong ruột gỗ.

Từ đầu năm nay ông có nhiều tâm sự buồn. Trong trận nghĩa quân đánh đồn Phú Ngãi và Tân Điền tổng Bảo Thuận, một tướng trẻ rất dũng cảm là Phan Lữ, cháu Phan Liêm đã hy sinh. Tháng năm vừa rồi nghĩa quân đánh Đồng Xuân tổng Bảo An, giết được mấy tên tay sai cho giặc là Cai tổng Trị và anh của Trị đang làm xã trưởng. Giặc đem binh lực hùng hậu đến đàn áp, anh em rút qua sông Ba Lai về Mỹ Tho. Đến tháng mười một, Đề đốc Trinh kéo quân từ Trà Vinh về đánh làng An Thủy tổng Bảo Trị nhưng không thành công. Rồi đến Bá hộ Huân giết tên Cai tổng Cái Mơn, Mỏ Cày nhưng chẳng bao lâu cũng sa vào tay giặc...

Từ trận Hương Điểm tới nay, không có trận nào lớn nữa. Vùng căn cứ của nghĩa quân cứ bị thu hẹp dần. Anh em họ Phan phải lẩn tránh luôn để khỏi lộ tung tích. Trước đây cứ đến mùa gặt, dân chúng lại đóng thuế cho nghĩa quân, nhưng nay nếu nộp thì giặc về phá hoại mùa màng lại triệt hạ làng xóm. Những trục lộ chính đều bị phong tỏa, các cánh đồng cũng bị phá trơ trụi khiến nghĩa quân không thể nấp sau đám lúa mà hành quân. Một đêm, Phan Liêm, Phan Tôn bí một ghé vào nhà Tú Chiếu hỏi ý ông xem có nên về Huế theo lệnh gọi của triều đình hay không. Tú Chiếu ngẫm nghĩ một hồi, rồi nói:

- Theo ý tôi nếu cái thế không ở đây được thì các cậu nên đi, nhưng không phải ra Huế mà ra Hà Nội. Tôi nghe quan Tổng thống quân vụ Nguyễn Tri Phương lại được cử ra Bắc chặn giặc, vì tàu giặc đã ngược sông Cái kéo lên uy hiếp thành Hà Nội. Hà Nội là cố đô của các triều Lý, Trần, Lê, lại là chỗ yết hầu của đất nước. Nếu giặc chiếm được Hà Nội thì chúng càng rảnh tay trong việc cai trị sáu tỉnh Nam kỳ. - Ngừng một lát ông lại tiếp, giọng tha thiết. - Hai cậu có ra Bắc gặp Nguyễn tướng công

thì thưa giùm Chiếu này gửi lời kính thăm và chúc Ngài luôn mạnh giỏi để chống giặc, giữ vững Hà Nội, giữ vững đất nước...

Phan Tôn lại hỏi:

- Lần này tôn sư có kế sách gì hiến cho Nguyễn tướng công không?

Tú Chiếu thở dài:

- Đứng về phía triều đình mà nói thì khó lòng trông cậy gì được nữa. Lẽ ra khi các đạo nghĩa binh Nam kỳ tự động nổi dậy, triều đình phải dựa hẳn vào họ, dùng thế mạnh của họ để đẩy lùi giặc Lang-Sa từng bước, đồng thời gửi nhiều toán quân từ Bắc Trung vô Nam cùng đánh giặc, không cho chúng lấn tới. Đằng này triều đình dùng cái chính sách co rút một mặt cản trở nghĩa quân, một mặt ra sức nhượng bộ giặc, nên chúng được thế, vừa ép triều đình, vừa thi hành kế tầm ăn dâu, chiếm dần từng phần đất nước ta. Nay ngọn lửa binh đao đã lan ra Bắc kỳ rồi. Nguyễn tướng công được cử ra Bắc chặn giặc, ngài là người ái quốc nhưng cũng rất mực trung quân, mà trung đây lại là trung với một triều đình có những đối sách sai lầm, vì vậy mà tình thế Bắc kỳ hiện nay khó lòng có thể nói trước được...

Ngừng một lát, Tú Chiếu lại nói:

- Lần diện kiến trước, ta đã có thưa với ngài một câu: làm thân cá, sao không mong có lần vượt được Vũ môn. Ngày nay Nguyễn tướng công đã đứng trước Vũ môn của đời mình, ngài cần chọn một con đường nào, nếu không có ích nhiều thì ít nhất cũng không có hại cho đất nước. Ta chỉ kỳ vọng tướng công dầu thế nào cũng vẫn giữ vững vai trò tiêu biểu cho cuộc chống giặc, nêu gương sáng cho cả nước noi theo.

Phan Liêm, Phan Tôn đi rồi, ông lại càng buồn hơn. Đi tới nhà nào thăm bệnh, ngoài chuyện nghe kể bệnh ông lại phải nghe về những nỗi khổ mà dân phải chịu dưới ách Lang-Sa.

Một cụ già cho ông hay:

- Tháng tháng làng đều tới mỗi nhà biểu khai trong nhà nuôi mấy con heo, gà, vịt, mấy cái cối giã gạo, cối xay lúa, rồi thâu mỗi nhà một cắc bạc. Như ai không chịu một cắc bạc thì bắt đóng trắng, nói là để giải lên quan. Chúng tôi hỏi, làng nói tại quan biểu vậy. Chúng tôi nói: quan có biểu thì một năm một lần thôi chứ, sao biểu hoài vậy. Làng nói: như có ước thì đi thưa đi. Chúng tôi muốn đi quá, ngại vì một người đi, năm mười

người nói: thôi giá một cắc, của bao nhiêu mà đi thừa cho làng giận, rồi sao yên? Còn bắt đi canh đi do(1) lu bù, hết sức chịu, thầy ôi!

Một người đàn ông vừa khóc vừa nói:

- Mấy anh phu lít ở chợ Bến Tre, hể chúng tôi có đi ra đó, họ coi bộ lèn xèn, họ kêu lại hỏi giấy thuế thân. Họ bắt đút điếm chỉ cho họ coi, rồi họ kéo ngón tay ra họ la sai điếm chỉ. Nói không đặng, muốn tự vẫn cho mát thân hơn là sống, cụ ơi!

Một người khác căm giận:

- Mỗi lần đi ghi sách ghe đặng đi buôn bán, hể tới trường án thì bị mấy ông bếp hầu xẻ mỗi lần ghi sách là ít cắc. Không có họ chửi và liệng sách ghe. Họ nói phải đóng tiền ghi sách. Họ cứ ăn hiếp dân thiệt thà hoài hủ, chúng ôi ức quá tính liều mạng với họ rồi muốn ra sao thì ra.

Đứng trước cảnh khổ của từng người dân, Tú Chiếu đành xuôi tay bất lực. Ngay cả gia đình ông cũng lâm cảnh túng thiếu gieo neo, nói gì người khác. Lệ thường dạy học, thầy không thu tiền góp của học trò. Cha mẹ học trò và học trò tùy lòng cung kính biết ơn với ông thầy mà có thể đỡ dần thầy bằng nhơn công của mình khi thầy có việc cần, hoặc cung đốn lúa gạo, trà bánh, rượu thịt, vải lụa, tùy tâm tùy sức. Gần đây dân phải đóng nhiều sắc thuế cho Lang-Sa, mỗi mẫu tây đóng năm phật lạng rưỡi, đình mỗi đầu dân đóng năm phật lạng mà theo thời giá năm phật lạng gần bằng một tạ lúa. Mỗi dân đình lại phải đi xâu bốn ngày trong một tháng. Sau năm 1870, bọn Lang-Sa lại truy đất chưa khai để bắt nộp thuế điền và tăng thuế thân lên đến 29 phật lạng, bằng hai tháng tiền công nhật. Sưu thuế nặng nề như vậy, nên dầu thành tâm nghĩ đến thầy cũng đành chịu bó tay. Đã vậy, bọn Lang-Sa còn ra lệnh bắt các trường dạy chữ nho phải xin giấy phép, ai muốn xin giấy phép phải hội đủ những điều kiện về phẩm hạnh tức là trung thành với nhà nước Lang-Sa và khả năng tức là có thể dạy thêm cả chữ quốc ngữ. Theo chúng, ngày nào học trò bốn xứ còn đọc được sách chữ nho, chữ nôm, ngày ấy lớp trẻ bốn xứ còn thương yêu đồng bào ruột thịt, còn xót xa phận làm dân một nước mất chủ quyền. Còn sở dĩ chúng bắt học chữ quốc ngữ vì nếu người dân mà biết thứ chữ ấy thì không thể vịn cớ không đọc được luật lệ của nhà nước Lang-Sa đã ban hành, do đó nếu vi phạm luật lệ bị trừng trị sẽ không kêu vào đâu được. Hơn nữa, dân chúng biết chữ quốc ngữ có thể liên hệ dễ dàng, trực tiếp với các công chức người Lang-Sa mà phần lớn

đã biết cách viết quốc ngữ; cũng thoát khỏi ảnh hưởng sự thù nghịch với người Tây do các văn thân truyền bá. Kế hoạch tận diệt chữ nho và chữ nôm do Đờ-la Gờ-răng-đi-e đề ra được tiến hành hết sức ráo riết.

Mới đây, viên Hương cả đã tới bắt ông phải làm giấy xin phép gởi lên dinh tham biện. Trong khi chờ giấy phép, phải tạm đóng cửa trường. Bữa ông báo cho học trò hay, cả trường đều khóc mùi. Ông cũng không cầm được nước mắt.

Có thì giờ rảnh, ông dồn hết tâm lực hoàn thành bốn Ngự tiếu y thuật vấn đáp. Mình soạn sách bằng chữ nôm, bằng lời thơ dân gian, cũng là một cách chống lại sự giáo dục nô dịch của bọn Lang-Sa. Những cảnh tình trước mắt đi vào thơ ông mới tự nhiên, thanh thoát làm sao:

*Lú lo chim hót trên cành
Như tuồng kẻ mách tình hình dân đau.
Gió tre hiu hắt theo sau,
Như tuồng xui giục đi mau tìm thầy...*

Tú Chiếu thâm nghĩ, mình chỉ có thể chữa những bệnh trong thân thể người dân, còn bệnh tật của đất nước, một tay mình cứu sao cho đặng. Cũng bởi vua quan triều đình khi mới ló mầm bệnh chẳng liệu chữa gấp, cho nên mới từ biểu vào lý, từ phủ vào tạng, thâm nhập cao hoang¹. Nếu không biết cách “dẫn hỏa quy nguyên”² thì dầu thầy thuốc giỏi như Hoa Đà, Biển Thước cũng hết nghề cứu nổi. Lời thơ ông khơi dậy ngọn lửa căm hờn lũ giặc cướp nước, cũng là góp phần vào việc “dẫn hỏa quy nguyên” đó:

*Muôn dân ép ráo mõi dẫu
Ngày trau khí gởi, tháng xâu đi ện dài.
Thêm bấy gian nịnh chen vai,
Gây nên mọi rợ từ ngoài lấn trong...*

Nhờ có bà Tú và cô con gái lớn chép dùm, trong vòng một tháng sách đã soạn xong. Ông lại làm thêm một bài thơ để gởi gắm nỗi lòng:

*Hoa cỏ bụi ngùi ngóng gió đông,
Chúa xuân đâu hối có hay không?
Mây giăng ải Bắc trông tin nhạn,
Ngày xế non Nam bật tiếng hồng.*

Bờ cõi xưa đà chia đất khác.

Nắng sương nay há đợi trời chung.

Chừng nào thánh đế ân soi thấu,

Một trận mưa nhuần rửa núi sông.

Đang ngâm nga thì bên ngoài có tiếng người. Nghe qua, ông đã biết là Lê Bồn. Sau khi Trương Định bị thằng Tấn trở giáo, Lê Bồn quy về Phú Kiết dạy học, Lại cưới một người vợ ở với nhau có ba mặt con. Rồi không biết nghĩ ngợi thế nào, Bồn lại xin vào làm thơ ký cho thằng Trần Bá Lộc. Nghe chuyện, Tú Chiếu càng ngán cho tình đời ấm lạnh. Khinh ghét kẻ phản bội, ông quay mặt vào vách không thèm bắt chuyện. Thấy vậy, Bồn hỏi:

- Sao thầy nổi lạnh nhạt với tôi như vậy?

Tú Chiếu xẵng giọng:

- Thế nào huynh tự suy ra thì khắc biết.

Bồn kêu lên:

- Trời ơi, ra thầy vẫn ngờ tôi thật lòng quy phục thằng Lộc có phải không? Nói thiệt với thầy, nếu tôi không khéo léo che mắt thằng Lộc thì Thủ Khoa Huân làm sao dễ dàng thoát khỏi nhà thằng Đỗ Hữu Phương...

Tú Chiếu kinh ngạc:

- Thủ khoa Tịnh Hà đã thoát rồi à?

- Ông đã trốn khỏi nhà thằng Phương hôm rồi,- Bồn nhỏ giọng.- và đang cùng Tri huyện Thang Trông với Đốc binh Hương mưu cuộc khởi nghĩa lần thứ ba. Ông tính tổ chức bốn vùng kháng chiến lớn gồm Sài Gòn- Chợ Lớn, Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên, riêng ông đóng ở Mỹ Tho để chỉ huy chung. Ông đã quyên góp được một số tiền lớn của dân chúng gởi cho Hội “Trường Phát” ở Chợ Lớn để mua khí giới, hẹn đến mừng chín tháng chín sẽ giao khí giới và các nơi sẽ nhất tề nổi dậy. Vì tôi ở gần thằng Lộc nên mới hay được kế hoạch của chúng, báo cho Thủ Khoa Huân và Tri huyện Lân kiếm cách đối phó.

Tú Chiếu mừng rỡ:

- Nếu vậy thì thiệt là phước lớn cho đất nước. Trước đây tôi thấy thằng Tấn phản ông Trương, lại tới phiên huynh đi làm thơ ký cho thằng Lộc, có lúc tôi đã chán ngán cho là cơ đồ hết mong khôi phục đặng.

Nhưng nay được biết huynh vẫn giữ dạ sắt đĩnh nhưt là lại biết tin Thủ Khoa Huân hai lần bị bắt vẫn không nhụt chí lại còn đứng lên chống giặc một lần thứ ba, sĩ khí như vậy thì đất nước mình sẽ có cơ thái hòa lại đất cũ...

Nhiều Bốn cười:

- Tôi đứng ngoài nghe lỏm thấy tâm sự thầy cũng in hệt như của Thủ khoa Huân trong bài thơ ông để lại trước khi rời khỏi nhà tên chó săn. Để tôi đọc thầy nghe:

*Khá gọi thâm nghiêm cửa chín trùng,
Ngày nào “cha mẹ” cứu con cùng
Bốn mùa man mác tình nhà cửa,
Trăm dăm đau buồn cảnh núi sông.
Mây trắng đã giăng trời Bến Nghé,
Nắng chiều đường cháy đất Gò Công.
Ngọn cờ phá lố bao giờ thấy?
Thiên hạ người đều ngóng cổ trông*

Tú Chiếu hân hoan cao giọng:

- Ngọn cờ từ nay quan Thống tướng Nguyễn Tri Phương lần lượt chuyển qua ông Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương.... bây giờ lại sang tay Thủ Khoa Huân. Mong bác Thủ khoa giữ vững ngọn cờ để muôn dân có nơi trông cậy...

Nhiều Bốn cảm động:

- Tôi sẽ đem lời thầy thưa lại bác Thủ khoa... À quên, tôi chưa kể thầy nghe chuyện một người...

- Người nào kia huynh?

- Cô em dâu thầy chớ ai...

Tú Chiếu bật lên:

- Sao? Huynh hay tin cô Xuyên à? Cô ấy giờ ở đâu?

- Làm gì mà thầy hỏi dồn dập vậy? Sau khi ông Trương tử tiết, cô ấy về theo nghĩa quân Nguyễn Trung Trực, đã nhiều lần báo cho ông Trực biết tin tức quân giặc cho một người của ta nằm trong hàng ngũ chúng chuyển ra...

Tú Chiếu ngắt lời:

- Tôi biết rồi. Người đó là huynh chớ gì...

Nhiều Bốn cười, lắng chuyện:

- Cô chờ cơ hội mai phục bên đường, nhằm bắn đúng vào xương sống thằng Tấn để trả lại thù nó đã bắn ông Trương. May đời cho thằng phản phúc, bọn lính hầu của nó cứu kịp chớ gấp đến nhà thương chạy chữa. Nếu nó không chết thì cũng trở thành phế nhân vì viên đạn đã găm vào tủy xương sống...

Tú Chiếu cảm khái:

- Những thằng như thằng Tấn, từ khi bắt đầu bước chân theo giặc đã kể như phế nhân rồi. Còn cô Xuyến có can gì không huynh?

- Cô không làm sao hết. Khi cô bị giam trong ngục, bị giam chung với bà Hai Thưởng, phu nhân của ông Trương Định. Bà kể bà bị tên đội Tấn ép viết thư khuyên cậu Hai Quyền ra đầu hàng Lang-Sa, nhưng bà thà chết cũng không chịu viết. Bà nói có lẽ phen này bà sẽ chết ở trong ngục, nhờ cô Xuyến sau này nếu có thoát được thì đi tìm cậu Hai Quyền khuyên cậu phải ráng trả thù cho cha, đền nợ cho nước, đừng lo lắng cho mẹ nữa. Sau khi thoát thân, cô đã đi tìm cậu Hai Quyền, truyền đạt lời thân mẫu cậu dặn dò, rồi cùng cậu đứng lên chống giặc ở Củ Chi. Tên Đốc phủ sứ Trần Tử Ca sân lòng rất gắt, cuối cùng cậu đã tìm đường về Tây Ninh, hợp lực với Hoàng thân Cao Miên Pu Cầm Bô tiếp tục đánh Tây... Khi gặp tôi ở Củ Chi, cô Xuyến gửi lời kính thăm thầy và xin thứ lỗi không về thăm viếng được, bởi e liên lụy tới thầy.

Tú Chiếu thở dài:

- Cô Xuyến gì phải quá lo lắng cho tôi như vậy. Tôi bây giờ như trâu già không nệ dao phay, chúng muốn bắt thì cứ việc bắt. Huynh à, khi tôi đặt thơ Vân Tiên, hồi ấy dân mình chưa chống nhau kịch liệt với giặc Tây, nên khi tả Kiều Nguyệt Nga tôi mới chỉ tô điểm cho nàng đức tính chung thủy kiên trinh của người gái đảm miền Nam mình, như kiểu cô Năm Điền nhà tôi chẳng hạn. - Ông hơi mỉm cười. - Nhưng đến những người con gái dũng cảm không kém nam tử như cô Xuyến, thì lúc đó tôi làm sao mà mượn tượng ra được. Thời thế tạo anh hùng, bốn Lục Vân Tiên của tôi đến giờ hóa ra lạc lõng trước cái sự thực gái trai đều chung lòng chung sức đánh giặc. Khen cho tài gái kém gì tài trai nhưng ở đây

không chỉ đua tài văn chương mà còn so tài võ nghệ. Hậu sinh khả úy^{3*}. Có lẽ tôi đã thuộc vào một lớp người bị vượt qua rồi...

Nhiều Bốn nói:

- Xin thầy đừng nghĩ vậy. Trước sau thầy vẫn là một bó đuốc sáng soi đường cho người sau nối bước... Giờ tôi xin phép phải đi đón người của Hội “Trường Phát” hẹn ngày trao khí giới.

Tú Chiếu đứng lên tiễn Nhiều Bốn ra cửa:

- Huynh đi cho may mắn. À nhắc tới đuốc tôi mới chợt nhớ ... Trời tối lắm, để tôi vào nhà trong lấy một cây đuốc để huynh thắp cho sáng mà đi.

Ông lật đật vào lấy cây đuốc lá dừa thắp lên trao tay Nhiều Bốn rồi trân trọng tiễn ra cửa.

Ánh đuốc rừng rực như muốn đốt tan đêm mà đi, tựa một người khổng lồ vùn vụt trong không gian, đi tới đâu thì bóng tối nhón nhác chạy tán loạn đến đó. Tú Chiếu vẫn đứng ở cổng, ánh lửa hắt vào đôi mắt nhòa lệ của ông, những giọt nước mắt sáng lên như những giọt lửa... Rồi ánh đuốc xa dần, nhưng tàn đuốc vẫn đậu trên lùm cây như còn mang nặng tâm sự chưa yên lòng tắt cho được.

Tựa lưng vào gốc dừa, Tú Chiếu trầm nghĩ: Cây dừa này ít nhất cũng phải bằng tuổi mình rồi, nó giống mình ở chỗ chỉ biết đứng thẳng và chỉ muốn mang trái ngọt cho đời. Đến khi thân ngã xuống cũng biết làm cột, làm kèo, làm cầu; tàu lá, buồng, mo nang, vỏ dừa để chum; miếng dừa dùng làm than, cùi dừa nấu dầu; xơ dừa đánh dây luộc, làm thảm, sọt dừa làm nút áo. Gáo dừa cũng dùng múc nước trong lu cho người giải khát trưa hè. Nội trong cây dừa không có cái gì bỏ đi. Nhưng dừa truyền lại đời sau bằng trái ngọt, chớ khi bị chặt đi, dừa không thể nảy mầm, đâm chồi như các loại cây lưu niên khác. Vì vậy hết đời, dừa phải gom góp những tàu lá làm chổi quét sạch bụi bặm và cuối cùng tự đốt cháy mình làm bó đuốc soi đường cho người...

Tú Chiếu mãi nghĩ, quên cả những giọt sương lạnh đọng trên lá đã rõ xuống cổ áo từ lúc nào...

Xa xa, lác đác có tiếng gà gáy...

*

Mi-sen Pông-sông, tên tham biện Bến Tre, đi đi lại lại trong phòng giấy như một con thú dữ. Từ khi về cai trị, không lúc nào dám dân Nam để cho yên được một ngày. Cái dân Bến Tre thiệt là cứng cổ. Vừa đối phó xong với tên Hưng vượt Côn Lôn về định đánh đồn Bang Tra thì lại phải dẹp cái loạn Mỏ Cày do Nhiêu Đầu, Nhiêu Gương xúi giục. Bây giờ lại đến cái vụ Tán Kế gây rối loạn ở Ba Châu. Mấy tháng trước, chợ Giồng Keo bị đốt thì mấy hôm nay chợ Thom ở làng An Thạnh tổng Minh Đạo lại ra tro. Dân chúng thì vẫn bí mật đóng thuế cho quân khởi nghĩa. Hễ quân Lang-Sa kéo tới đâu thì dân ở đấy đều bỏ làng mà đi, nhà cửa không ai ở, ruộng vườn không ai trồng tủa. Thiệt đúng là cảnh vườn không nhà trống. Nhứt định phải có kẻ xúi giục chớ chẳng không. Pông-sông giận hung, kêu tên quản mã-tà lên rầy la:

- Chú đã tìm ra tung tích bọn nào đốt chợ chưa?
- Dạ, bẩm quan lớn... chưa.
- Chú thiệt là đồ ăn hại. Bấy lâu nay bọn chúng đào đường, đốt chợ, phá cầu, cắt dây thép bao nhiêu lần, mà chú không bắt được thủ phạm. Còn vụ Tán Kế, chú tính sao?
- Dạ, tôi có thu phục được tên Cai tổng Xáng, tên đó hứa thế nào cũng kiếm cách bắt được Tán Kế nạp quan lớn.
- Các chú bất lực quá. Hàng mấy năm nay vẫn chịu để cho Tán Kế ngang dọc hoành hành ngoài vòng pháp luật...
- Dạ, Ba Châu là vùng cây cối lau sậy chà là mọc um tùm, sông rạch chằng chịt, cộp beo thú dữ thường về làng bắt trâu bò ăn thịt có khi luôn cả người, chúng con không làm làm sao lọt vô tròng để bắt Tán Kế...
- Đừng nói tầm ruồng. Tôi được mật báo Tán Kế vẫn sang Ba Động Trà Vinh luôn luôn, đâu phải lúc nào cũng ở Ba Châu. Tôi gia hạn cho chú đúng một tháng nữa phải đem Tán Kế về nạp, nếu không ở tù, đừng có than.

Viên quản đi rồi, Pông-sông vẫn chưa nguôi giận. Cái bọn mã-tà này chỉ ăn hiếp dân là giỏi còn khi gặp giặc thì nhát như thỏ đế.

*

Thông ngôn Lê Quang Hiền bước vào. Sau khi phạm lỗi giả mạo giấy tờ để chạy cho con một điền chủ ở Cần Thơ đi học trường thông ngôn, Hiền bị hạ một bậc lương và đổi về dinh tham biện Bến Tre. Lúc này,

Hiền bận áo bố trắng cổ đứng, nút tra chuỗi hổ phách, đầu đội nón cát kiêu dân thầy, chân đi giày Tây. Thấy Hiền, Pông-sông niềm nở:

- Thấy thông, thầy về tỉnh này trước tôi, thầy có cách nào dò ra tung tích bọn cầm đầu phiến loạn ở đây không?

Thông Hiền cười:

- Bấm quan lớn, chuyện đó không mấy khó, có khó chăng là làm sao thu phục được họ mà thôi...

- Nhưng thầy dò ra ai mới được chứ?

- Ở đất Bến Tre này có một người được dân chúng rất ngưỡng mộ, ông thường xúi dục dân chống lại các quan Tây, nếu ta thu phục được ông thì hồng còn lo gì hết...

- Người đó là ai vậy?

- Dạ đó là Tú Chiếu, dạy học ở Ba Tri.

- Một ông đồ? Ông đồ thì làm được trò trống gì.

- Không những là ông đồ mà còn là một người đui...

- Chúa ơi! Đã là ông đồ mà lại đui mù thì có gì đáng sợ.

- Ngài đừng tưởng vậy. Tú Chiếu từng tham mưu cho Quận Định, chính ông đã bày cho Định kháng lệnh bãi binh của triều đình Huế đó. Mới đây ông còn bí mật liên lạc với Thủ Khoa Huân và Tri huyện Lân ở Mỹ Tho...

- Vậy kia à?

- Ngay cả vụ Tán Kế nổi loạn cũng có liên quan tới Tú Chiếu.

- Liên quan thế nào?

- Trong dịp tang lễ cụ Phan Thanh Giản, Tán Kế mượn cớ đến phúng điếu, đọc thơ mạt sát cụ Phan và công kích người Tây. Cử tọa có mặt tính trừng trị Kế thì Tú Chiếu đứng lên bình vực Kế và thuyết mọi người phải đứng lên chống lại nhà nước Lang-Sa... Việc Tán Kế nổi loạn cũng do sự kích động của Tú Chiếu hôm đó. Văn chương của Tú Chiếu ai đọc qua cũng sanh lòng làm nghịch. Tôi được ông đốc Ký sao dùm cho mỗi thứ một bốn, nếu cần tôi sẽ dịch ra chữ Lang-Sa để ngài coi.

- Vậy à? Nếu vậy làm sao mà thu phục được ông?

Thông Hiền cười:

- Tuy vậy Ổng cũng có cái gót A-sin⁴ bởi Ổng là nhà văn, mà nhà văn thì rất thích người ta khen ngợi trước tác của mình. Trước đây, cuốn truyện Lục Vân Tiên của ông đã được ngài Ô- ba-rê sứ thần Lang-Sa ở Vọng Các dịch ra tiếng Tây đăng ở tạp chí Nhật Ký Á Châu. Bây giờ, ngài tới thăm Ổng, biểu là ngài muốn đứng ra in lại Lục Vân Tiên, nhưng những bản cũ dựa theo lời truyền khẩu bị tam sao thất bản nhiều, nên ngài nhờ Ổng nhuận sắc lại bản chánh để ngài đưa về nước Phú Lang-Sa in. Là con nhà văn ai chẳng muốn cho tác phẩm của mình được in đúng đắn trọn vẹn. Nếu Ổng cảm động về việc ngài quan tâm đến tác phẩm của Ổng mà nhận lời, ta cứ đi lại thăm viếng Ổng luôn, lần lần sẽ thu phục được Ổng. Hơn nữa, thấy ta cứ đi lại nhà Ổng hoài, bọn làm nghịch cũng sanh nghi ngại, mà hổng dám đến với Ổng nữa, vậy là cô lập được Ổng. Đó là kế tát nước bắt cá vậy.

Pông-sông hoan hỉ xoa tay:

- Hay lắm. Vậy thầy đi tìm cho tôi bản dịch của ông Ô-ba-rê, ta kiểm soát mang đến tặng Ổng, rồi nhờ Ổng làm việc nhuận sắc, sẽ thuận lợi hơn...

Nghe thấy tiếng chuông đồng lạnh lót của tên xà ích, dân chúng đều dạt cả sang hai bên đường. Họ nhìn thấy cỗ xe xong mã của tên tham biện phóng thẳng về phía nhà ông Tú Chiêu. Hay nó lại tới bắt ông không chừng. Mọi người lo lắng bám nhau theo dõi chiếc xe rồi đứng bao vây ở phía ngoài ngôi nhà, để phòng ngừa nếu có bắt Ổng, bà con sẽ xông vào cứu gỡ.

Ông Tú đang mệt nên người nhà phải dẫn Pông-sông vào tận giường ông nằm. Lúc ông ngồi dậy, Pông-sông nhìn thấy một ông già cao lớn, đẹp đẽ, gương mặt trầm tĩnh xanh xao, đầy vẻ tao nhã.

Pông-sông bất giác cảm thấy kính nể, y vội ngả mũ chào:

- Chào cụ. Tôi xin tự giới thiệu, tôi là tham biện tỉnh Bến Tre mới về nhậm chức nên đến vấn an cụ.

Thông Hiền dịch lại lời Pông-sông, ông Tú cười:

- Tôi chỉ là một người dân thường, đâu phải quan chức gì mà dám phiền ông chủ tỉnh tới thăm viếng.

Pông-sông kêu lên:

- Ô, Lang-Sa là nước văn minh, rất tôn trọng các nước khác, nhất là lại có thói quen tôn trọng các nhà văn, có khi còn hơn cả các quan chức. Bằng chứng là tôi mang theo đến đây tặng cụ tờ tạp chí có đăng bản dịch Lục Vân Tiên ra tiếng Tây của ông Ô-ba-rê, in bên nước chúng tôi...

Pông-sông lấy tờ tạp chí trong cặp ra nâng hai tay cầm đặt vào tay Tú Chiếu. Ông thần nhiên đặt xuống giường:

- Cuốn truyện quê mùa của tôi đâu có đáng gì mà các ông quan tâm đến như vậy?

- Ô không, chúng tôi coi tác phẩm của cụ là một tấm gương, phản chiếu tâm hồn của người dân bốn xứ mà chúng tôi rất muốn tìm hiểu để kết tình thân thiện. Qua bản dịch tôi rất lấy làm hâm mộ văn chương của cụ, nhưng còn e rằng khi dịch ông Ô-ba-rê đã sử dụng một bản sao chép không đúng với nguyên tác và chưa thực hoàn chỉnh. Do đó, tôi đem đến một bản Lục Vân Tiên nôm in ở Chợ Lớn và sẽ nhờ người đọc lên cho cụ nghe, cụ sửa thế nào người ấy sẽ chép lại chúng tôi dịch ra tiếng Lang-Sa cho người bên bốn quốc được thưởng thức.

- Nói thiệt với ông tôi còn bị điếc nên không nghe được. Vừa rồi ông nói, tôi cũng chỉ nghe câu được câu chẳng, rồi đoán ý mà trả lời thôi. Thêm nữa sức khỏe và trí nhớ tôi đã giảm, khó lòng có thể làm công việc ấy được.

- Nhưng chắc cũng có đôi ba người quen gần cụ có thể nói cho cụ nghe hiểu chớ. Tôi thấy cụ nên để cho người đã quen với chính thống quan của cụ ngâm Lục Vân Tiên rồi cụ chỉ những câu thừa nên bỏ, câu trật nên sửa và câu bị bớt nên thêm vào.

- Xin hỏi thăm ông, ông Ô-ba-rê dịch sách của tôi có phải cũng là ông Ô-ba-rê đã sang gặp ông Phan Thanh Giản, bàn việc sửa chữa hòa ước Nhâm Tuất^{5*} không?

- Thưa cụ, chính ông đó.

- Tôi nhớ trong những điều khoản sửa đổi có việc người Lang-Sa cho triều đình Huế chuộc ba tỉnh miền Đông nhưng hiệp ước vừa ký xong thì nhà nước Lang-Sa lại trở mặt nuốt lời không công nhận bản hợp ước mới mà cứ giữ nguyên như hòa ước Nhâm Tuất. Như vậy sự sửa chữa nào có hại cho Lang-Sa thì Lang-Sa khước từ, còn sự sửa chữa nào có lợi

cho Lang-Sa thì Lang-Sa mới công nhận. Nếu bây giờ tôi sửa lại Lục Vân Tiên mà thêm vào những đoạn có hại cho Lang-Sa thì ông tính sao?

- Cụ tính sửa như thế nào?

- Tôi muốn thêm vào một đoạn vạch tội Lang-Sa hết dùng vũ lực lại dùng mẹo cướp đất đai của người khác...

Pông-sông đỏ bừng mặt, lúng túng:

- Chúng tôi chỉ sang bảo hộ chứ đâu có cướp đất?

- Nếu vậy đất cát do tôi đứng bộ ở Tân Khánh thì ai cướp?

Pông-sông chưng hửng, bẽ mặt:

- Vậy à? Tôi đâu có biết. Xin cụ tha lỗi, chắc chuyện đó là do kẻ dưới làm tàng. Tôi xin can thiệp với nhà chức trách ở Sài Gòn, trả lại đất cát cho cụ.

Tú Chiếu cười, cái cười chua chát và khinh bỉ:

- Nói vậy thôi chứ đất chung đã mất, đất riêng của tôi nào đáng kể gì. Tôi sợ dĩ nhắc chuyện đó là để cho rạch ròi về cái điều ông vừa nói là nước Lang-Sa rất tôn trọng các nước khác...

- Về vật chất thì chưa dám nói, nhưng về giá trị tinh thần thì tôi cam đoan với cụ là nước Lang-Sa rất tôn trọng... Đó cụ coi, đạo Khổng, đạo Lão, đạo Phật vẫn được duy trì ở xứ này, chúng tôi đâu có cấm đoán...

- Vậy à? - Tú Chiếu nhếch cười. - Tôi có chuyện này không biết ông có thuận cho được không?

- Chuyện gì vậy, thưa cụ?

- Nước tôi có tục lệ cứ đến rằm tháng bảy thì làm lễ xá tội vong nhân cho những oan hồn được mát mẻ nơi chín suối. Ngày trước cụ Nguyễn Du, nhà đại thi gia của chúng tôi đã soạn bài Văn tế thập loại chúng sinh. Sau mỗi trận đánh lớn, nước tôi đều có cuộc tế trận vong tướng sĩ. Hai chục năm qua binh đao xảy ra, nước tôi không có biết bao nhiêu người chết trận mà chưa ai làm lễ tế, ắt hẳn những vong hồn ấy sẽ lang thang vất vưởng không được siêu sinh tịnh độ. Vì vậy, tôi muốn được điều tế một tuần những vong hồn người Việt tử trận, không biết ông có chấp thuận cho không?

Pông-sông ngẫm nghĩ một hồi thấy chuyện này cũng không quan trọng gì cho lắm. Cứ chấp thuận để lấy lòng Tú Chiếu, biết đâu sau chuyện

này Tú Chiếu chẳng cảm kích lòng tốt của mình mà đổi ý. Y tỏ vẻ sốt sắng:

- Ổ chuyện đó không khó gì. Nhưng muốn cho cuộc tế được trọng thể, tôi sẽ đem cờ xí và lễ vật từ dinh tham biện xuống để dân chúng thấy người Lang-Sa rất tôn trọng phong tục của nước Nam. Ngày mai thì gấp quá, tôi hẹn với cụ sáng ngày mốt, lễ tế sẽ được cử hành tại đây. Cụ bằng lòng chứ?

- Ngài chấp thuận cho như vậy thiệt là quý!

- Thôi xin phép cụ tôi về, đúng hẹn tôi sẽ tới dự lễ.

Thấy Tú Chiếu toan đứng dậy, y xua tay:

- Thôi, cụ đang mệt không cần phải giữ lễ. Tôi không dám làm phiền cụ điều chi hơn là xin cụ đối đãi với tôi như một bậc lão thành thông thái tiếp một người bạn ngoại quốc rất hâm mộ cụ.

Pông-sông đi khỏi, Tú Chiếu kêu tất cả học trò lại:

- Vừa rồi thầy nói khích nên nó đành phải nhận lời cho cử hành cuộc diễu tế vong hồn mộ nghĩa. Nhưng nó lại đòi dự lễ. Nó hẹn đến sáng ngày mốt, âu là ngay sáng mai, ta tổ chức cuộc lễ ở chợ Ba Tri, để khi nó biết thì sự đã rồi. Giờ các con đi báo các nhóm nghĩa quân huy động dân chúng khắp vùng đến dự lễ cho thiệt đông, nhưng chớ để cho bọn Lang-Sa hay đặt.

Ghi chú

^{1*} *Biểu: ngoài, lý: trong, phủ tạng: các cơ quan nằm trong ngực trong bụng người ta, cao hoang: chỗ trên và dưới tim.*

^{2*} *Dẫn hỏa về nguồn khi người chân hỏa bị kiệt.*

^{3*} *Người sinh sau đáng nề.*

^{4*} *Chỗ yếu. Theo tích cổ Hy Lạp, Asin mới sinh ra được nữ thần Thê-ti-x nhúng xuống nước để tắm luyện cho thân thể rắn chắc không vật gì đâm thủng; nhưng còn sót lại một chỗ gót chân - nơi nữ thần đặt ngón tay -*

nước không thấm vào. Khi Asin đi đánh thành Tơoa. Parít nhằm vào chỗ gót chân ấy mà bắn, nên A-sin bị chết.

^{5*} Năm 1863.

XIV

Sáng hôm sau, trên các ngã đường đổ về chợ Ba Tri, người đông nườm nượp. Những trai tráng khỏe mạnh, những cô gái duyên dáng, những phụ nữ mộc mạc, lại có những ông già quắc thước, mặt vuông, râu ngắn, da đỏ như bánh mật, đầu quấn một vành khăn vải, bước đi nhanh nhẹn, thật xứng với cái tên “già Ba Tri”. Nhưng nếu nhìn kỹ, người ta còn thấy những người dáng lực lưỡng, bước đi hùng dũng như con nhà võ, dưới làn áo hơi nổi cộm lên như có giắt binh khí. Đó là những nghĩa quân dưới quyền chỉ huy của Quản Hớn ở Hốc Môn...

Khi tới nhà lồng chợ, mọi người đã thấy chính giữa bày một bàn thờ trên chỉ có một bình nhang lớn, ngoài ra không có một vật chi hết. Rồi ông Tú Chiếu tiến ra cầm một bó nhang thắp lên cắm vô bình. Một người học trò bưng một bát nước lã, một người khác cầm hai bao nhỏ đựng gạo và muối đặt lên rồi kính cẩn lui ra.

Trong đám dân chúng có tiếng xì xào:

- Bác Quản nè, cụ Tú trông đẹp thiệt, in tuồng tiên ông giáng hạ phàm trần...

Quản Hớn gật đầu:

- Coi bộ cụ còn mạnh lắm! Phải chi mà mắt cụ sáng thì phương phi quắc thước biết bao!

Một người khác nói lời:

- Hồi này cụ ồm da mét hơn hồi trước. Thương cụ quá!

Lại một người nữa tiếp:

- Cụ mà thọ thêm vài chục tuổi nữa thì dân được nhờ biết mấy! Bác Quản à, hay là ta rước cụ về Hốc Môn...

Quản Hớn nhìn quanh rồi vội suyt. Chung quanh người chen chặt vòng trong vòng ngoài, muốn xô những người đứng trong cùng, để được nhìn rõ ông Tú.

Tú Chiếu nghiêm trang tiến vào giữa chiếu trải trên mặt đất, chắp tay xá dài về bốn hướng cảm ơn bà con đến dự. Rồi ông quỳ lạy bốn lạy trước bàn thờ. Một người học trò hai tay nâng bản chúc văn trao cho ông

một cách tượng trưng. Ông nâng cao bản chúc văn rồi bắt đầu giọng đọc bài Văn tế Lục tỉnh nghĩa sĩ trận vong, mà ông mới soạn.

Giọng Tú Chiếu mỗi lúc một thiết tha, bi phẫn:

Khá thương thay: Dân sa nước lửa bấy chầy, giặc ép mỡ dầu không dút.

*Đành những kẻ cha thù anh oán, vô vòng báo ứng đã cam,
Cực cho người vợ yếu con cô, gây đoạn thảm sầu không dút.*

Mọi người đứng chung quanh không ai cầm được nước mắt. Mấy chục năm nay, nhà nào chẳng có người chết vì tay lũ giặc. Cuộc điều tế không phải chỉ riêng ông Tú cử hành, mà trở thành ngày giỗ lớn của chung bà con khắp chốn.

Học trò ông Tú lắng nghe những lời thầy đọc. Không hiểu sao những đoạn kể tội ác giặc phảng phất cái hơi Bình Ngô đại cáo mà thầy đã giảng. Cũng những lời như máu chảy, vừa xót xa vừa căm giận tột cùng. Nghe lời văn mà người ta thấy máu sôi trong huyết quản chỉ muốn xông ra chiến địa giết hết kẻ thù.

Giọng đọc văn bỗng chuyển sang một cung bậc khác vừa lâm ly vừa bi tráng:

*Trời Gia Định ngày chiều rạng sáng, cô hồn theo cơn bóng ác dật dờ,
Đất Biên Hòa đêm vắng trăng lờ, oan quỷ nhóm ngọn đèn thần hiu hắt,
An Hà quận đang khi bạch trú, cát bụi bay con trốt dậy bên thành.
Long Trường Giang mỗi lúc hoàng hôn, khói nước xông mù, lửa đốt
nháng binh ma chèo dưới vực.*

Những tàn nhang trên bàn thờ bị gió tạt bay lác đác như sao sa. Trong làn khói nhang huyền ảo, mọi người tưởng chừng thấy hình bóng Trương Định, Nguyễn Văn Lịch, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân... cùng bao nhiêu liệt sĩ bỏ mình vì nước đều trở về dự hội. Những người rơi đầu giữa tháp trường cũng về đây. Những người bỏ năm xương tàn khi bị lưu đày Đại hải cũng về đây... Và ai kia, có phải đó là Phan Ngọc Tông đã trở về thăm lại bà con làng xóm, với vết máu còn in trên mặt như một dấu hiệu vinh quang của người anh hùng nghĩa sĩ. Giọng Tú Chiếu càng thêm réo rắt:

Ngày gió thổi lao xao tinh dã mã, thoạt nhóm, thoạt tan, thoạt lui, thoạt tới, như tuồng rạng bóng tinh binh.

Đêm trăng lơ réo rất tiếng để quên, đường hờn, đường mếu, đường khóc, đường than, đòi đoạn tổ tình oan khuất.

Độc tới đó, Tú Chiếu kiệt sức té xỉu trên mặt đất. Những tiếng tấm tức, nước nở lúc này cố nén giờ bỗng oà lên thành tiếng khóc vang. Học trò vội xúm lại gọi thầy tỉnh. Tú Chiếu từ từ hé mắt cảm thấy bà con đứng chung quanh ông khóc, ông phác một nụ cười:

- Bà con cô bác cứ yên tâm, tôi chưa có làm sao đâu...

Từ sau cuộc tế ở chợ Ba Tri, bệnh Tú Chiếu ngày một nặng. Ông phải nằm liệt trong giường không bước nổi ra ngoài. Vốn là thầy thuốc, Tú Chiếu biết rất rõ căn bệnh mình. Ông mắc chứng đau bụng kéo dài từng cơn, mà trong người chân hỏa đã kiệt rồi, dầu có thuốc thang cũng khó lòng chữa nổi. Ông chết đi cũng chẳng tiếc tấm thân chỉ thương bà con làng xóm bệnh tật thiếu người chạy chữa. Đất nước chưa quét sạch quân thù, ông ra đi mà nỗi niềm còn canh cánh.

Bao nhiêu bạn bè, đồng chí của ông từ Đỗ Trình Thoại, Trương Định, Nguyễn Văn Lịch, Võ Duy Dương, Phan Ngọc Tòng, Âu Dương Lân cho đến Nguyễn Hữu Huân đều lần lượt ngậm hờn mà thác, chỉ còn mình ông sống sót cho tới hôm nay. Gần bảy chục năm của đời ông là gần bảy chục năm đầy bão táp. Khi ông thi đỗ Tú tài cũng là năm giặc bắt đầu bắn phá cửa Đà Nẵng, khi đó ông mới hai mươi hai tuổi. Rồi suốt từ đó đến nay, ông lần lượt nhìn thấy bao lần ta mất đất, bao lần các nghĩa sĩ rơi đầu... không sao đếm xuể. Nợ máu đối với kẻ thù cứ ngày một chồng chất mà vẫn chưa trả cho rồi. Cũng từ đó, đôi mắt ông bị chìm vào bóng tối dày đặc giữa cái lúc con đường gấm hoa tưởng chừng mở ra trước mặt. Thiệt là trở trêu! Đã đui mù còn phải bao phen chạy giặc, cảnh ngộ hết sức long đong. Làm văn, làm thuốc mà thiếu cặp mắt cũng bao khó khăn, phiền phức. Nhưng ông đã ráng vượt qua ngàn vạn gieo neo. Bù vào cặp mắt bị đui, ông vẫn giữ được tấm lòng trong sáng, đó chính là cặp mắt tinh tường của tâm trí để nhìn thấu suốt tình đời, tình người, phân biệt rõ ràng trắng, đen, thiện, ác.

Gần năm chục năm qua, với những áng thơ văn yêu nước ông soạn, ông trở thành linh hồn của phong trào chống giặc. Ông chết đi nhưng thơ văn của ông vẫn sống như vậy đủ mãn nguyện rồi. Mỗi khi nghe thấy nói thơ Văn Tiên, ông lại cảm động đến rơi nước mắt. Lục Văn Tiên đâu phải của riêng ông mà đã thành tài sản chung của mọi người. Người nào

kiên cường chống giặc đó là một Vân Tiên, người nào chung thủy cùng chồng thì đó là một Nguyệt Nga... Vân Tiên, Nguyệt Nga đã tan biến vào hàng triệu con người vô danh khắp nơi.

Vậy mà bọn Lang-Sa ngu xuẩn lại tưởng ông hám cái vinh dự hào huyền mà chúng gán cho ông. Hết hứa trả đất lại hứa cấp tiền dưỡng lão. Chúng định đem những món tiền vợ vét từ hầu bao của dân nghèo để mua chuộc ông. Nhưng ông đâu phải là món hàng cho chúng mặc cả. Điều ông sung sướng nhất là thấy thơ văn mình có thể nung sôi bầu máu nóng của mọi người, quyết đuổi hết giặc để đòi lại đất nước, đòi một khoảng trời tự do trong sạch cho những câu thơ kia cất lên hồn nhiên như câu ca dao bao đời còn văng vẳng trên ruộng đồng, sông nước...

Tưởng tượng ra vẻ tiu nghỉu như con mèo bị cắt tai của tên Pông-sông, khi mang cờ xí lễ vật tới nơi thì cuộc lễ đã xong từ hồi nào, Tú Chiếu khẽ cười. Đáng kiếp cho tên quan cai trị nông nghênh tự mãn! Về phần ông, công việc vậy là xong, ông có thể yên tâm đã làm một điều hữu ích cho dân cho nước.

Bỗng ông cảm thấy bồn chồn. Mấy năm nay dường như phong trào hơi lắng xuống, chưa có cuộc khởi nghĩa nào thiệt lớn và kéo dài nhiều ngày. Hay là... lòng người đã nguội lạnh rồi? Ông thấy lo lắng hơn cả khi thấy chân mình đã bắt đầu lạnh toát. Nếu như còn chút sinh khí nào, ông quyết phải thổi cho ngọn lửa yêu nước chống giặc lại bùng lên...

Bỗng hai người học trò từ ngoài chạy vào. Một người nói hấp tấp:

- Thưa thầy, có tin mới.

Tú Chiếu khẽ ngước đầu lên:

- Tin gì vậy, các con?

- Thưa thầy, chúng con mới được tin, ở Hốc Môn, Quận cơ Phan Văn Hớn nổi lên khởi nghĩa giết vợ chồng Đốc phủ Trần Tử Ca giữa đêm hăm chín Tết, bêu đầu nó lên cột đèn thế cây nêu đón xuân. Ở Gò Công nguyên soái Hiên cùng nghĩa binh đánh đồn Long Hựu, giết chết một tên chỉ huy Lang-Sa. Hiện giờ kế hoạch của nhóm khởi nghĩa tập trung đánh vô Sài Gòn. Người cầm đầu nghĩa quân là Nguyễn Văn Bường đã vào sâu lòng địch để dò xét tin tức. Điều hay nhất là trong các cánh nghĩa quân ấy có rất nhiều người đã dự cuộc tế nghĩa sĩ trận vong của thầy bữa trước...

Khuôn mặt hốc hác của Tú Chiếu như bỗng tươi lên và trong đôi mắt đục lờ dường lấp lánh những tia sáng. Có thể chứ. Than hồng bao ngày âm ỉ dưới tro giờ đã bùng lên thành ngọn lửa. Tú Chiếu vui mừng thấy mình đã góp vào ngọn gió thổi cho nó mau bén. Ông lẩm bẩm:

- Vậy ra mấy câu thơ mà người ta thác danh là Thủ khoa Huân, hóa ra đúng. Thù tri đông khứ tất xuân hồi. Ai biết đông qua ắt xuân sẽ tới!

Sau khi Thủ khoa Huân bị giặc xử tử bên cầu Cai Lộc làng Tịnh Hà, ở Mỹ Tho và Bến Tre thường xuất hiện nhiều đàn cơ “cầu tiên Nguyễn Hữu Huân giáng bút” để dự đoán thế thái nhân tình. Tuy bề ngoài có tính chất mê tín nhưng chẳng qua chỉ là để che đậy dụng ý của các nhà yêu nước thác danh vị Thủ khoa để kêu gọi lòng căm thù giặc và dắt dẫn người ta vào con đường bền chí quyết tâm chống giặc.

Mãi nghĩ nhiều đến Thủ Khoa Huân, đêm đó vừa chợp mắt, Tú Chiếu bỗng nằm mộng thấy một cảnh lạ. Ông thấy mình đang đi trên một con đường tối tăm sâu hun hút, gió buốt thấu xương. Bỗng ông kinh ngạc nhận thấy mắt mình đã sáng ra vì ông nhìn rõ thấy phía trước có một người đi tới. Đó là một người đàn ông mặc đồ trắng đầu trùm một mảnh vải đỏ, nhìn kỹ Tú Chiếu nhận ra là Thủ Khoa Huân. Có một giọng nói mơ hồ cất lên hình như từ một nơi xa xôi nào:

- Có phải bác Tú Chiếu đấy không? Tôi là Nguyễn Hữu Huân đây. Tôi tuy nửa đường sa cơ bị giặc giết hại, nhưng lòng vẫn còn đau đáu vì tiền đồ của đất nước. Tôi biết rằng mệnh nước ta còn dài, con cháu ta thế nào cũng có ngày mở mặt. Bác cứ bền dạ vững lòng đứng ra dìu dắt lớp sau đi tiếp con đường mà chúng ta đã đi từ trước...

Rồi Thủ Khoa Huân quay mình từ từ đi trước, một tay cầm bó đuốc giơ cao cho Tú Chiếu đi. Hai người cùng bước lần từng bước lên một ngọn núi. Mỗi bước lại thấy lối đi càng thêm quang đãng. Mãi bước, Tú Chiếu không để ý đến lúc ngẩng lên nhìn thì không thấy Thủ Khoa Huân đâu nữa mà mình đã đứng ở trên đỉnh núi cao. Ông kêu lên mấy tiếng không thấy Thủ Khoa Huân thưa. Ông toát mồ hôi tỉnh dậy thì té ra là một giấc chiêm bao.

Nhớ lại cơn mộng vừa rồi ông tự nhủ: Đó là do mình vẫn luôn luôn tâm niệm rằng nước mình không thể nào đắm chìm mãi được, thế nào cũng có phen quật khởi quét sạch quân thù.

Cũng chính vì niềm tin ấy mà ông đã có đủ sức chống đỡ cơn bệnh. Bệnh ông cứ kéo dài hết ngày này sang ngày khác, có lúc đã tưởng nguy nhưng rồi sau lại giảm bớt. Tuy không dứt được bệnh nhưng cũng chưa tới nỗi tàn lực. Phải chăng ông đã lấy hết sức cầm cự với cái chết để cố sống, chờ đợi đến một ngày sáng sửa hơn.

Gần đây, Tú Chiếu lại nhận được thêm nhiều tin tức mới từ khắp nơi đưa đến. Khi giặc Lang-Sa mang quân ra đánh Hà Nội lần thứ hai, tên quan ba Ri-vi-e đã bị nghĩa quân giết chết ở Cầu Giấy cùng chung số phận với tên quan ba Gác-nhe mười năm trước. Trong triều đình Huế thì cánh chủ chiến trong đó có Tôn Thất Thuyết, Trần Xuân Soạn, ngày càng mạnh thế, những vị này đang ngày đêm sửa soạn việc giao chiến với giặc. Nhiều vị quan khác như Ông Ích Khiêm, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiện... cũng là những người hăng hái lo mưu chống giặc, Tú Chiếu thầm nghĩ: Dầu mình qua đời cũng còn biết bao nhiêu người có tâm huyết đứng lên cứu vớt non sông.

*

Bệnh Tú Chiếu cũ này lại chuyển thành nặng. Bà Tú, các con và học trò luôn túc trực bên giường bệnh để săn sóc ông. Cô Xuyến đang ẩn nấu một nơi chờ thời cơ chống giặc, tuy không về được cũng nhắn người chuyển lời thăm hỏi.

Đêm vào sâu, gió từ phía biển thổi vào càng thêm rong ngọn. Gió mang theo làn hơi ẩm ướt của biển cả vào đây. Tú Chiếu tưởng chừng có tiếng sóng biển kêu quanh giường ông nằm. Thì nơi này hàng vạn năm trước cũng chỉ là biển, nơi trú ngụ của các loài thủy tộc mà thôi. Nhờ sông Cửu Long mang phù sa về bồi đắp cho nên mới tạo nên hai cù lao Bảo và Minh thành một vùng phì nhiêu, cây trái sum xuê. Sự sống quả là vô cùng mãnh liệt. Bất chấp sự đe dọa và phá phách của bọn Lang-Sa, bà con ở đây vẫn tiếp tục trồng dâu trên những khoảnh ruộng vườn trước đây bị giặc dày xéo, triệt hạ. Dâu trời lối ba bốn tháng, cây lên cao gần ba thước ta đã có thể hái lá... Giọng Tú Chiếu bỗng cảm khái:

- Các con có nghe lời đồng dao mà bà con thường hát không:

*Khoan khoan bố chị hái dâu,
Chị đừng ngắt ngọn để dâu đâm chồi.
Thôi thôi tôi lỡ ngắt rồi,
Còn da lên mọt, còn chồi lên cây.*

Cảnh nước mình nay cũng giống như vậy. Ông Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân tử như những thân cây bị giặc đốn rồi nhưng từ gốc vẫn còn chồi non đâm lên và ngày càng nảy nở. Ông Trương Định mất thì cậu Hai Quyền lại đứng lên, cậu Hai Quyền phải tạm lui binh khi bị con chó săn Trần Tử Ca theo lệnh quan thầy lòng sục thì tới nay ông Quản Hớn lại nổi dậy trừ diệt tên Ca để trả thù cho nghĩa quân và trăm họ. Chỉ tiếc rằng thầy không được nhìn thấy cái cảnh ngày toàn thắng...

Người trưởng tràng vội thưa:

- Xin thầy đừng nói gở như vậy... Con chắc bệnh thầy mai mốt sẽ thuyên giảm.

- Thầy biết bệnh thầy lắm. Chứng thương hàn đau bụng mà uống một thang quế chi, thực được gia địa hoàng không chuyển, lại uống thêm một thang thừa khí cũng không công hiệu. Như vậy là đã biến thành âm ế rồi, dầu có bổ hỏa cũng không ích gì nữa...

Mọi người đều nín lặng. Ông Tú là bậc danh y đã chữa khỏi bao nhiêu người, nay ông phải bó tay trước bệnh của mình như vậy không còn cách nào cứu vãn. Tú Chiếu lại nói:

- Suốt đời thầy chỉ mong mỗi một điều: “*Bao giờ trời đất an ngôi cũ, mừng thấy non sông bắt gió Tây*” mà chưa thực hiện được. Nhưng dầu sao lúc này ra đi thầy cũng tạm yên lòng...

Bà Tú từ ngoài vào, òa khóc. Ông dịu dàng cầm lấy tay bà:

- Thôi bà đừng khóc nữa. Bà thương tôi không quản tôi đui mù, sống với nhau mấy chục năm trời, bà âm thầm chịu cực, một vai gánh vác giang sơn nhà chồng, nuôi các con khôn lớn, đỡ tôi việc nhà để tôi góp phần lo việc nước. Tấm lòng bà chung thủy không khác Nguyệt Nga xưa, mà tôi không làm được như Vân Tiên, đuổi giặc ra khỏi bờ cõi, thiệt có lỗi với bà. Bà có nhớ hồi mới gặp nhau tôi đang đặt thơ Vân Tiên đã mượn mấy câu trong đó để gửi gắm ý tình: “*Hữu tình càng tưởng càng thâm, muồn pha khó lợt muồn dầm khôn phai*”.

Bà Tú cứ nước mắt khóc ròng. Ông Tú lại tiếp:

- Sau khi tôi đi rồi, bà ráng thay tôi dạy bảo các con. Con trai không cho làm việc với Tây, con gái không lấy chồng người theo giặc. Nếu chúng

làm được điều chi lợi dân ích nước thì nên khuyến khích chúng. Con Khuê nó có khiếu làm thơ, chắc sau cũng có phen mở mặt với đời...

Gió biển từ phía bãi Ngao thổi vô mỗi lúc một mạnh, khiến ngọn đèn cây lả lay chỉ chực tắt. Con cái và học trò quây quần chung quanh ông đều có cảm giác sự sống ông leo lắt như ngọn đèn, thỉnh thoảng lại bùng sáng lên một lúc. Nhìn các con, ông thiết tha căn dặn:

- Các con phải nhớ đói cho sạch rách cho thơm, đừng làm điều chi có hại cho gia thanh nhà ta.

Rồi quay sang các học trò, ông tiếp:

- Sau khi thầy qua đời các anh không cần để tang thầy mà hãy để tang cho nước. Minh tinh đối trướng hãy thay bằng cờ nghĩa, xe đòn chấp phát hãy thay bằng gươm sắt súng đồng, giết hết giặc để thầy được ngậm cười nơi chín suối. Bao giờ thu phục xong đất nước, các con hãy cúng thầy và khấn cho thầy hay tin để thầy chia vui với bà con. Thầy còn nhớ bác Quản Lịch từng nói: “Bao giờ Tháp Mười hết cỏ thì nước Nam mới hết người chống Tây”. Có những con người dũng cảm kiên cường, kết lại như lũy sắt thành đồng, thì đất nước này sớm muộn sẽ giành lại được...

Đêm hôm sau, Nhiêu Bốn tới nhà Tú Chiếu giữa lúc ông vừa mới thiếp đi. Đợi ông lần lần tỉnh lại, Nhiêu Bốn báo cho ông biết một tin vui:

- Tôi vừa ở ngoài Huế vô, tới thăm thầy liền để báo cho thầy hay: Bài văn tế của thầy truyền ra tới ngoài, được những người yêu nước chép cho làm nhiều bản, gửi đi khắp các tỉnh. Không chỉ các nghĩa sĩ nghĩa dân tán thưởng bài văn tế mà cả các vị trong hoàng phái như Đức ông Tùng Thiện Vương, cũng hết sức khen ngợi. Người có làm thơ cảm đề bài văn gửi tôi mang vào tặng thầy đây.

Nhiêu Bốn lấy ở trong bọc ra một viên sáp lớn, bửa viên sáp ra, ở trong có tờ giấy bản được gấp nhỏ lại, giở ra vuốt thẳng đọc. Tú Chiếu ráng hết sức ngồi dậy, trân trọng lắng nghe bài thơ. Nghe xong ông cảm động nói:

- Trong thơ, Đức ông Tùng Thiện quá thương, đem sánh tôi với Tả Khâu Minh và Khuất Nguyên⁴ khiến tôi vô cùng hổ thẹn. Tôi học thiển tài sơ đâu dám ví với các bậc đại gia đó. Nhưng đến hai câu: *Chí cánh thư*

sinh không bút trậ. Báo quân chỉ thử, diệc bi tai^{2*} thì quả là đã thấu đến gan ruột tôi!

Nhiều Bốn nói:

- Tùng Thiện Vương là bậc thi bá đời nay đến nỗi nhà vua còn phải khen: *Thi đáoTùng Tuy thất Thịnh Đường^{3*}*. Đức ông mà đã khen văn chương thầy là sự không vừa. Từ trước đến nay người mới chỉ chịu khen thơ của ông Cao Bá Quát mà thôi.

Tú Chiếu khiêm tốn:

- Tôi nghĩ, Tùng Thiện Vương khen thơ ông Chu Thần trước hết là khen chí khí ông bộc lộ trong thơ chứ đâu phải chỉ khen văn chương Thánh Quát mà thôi. Còn tôi tự biết văn chương mình nhiều đoạn còn vụng về, nếu Đức ông có khen thì chắc là đã xét đến tấm lòng của tôi đối với đất nước. Khi soạn Lục Vân Tiên tôi còn mong mỗi: “*Hỡi ơi, lưu thủy cao sơn. Ngày nào nghe đặng tiếng đờn tri âm*”, thì nay tôi đã được cái vinh hạnh không ngờ là sự tri âm của một thi bá. Bên cạnh Đức ông Tùng Thiện, tôi chắc rằng cũng còn nhiều kẻ tri âm là những người chung lòng giết giặc. Giờ đây tôi đã có biết bao bạn tri âm ở khắp đất nước, như vậy có chết cũng vui lòng nhắm mắt. - Ông hơi mỉm cười - Kể ra tôi “nhắm mắt” từ lâu rồi, từ cái ngày mới bắt đầu bị đui mù kia, nhưng tôi gắng gượng mà sống vì tin rằng dầu tàn nhưng không chịu phế, tôi vẫn có thể làm được chút gì cho dân cho nước. Lời Tùng Thiện Vương quý ở chỗ không chỉ khen riêng tôi mà còn biểu dương những người cầm sào làm cờ, chặt gỗ làm gươm, những người đóng lên khúc nhạc “tiếng sắt tiếng vàng chen nhau” để giết giặc ngoài chiến trường. Tôi sung sướng được là tri âm khúc nhạc hùng tráng diệu kỳ do tay những tri âm của đất nước cùng hòa điệu...

Ông mệt quá phải nghỉ một lát lấy hơi. Rồi ông tiếp:

- Chỉ có những thằng như thằng Tường mới tai ngơ mặt lấp trước khúc nhạc đầy chính khí đó mà trơ tráo ca ngợi “*hăm hở nhạc Tây hơi trời mạnh*”. Kẻ tri âm của tiếng kèn “la vầy”, “mủ dích” như chúng mới chính là những kẻ tai điếc, mắt đui. Chúng không biết rằng sớm muộn khúc nhạc của quê hương sẽ trời mạnh đè bẹp khúc nhạc lối lãng mạn rợ của bọn cướp nước. Ở dưới mồ chắc là tôi cũng sẽ được nghe khúc khai hoàn của ngày toàn thắng...

Đôi mắt đục lờ của ông như sáng lên hướng về một nơi nào đó rất xa... Đường như phía đó có tiếng đuốc lá dừa cháy bập bùng, tiếng cò bay phần phật, tiếng reo hò tổ mở của Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Phan Ngọc Tòng... những Lục Vân Tiên lấy lòng lịch sử, của những người dân ấp, dân lân, những ông Tiều, ông Ngư, ông Quán, lớp lớp anh hùng bình thường, không tên cầm mác thông, giáo gổ nườm nượp xông lên, bước chân không đạp bằng đồn giặc... cho cái ngày “*bốn phương đều ngời chữ thắng bình*”^{4*}.

Nhiều Bốn cúi đầu ngẫm nghĩ về những câu nói đầy ý vị sâu xa của nhà thơ mù yêu nước. Phải chăng ông cũng ví như cây dừa suốt đời đứng thẳng mang tâm ngọt cho dân lành, trước lúc từ già còn thâu góp những tàu lá cuối cùng làm bó đuốc gởi tắt lòng hải đảo cho lớp người sau...

Hết.

Ghi chú

^{1*} *Tả Khâu Minh bị mù vì ết Tả truyện, Khuất Nguyên thi hào nước Sở đời Chiến quốc từng làm văn điếu trận vong tướng sĩ.*

^{2*} *Thư sinh giết giặc bằng ngòi bút. Báo nước ngấn này cũng đáng thương.*

^{3*} *Thơ của Tùng Thiện Vương. Tuy Lý Vương hay đến nỗi đời Thịnh Đường coi như không có (tục truyền là lời Tự Đức)*

^{4*} *Trích bài “Hịch bắt chuột” của Nguyễn Đình Chiểu.*

Table of Contents

I
II
III
IV
V
VI
VII
VIII
IX
X
XI
XII
XIII
XIV